

ĐI TÌM ALASKA

LOOKING FOR ALASKA

TÁC PHẨM ĐẦU TAY SÔI NỔI TỪ
NHÀ VĂN ĐÃ ĐOẠT GIẢI CỦA
KHI LỖI THUỘC VỀ NHỮNG VÌ SAO

JOHN GREEN

BẢO ANH DỊCH



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

ĐI TÌM ALASKA



JOHN GREEN

BẢO ANH DỊCH

NHÀ XUẤT BẢN TRÉ

HỘI NHỮNG NGƯỜI THÍCH ĐỌC SÁCH BẰNG KINDLE

* - * - *

Truyện và scan

Minh Minh

Thành viên soát lỗi

Minh Minh, Sơn Anh, Đình Trí, Nguyen Thanh Ha, Nguyen Thi Minh Yen, Phạm Vũ Hòa

Soát lần 2 và ebook

Nguyễn Ngọc Thủy

17.6.2019

Gửi đến gia đình tôi:
Sydney Green, Mike Green, và Hank Green
“Tôi đã cố gắng làm thật tốt.”
(lời trăng trối của Tổng thống Grover Cleveland)

Lời cảm ơn

BẰNG CỜ CHỮ NHỎ không thể hiện được hết cỡ nợ mình mang, tôi cần bày tỏ một vài điều sau:

Đầu tiên, cuốn sách này sẽ không đời nào được xuất bản nếu không nhờ lòng tốt vô biên của người bạn, biên tập viên, gần-như quản lý, và cố vấn của tôi, Ilene Cooper. Ilene giống như một bà tiên đỡ đầu vậy, duy chỉ là chị ấy có thật, và ăn mặc phong cách hơn.

Thứ hai, tôi thật may mắn khi có Julie Strauss-Gabel là biên tập viên ở Dutton, thậm chí còn may mắn hơn khi trở thành bạn của cô ấy. Julie là biên tập viên trong mơ của mọi tác giả: chu đáo, nhiệt tình, và giỏi giang không tưởng. Đoạn văn này đây, vốn là lời cảm ơn gửi đến cô ấy, là phần duy nhất cô ấy không thể biên tập trong cả cuốn sách, và tôi nghĩ cả hai đều đồng ý rằng kết quả cũng không tệ lắm.

Thứ ba, cảm ơn Donna Brooks đã tin vào cuốn sách này ngay từ đầu và góp phần traу chuốt nó. Tôi cũng mắc nợ Margaret Woollatt ở Dutton, cô có quá nhiều phụ âm trong tên nhưng lại là một thiên tài xuất chúng. Đồng thời cũng cảm ơn Sarah Shumway thiên tài, lối đọc bản thảo cẩn thận và những góp ý sắc sảo của cô là ơn lành của tôi.

Thứ tư, tôi rất biết ơn quản lí của mình, Rosemary Sandberg, cô ấy luôn đấu tranh không ngừng nghỉ cho những tác giả của mình. Chưa kể, cô ấy là người Anh. Cô nói “Hoan hô” thay vì “Chốc nữa.” Có tuyệt không kia chứ?

Thứ năm, những bình luận của hai người bạn tốt nhất thế giới của tôi, Dean Simakis và Will Hickman, là yếu tố quan trọng với cách viết và chỉnh sửa câu chuyện này, và rồi, ừm, bạn biết đấy, yêu họ.

Thứ sáu, tôi vô cùng biết ơn, còn nhiều người khác, Shannon James (bạn cùng phòng), Katie Else (tôi hứa mà), Hassan Arawas (bạn), Braxton Goodrich (anh họ), Mike Goodrich (luật sư, và cũng là anh họ), Danel Biss

(toán học gia chuyên nghiệp), Giordana Segneri (bạn), Jenny Lawton (chuyện dài lắm), Dayid Rojas và Molly Hammonnd (bạn), Bill Ott (hình mẫu lý tưởng), Amy Krouse Rosenthal (đã khiến tôi thích nghe radio), Stephanie Zvirin (cho tôi công việc thực thụ đầu tiên), P. F. Kluge (giáo viên), Diane Martin (giáo viên), Perry Lentz (giáo viên), Don Rogan (giáo viên), Paul MacAdam (giáo viên—tôi là fan cuồng của các giáo viên), Ben Segedin (là sếp và là bạn), cùng Sarah Urist đáng yêu.

Thứ bảy, tôi đã học cấp ba với những người tuyệt vời. Tôi muốn đặc biệt cảm ơn anh chàng bất khuất Todd Cartee cũng như Olga Charny, Sean Titone, Emmett Cloud, Daniel Alarcon, Jennifer Jenkins, Chip Dunkin, và MLS.

trước đó

một trăm ba mươi sáu ngày trước

MỘT TUẦN TRƯỚC KHI tôi rời gia đình ở Florida và phần còn lại của cuộc đời nhàm chán của mình để đi học nội trú tại Alabama, mẹ tôi cứ khăng khăng phải tổ chức tiệc chia tay cho tôi. Để bảo tôi không có kì vọng gì nhiều thì rõ là tôi đã quá xem thường sự kiện trọng đại này. Dù ít nhiều tôi cũng bị bắt mời thêm mấy “bạn trên trường”, ví dụ, đám nhà nghèo khoái làm lỗ và lũ một sách người Anh tôi buộc phải ngồi cạnh để có hội có bầu trong căn-tin to bự ở trường công, tôi biết chúng sẽ không đến. Dầu vậy, mẹ tôi vẫn rất kiên quyết, bà đắm chìm trong mộng tưởng rằng tôi đã giấu bà sự nổi tiếng của mình bấy lâu. Bà nấu một núi nhỏ sốt a-ti-sô. Bà trang trí phòng khách bằng tua rua màu xanh lá và vàng, vốn là màu ngôi trường mới của tôi. Bà mua hai tá sâm-panh đựng kim tuyến và đặt chúng quanh mép bàn cà phê.

Và rồi khi thứ sáu cuối cùng ấy tới, lúc tôi đã dọn đồ gần xong, mẹ ngồi cùng cha và tôi trên sofa trong phòng khách lúc 4:56 chiều, kiên nhẫn chờ đợi sự xuất hiện của Phái Đoàn Giã Biệt Miles. Phái Đoàn ấy bao gồm đúng hai người: Marie Lawson, một cô tóc vàng nhỏ con đeo cặp kính hình chữ nhật, và gã bạn trai lùn mập (nói một cách tế nhị) của cô, Will.

"Chào, Miles," Marie nói trong lúc ngồi xuống.

"Chào," tôi đáp lại.

"Mùa hè thế nào?" Will hỏi.

"Ồn. Còn anh?"

"Tốt. Tụi này đã mở buổi *Chúa Giê-su Siêu Sao*. Anh giúp phần lắp đặt. Marie phụ trách ánh sáng," Will trả lời.

"Nghe hay phết." Tôi gật gù ra chiều hiểu biết, và chủ đề nói chuyện của chúng tôi đến đây là gần hết. Tôi có thể hỏi một câu về *chúa Giê-su Siêu Sao*, ngoại trừ 1. Tôi không biết nó là gì, và 2. Tôi không có hứng tìm hiểu, và 3. Tôi chưa bao giờ giỏi buôn chuyện. Mẹ tôi, tuy thế, lại có thể buôn hàng giờ liền, nên bà kéo dài sự lúng túng bằng cách hỏi họ về lịch tập ban nhạc, và buổi diễn thế nào, và nó thành công hay không.

“Cháu đoán là có,” Marie nói. “Nhiều người đến lắm, cháu đoán vậy.” Marie thuộc típ người rất hay đoán mò.

Cuối cùng, Will bảo, “Chà, chúng cháu chỉ ghé qua để chào tạm biệt thôi. Cháu phải đưa Marie về trước sáu giờ. Học nội trú vui nhé, Miles.”

“Cảm ơn,” tôi trả lời, cảm thấy nhẹ nhõm. Thứ duy nhất tệ hơn một buổi tiệc không ai thèm đến là một buổi tiệc gồm hai người cực kì không có hứng thú tới tham gia.

Họ rời đi, và tôi ngồi với cha mẹ rồi nhìn chăm chăm vào màn hình TV đen ngòm, tôi muốn bật nó lên nhưng tôi biết mình không nên làm thế. Tôi có thể nhận thấy cả cha và mẹ đều đang nhìn tôi, chờ tôi òa khóc hay gì đó, như thể trước giờ tôi không biết mọi chuyện sẽ thế này. Nhưng tôi đã biết. Tôi cảm giác được sự thương cảm của họ trong lúc hai người nhúng món snack khoai tây vào sốt a-ti-sô định dành cho những người bạn tưởng tượng của tôi, nhưng họ cần được thương cảm hơn tôi: Tôi không hề thất vọng. Kì vọng của tôi đã đúng.

“Đây có phải là lí do con muốn đi không, Miles?” mẹ hỏi.

Tôi suy nghĩ một lúc, cẩn thận không nhìn thẳng vào bà. “Ừm, không,” tôi đáp.

“Thế thì tại sao?” mẹ hỏi. Đây không phải lần đầu tiên bà hỏi câu này. Mẹ không thích để tôi học trường nội trú cho lắm và bà chẳng giấu giếm gì chuyện đó.

“Tại cha sao?” cha tôi hỏi. Ông đã từng học ở Culver Creek, vốn là trường nội trú mà tôi sắp học, cũng như hai em trai của ông cùng con cái của họ. Tôi nghĩ cha thích thấy tôi theo bước ông. Các chú đã kể tôi nghe về việc cha nổi tiếng thế nào trong trường vì ông vừa quậy tung trời vừa đạt điểm tối đa trong tất cả các môn. Nghe như một cuộc đời tốt hơn của tôi ở Florida. Nhưng không, không phải tại cha. Không hẳn.

“Chờ chút,” tôi nói. Tôi vào phòng làm việc của cha và tìm cuốn tiểu sử François Rabelais của ông. Tôi thích đọc tiểu sử về các tác giả, dù (như trường hợp của Monsieur Rabelais) tôi chưa bao giờ đọc tác phẩm nào của

họ. Tôi lật tới cuối và tìm dòng trích dẫn được tô đậm (“ĐỪNG BAO GIỜ DÙNG BÚT DA TÔ VÀO SÁCH CỦA CHA,” cha đã bảo tôi chừng một nghìn lần. Nhưng bạn còn cách nào để nhìn ra thứ mình đang tìm chứ?)

“Cái ông này,” tôi nói, đứng ở cửa phòng khách. ‘François Rabelais. Ông là một nhà thơ. Và lời trăng trối cuối cùng của ông là ‘Ta đi để tìm Cơ Hội Lớn.’ Cho nên con sẽ đi. Như thế con sẽ không phải chờ tới lúc xuống mồ mới bắt đầu tìm kiếm Cơ Hội Lớn.’”

Và điều ấy khiến họ im lặng. Tôi đang theo đuổi Cơ Hội Lớn, và họ cũng biết tôi sẽ không tìm thấy nó với những người như Will và Marie. Tôi ngồi xuống lại sofa, giữa cha và mẹ, và cha vòng tay ôm tôi, và chúng tôi ở yên như thế, lặng lẽ ngồi cùng nhau trên sofa một lúc lâu đến khi có thể bật TV lên, và chúng tôi dùng xốt a-ti-sô cho bữa tối và xem Kênh Lịch Sử, và với một buổi tiệc chia tay mà nói, mọi thứ biết đâu đã có thể tệ hơn.

một trăm hai mươi tám ngày trước

FLORIDA RẤT NÓNG, dĩ nhiên, và ẩm thấp nữa. Đủ nóng để quần áo dính chặt vào người bạn như băng dính hiệu Scotch, và mồ hôi như thác đổ chảy rờn rờn từ trán xuống mắt. Nhưng chỉ có ngoài trời là nóng, và tôi thường chỉ ra ngoài để đi từ phòng máy lạnh này đến phòng máy lạnh khác.

Điều này chẳng hề giúp ích cho tôi trước cái nóng lạ đời bạn có thể gặp ở mười lăm dặm về phía nam Birmingham, Alabama, tại Trường Dự Bị Culver Creek. Chiếc SUV của cha mẹ đậu ngay bãi cỏ cách phòng nội trú của tôi chỉ chừng mấy mét, Phòng 43. Nhưng mỗi lần đi tôi lui vài bước từ xe để tháo dỡ đồng hồ mà giờ tôi cho là quá nhiều ấy, ánh mặt trời gay gắt lại chiếu xuyên qua quần áo và đốt cháy da tôi với sức nóng tàn bạo khiến tôi thật lòng đâm sợ hoả ngục.

Cha mẹ và tôi chỉ mất vài phút để chuyển đồ khỏi xe, nhưng phòng nội trú không-điều-hoà của tôi chỉ mát hơn được tí xíu, dù may mắn không hứng nắng. Căn phòng làm tôi khá ngạc nhiên: Tôi đã tưởng tượng đến thăm

nhưng, tường ốp gỗ, nội thất kiểu Victoria. Nhưng ngoại trừ một đặc quyền xa xỉ là phòng tắm riêng, còn lại tôi chỉ có một cái phòng mắt muỗi. Với tường bê-tông xỉ than được quét lớp sơn trắng dày và sàn nhà bằng vải lót màu ca-rô xanh trắng, chỗ này nhìn giống bệnh viện hơn là căn phòng nội trú tôi hằng mơ. Một chiếc giường tầng bằng gỗ thô cùng đệm nhựa vinyl bị đẩy sát vào cửa sổ cuối phòng. Bàn học, tủ quần áo và giá sách đều được đóng chặt vào tường để ngăn chặn mọi thể loại bài trí sáng tạo. *Và không có điều hòa.*

Tôi ngồi trên giường tầng dưới trong lúc mẹ mở rương, lôi ra một chồng tiểu sử mà cha tôi đã đồng ý chia xa, rồi đặt chúng lên giá sách.

“Con tự làm được mà mẹ,” tôi nói. Cha đứng dậy. Ông đã sẵn sàng lên đường.

“Ít nhất phải để mẹ dọn giường cho con chứ,” mẹ bảo.

“Không, thật đó. Con làm được. Không sao đâu mẹ.” Bởi vì về cơ bản, bạn không thể kéo dài những chuyện như thế này mãi. Một lúc nào đó, bạn chỉ cần giật băng cá nhân ra và nó sẽ rất đau, nhưng rồi tất cả sẽ kết thúc và bạn thấy thật nhẹ lòng.

“Chúa ơi, chúng ta sẽ nhớ con lắm,” mẹ đột nhiên nói, bà bước qua đồng va-li vung vãi để đến bên chiếc giường. Tôi đứng lên ôm lấy bà. Cha cũng đi tới, và chúng tôi đại khái rúc vào nhau. Trời quá nóng và chúng tôi đổ mồ hôi quá nhiều nên chẳng ôm ấp được lâu. Tôi biết mình nén khóc, nhưng tôi đã ở với cha mẹ mười sáu năm, và chuyện thử sống xa nhà này dường như diễn ra quá trễ.

“Mẹ đừng lo.” Tôi mỉm cười. “Con sẽ học cách nói chuyện y chang người miền Nam *dzậy* đó.” Mẹ bật cười.

“Đừng làm gì ngu ngốc đấy,” cha dặn dò.

“Vâng.”

“Không ma túy. Không rượu chè. Không hút thuốc.” Là một cựu học sinh của Culver Creek, ông đã làm những điều mà tôi chỉ mới nghe qua: mấy

buổi tiệc bí mật, chạy đua qua đồng cỏ (ông luôn miệt mài than phiền về việc ngày xưa chỉ toàn lũ con trai), thuốc phiện, uống rượu, hút thuốc. Cha mất một thời gian để bỏ thuốc, nhưng những tháng ngày oanh liệt ấy giờ đã ở lại phía sau ông.

“Chúng ta yêu con,” cả hai cùng đồng thanh. Câu ấy cần được nói ra, nhưng nó làm cho mọi chuyện trở nên bối rối vô cùng, cứ như bạn đang nhìn ông bà mình hôn nhau ấy.

“Con cũng yêu cha mẹ. Con sẽ gọi về mỗi Chủ Nhật.” Phòng chúng tôi không có đường dây điện thoại, nhưng cha mẹ đã yêu cầu tôi được xếp vào phòng nào gần với một trong năm bộ điện thoại trả tiền của Culver Creek.

Họ ôm tôi lần nữa—mẹ, rồi đến cha và thế là hết. Từ cửa sổ cuối phòng, tôi nhìn họ lái xe khỏi khúc quanh để rời trường. Đáng ra tôi phải thấy sứt mướt, một nỗi buồn ủy mị chẳng hạn. Nhưng chủ yếu tôi chỉ muốn mát, nên tôi vớ lấy cái ghế và ngồi dưới mái chĩa ngoài cửa, chờ một ngọn gió không bao giờ tới. Không khí bên ngoài tĩnh lặng và ngọt ngào như bên trong. Tôi nhìn quanh nhà mới của mình: Sáu tòa nhà một tầng, mỗi tòa nhà mười sáu phòng nội trú, xếp theo sơ đồ hình ngôi sao sáu cạnh quanh một bãi cỏ lớn hình tròn. Trông nó như một nhà trọ cũ quá cỡ. Trai gái ôm ấp và cười đùa và dạo bộ cùng nhau khắp nơi. Tôi thoáng mong rằng ai đó cũng sẽ đến bắt chuyện với mình. Tôi hình dung cuộc đối thoại ấy như sau:

“Chào. Năm đầu của đảng ấy hả?”

“Ừ. Đúng. Mình đến từ Florida.”

“Tuyệt. Vậy đảng ấy quen với cái nóng rồi.”

“Có đến từ Địa ngục thì mình cũng không quen nổi cái nóng này đâu,” tôi sẽ đùa thế. Tôi sẽ tạo ấn tượng đầu tiên thật tốt. *Ồ, cậu ta vui lắm. Thăng Miles đó hết sảy luôn.*

Chuyện đó không xảy ra, dĩ nhiên. Chẳng chuyện gì xảy ra như tôi hình dung cả.

Chán nản, tôi quay trở vào trong, cởi áo rồi nằm xuống lớp đệm vinyl nóng hổi của chiếc giường tầng dưới, đoạn tôi nhắm mắt. Tôi sẽ không bao giờ được sinh ra lần nữa với lẽ rửa tội và mấy trò khóc lóc ỉ ôi, nhưng thế cũng chẳng tốt hơn chuyện tái sinh làm một gã không có quá khứ nổi trội là bao. Tôi nghĩ về những người mình đã đọc—John F. Kennedy, James Joyce, Humphrey Bogart những người từng học trường nội trú cùng mấy chuyến phiêu lưu của họ Kennedy chẳng hạn, ông rất thích bày trò. Tôi nghĩ về Cơ Hội Lớn và những sự có thể xảy ra và những người tôi có thể gặp và bạn cùng phòng của tôi có thể là ai (Tôi nhận được một lá thư có tên cậu ta cách đây mấy tuần, Chip Martin, nhưng không còn thông tin gì khác.) Dù Chip Martin là ai, tôi mong cậu ta mang tới một kho quạt máy công suất lớn, vì tôi không đem theo lấy một cái, và tôi đã có thể cảm thấy mồ hôi chảy thành vũng trên đệm vinyl, nó làm tôi gớm đến mức thôi hẳn việc nghĩ ngợi mà nhắc mông lên để tìm khăn lau mồ hôi. Và rồi tôi nghĩ. *Chà, trước chuyến phiêu lưu là công cuộc dờ dờ.*

Tôi loay hoay dán được bản đồ thế giới lên tường và nhét phần lớn quần áo vào trong tủ trước khi nhận ra luồng khí oi bức, ẩm thấp nơi đây cũng đang làm bốn bức tường chảy nước, và tôi quyết định giờ không phải lúc lao động tay chân. Giờ là lúc tắm một trận mát lạnh sáng khoái.

Phòng tắm nhỏ gắn một cái gương toàn thân rất lớn sau cửa, thành thử tôi không thể né khỏi phản ảnh trần truồng của mình trong lúc cúi người vặn vòi nước. Cơ thể gầy nhom này lúc nào cũng làm tôi ngạc nhiên: Hai cánh tay khẳng khiu dường như chẳng to hơn chút nào khi chuyển từ cổ tay lên bả vai, lồng ngực không có chút xíu mỡ hay cơ bắp, và tôi thấy xấu hổ và không biết mình có tháo bỏ cái gương được không. Tôi kéo bức màn tắm trắng tinh rồi trốn vào bên trong.

Xúi quẩy thay, vòi sen hình như đã được thiết kế cho ai đó cao khoảng một mét một, nên nước lạnh chỉ xịt trúng phần ngực dưới của tôi với lực chảy của một cái vòi nhỏ giọt. Để làm ướt khuôn mặt dầm mồ hôi, tôi phải dang chân và ngồi xổm thật thấp. Chắc chắn John F. Kennedy (theo tiểu sử nói là cao một mét tám, đúng bằng tôi) đã không phải *ngồi xổm* ở trường nội

trú. Không, đây là một tình cảnh hoàn toàn khác, và trong lúc đợi vòi nước nhỏ giọt từ từ làm ướt người, tôi đã tự hỏi liệu mình có thể tìm thấy Cơ Hội Lớn ở đây không, hay thật ra mình đã phạm phải một sai lầm nghiêm trọng.

Lúc tôi mở cửa phòng tắm sau khi xong việc, khăn quấn quanh eo, tôi nhìn thấy một gã thấp người vạm vỡ với mái tóc nâu rối bù. Gã đang kéo lê một cái túi cảm trại khổng lồ màu xanh quân đội qua cửa phòng tôi. Gã đứng thẳng chừng mét rưỡi không hơn, nhưng người gã chắc nịch, như mô hình tỉ lệ Adonis, và đi cùng gã là mùi khói thuốc cũ hôi rình. *Tuyệt, tôi nghĩ. Mình gặp bạn cùng phòng khi đang khoả thân.* Gã kéo cái túi vào phòng, đóng cửa lại, rồi đến chỗ tôi.

“Tao là Chip Martin,” gã nói bằng giọng trầm, giọng của một phát thanh viên trên đài. Trước khi tôi kịp trả lời, gã liền bổ sung, “Tao sẽ bắt tay mày, nhưng tao nghĩ mày nên giữ cái khăn chết tiệt ấy cho chặt tới khi mặc được quần áo vào.”

Tôi bật cười và gật đầu với gã (ồn đúng không? cái gật đầu ấy?) rồi tự giới thiệu, “Tao là Miles Halter. Rất vui được biết mày.”

“Miles, như trong ‘trước khi say giấc’?” gã hỏi tôi.

“Hử?”

“Nó là một bài thơ của Robert Frost. Mày chưa bao giờ đọc thơ của ông hả?”

Tôi lắc đầu ý bảo không.

“Xem như mày may mắn.” Gã mỉm cười.

Tôi chộp lấy vài cái quần lót sạch, một cái quần soóc đá banh màu xanh dương Adidas và một cái áo thun trắng, lẩm bẫm rằng tôi sẽ quay lại ngay, rồi chạy biến trở lại vào phòng tắm. Ấn tượng đầu tiên thế là đi tong.

“Thế ba mẹ mày ở đâu?” tôi hỏi với ra từ phòng tắm.

“Ba mẹ tao? Ông già tao giờ đang ở California. Có thể đang ngồi trên cái ghế La-Z-Boy của ông. Hoặc đang lái xe tải. Cỡ nào ông cũng đang nốc rượu. Mẹ tao chắc đang quẹo ra khỏi trường.”

“Ồ,” tôi nói, hiện đã mặc quần áo, tôi không biết phải làm gì với một thông tin riêng tư như thế. Đáng ra tôi không nên hỏi, tôi đoán vậy, nếu tôi không muốn biết.

Chip cầm mấy tấm ga trải giường và quăng chúng lên giường tầng trên. “Tao thích nằm tầng trên. Mong là mày không phiền.”

“Ừm, không. Sao cũng được.”

“Tao thấy mày trang trí phòng ốc rồi,” gã nói, đưa tay về phía tấm bản đồ thế giới. “Tao thích nó đấy.”

Đoạn gã bắt đầu đọc tên các nước. Gã nói giọng đều đều như thể đã làm thế một ngàn lần trước đó.

Afghanistan

Albania

Algeria.

American Samoa.

Andorra.

Và tiếp tục. Gã đọc xong vắn A trước khi ngừng lên và bắt gặp ánh mắt ngỡ ngàng của tôi.

“Tao có thể đọc hết, nhưng chắc mày sẽ thấy chán. Tao học chúng hồi hè. Quý thần ơi, mày không tưởng tượng được New Hope, Alabama mùa hè chán thế nào đâu. Như nó đậu nành mọc vậy. Nhân tiện, mày từ đâu tới?”

“Florida,” tôi nói.

“Chưa bao giờ ghé.”

“Cũng thú vị lắm, miền quê ấy mà,” tôi bảo.

“Ờ, ai cũng có tài. Tao có thể ghi nhớ sự vật. Và mày có thể...?”

“Ừm, tao biết rất nhiều lời trăng trối của người khác.” Đây là một thú vui, học lời trăng trối. Người khác có chocolate; tôi có diễn văn lúc chết.

“Ví dụ?”

“Tao thích lời trắng trối của Henrik Ibsen. Ông là một nhà soạn kịch.” Tôi biết khá bộn về Ibsen, nhưng tôi chưa bao giờ đọc qua vở kịch nào của ông. Tôi không thích đọc kịch. Tôi thích đọc tiểu sử.

“Ờ, tao biết ông là ai,” Chip đáp.

“Ừa thì, ông bệnh cũng lâu rồi và y tá nói với ông, ‘Sáng nay trông ông khoẻ hơn rồi đấy,’ và Ibsen nhìn cổ và nói, ‘Ngược lại,’ và rồi ông chết.”

Chip cười lớn. “Nghe bệnh bệnh. Nhưng tao thích lắm.”

Gã bảo gã học ở Culver Creek ba năm rồi. Gã bắt đầu hồi lớp chín, năm đầu tiên của trường, và giờ là một thằng lớp mười một như tôi. Một đứa có học bổng, gã nói. Học bổng toàn phần. Gã nghe đồn đây là ngôi trường tốt nhất Alabama, nên gã viết luận văn dự thi về chuyện gã muốn đến học ở một ngôi trường mà gã có thể đọc những cuốn sách dài hơi. Vấn đề là, gã viết trong luận văn, bố gã lúc nào cũng lấy sách trong nhà để đánh gã, nên Chip mua toàn sách mỏng và bìa mềm để bảo đảm an toàn cho bản thân. Bố mẹ gã li dị hồi gã học lớp mười. Gã thích “Creek,” gã gọi thế, nhưng “ở đây mà phải cẩn thận, với cả học sinh lẫn giáo viên. Và tao rất ghét phải cẩn thận.” Gã nhếch mép. Tôi cũng ghét phải cẩn thận nữa hoặc ít nhất là tôi muốn thế.

Gã bảo tôi điều ấy trong khi lục túi rồi vất quần áo tung tóe vào kệ tủ. Chip không tin vào việc xếp riêng một ngăn vở hoặc một ngăn áo thun. Gã tin rằng tất cả mọi ngăn đều bình đẳng và nếu nhét vừa thứ gì thì cứ tổng hết vô. Mẹ tôi chắc chết mất.

Ngay sau khi “dỡ đồ” xong xuôi, Chip đập vào vai tôi một cái rỗ to, gã nói, “Mong là sức mày mạnh hơn vẻ ngoài,” rồi bước ra khỏi cửa, để nó mở toang sau lưng. Mấy giây sau gã ngoái đầu lại và thấy tôi đứng yên. “Ê, ẹ lên, Miles Trước Khi Halter. Ta còn việc phải làm.”

Chúng tôi đến phòng TV, theo lời Chip thì đây là nơi có cái TV gắn cáp duy nhất trong trường. Vào mùa hè, nó trở thành nhà kho. Ghế sofa, tủ lạnh và thảm cuộn chất cao gần đung nóc, trong phòng đầy bộn nhóc lỗ nhố đang cố tìm và lôi hết đồ đạc của mình ra. Chip nói lời chào với vài đứa nhưng

không giới thiệu tôi. Trong lúc gã lang thang quanh mê cung sofa, tôi đứng gần cửa ra vào, cố gắng không cản đường mấy cặp bạn cùng phòng đang khiêng đồ qua khung cửa chật hẹp.

Chip mất mười phút để tìm đồ của gã, và thêm một tiếng để chúng tôi qua lại bốn chuyến giữa phòng TV và Phòng 43 trong kí túc xá. Sau khi xong việc, tôi chỉ muốn chui vào cái tủ lạnh mini của Chip và ngủ luôn một ngàn năm, nhưng Chip có vẻ miễn nhiệm với cả mệt mỏi và sốc nhiệt. Tôi ngồi xuống sofa của gã.

“Tao thấy nó nằm trên lề đường trong khu phố hồi mấy năm trước,” gã nói về cái ghế trong lúc lắp bộ Playstation 2 của tôi để lên rương cất đồ của gã. “Tao biết lớp da có vài vết nứt, nhưng thôi nào. Cái ghế đẹp hôn mê.” Lớp da có nhiều hơn vài vết nứt khoảng 30 phần trăm da giả màu xanh nhạt và 70 phần trăm nệm mút dù sao tôi vẫn thấy nó thoải mái ra trò.

“Được,” gã nói. “Sắp xong rồi.” Gã bước tôi bàn học và lôi một cuộn băng dính trong ngăn kéo ra. “Chúng ta chỉ cần cái rương của mày.”

Tôi đứng dậy, kéo rương khỏi gầm giường, và Chip đặt nó giữa ghế sofa và bộ Playstation 2 và bắt đầu xé băng dính thành từng miếng mỏng. Gã dán chúng lên rương thành chữ BÀN CÀ PHÊ.

“Đấy,” gã bảo. Gã ngồi xuống và gác chân lên, ở cái bàn cà phê. “Xong rồi.”

Tôi ngồi xuống cạnh gã, và gã quay sang nhìn tôi và đột ngột nói, “Nghe này. Tao sẽ không làm cánh cửa dẫn mày tới cuộc sống xã giao ở Culver Creek đâu.”

“Ừm, được,” tôi đáp, nhưng tôi có thể nghe thấy ngôn từ tắc nghẹn trong họng. Tôi vừa khiêng ghế cho thẳng cha này dưới cái nóng đổ lửa và giờ gã không thích tôi?

“Về Cơ bản, trường này chia thành hai nhóm,” gã giải thích, giọng nói dần gấp gáp. “Nhóm nội trú thường nhật, như tao, và lũ Chiến Binh Ngày Thường; tụi nó học nội trú ở đây, nhưng chúng toàn một lũ giàu có ở Birmingham và mỗi cuối tuần lại về với mấy căn biệt thự lấp điều hòa của

bố mẹ. Đây là bọn sang chảnh. Tao không thích tụi nó, và tụi nó không thích tao, và nếu mày tới đây vì nghĩ rằng nếu mày là siêu sao ở trường công thì mày cũng sẽ là siêu sao ở đây, tốt nhất mày đừng để bị bắt gặp với tao. Hồi đó mày học trường công đúng không?”

“Ừm...” tôi ngần ngừ. Một cách vô thức, tôi khởi sự cạy mấy vết nứt trên mặt da của ghế, mấy ngón tay sục vào lớp mút màu trắng.

“Phải rồi, mày đã học ở đó, vì nếu học trường tư thì cái quần soóc chết tiệt kia đã vừa rồi.” Gã cười khanh khách.

Tôi mặc quần hơi trễ dưới hông, tôi nghĩ thế là hay. Cuối cùng tôi nói, “Ừa, tao học trường công. Nhưng tao không phải siêu sao gì hết, Chip. Tao chỉ là sao xẹt thôi.”

“Ha! Thế thì tốt. Và đừng gọi tao là Chip. Gọi tao là Đại Tá.”

Tôi nín cười. “Đại Tá?”

“Ờ. Đại Tá. Và chúng ta sẽ gọi mày là... ừmmm. Bé Bự.”

“Hử?”

“Bé Bự,” Đại Tá nói. “Vì mày ốm nhom. Đây gọi là châm biếm, Bé Bự ạ. Nghe qua bao giờ chưa? Giờ đi lấy vài liều thuốc rồi bắt đầu năm học cho tử tế nào.”

Gã bước ra khỏi phòng, tự cho rằng tôi sẽ đi theo lần nữa, mà tôi đi theo thật. May sao mặt trời đang lặn xuống phía cuối chân trời. Chúng tôi băng qua năm cánh cửa đến Phòng 48. Một tấm bảng trắng được dán lên cửa bằng băng dính. Trên có ghi bằng bút lông xanh: *Alaska có phòng riêng!*

Đại Tá giải thích cho tôi rằng 1. Đây là phòng của Alaska, và 2. Cô ấy có một phòng riêng vì con nhỏ đáng ra sẽ làm bạn cùng phòng với cô đã bị đuổi học cuối năm ngoái, và 3. Alaska có thuốc lá, dù Đại Tá đã quên không hỏi liệu 4. Tôi có hút thuốc không, vì 5. Tôi không hút.

Gã gõ cửa một lần thật mạnh. Qua lớp cửa, một giọng nói hét lên, “Quý thần ơi, vào đi nhóc lùn vì mình có chuyện này hết sảy luôn.”

Chúng tôi đi vào. Tôi quay lại đóng cửa sau lưng, và Đại Tá lắc đầu rồi nói, “Sau bảy giờ mày phải để cửa mở nếu đang ở trong phòng con gái,” nhưng tôi chẳng nghe được gì nữa, bởi vì cô gái nóng bỏng nhất trong lịch sử loài người đang đứng trước mặt tôi trong chiếc quần jean cắt ngắn và áo ba lỗ màu hồng đào. Và cô ấy đang nói át cả tiếng của Đại Tá, nói rất to và nhanh.

“Thì ngày đầu tiên của mùa hè, mình đang ở Trạm Vine thân yêu với cái gã tên Justin này và tụi mình đang ngồi trên sofa xem TV ở nhà hấn và dừng đùa, mình đã hẹn hò với Jake rồi thật ra mình vẫn đang hẹn hò với anh, nhiệm màu chưa, nhưng Justin chỉ là một người bạn hồi nhỏ nên tụi mình chỉ đang xem TV và buôn chuyện về mấy bài thi SAT hay đại loại thế, và Justin quàng tay qua vai mình và mình nghĩ, *Ồ thích thật, chúng mình đã là bạn từ rất lâu và tư thế này hoàn toàn thoải mái*, và cả hai chỉ đang nói chuyện và rồi mình đang nói dở câu về phép loại suy hay gì đó và hấn thò tay xuống như một con diều hâu và bóp ngực mình. **BÓP**. Một cú **BÓP** hai đến ba giây rất mạnh. Và điều đầu tiên mình nghĩ là *Được rồi, làm sao mình có thể gỡ cái móng vuốt này ra khỏi ngực trước khi nó để dấu vĩnh viễn?* và điều thứ hai mình nghĩ là *Chúa ơi, mình phải kể cho Takumi và Đại Tá nghe liền.*”

Đại Tá bật cười. Tôi trở mắt nhìn, phần vì sững sờ bởi âm lượng của giọng nói phát ra từ cô nàng nhỏ con (nhưng hấp dẫn, lạ Chúa tôi) và phần vì những chồng sách khổng lồ xếp dọc trên tường. Thư viện của cô nàng nhét đầy trên kệ, rồi chất thành những đống sách cao ngang hông ở khắp nơi, bừa bãi tựa vào tường. Chỉ cần một trong số chúng di chuyển, tôi nghĩ, hiệu ứng domino có thể nuốt chửng ba chúng tôi trong một khối văn học nghệt kín.

“Anh chàng không mặc cười trước câu chuyện siêu hài hước của mình là ai thế?” cô ấy hỏi.

“Ồ, phải rồi. Alaska, đây là Bé Bự. Bé Bự ghi nhớ lời trăng trối của người khác. Bé Bự, đây là Alaska. Cố bị bóp ngực hồi nghi hè.” Cô ấy đi đến chỗ

tôi và giơ tay ra, rồi nhanh chóng đưa xuống dưới vào giày cuối cùng để tuột quần tôi.

“Đây là cái quần soóc bụi nhất bang Alabama!”

“Mình thích mặc thùng thình,” tôi nói, cảm thấy xấu hổ, đoạn tôi kéo quần lên. Hồi ở Florida chúng rất thời thượng.

“Chúng ta mới quen nhau, Bé Bụi ạ, nhưng tao thấy hai cái cẳng gà của mày quá nhiều rồi,” Đại Tá nghiêm mặt. “Ê, Alaska. Bán cho bọn này mấy điếu thuốc.” Rồi bằng cách nào đó, Đại Tá đã thuyết phục tôi trả năm đô-la cho một gói Marlboro Lights mà tôi không định hút bao giờ. Gã đề nghị Alaska nhập bọn, nhưng cô ấy nói, “Mình phải tìm Takumi và kể cậu ấy nghe về Cú Bóp.” Cô ấy quay sang tôi và hỏi, “Cậu có thấy cậu ấy không?” Tôi không biết mình đã thấy qua Takumi chưa, bởi tôi không biết cậu ta là ai cả. Tôi chỉ lắc đầu.

“Được rồi. Gặp cậu ở bờ hồ vài phút nữa vậy.” Đại Tá gật đầu.

Ở rìa bờ biển đầy cát (và giả tạo, Đại Tá bảo thế), chúng tôi ngồi xuống cái xích đu hai người bằng gỗ. Tôi đùa cho có lệ: “Đừng bóp ngực tao.” Đại Tá cũng cười cho có lệ, rồi hỏi, “Làm một điếu không?” tôi chưa bao giờ hút thuốc, nhưng nhập gia thì tùy tục...

“Chỗ này an toàn chứ?”

“Không hẳn,” gã trả lời, rồi đốt một điếu và đưa nó cho tôi. Tôi hít vào. Ho sù sụ. Thở khò khè. Đóp lấy hơi. Xong lại ho sù sụ. Đoạn tôi nghĩ đến chuyện nôn. Tôi tóm lấy xích đu đang đung đưa, đầu quay mòng mòng, rồi ném điếu thuốc xuống đất và đập lên nó, nhất quyết rằng Cơ Hội Lớn của tôi sẽ không bao gồm thuốc lá.

“Hút nhiều quá hả?” gã cười lớn, rồi chỉ về phía một đốm trắng bên kia hồ và nói, “Thấy không?”

“Ờ,” tôi đáp. “Gì đó? Một con chim?”

“Là thiên nga,” gã nói.

“Oa. Trường có nuôi thiên nga. Òa.”

“Con thiên nga đó là dòng giống của Satan. Đừng bao giờ lại gần nó hơn khoảng cách bây giờ.”

“Tại sao?”

“Nó có vài vấn đề với con người. Nó bị bạo hành hay chi đó. Nó sẽ xé xác mày. Đại Bàng để nó ở đó nhằm ngăn tụi học sinh hút thuốc quanh hồ.”

“Đại Bàng?”

“Ông Starnes. Mật danh: Đại Bàng. Thầy hiệu trưởng. Hầu hết giáo viên sống trong trường, và họ đều sẽ bắt mày. Nhưng có mỗi Đại Bàng sống trong kí túc xá, và ông thấy hết. Ông có thể ngửi thấy mùi thuốc lá từ cỡ năm dặm.”

“Nhà ông không phải ở kia hả?” tôi hỏi, chỉ về phía nó. Tôi có thể thấy ngôi nhà khá rõ dù trời tối mù, nên chắc ông cũng sẽ thấy tụi tôi.

“Ờ, nhưng ông không bật chế độ thám sát trước khi lớp học bắt đầu đâu,” Chip thản nhiên nói.

“Chúa ơi, cha mẹ sẽ giết tao nếu tao dính vào rắc rối,” tôi rên rỉ.

“Tao đoán mày đang nói quá. Nhưng nghe này, mày sẽ dính vào rắc rối. Chín mươi chín phần trăm thời gian, nhưng cha mẹ mày không cần phải biết. Trường này không muốn cha mẹ mày nghĩ rằng họ đã biến mày thành một thằng bố láo cũng như mày không muốn cha mẹ mày nghĩ mày là một thằng bố láo vậy.” Gã thối một làn khói mỏng về phía bờ hồ. Tôi phải thú nhận: Gã làm thế trông rất ngẫu. Nhìn cao ráo hơn, chẳng hiểu sao. “Dù sao đi nữa, khi dính vào rắc rối, nhớ đừng khai tên ai. Ý tao là, tao ghét cay ghét đắng lũ nhà giàu hợm hĩnh ở đây, dù bình thường tao chỉ ghét mỗi phòng khám răng và ông già tao. Nhưng đấy không có nghĩa là tao sẽ khai tên tụi nó. Nói chung điều quan trọng duy nhất là không bao giờ, không bao giờ, không bao giờ được mách lẻo.”

“Được,” tôi nói, dù vẫn thắc mắc: *Nếu có ai đó đâm vào mặt tôi, tôi phải khẳng khái rằng tôi đập mặt vào cửa?* Nghe hơi ngu. Làm sao bạn đối mặt

với bọn bắt nạt và cùi bắp nếu bạn không thể khiến chúng dính vào rắc rối? Nhưng tôi đã không hỏi Chip.

“Được rồi, Bé Bự. Chúng ta đã đến thời điểm mà tao buộc phải đi tìm bạn gái của mình vào buổi tối. Nên đưa cho tao mấy điếu thuốc mày sẽ không bao giờ hút ấy đây, và tao sẽ gặp mày sau.”

Tôi quyết định ngồi lại trên xích đu một chốc, phần vì hơi nóng cuối cùng đã tan thành bầu không khí hai mươi sáu độ ngai ngái dễ chịu, phần vì tôi nghĩ rằng Alaska sẽ xuất hiện. Nhưng ngay sau khi Đại Tá rời đi, bọn côn trùng bắt đầu xâm lấn: Ruồi-Vô-Hình (mà thật ra bạn có thể thấy chúng) và muỗi bay lờn vờn quanh tôi nhiều đến mức tiếng đập cánh tí hon của chúng nghe rất chói tai. Và rồi tôi quyết định hút thuốc.

Hiện tại, đúng là tôi đã nghĩ, *Khói sẽ đuổi côn trùng đi*. Và ít nhiều nó cũng đã thành công. Nhưng tôi sẽ nói dối nếu tuyên bố rằng tôi hút thuốc để đuổi côn trùng. Tôi hút thuốc vì 1. tôi đang ngồi trên xích đu đôi một mình, và 2. tôi có thuốc lá, và 3. tôi nhận ra nếu người khác có thể hút thuốc mà không ho sù sụ thì tôi cũng có thể. Nói tóm lại, tôi không có một lí do thuyết phục. Nên ờ, hãy cứ nói là 4. tại bọn côn trùng.

Tôi hút được ba hơi trước khi thấy buồn nôn và chóng mặt và chỉ có chút đê mê nửa vời. Tôi đứng dậy bỏ đi. Trong lúc đứng lên, một giọng nói phía sau tôi lên tiếng;

“Có thật là cậu nhớ được những lời trăng trối không?”

Cô ấy chạy đến cạnh tôi và chộp lấy vai tôi, đẩy tôi ngồi xuống xích đu trở lại.

“Ừa,” tôi nói. Rồi hơi do dự, tôi thêm vào. “Cậu muốn kiểm tra không?”

“JFK,” cô ấy nói.

“Rõ ràng quá mà,” tôi đáp.

“Ồ, thật à?” cô ấy hỏi lại.

“Không. Đây là câu nói cuối cùng của ông. Ai đó bảo, ‘Ngài Tổng Thống, ngài không thể nói Dallas không yêu ngài,’ rồi ông bảo, ‘Rõ ràng quá mà,’

và ông bị bắn chết.”

Cô ấy bật cười. “Quý thần ơi, tệ quá. Mình không nên cười. Nhưng mình sẽ làm thế,” đoạn cô ấy cười tiếp. “Được rồi, cậu trai Lời Trăng Trối Nổi Tiếng này. Mình có một câu cho cậu đây.” Cô ấy thò tay vào cái ba-lô đầy ứ của mình và lôi ra một cuốn sách. “Gabriel García Márquez. *Tướng quân giữa mê hồn trận*. Một trong những cuốn sách yêu thích của mình. Nó nói về Simón Bolívar.” Tôi không biết Simón Bolívar là ai, nhưng cô ấy không để cho tôi hỏi. “Nó là tiểu thuyết dã sử, nên mình không biết nó có thật hay không, nhưng cậu có biết lời trăng trối của ông ta trong sách là gì không? Không, cậu không biết. Nhưng mình sẽ nói cho cậu. Señor Nói Lời Chia Ly.”

Đoạn cô ấy đốt một điếu thuốc và rít vào thật mạnh, lâu đến nỗi tôi tưởng cả điếu sẽ cháy rụi trong một hơi. Cô ấy thở ra rồi đọc cho tôi nghe:

“‘Ông ta, cái ông Simón Bolívar ấy’ bị choáng ngợp trước sự thật rằng cuộc đua liều lĩnh giữa vận rủi và giấc mơ của mình sắp kết thúc ngay lúc đó. Phần còn lại là bóng tối. “Chết tiệt,” ông thở dài. “Làm sao ta thoát khỏi mê hồn trận này đây!””

Tôi biết đâu là lời trăng trối vĩ đại khi nghe thấy chúng, và tôi thầm nhắc mình phải mua một bản tiểu sử của gã Simón Bolívar này. Lời trăng trối tuyệt đẹp, nhưng tôi không hiểu lắm. “Thế mê hồn trận là gì?” tôi hỏi cô ấy.

Và đây là thời điểm hoàn hảo như bao thời điểm khác để nói rằng cô ấy thật xinh đẹp. Trong bóng tối bên cạnh tôi, cô ấy có mùi mồ hôi và nắng sớm và vanilla, và vào đêm trăng khuyết ấy, tôi chỉ thấy mỗi bóng cô trừ lúc cô hút thuốc, khi đốm đỏ màu anh đào của điếu thuốc hắt lên mặt cô thứ ánh sáng hồng nhạt. Nhưng kể cả trong bóng tối, tôi vẫn có thể nhìn thấy đôi mắt của cô — hai viên ngọc lục bảo chói lòa. Ánh mắt của cô ấy sẽ khiến bạn ủng hộ mọi nỗ lực của cô. Và cô không chỉ xinh đẹp mà còn hấp dẫn, với bộ ngực nằm gọn trong áo ba lỗ ôm sát người, cặp chân cong cong đứng đưa dưới ghế xích đu, đôi dép xỏ ngón lúc lắc trên mười đầu ngón chân sơn màu xanh dạ quang. Ngay đúng lúc ấy, khi tôi hỏi về mê hồn trận và nghe cô ấy

trả lời, tôi đã nhận ra *tầm quan trọng* của những đường cong, của hàng ngàn vị trí nối liền nhau trên cơ thể con gái, từ lòng bàn chân đến mắt cá chân đến bắp chân, từ bắp chân đến eo đến hông đến ngực đến cổ đến cái mũi hếch đến trán đến vai đến hông lưng đến mông đến đùi thứ. Trước đây tôi từng để ý đến những đường cong, dĩ nhiên, nhưng tôi chưa bao giờ thật sự hiểu rõ ý nghĩa của chúng.

Miệng của cô ấy đủ gần để tôi thấy hơi thở của cô ấm hơn không khí, cô nói, “Đây là điều bí ẩn, đúng không? Mê hồn trận là sống hay chết? Ông ấy đang cố thoát khỏi cái gì—thế giới hay tận cùng của nó?” tôi đợi cô ấy nói tiếp, nhưng một lúc sau tôi nhận ra cô ấy muốn nghe câu trả lời.

“Ừm, mình không biết,” cuối cùng tôi nói. “Cậu thật sự đã đọc hết số sách trong phòng à?”

Cô ấy cười to. “Quý thần ơi, không hề. Chắc mình đọc được một phần ba. Nhưng mình sẽ đọc hết. Mình gọi chúng là Thư Viện Cuộc Đời. Mỗi mùa hè từ khi còn nhỏ, mình sẽ đến chỗ garage sale và mua hết những cuốn sách trông có vẻ thú vị. Nên mình lúc nào cũng có sách để đọc. Nhưng đời có quá nhiều thứ để làm: thuốc để hút, bạn tình để quan hệ, xích đu để ngồi lên. Mình sẽ có nhiều thời gian đọc sách hơn khi đã già nua và chán ngắt.”

Cô ấy bảo tôi gọi cô ấy nhớ đến Đại Tá khi gã mới đến Culver Creek. Họ cùng là học sinh mới, cô ấy nói, cùng là học sinh có học bổng với, như cô ấy nói thì, “sở thích chung về bia rượu và quây phá.” Cụm từ *bia rượu và quây phá* khiến tôi lo rằng tôi đã gặp phải những người mà mẹ tôi gọi là “bạn xấu,” nhưng với những người bạn xấu mà nói, họ đều trông hết sức thông minh. Trong lúc cô ấy châm thêm một điếu từ mẫu thuốc vừa rồi, cô ấy bảo tôi Đại Tá rất thông minh nhưng vẫn chưa tận hưởng gì mấy từ khi đến Creek.

“Mình giải quyết vấn đề ấy nhanh chóng.” Cô ấy mỉm cười. “Tới tháng Mười Một, mình đã tìm cho hẳn cô bạn gái đầu tiên, một cô nàng hoàn hảo không-phải-Chiến-Binh-Ngày-Thường tên Janice. Hẳn đá cô nàng sau một tháng vì cô quá giàu với một gã nghèo kiệt xác như hẳn, nhưng sao cũng

được. Chúng mình thực hiện trò chơi khăm đầu tiên vào năm đó, cả hai lấp đầy sàn Phòng Học 4 bằng một lớp bi mỏng. Từ đó đến nay đã tiến triển chút ít, dĩ nhiên.” Cô ấy bật cười. Nên Chip trở thành Đại Tá—nhà chiến lược quân sự cho những trò chơi khăm của họ, và Alaska mãi là Alaska, lực lượng sáng tạo vĩ-đại-hơn-cả-sự-sống đứng sau họ.

“Cậu thông minh giống hăn,” cô ấy nói. “Dù ít nói hơn. Và dễ thương hơn, nhưng mình không nói thế đâu nhé, vì mình yêu bạn trai của mình.”

“Ừa, trông cậu cũng không tệ,” tôi nói, ngây ngất vì lời khen của cô. “Nhưng mình không nói thế đâu nhé, vì mình yêu bạn gái của mình.Ồ khoan. Phải rồi. Mình không có bạn gái.”

Cô ấy lại cười, “Ồ, đừng lo, Bé Bự. Nếu có gì mình lấy được cho cậu, ấy chính là một cô bạn gái. Mình thỏa thuận đi: Cậu tìm xem mê hồn trận là gì và làm sao để thoát ra, rồi mình giúp cậu tìm bạn gái.”

“Đồng ý.” Chúng tôi bắt tay.

Sau đó, tôi đi cùng Alaska về kí túc xá. Những con ve sâu liên tục ngân vang bài ca một nốt muôn thuở, cũng như chúng đã làm hồi ở Florida. Cô ấy quay sang tôi trong lúc cả hai rảo bước trong bóng đêm và nói, “Có bao giờ cậu thấy sợ khi đi giữa đêm và chỉ muốn chạy về nhà dù biết nó rất ngớ ngẩn và xấu hổ không?”

Thú nhận với một người lạ mới toanh thế này có vẻ quá thầm kín và riêng tư, nhưng tôi vẫn trả lời cô ấy, “Ừa, có chứ.”

Trong thoáng chốc, cô ấy im lặng. Rồi cô nắm lấy tay tôi, thì thầm, “Chạy mau chạy mau chạy mau chạy mau chạy mau,” rồi phóng vụt đi, kéo cả tôi theo sau.

một trăm hai mươi bảy ngày trước

SỚM TRƯA HÔM SAU, tôi chớp mồ hôi khỏi mắt trong lúc dán tấm poster van Gogh lên phía sau cửa. Đại Tá ngồi trên sofa kiểm tra xem poster đã đều chưa và trả lời chuỗi câu hỏi vô tận của tôi về Alaska. *Gia cảnh cô ấy thế nào?* “Nhà nó ở Trạm Vine. Mà có thể lái xe vượt qua mà không để ý—nhưng mà bắt buộc phải nhận ra, ấy là từ những gì tao biết. Bạn trai của nó có học bổng ở Vanderbilt. Chơi bass cho ban nhạc nào đó. Tao không rành về gia đình nó.” *Vậy cô ấy thích hẳn thật à?* “Tao đoán vậy. Nó vẫn chưa ngoại tình với thằng khác, thế mới kinh chứ lị.” Và cứ thế. Cả buổi sáng, tôi đã không thể quan tâm tới bất cứ thứ gì khác, không phải tấm poster van Gogh hay trò chơi điện tử và thậm chí cả thời khóa biểu mà Đại Bàng đã đem tới vào buổi sáng hôm ấy. Ông cũng giới thiệu bản thân luôn:

“Chào mừng đến với Culver Creek, cậu Halter. Trò có rất nhiều quyền tự do ở đây. Nếu lạm dụng chúng, trò sẽ hối hận. Trò có vẻ là một thanh niên tốt. Tôi ghét phải nói lời tạm biệt trò.”

Rồi ông nhìn tôi chăm chăm theo kiểu hoặc rất nghiêm túc hoặc ác ý ra mặt. “Alaska gọi đó là Anh Mắt Kết Tội,” Đại Tá bảo tôi sau khi Đại Bàng rời đi. “Lần sau thấy nó thì mà tiêu đời rồi.”

“Được, Bé Bự,” Đại Tá lên tiếng trong lúc tôi lùi xa tấm poster. Không đều cho lắm, nhưng cũng tạm. “Thôi chuyện Alaska đi. Tao đếm được chín mươi hai đứa con gái ở cái trường này, và đứa khi nào cũng đỡ điên hơn Alaska, người, tao xin được bổ sung, là đã có bạn trai rồi. Tao đi ăn trưa đây. Hôm nay là ngày burri-chiên.” Gã bước ra ngoài, để cửa mở. Cảm thấy như một kẻ ngốc si tình, tôi đứng dậy đóng cửa. Đại Tá, đã băng qua nửa vòng kí túc xá, liền quay lại. “Chúa ơi. Mà có đi không thế?”

Bạn có thể nói xấu nhiều thứ về Alabama, nhưng bạn không thể nói người Alabama rất sợ đồ chiên xào. Tuần đầu tiên tôi ở Creek, căn-tin dọn món gà chiên, thịt bò chiên áp chảo và mướp tây chiên giòn, cũng là cột mốc đánh dấu món rau chiên mỹ vị đầu tiên của tôi. Tôi tưởng họ sẽ chiên luôn xà lách. Nhưng không gì sánh bằng món burri-chiên, món ăn được sáng tạo bởi Maureen, gã đầu bếp béo phệ hết hồn (và dễ hiểu) ở Culver Creek. Gồm một miếng burrito nhân đậu chiên ngập dầu, món burri-chiên đã chứng minh

xuất sắc được câu nói chiên xào *luôn* làm món ăn ngon hơn. Trưa hôm ấy, ngồi cùng Đại Tá và năm thằng con trai lạ mặt ở một cái bàn tròn trong căn-tin, tôi đã cắn phập vào lớp vỏ giòn tan của món burri-chiên đầu tiên và trải nghiệm cảm giác cực khoái ăn uống. Mẹ tôi nấu nướng cũng ổn, nhưng ngay lập tức tôi muốn đưa Maureen về nhà vào dịp Lễ Tạ ơn.

Đại Tá giới thiệu tôi (bằng tên “Bé Bự”) với mấy thằng ngồi chung cái bàn gỗ nghiêng ngả, nhưng tôi chỉ nhớ được tên Takumi, người Alaska nhắc đến hôm qua. Một tên người Nhật còm nhom chỉ cao hơn Đại Tá vài phân, Takumi ngốn đầy một họng rồi nói trong lúc tôi nhai nuốt chậm rãi, tận hưởng miếng bánh giòn rụm thơm mùi đậu.

“Lạy Chúa,” Takumi nói với tôi, “không gì thích bằng việc nhìn người khác ăn miếng burri-chiên đầu tiên.”

Tôi không nói nhiều, phần vì không ai hỏi tôi câu nào và phần vì tôi chỉ muốn ăn càng nhiều càng tốt. Nhưng Takumi không tệ như thế, cậu ta có thể ăn và nhai và nuốt trong lúc nói chuyện, và cậu ta đã làm vậy.

Cuộc thảo luận buổi trưa xoay quanh cô bạn cùng phòng hệt của Alaska, Marya, và bạn trai của cô nàng, Paul, một tên Chiến Binh Ngày Thường. Hai đứa bị đuổi vào tuần học cuối cùng năm ngoái, tôi nghe nói, vì cái mà Đại Tá gọi là “Tam Tội”—tụi nó bị bắt quả tang đang thực hiện ba tội đáng trục xuất của Culver Creek cùng một lúc. Khoả thân nằm trên giường cùng nhau (“đụng chạm vùng kín” là tội #1), xin bét nè (#2), tụi nó đang hút cần (#3) khi Đại Bàng xông vào phòng. Nghe đồn ai đó đã mách lẻo, và Takumi có vẻ quyết tâm tìm ra thủ phạm—đủ quyết tâm để hét to vụ đó với một miếng đầy burri-chiên.

“Paul là một thằng vô lại,” Đại Tá nói. “Tao sẽ không mách lẻo tụi nó, nhưng cái đứa cặp kè với một thằng Chiến Binh Ngày Thường lái Jaguar như Paul đáng bị vậy”

“Ê bồ tèo,” Takumi đáp lại, “bạn báii bầy,” rồi cậu ta nuốt một miếng to, “là một Chiến Binh Ngày Thường.”

“Đúng.” Đại Tá cười xòa. “Dù tao rất ghét, nhưng đây là sự thật không thể chối cãi. Nhưng cổ không vô lại như Paul.”

“Không bằng.” Takumi nhếch mép. Đại Tá lại cười, và tôi tự hỏi sao gã không bênh vực bạn gái mình. Tôi sẽ chẳng quan tâm nếu bạn gái tôi là một thằng khổng lồ Cyclops râu ria lái Jaguar—có người để ôm ấp là tôi biết ơn rồi.

Tối đó, lúc Đại Tá ghé qua Phòng 43 để lấy thuốc lá (gã dường như đã quên rằng chúng, về cơ bản, là *của tôi*), tôi đã không để ý khi gã không mời tôi đi cùng. Ở trường công, tôi biết vô số người có thói quen phải ghét loại người này hoặc loại người kia, bọn mọt sách ghét lũ học dự bị, vân vân và tôi luôn thấy chuyện đó thật phí thời gian.

Đại Tá không kể tôi nghe buổi trưa gã ở đâu, hoặc buổi tối gã sẽ ở đâu, nhưng gã đã đóng cửa lại lúc đi, nên tôi đoán mình không được chào đón.

Thế thì thôi: Tôi dành cả buổi tối để lướt Web (không phim khiêu dâm, tôi thề) và đọc *Những Ngày Cuối Cùng*, một cuốn sách về Richard Nixon và Watergate. Để ăn tối, tôi hâm nóng một miếng burri-chiên được Đại Tá lén đem ra khỏi căn-tin. Nó gợi tôi nhớ về những đêm ở Florida—ngoại trừ việc đồ ăn ngon hơn và không có máy lạnh. Nằm trên giường đọc sách khiến tôi cảm thấy thân thuộc vô cùng.

Tôi quyết định làm theo điều mà tôi chắc rằng đây là lời khuyên của mẹ và ngủ một giấc thật ngon trước ngày học đầu tiên. Môn tiếng Pháp II bắt đầu lúc 8:10, nghĩ mình sẽ không mất hơn tám phút để mặc quần áo và đi bộ tới lớp, tôi đặt báo thức lúc 8:02. Tôi tắm rửa, rồi nằm trên giường đợi giấc ngủ đến cứu tôi khỏi cái nóng. Chừng 11:00, tôi nhận ra cánh quạt tí hon gắn trên giường tôi sẽ mát hơn chút xíu nếu tôi cởi áo, và cuối cùng tôi cũng thiếp đi trên tấm đệm, mặc độc chiếc quần lót trên cơ thể.

Một quyết định làm tôi hối hận vài giờ sau đó, khi tỉnh dậy bởi hai bàn tay bị thịt dằm mồ hôi đang lắc người tôi như điên. Tôi tỉnh hẳn ngay lập tức, ngồi thẳng trên giường, hốt hoảng, và vì lẽ gì đó tôi không thể hiểu được tiếng nói, không thể hiểu được vì sao lại có tiếng nói, mà mấy giờ rồi mới

được? Và cuối cùng đầu tôi cũng đủ tỉnh táo để nghe, “Ê nhóc. Đừng bắt tao đá dít mày. Cứ dậy đi,” và rời từ giường tầng trên, tôi nghe, “Lạy Chúa, Bé Bự. Cứ dậy đi.” Nên tôi ngồi dậy, và lần đầu tiên nhìn thấy ba cái bóng. Hai trong số đó tóm lấy tôi, còn một người giữ lấy hai bên bắp tay tôi, rồi dắt tôi ra khỏi phòng. Trên đường đi, Đại Tá lăm bắm, “Chúc vui. Nhẹ nhàng với nó thôi, Kevin.”

Họ dắt tôi, gần như chạy, ra sau tòa nhà nội trú, băng qua sân bóng đá. Sân bóng nhiều cỏ nhưng cũng đầy đá sỏi, và tôi tự hỏi sao không ai biết phép lịch sự thông thường để nhắc tôi mang giày, và tại sao tôi lại mặc quần lót ở ngoài này, hai cái căng gà lộ ra cho cả thế giới? Một ngàn viễn cảnh nhục nhã chạy xẹt qua đầu tôi: *Thăng lớp mười một mới kìa, Miles Halter, bị còng vào khung thành với mỗi chiếc quần lót.* Tôi tưởng tượng họ đưa tôi vào rừng, nơi chúng tôi hình như đang hướng đến, và đánh tôi bầm dập để dòm tôi thật ngẫu vào hôm khai giảng. Và suốt quãng thời gian đó, tôi chỉ nhìn chăm chăm xuống dưới chân, vì tôi không muốn nhìn họ và không muốn trượt té, nên tôi cẩn thận từng bước, cố tránh khỏi mấy hòn đá lớn hơn. Phản xạ Chiến-hay-Biến nảy sinh trong tôi hết lần này đến lần khác, nhưng tôi biết chiến hay biến thì cũng chưa từng giúp ích cho tôi trước đó. Họ dẫn tôi đi đường vòng đến bãi biển nhân tạo, và rồi tôi biết chuyện gì sẽ xảy ra một vụ nhấn nước kinh điển, lỗi thời và tôi bình tĩnh lại. Tôi có thể chịu được.

Khi chúng tôi đến bờ biển, họ bảo tôi ép hai tay vào sườn, và gã lực lưỡng nhất lấy ra hai cuộn băng dính từ bãi cát. Đôi tay tôi áp sát hai bên như quân lính đứng nghiêm, họ quấn băng khắp người tôi từ vai đến cổ tay. Rồi họ ném tôi xuống đất; cát từ bãi biển nhân tạo làm giảm lực ngã, nhưng tôi vẫn đập đầu. Hai trong số họ kéo chân tôi khếp lại trong khi gã kia—Kevin, tôi đã biết, kẻ khuôn mặt góc cạnh, to bè của hẳn lại gần đến nỗi nhúm tóc đâm gel chĩa ra trên trán hẳn đâm thẳng vào mặt tôi, đoạn hẳn bảo tôi, “Đây là vì Đại Tá. Mày không nên chơi với thằng khốn đó.” Họ dán chân tôi lại với nhau, từ mắt cá đến bắp đùi. Trông tôi như xác ướp màu bạc. Tôi nói, “Làm

ơn, xin đừng,” ngay trước khi họ dán chặt miệng tôi. Rồi họ nhấc tôi lên và ném tôi xuống nước.

Chìm. Tôi đang chìm, nhưng thay vì hoảng sợ hay cảm giác gì khác, tôi nhận ra “Làm ơn, xin đừng” là một lời trăng trối tẻ nhạt. Nhưng rồi phép màu của nhân loại *sức nổi của chúng ta* xuất hiện, và trong lúc thấy mình nổi dần lên mặt nước, tôi vặn vẹo qua lại hết mức có thể để bầu không khí buổi đêm ấm áp sẽ ập vào mũi trước, và tôi hít thở. Tôi không chết và sẽ không chết.

Chà, tôi nghĩ, cũng không tẻ lắm.

Nhưng vẫn còn chút vấn đề về việc bơi vào bờ trước khi trời sáng. Trước tiên, phải xác định vị trí đối mặt với bờ biển. Nếu tôi nghiêng đầu quá nhiều, cả người tôi sẽ bắt đầu quay theo, và trong bản danh sách dài ngoằng những cách chết khó đỡ, “chết sập mặt trong chiếc quần lót trắng ướt đẫm” nằm ở thứ hạng khá cao. Nên thay vào đó tôi đảo mắt và ngửa cổ ra sau, mắt gần như chìm dưới nước, cho đến khi nhìn thấy bờ—cách chưa đến ba mét—ở ngay sau đầu. Tôi bắt đầu bơi, một chàng tiên cá đuôi bạc không tay, chỉ dùng mỗi hông để tạo chuyển động, đến khi mông tôi cạ lên đáy hồ nhộp bùn. Tôi quay lại và dùng eo và hông để lăn đùng ba lần tới lúc trôi vào bờ, gần một cái khăn xanh tươi tắn. Họ để khăn lại cho tôi. Ân cần chưa kia.

Nước thấm xuống băng dính và nới lỏng dây siết trên da, nhưng băng quần quanh người tôi thành ba lớp chặt thít, buộc tôi phải giãy giụa như cá mắc cạn. Cuối cùng nó cũng giãn đủ để tôi trượt tay trái ra khỏi ngực và xé toạc lớp băng.

Tôi quăn cái khăn đầy cát quanh người. Tôi không muốn về phòng và gặp Chip, vì tôi không rõ ý của Kevin là gì—có thể nếu tôi về phòng, họ sẽ chờ và xử tử tôi thật; có lẽ tôi cần phải cho họ thấy, “Được. Tao hiểu rồi. Nó chỉ là bạn cùng phòng, không phải bạn tao.” Mà dù sao, tôi cũng không thấy thân thiết mấy với Đại Tá. *Chúc vui, gã đã nói. Ở, tôi nghĩ. Vui dữ thần.*

Nên tôi đến phòng Alaska. Tôi không biết lúc đó là mấy giờ, nhưng tôi có thể thấy ánh đèn mờ bên dưới cửa phòng. Tôi gõ nhẹ nhẹ.

“Đây,” cô ấy cất tiếng, và tôi bước vào, ướt như chuột lột và lấm lem cát và trên người chỉ có mỗi cái khăn cùng quần lót ướt nhẹp. Rõ ràng đây không phải cách bạn muốn cô nàng nóng bỏng nhất thế giới nhìn thấy bạn, nhưng tôi đoán cô ấy có thể giải thích cho tôi chuyện gì vừa xảy ra.

Cô ấy đặt sách xuống và ra khỏi giường với tấm mền quấn quanh vai. Trong thoáng chốc, trông cô có vẻ lo lắng. Cô ấy giống như cô gái tôi đã gặp hôm qua, cô gái đã khen tôi dễ thương và tràn đầy sự sống và sự ngây ngô và thông thái. Rồi cô ấy bật cười.

“Mình đoán cậu vừa đi bơi hở?” và cô ấy nói thế với sự cay độc thản nhiên đến mức tôi tưởng mọi người đều đã biết, và tôi tự hỏi sao cái trường quái quỷ này lại đồng ý nhấn chìm Miles Halter trước với nhau. Nhưng Alaska thích Đại Tá, và trong phút giây bối rối, tôi chỉ dờ dẫm nhìn cô, thậm chí không biết phải hỏi gì.

“Cho mình xin đi,” cô ấy nói. “Thôi nào. Cậu biết gì không? Có người gặp rắc rối thật sự đấy. Mình gặp rắc rối thật sự đấy. Mẹ cậu không có ở đây đâu, nên ráng chịu đi, ông tưởng.”

Tôi đi mà không nói một lời với cô ấy và trở về phòng, đập cửa sau lưng, đánh thức Đại Tá, đoạn giậm chân vào phòng tắm. Tôi vào đấy để gột rửa tảo và nước hồ khỏi người, nhưng cái vòi hoa sen lố lửng vô dụng quá thế, và tại sao Alaska và Kevin và mấy tên kia chưa gì đã ghét tôi? Sau khi tắm xong, tôi lau khô người và vào phòng tìm quần áo. “Thế,” gã nói. “Mày làm gì lâu vậy? Lạc đường à?”

“Họ nói là tại mày,” tôi đáp, giọng không giấu nổi vẻ bực tức. “Họ nói tao không nên chơi với mày.”

“Cái gì? Không, ai cũng bị vậy hết,” Đại Tá nói. “Tao bị rồi. Tụi nó ném mày xuống hồ. Mày bơi ra. Mày đi bộ về.”

“Tao đâu có bơi dễ vậy,” tôi khẽ nói, kéo quần soóc jean mặc bên dưới khăn. “Họ quấn người tao bằng băng keo. Tao cử động còn không nổi, thiệt đó.”

“Khoan. Khoan,” gã nói, rồi nhảy khỏi giường, nhìn chăm chăm tôi trong bóng tối. “Tụi nó *quấn băng keo* mày? Như thế nào?” và tôi cho gã thấy: Tôi đứng như xác ướp, hai chân chụm vào nhau và hai tay ép sát sườn, và cho gã thấy họ quấn người tôi ra sao. Rồi tôi ngã phịch xuống ghế.

“Quý thần ơi! Mày có thể chết đuối! Tụi nó chỉ được quãng mày xuống nước với cái quần lót rồi chạy thôi!” gã hét lên. “Tụi nó nghĩ cái quý gì vậy? Là ai? Kevin Richman rồi ai nữa? Mày nhớ mặt tụi nó không?”

“Có, tao nghĩ thế.”

“Tụi nó chơi vậy làm quái gì nhỉ?” gã thắc mắc.

“Mày có làm gì tụi nó không?” tôi hỏi.

“Không, nhưng giờ tao chắc như đinh đóng cột là có. Chúng ta sẽ trả đũa tụi nó.”

“Không có gì nghiêm trọng đâu. Tao thoát ra được rồi.”

“Mày có thể đã *chết*.” Và tôi đoán là đúng. Nhưng tôi đã không chết.

“Chà, có lẽ ngày mai tao chỉ cần tới gặp Đại Bàng và méc ống,” tôi nói.

“Tuyệt đối không được,” gã trả lời. Gã đi tới chỗ cái quần soóc nhàu nhĩ trên sàn và lôi ra một gói thuốc. Gã đốt hai điếu và đưa tôi một điếu. Tôi hút hết cái quý đó. “Mày sẽ không làm thế,” gã nói tiếp, “vì đây không phải cách xử lý rắc rối ở đây. Với lại, mày không muốn mang tiếng mách lẻo đâu. Nhưng chúng ta sẽ xử lũ khốn đó, Bé Bự. Tao hứa với mày. Tụi nó sẽ hối hận vì đã bắt nạt một trong số bạn bè của tao.”

Và nếu Đại Tá nghĩ rằng gọi tôi là bạn sẽ khiến tôi theo phe gã, thì, ờ, gã đã đúng. “Tối nay Alaska hơi thô lỗ với tao,” tôi nói. Tôi ngả người về trước, mở một ngăn bàn trống và dùng tạm nó như gạt tàn.

“Tao nói rồi, nó ầm ường lắm.”

Tôi mặc áo thun, quần soóc và mang vớ đi ngủ. Không cần biết trời nóng thế nào, tôi đã quyết tâm, tôi sẽ mặc quần áo đi ngủ mỗi đêm ở Creek, cảm

thấy—chắc là lần đầu tiên trong đời—sợ hãi và phẫn khích khi sống ở một nơi mình không bao giờ biết chuyện gì sẽ xảy ra và chừng nào.

một trăm hai mươi sáu ngày trước

“Ê, CHÍNH THỨC CHIẾN TRANH RỒI,” Đại Tá hét lên vào sáng hôm sau. Tôi lẩn qua nhìn đồng hồ: 7:52. Lớp học đầu tiên ở Culver Creek của tôi, tiếng Pháp, sẽ bắt đầu sau mười tám phút. Tôi chớp mắt vài lần và ngẩng đầu nhìn Đại Tá, đang đứng giữa ghế sofa và BÀN CÀ PHÊ, túm dây đôi giày tennis cũ kỹ đã-từng-mang-màu-trắng giơ lên cao. Gã nhìn tôi một lúc lâu, và tôi nhìn lại gã. Và rồi, gần như được chiếu chậm, nụ cười nhăn nhó dần hiện ra trên khuôn mặt của Đại Tá.

“Tao phải khen tụi nó,” cuối cùng gã nói. “Thông minh phết.”

“Cái gì?” tôi hỏi.

“Tối qua, trước khi tụi nó kêu mày dậy, tao đoán thế, tụi nó đã tè vào giày tao.”

“Mày chắc chứ?” tôi nói, cố không cười.

“Mày muốn ngủi không?” gã nói, đưa đôi giày về phía tôi. “Vì tao ngủi trước rồi, và có, tao dám chắc. Nếu có điều gì tao biết rõ thì đó là lúc tao giẫm vào bãi nước tè của một thằng khác. Như mẹ tao thường nói ấy: ‘Con nghĩ mình đang đi trên nước, nhưng hóa ra giày con dính nước tiểu.’ Nhớ chỉ mặt cả đám cho tao nếu hôm nay mày thấy tụi nó.” Gã bổ sung, “vì chúng ta cần biết vì sao tụi nó lại, ờ, cảm tao tới vậy. Rồi chúng ta phải tính trước và bắt đầu nghĩ cách phá hoại cuộc đời hèn mọn khốn khổ của tụi nó.”

Khi tôi nhận được Cẩm Nang Culver Creek trong kì nghỉ hè và sung sướng nhận ra phần “Nội Quy Ăn Mặc” chỉ bao gồm bốn chữ, giản dị thoải mái, tôi đã không ngờ đến việc bọn con gái sẽ gà gật đến lớp trong bộ đồ ngủ gồm quần soóc vải bông, áo thun và dép xỏ ngón. Giản dị, tôi đoán vậy, và thoải mái.

Và có điều gì đó về bọn con gái mặc đồ ngủ (tuy rất giản dị) đã khiến cho lớp tiếng Pháp vào 8:10 sáng trở nên dễ chịu hơn, nếu tôi hiểu được Madame O'Malley đang nói gì. *Comment dis-tu* “Quý thần ơi, tiếng Pháp của tôi không đủ để qua mô tiếng Pháp II” *en français*? Lớp tiếng Pháp I tôi học hồi ở Florida đã không giúp tôi chuẩn bị tư tưởng cho Madame O'Malley, đã bỏ qua phần thăm hỏi “mùa hè của em thế nào” và nhảy thẳng vào một thứ gọi là *passé composé*, nghĩa là một thì của động từ. Alaska ngồi đối diện tôi trong dãy bàn quay tròn, nhưng cô không nhìn tôi lấy một lần suốt buổi học, dù tôi chẳng để ý tới gì khác ngoài cô ấy. Cô ấy có thể xấu tính... nhưng cách cô ấy nói về chuyện thoát khỏi mê cung vào cái đêm đầu tiên đó—thật thông minh. Và cách cô ấy lúc nào cũng nhếch môi bên phải, như thể chuẩn bị cười mỉm, như thể cô ấy đã thành thạo nửa bên phải của nụ cười độc nhất vô nhị cộp mác *Mona Lisa*...

Trong lớp, sĩ số học sinh có vẻ dễ quản lí, nhưng nó làm tôi thấy ngộp thở ở khu vực phòng học, một tòa nhà nổi dài đối diện kí túc xá được chia thành mười bốn phòng hướng ra bờ hồ. Lũ nhóc chen chúc nhau trên hành lang chật hẹp trước lớp, và dù tìm phòng học không khó (thậm chí với bệnh mù đường, tôi vẫn có thể đi từ lớp Tiếng Pháp ở Phòng 3 đến lớp toán học dự bị ở Phòng 12), tôi vẫn thấy hoang mang suốt cả ngày. Tôi không biết ai và không biết mình nên làm quen với ai, và các môn học *cực kì khó*, đầu mới chỉ là ngày đầu tiên. Cha từng bảo tôi phải cố gắng học, và giờ tôi đã tin ông. Dàn giáo viên nghiêm túc và thông thái, rất nhiều người có học vị “Tiến Sĩ”, đến tiết cuối cùng trước bữa trưa, Tôn Giáo Thế Giới, tôi thấy nhẹ nhõm khủng khiếp. Vốn là di sản từ thời Culver Creek còn là trường dòng nam sinh, tôi đoán lớp Tôn Giáo Thế Giới, môn học bắt buộc của khối mười một và mười hai, chắc sẽ dễ lấy điểm A lắm.

Đây là lớp học duy nhất trong ngày mà bàn ghế không bị xếp thành hình vuông hay hình tròn, nên là, vì không muốn tỏ ra háo hức, tôi chọn ngồi xuống hàng thứ ba lúc 11:03. Tôi tới sớm bảy phút, phần vì tôi thích đúng

giờ, phần vì tôi không có ai để buồn chuyện ngoài hành lang. Không lâu sau đó, Đại Tá bước vào cùng Takumi, và họ ngồi xuống hai bên đối diện tôi.

“Tao nghe vụ tối qua rồi,” Takumi nói. “Alaska giận điên người.”

“Ngộ thật, vì tối qua cô ấy khó chịu ra mặt,” tôi buột miệng.

Takumi chỉ lắc đầu. “Chẹp, thôi, cố không biết rõ toàn bộ câu chuyện. Và con người ta dễ lên cơn lăm, bồ tèo ạ. Mà phải tập sống cùng người khác. Mà đã có thể quen với lũ bạn tồi hơn.”

Đại Tá cắt ngang lời cậu ta. “Thôi trò thuật ngữ tâm lý ấy đi, MC Tiến Sĩ Phil. Bàn chuyện đập tắt nổi loạn nghe coi.” Học sinh bắt đầu nối đuôi nhau vào lớp, nên Đại Tá ghé sát người tôi thì thầm, “Nếu có thằng nào trong lớp này thì nhớ nói tao biết, được không? Đây, cứ gạch chéo chỗ ngồi của tui nó,” đoạn gã xé một tờ giấy khỏi tập và vẽ hình vuông cho từng bàn. Trong lúc người khác ngồi vào chỗ, tôi thấy một trong số họ— tên cao to với mái tóc lia chia không chệ vào đâu được—Kevin. Kevin nhìn trừng trừng Đại Tá trong lúc đi qua, nhưng khi cố liếc xéo, hẳn quên không nhìn bước chân và va đùi vào bàn. Đại Tá cười nắc nẻ. Một trong hai tên còn lại, cái thẳng hoặc hơi mập hoặc tập gym quá đà, đi tới sau Kevin, mặc quần kaki gấp nếp và áo polo tay ngắn màu đen. Trong lúc cả hai ngồi xuống, tôi gạch chéo hai ô vuông tương ứng trong sơ đồ của Đại Tá và đưa nó cho gã. Ngay lúc đó, Ông Già bước vào.

Ông ta hít thở chậm rãi và nặng nhọc qua cái miệng há to. Ông đi từng bước nhỏ tôi bực giảng, gót bàn chân này không vượt hơn đầu ngón chân kia. Đại Tá huých tôi và thản nhiên chỉ vô tập của gã, *Ông Già chỉ có một lá phổi*, và tôi không nghi ngờ điều đó. Tiếng thở khò khè gần như đứt hơi của ông gợi tôi nhớ đến ông ngoại tôi lúc sắp lìa đời vì ung thư phổi. Khuôn ngực rộng và già nua, Ông Già, theo như tôi thấy, chắc sẽ ngum củ tỏi trước khi đến được bục giảng.

“Tôi,” ông nói, “là Tiến Sĩ Hyde. Dĩ nhiên tôi cũng có tên. Nhưng các em phải gọi tôi là Tiến Sĩ. Cha mẹ các em trả rất nhiều tiền để các em được học ở đây, và tôi mong các em sẽ báo đáp sự đầu tư của họ bằng cách đọc những

gì tôi yêu cầu, khi tôi yêu cầu và thường xuyên có mặt trong lớp. Và khi các em ở đây, các em phải lắng nghe những gì tôi nói.” Rõ là không dễ lấy điểm A.

“Năm nay, chúng ta sẽ học ba tập tục tôn giáo: Hồi Giáo, Thiên Chúa Giáo và Phật Giáo. Chúng ta sẽ nghiên cứu ba tập tục khác vào năm sau. Và trong lớp của tôi; tôi sẽ là người nói chủ yếu, còn các em sẽ là người nghe chủ yếu. Vì các em có thể khôn khéo, nhưng tôi đã khôn khéo lâu hơn. Tôi chắc vài em sẽ không thích những lớp học diễn thuyết, nhưng hẳn các em cũng thấy rồi, tôi không còn trẻ như xưa. Tôi muốn dành chút hơi tàn để bàn về những ưu điểm của lịch sử Hồi Giáo với các em, nhưng thời gian chúng ta ở cạnh nhau rất ngắn. Tôi phải nói, và các em phải nghe, vì ở đây chúng ta đang nghiên cứu mười câu quan trọng nhất trong lịch sử: tìm kiếm những ý nghĩa. Bản chất của con người là gì? Cách tốt nhất để sống như một con người? Chúng ta sinh ra như thế nào, và sẽ hóa thành cái gì khi không còn nữa? Nói tóm lại: Luật chơi của trò này là gì, và chúng ta làm sao để chiến thắng?”

Bản chất của mê hồn trận, tôi nguệch ngoạc trong cuốn sổ đóng gáy lò xo, và cách thoát ra khỏi nó. Ông thầy tuyệt cú mèo. Tôi ghét mấy lớp họ thảo luận, và tôi ghét phải nghe người khác lặp bặp từng chữ và cố diễn tả sự vật theo lối mơ hồ nhất có thể để nghe cho đỡ tởm, và tôi ghét việc tất cả chỉ là trò đoán xem giáo viên muốn nghe gì rồi phát biểu. Tôi đang ở trong *lớp*, nên *hãy dạy tôi đi*. Và ông dạy tôi thật: Trong năm mươi phút đó, Ông Già đã bắt tôi học về tôn giáo một cách nghiêm túc. Tôi chưa bao giờ sùng đạo, nhưng ông bảo chúng tôi rằng tôn giáo rất quan trọng dù *chúng* tôi tin hay không, cũng như sự kiện lịch sử rất quan trọng dù bạn có đích thân trải nghiệm hay không. Rồi ông giao cho chúng tôi đọc năm mươi trang cho ngày hôm sau—from một cuốn sách tên Tôn Giáo Học.

Trưa hôm đó, tôi có hai tiết học và hai tiết tự do. Chúng tôi có chín lớp năm-mười-phút mỗi ngày, nghĩa là phần lớn học sinh đều có ba “tiết bộ môn” (ngoại trừ Đại Tá, gã có thêm một lớp toán tự học nhờ cái danh Thần Đồng Siêu Việt). Đại Tá và tôi học chung lớp Sinh học, nơi tôi chỉ ra tên đã

quấn bãng khắp người tôi tối qua. Đại Tá viết ở góc trên cùng của quyển sổ, *Longwell Chase. Chiến Binh N/ Thường Lớp Mười Hai. Bạn Sara. Quái gở.* Tôi mất một phút để nhớ ra Sara là ai: Bạn gái của Đại Tá.

Tôi dành mấy tiết tự học ở trong phòng để đọc về tôn giáo. Tôi học được rằng *thần thoại* không có nghĩa là dối trá; nó nghĩa là một câu chuyện cổ xưa về con người và nhân sinh quan cùng những tín ngưỡng linh thiêng của họ. Thật thú vị. Tôi cũng học được rằng sau những sự kiện đêm qua, tôi đã quá mệt để quan tâm tới thần thoại hay cái gì khác, nên tôi ngủ trên đệm gần hết buổi trưa, đến khi tôi tỉnh giấc vì nghe Alaska hát, “DẬY ĐI, BÉ BỤ TÍ HONNNNNNNN!” thẳng vào lỗ tai bên trái của tôi. Tôi ôm chặt cuốn sách tôn giáo vào lòng như một tấm mền bảo hộ bìa mềm.

“Ghê quá,” tôi nói. “Mình phải làm gì để bảo đảm rằng nó sẽ không bao giờ xảy ra với mình nữa?”

“Cậu không thể làm gì cả!” cô ấy reo lên phấn khích. “Mình khó đoán lắm. Chúa ơi, cậu có ghét Tiến Sĩ Hyde không? Có không? Ông hợm hĩnh quá.”

Tôi ngồi dậy và nói, “Mình nghĩ ông là thiên tài,” phần vì tôi thấy đúng và phần vì tôi chỉ muốn cãi lại cô ấy.

Cô ấy ngồi xuống giường. “Lúc nào cậu cũng mặc đồ đi ngủ à?”

“Ừa.”

“Vui thật,” cô ấy bảo. “Tối qua cậu đâu có mặc gì nhiều.” Tôi chỉ liếc cô ấy.

“Thôi nào, Bé Bụ. Mình chọc cậu thôi, ở đây cậu phải cứng rắn. Mình không biết chuyện tệ dữ vậy, mình xin lỗi, và họ sẽ phải hối hận nhưng cậu phải cứng rắn lên.” Và rồi cô ấy bỏ đi. Đây là tất cả những gì cô ấy muốn nói về chuyện này. *Để thương đó, tôi nghĩ, nhưng mà không cần một cô gái đối xử với mà như thằng nhóc mười tuổi: Mà đã có một bà mẹ rồi.*

một trăm hai mươi hai ngày trước

SAU LỚP HỌC CUỐI CÙNG trong tuần đầu tiên ở Culver Creek, tôi bước vào Phòng 43 và bắt gặp một cảnh tượng hiếm thấy: Đại Tá nhỏ con đang ở trần, gã lom khom trên tấm ván ủi quần áo, giày vò một cái áo sơ-mi màu hồng có nút cài ở cổ. Mồ hôi chảy dài từ trán và ngực gã trong lúc gã hì hụi ủi áo, tay phải gã đẩy cái bàn ủi dọc theo chiều dài áo bằng một sự hăng say quyết liệt, khiến hơi thở của gã gần như giống hệt Tiến sĩ Hyde.

“Tao có một cuộc hẹn,” gã giải thích. “Đây là trường hợp khẩn cấp.” Gã dừng lại để lấy hơi. “Mày biết”—thở dốc—“ủi quần áo không?”

Tôi đi đến chỗ cái áo màu hồng. Nó nhăn nhúm như một bà già đã phơi nắng cả thời thanh xuân. Phải chi Đại Tá không vo tròn tất cả mọi thứ và nhét đại chúng vào mấy ngăn tủ. “Tao nghĩ mày chỉ bật nó lên và đè nó lên áo thôi, phải không?” tôi nói. “Tao không biết. Tao thậm chí còn không biết tụi mình có một cái bàn ủi nữa là.”

“Đâu ra. Cửa thang Takumi đấy. Nhưng nó cũng chẳng biết ủi áo. Và khi tao hỏi Alaska, con nhỏ bắt đầu la hét, ‘Cậu không được giở cái thói gia trưởng ấy với mình.’ Ôi, lạy Chúa, tao cần hút thuốc. Tao cần hút thuốc, nhưng người tao không thể bốc mùi khi ra mắt bố mẹ Sara. Được, thầy kệ. Chúng ta sẽ hút thuốc trong phòng tắm và mở vòi sen lên. Vòi có hơi nước. Hơi nước làm mất vết nhăn đúng không?”

“Nhân tiện,” gã nói trong lúc tôi theo gã vô phòng tắm, “nếu mày muốn hút thuốc vào ban ngày, cứ bật vòi sen lên. Khói sẽ theo hơi nước bay ra lỗ thông hơi.”

Dù điều này nghe hơi sai về mặt khoa học, nó có vẻ hiệu quả. Áp suất nước thiếu hụt và vòi sen thấp lè tè làm phòng tắm trở nên vô dụng trong việc tắm rửa, nhưng dùng làm bình phong thì chuẩn khỏi chê.

Khốn khổ thay, nó lại là một cái bàn ủi tệ hại. Đại Tá cố ủi cái áo thêm lần nữa (“Tao sẽ đẩy thật mạnh xem có đỡ chút nào không”) và cuối cùng vẫn mặc nó trong tình trạng nhăn nheo. Gã thắt một chiếc cà-vạt màu xanh dương với họa tiết chim hồng hạc nằm ngang để phối với cái áo.

“Điều duy nhất ông bố cùi bắp của tao dạy,” Đại Tá nói trong khi hai tay thoăn thoắt đan cài chiếc cà-vạt thành một nút thắt hoàn hảo, “là cách thắt cà-vạt. Kì quặc nhỉ, vì tao không thể tưởng tượng ra có dịp nào ông phải thắt cà-vạt hết.”

Ngay lúc đó, Sara gõ cửa. Tôi đã thấy cô gái một hoặc hai lần trước đó, nhưng Đại Tá chưa bao giờ giới thiệu tôi với cô và đêm ấy gã cũng không có dịp.

“Ôi Chúa ơi. Anh không ủi được cái áo sao?” cô vắn vẹo, dù Đại Tá đang đứng trước tấm ván ủi. “Tụi mình sắp đi chơi với *bố mẹ em*.” Sara trông tuyệt đẹp trong bộ váy mùa hè màu xanh. Mái tóc dài hoe vàng được cột lên thành búi, với một lọn tóc buông xõa ở hai bên. Nhìn cô như một siêu sao—một cô nàng đồng đánh.

“Nghe này, anh cố hết sức rồi. Không phải ai cũng có hầu gái ủi đồ giùm đâu.”

“Chip, cái kiểu ăn nói hoành hợc ấy làm anh lùn hơn đó.”

“Quý thần ơi, tụi mình có thể ra cửa mà không cãi nhau không?”

“Em nói vậy thôi. Là một vở *opera* đấy. Nó rất quan trọng với bố mẹ em. Mà sao cũng được. Đi thôi.” Tôi muốn lánh đi, nhưng trốn trong nhà tắm nghe hơi tồ, và Sara đang đứng án ở cửa, một tay chống hông, một tay nghịch chìa khóa xe như thể muốn nói, *Đi thôi*.

“Anh có thể mặc tuxedo và bố mẹ em vẫn sẽ ghét anh!” gã hét lên.

“Không phải lỗi của em! Do anh chọc tức họ!” Đoạn cô giơ chìa khóa xe trước mặt gã. “Được rồi, hoặc ta đi ngay bây giờ hoặc không đi đâu cả.”

“Cóc cần. Tôi không đi đâu với cô hết,” Đại Tá độp lại.

“Ồn thôi. Buổi tối tốt lành.” Sara đập cửa mạnh đến nỗi cuốn tiểu sử Leo Tolstoy cỡ lớn của tôi (lời trắng trối của ông: “Sự thật là... ta quan tâm rất nhiều... đến những gì họ...”) rớt khỏi kệ sách và rơi bịch xuống sàn nhà kê ca-rô, tựa như tiếng vọng của cánh cửa đóng sầm.

“AAAAA!!!!!!!!!!!!!!” gã gào to.

“Ra đây là Sara,” tôi nói.

“Ờ.”

“Nom tốt tính dữ.”

Đại Tá bật cười, gã quì xuống kể tủ lạnh mini và lôi ra một bình gần bốn lít sữa. Gã mở nắp, nhấp một ngụm, nhăn mặt, ho mấy tiếng, rồi ngồi xuống sofa với bình sữa kẹp giữa hai chân.

“Sữa chua rồi hay sao?”

“Ồ, đáng ra tao phải nói sớm hơn. Đây không phải sữa. Nó là hỗn hợp năm phần sữa và một phần vodka. Tao gọi nó là ambrosia. Thức uống thần thánh. Mà không ngửi ra mùi vodka trong sữa, nên Đại bàng không thể bắt tội tao trừ phi ổng uống thử một ngụm. Khuyết điểm của nó là có vị như sữa chua và cần tẩy rửa, nhưng giờ là tối thứ sáu, Bé Bự ạ, và bạn gái tao là một con quỷ cái. Mà uống không?”

“Tao xin kiếu.” Ngoại trừ vài ngụm sâm-panh mừng Năm Mới dưới sự giám sát chặt chẽ của cha mẹ, tôi thật sự chưa bao giờ uống thứ nước có cồn nào, và “ambrosia” dường như không phải loại đồ uống thích hợp để khởi đầu. Bên ngoài, tôi nghe tiếng bốt điện thoại reng. Tôi thấy ngạc nhiên trước tần suất hiếm hoi của nó, trong khi chỉ có năm bốt điện thoại chia cho 190 đứa học sinh. Chúng tôi không được dùng điện thoại di động, nhưng tôi để ý vài đứa Chiến Binh Ngày Thường lén mang theo. Và hầu hết những đứa không-phải-Chiến-Binh gọi cha mẹ của chúng khá thường xuyên, như tôi, nên các bậc phụ huynh chỉ gọi khi con của họ quên mất.

“Mày không bắt máy à?” Đại Tá hỏi tôi. Tôi không thích bị gã ra lệnh, nhưng tôi cũng không có hứng đánh nhau.

Qua cảnh tranh tối tranh sáng chớp nháy, tôi đi bộ đến bốt điện thoại, nó được khoan vào tường giữa Phòng 44 và 45. Ở hai bên là một tá những số điện thoại và ghi chú riêng tư được viết bằng bút bi và bút lông (205.555.1584; *Tommy đến sân bay 4:20*; 773.573.6521; *IG—KuJfs?*). Bạn phải thật kiên nhẫn để gọi tới số điện thoại trả tiền. Tôi bắt máy sau tiếng reng thứ chín.

“Cậu bảo Chip đến hộ tôi được không?” Sara hỏi. Nghe như cô đang dùng điện thoại di động.

“Ờ, chờ chút.”

Tôi quay lại, và gã đã ở ngay sau lưng, như thể gã biết trước rằng đây là cổ. Tôi đưa gã ống nghe rồi đi về phòng.

Một phút sau, một câu gồm năm từ vọng tới phòng chúng tôi qua bầu không khí dày đặc, yên tĩnh ở Alabama vào sập tối. “Cô cũng tồi chẳng kém!” Đại Tá hét lên.

Gã trở về phòng, ngồi xuống với bình ambrosia và bảo tôi, “Cổ nói tao mách lẻo thẳng Paul với con Marya. Đây là những gì tụi Chiến Binh kháo nhau. Rằng tao mách lẻo tụi nó. *Tao*. Đây là lí do có nước tiểu trong giày. Đây là lí do bọn nó suýt giết mày. Vì mày ở với tao, và tụi nó gọi tao là thẳng phản bội.”

Tôi cố nhớ xem Paul và Marya là ai. Hai cái tên quen quen, nhưng tôi đã nghe quá nhiều tên trong suốt tuần qua, và tôi không thể gán cho “Paul” và “Marya” một khuôn mặt nào cả. Đoạn tôi hiểu ra: Tôi chưa bao giờ gặp họ. Họ bị đuổi học năm ngoái vì phạm phải Tam Tội.

“Mày quen cổ bao lâu rồi?” Tôi hỏi.

“Chín tháng. Tụi tao chưa bao giờ hòa thuận. Ý tao là, tao còn chẳng thích cổ tẹo nào. Kiểu, bố mẹ tao ấy, bố tao sẽ tức giận, rồi ông sẽ đánh mẹ tao dã man. Xong ông sẽ lại vui vẻ, và họ sẽ có một giai đoạn như kì trăng mật. Nhưng tao chưa từng có một kì trăng mật với Sara. Quý thần ơi, sao cổ có thể nghĩ tao là một thẳng phản bội chứ? Tao biết, tao biết: Sao tụi tao không chia tay đi?” Gã đưa tay vò tóc, nắm một nhúm trên đầu, rồi bảo, “Tao đoán tao ở bên cổ vì cổ ở bên tao. Và đây không phải một điều dễ dàng. Tao là một thẳng bạn trai tồi, cổ là một cô bạn gái tồi. Chúng tao rất xứng với nhau.”

“Nhưng...”

“Tao không thể tin là tụi nó nghĩ như thế,” gã nói trong lúc đi đến kệ sách và lôi cuốn niên giám ra. Gã hớp một ngụm lớn ambrosia. “Lũ Chiến Binh Ngày Thường chết tiệt. Chắc chắn một trong số chúng đã mách lẻo Paul và Marya rồi đổ cho tao để giấu tội. Thôi kệ, đêm nay rất tốt để ở nhà. Ở nhà với Bé Bự và ambrosia.”

“Tao vẫn...” tôi lên tiếng, muốn nói rằng tôi không hiểu sao gã có thể hôn một người đã tin rằng gã là kẻ phản bội vốn là điều tệ hại nhất thế gian, nhưng Đại Tá đã ngắt lời tôi.

“Mày đừng nói về chuyện này nữa. Mày biết thủ đô của Sierra Leone là gì không?”

“Không.”

“Tao cũng thế,” gã bảo, “nhưng tao định sẽ tìm ra.” Và chỉ vậy, gã cúi mũi xuống cuốn niên giám, và cuộc nói chuyện kết thúc.

một trăm mười ngày trước

CHUYỆN THEO KỊP BÀI VỞ hóa ra dễ hơn tôi tưởng. Khuynh hướng ngồi nhà đọc sách của tôi rốt cuộc lại đem đến lợi thế khác biệt so với một học sinh trung bình ở Culver Creek. Tầm tuần thứ ba trông trường, khá nhiều đứa đã bị cháy nắng thành vàng nâu như món burri-chiến sau những ngày buôn chuyện ngoài trời trong giờ tự học ngoài sân kí túc xá không bóng râm. Nhưng da tôi còn chả thềm hồng lên: Tôi ngồi học trong phòng.

Và tôi lắng nghe bài giảng nữa, nhưng sáng hôm thứ tư ấy, khi Tiến sĩ Hyde khởi sự nói về việc những người theo đạo Phật tin rằng, tất cả mọi thứ đều có liên quan đến nhau, tôi lại đang nhìn ra ngoài cửa sổ. Tôi đang nhìn về ngọn đồi rậm rạp, thoải thoải bên kia hồ. Và từ lớp học của ông Hyde, cảnh vật có vẻ gắn kết với nhau: Những hàng cây bao trùm ngọn đồi, và hết như lúc tôi không nhận ra sợi chỉ mảnh vắt ngang cái áo ba lỗ ôm sát người mà Alaska mặc hôm đó, tôi lại càng khó trông rõ từng hàng cây giữa cả cánh rừng rậm rạp, tất cả đan xen vào nhau một cách phức tạp đến nỗi không lí

nào có thể phân biệt được một cái cây tách biệt khỏi ngọn đồi. Đoạn tôi nghe thấy tên mình, và tôi biết mình đang gặp rắc rối.

“Cậu Halter,” Ông già nói. “Tôi ở đây, gào nát phổi để cậu mở mang đầu óc. Vậy mà hình như *thứ gì đó* ngoài kia đã khiến cậu mê mẩn theo cách mà tôi không thể làm. Nói tôi nghe: Cậu đã phát hiện điều gì ngoài ấy?”

Giờ tôi thấy hơi thở mình đứt quãng, cả lớp chăm chú nhìn theo, tạ ơn Chúa vì họ không phải là tôi. Tiến Sĩ Hyde đã làm điều này ba lần, đá đít học sinh khỏi lớp vì không chú ý nghe giảng hoặc chuyên thư cho nhau.

“Ừm, em chỉ nhìn ra, ừm, ngọn đồi ở ngoài và nghĩ về, ừm, cây và rừng, như thầy vừa giảng, về cách...”

Ông Già, rõ ràng không chịu được kiểu phát âm lúng búng, cắt ngang lời tôi. “Tôi sẽ phải yêu cầu cậu ra khỏi lớp, cậu Halter, để cậu được ra ngoài và khám phá mối quan hệ giữa ừm-cây và ừm-rừng. Và ngày mai, khi cậu sẵn sàng học môn này một cách nghiêm túc, tôi sẽ chào đón cậu trở lại.”

Tôi ngồi yên, bút cầm trên tay, tập chép bài mở toang, mặt tôi đỏ lừ và cảm tôi nhô ra như bị móm, một mẹo cũ tôi học được để trông không rầu rĩ hay lo sợ. Tôi nghe tiếng ghế di chuyển ở hai hàng phía sau và quay lại để thấy Alaska đứng dậy, quàng ba-lô qua một bên vai.

“Em xin lỗi, nhưng thật vớ vẩn. Thầy không thể đuổi cậu ấy ra khỏi lớp. Thầy luyện thuyên suốt một tiếng liền mỗi ngày, và chúng em không được phép nhìn ra ngoài *cửa sổ?*”

Ông già nhìn Alaska như con bò nhìn đấu sĩ, rồi đưa tay lên khuôn mặt chảy xệ của mình và chậm chậm xoa đám râu bạc lởm chởm trên má. “Năm mươi phút một ngày, năm ngày một tuần, các em phải tuân theo luật của tôi. Hoặc các em sẽ rớt môn. Lựa chọn là của các em. Giờ cả hai ra ngoài đi.”

Tôi nhét tập vào ba-lô và bước ra, cảm thấy xấu hổ. Sau khi cửa đóng lại, có người vỗ vai trái của tôi. Tôi quay lại, nhưng không có ai cả. Rồi tôi quay sang hướng đối diện, và Alaska đang cười với tôi, lớp da giữa mắt và thái

dương kéo thành hình ngôi sao tỏa sáng. “Chiêu trò cũ rích,” cô ấy nói, “nhưng ai cũng mắc lừa.”

Tôi gượng cười, nhưng tôi không thể thôi nghĩ về Tiến sĩ Hyde. Chuyện này còn tệ hơn Sự Cố Băng Dính, vì tôi biết thừa mấy thằng Kevin Richman trên thế giới không ưng tôi. Nhưng các giáo viên của tôi luôn là thành viên mang thẻ của Hội Những Người Hâm Mộ Miles Halter.

“Mình đã bảo cậu ông ta đáng ghét lắm mà,” cô ấy nói.

“Mình vẫn nghĩ ông là thiên tài. Ông nói đúng. Mình đã không nghe giảng.”

“Phải, nhưng ông đâu cần khó chịu như vậy. Bộ ông cần làm nhục cậu để chứng tỏ uy quyền à!? Dù sao đi nữa,” cô ấy tiếp tục, “thiên tài thực thụ là những tác giả: Yeats, Picasso, García Márquez: *thiên tài*. Tiến sĩ Hyde: một ông già chua chát.”

Đoạn cô ấy tuyên bố chúng tôi sẽ đi tìm cỏ bốn lá đến khi tiết học kết thúc và chúng tôi có thể đi hút thuốc với Đại Tá và Takumi, “mà cả hai,” cô để thêm, “đều là bọn cùi bắp vì đã không bỏ ra khỏi lớp ngay sau chúng ta.”

Khi Alaska Young ngồi khoanh chân rồi cúi người về phía trước trên một tràng cỏ ba lá mỏng manh và xanh mướt theo mùa, để lộ làn da nhợt nhạt quanh bộ ngực cỡ bự, xét về mặt tâm lý con người mà nói thì rõ là tôi không thể tham gia tìm kiếm cùng cô ấy được. Tôi đã gặp đủ rắc rối vì nhìn vào những chỗ không nên rồi, nhưng mà...

Sau chừng hai phút cào xới xuyên tràng cỏ với mười đầu móng tay thon dài nhuộm bẩn, Alaska tóm lấy một ngọn cỏ với ba lá to tròn và một lá thứ tư nhỏ xíu, còi cọc rồi ngẩng lên nhìn tôi, không kịp để tôi dời mắt ra chỗ khác.

“Dù rõ ràng cậu không giúp gì trông việc tìm cỏ bốn lá, đồ dê xồm,” cô ấy thản nhiên nói, “mình vẫn sẽ cho cậu ngọn cỏ này. Ngoại trừ chuyện may mắn chỉ dành cho lũ dở hơi.” Cô ấy kẹp cái lá nhỏ giữa móng ngón cái và ngón trỏ rồi ngắt nó. “Xong,” cô nói với ngọn cỏ trông lúc thả nó rơi xuống đất. “Giờ cậu không còn là một thằng lập dị bẩm sinh nữa.”

“Ừm, cảm ơn,” tôi đáp. Chuông vang lên, và Takumi và Đại Tá lao ra khỏi cửa trước tiên. Alaska nhìn họ chăm chặp.

“Gì?” Đại Tá hỏi. Nhưng cô ấy chỉ đảo mắt và bắt đầu rảo bước. Chúng tôi lặng lẽ theo sau đến hết kí túc xá rồi băng qua sân bóng. Cả bọn chui vào rừng, lần theo lối đi mờ nhạt quanh hồ tới khi đụng phải đường đất. Đại Tá bắt kịp Alaska, và họ bắt đầu cãi nhau về chuyện gì đó khế khàng đến nỗi tôi không nghe ra từ nào ngoài vẻ bực tức lẫn nhau, sau cùng tôi mới hỏi Takumi chúng tôi đang đi đâu.

“Đường này dẫn tới chuồng bò,” cậu ta nói. “Nên có thể là nơi đó. Nhưng chắc là trúng hút thuốc. Rồi mày sẽ thấy.”

Ở đây, rừng cây là thứ hoàn toàn khác hẳn lúc nhìn từ lớp học của Tiến Sĩ Hyde. Mặt đất dày đặc những nhánh cây gãy, lá thông thối rữa cùng bụi xanh đầy gai; lối đi uốn quanh những hàng thông cao lớn, khẳng khiu, mấy tán lá tua rua của chúng tạo thành bóng râm lỗ chỗ tránh ngày nắng gắt. Và những cây sồi và cây thích nhỏ hơn, cứ tưởng vô hình bên dưới tàn thông oai nghiêm khi nhìn từ phòng học, cho thấy dấu hiệu của mùa thu khó đoán: Những chiếc lá còn xanh của chúng đã bắt đầu rử xuống.

Chúng tôi đến một cây cầu gỗ ọp ẹp, chỉ là tấm ván dày lót trên nền bê-tông bắc ngang Culver Creek, con lạch uốn lượn bên dưới chảy vòng vèo quanh khu ngoại ô của khuôn viên. Ở phía xa cây cầu, có một lối đi tí hon dẫn xuống một triền dốc. Nó thậm chí còn không giống một lối đi ngoài loạt dấu hiệu cảnh cây bị gãy ở đây, một vạt cỏ bị đạp ở kia là trước đây từng có người đi qua. Trong lúc lần lượt đi xuống, Alaska, Đại Tá và Takumi đều cầm lấy một cành cây thích, chuyền cho nhau đến khi tôi, kẻ cuối cùng trông hàng, bẻ gãy nó rồi quăng ra phía sau. Và kia, bên dưới cây cầu, là một ốc đảo. Một phiến bê-tông mỏng, rộng một mét dài ba mét, với những cái ghế nhựa màu xanh bị lấy cắp từ một phòng học nào đó rất lâu về trước. Được con lạch và bóng râm của cây cầu làm mát, lần đầu tiên trông suốt nhiều tuần liền, tôi mới thấy đỡ nóng.

Đại Tá mời thuốc. Takumi từ chối; hai đứa còn lại châm lửa.

“Ý mình là ông không có quyền lên giọng với tui mình,” Alaska nói, tiếp nối cuộc trò chuyện với Đại Tá. “Bé Bự đã thôi nhìn ra ngoài cửa sổ, và mình đã thôi chửi rủa ông, nhưng ông là một thầy giáo tồi, và cậu không thể thuyết phục mình nghĩ khác.”

“Được,” Đại Tá bảo. “Nhưng đừng gây chuyện nữa. Lạy Chúa, cậu suýt giết lão già tội nghiệp ấy đấy.”

“Thiệt luôn, cậu không bao giờ thắng khi chống đối ông Hyde đâu,” Takumi góp lời. “Ông sẽ ăn tươi nuốt sống cậu, thải cậu ra, rồi tè lên bãi phân. Nhân tiện, đó vốn là thứ chúng ta nên làm với cái đứa bán đứng Marya. Có ai nghe gì không?”

“Chắc là đứa Chiến Binh Ngày Thường nào đó,” Alaska nói. “Nhưng rõ ràng tui nó nghĩ thủ phạm là Đại Tá. Nên ai mà biết. Có lẽ Đại Bàng chỉ gặp may. Nhỏ đó quá ngu; nó bị bắt; bị đuổi học; xong đời. Đây là những gì sẽ xảy ra khi cậu ngu ngốc và bị bắt.” Alaska cong môi thành hình chữ o, cử động miệng như con cá vàng đớp mồi, cố gắng thổi vòng khói mà chẳng được.

“Oa,” Takumi nói, “nếu sau này tôi bị đuổi học, nhớ nhắc tôi tự lực cánh sinh nhé, vì tôi chắc chắn không nhờ vả gì cậu được.”

“Đừng có điên,” cô ấy đáp, không hấn tức giận mà có vẻ gạt ngang. “Mình không hiểu vì sao cậu lại ám ảnh với chuyện tìm hiểu mọi việc đang diễn ra ở đây đến vậy, như thế chúng ta phải làm sáng tỏ tất cả bí ẩn. Lạy Chúa, xong rồi, Takumi, cậu thôi cái trò đánh cắp rắc rối của người khác và tự tạo vài cái cho chính mình đi.” Takumi định mở miệng lần nữa, nhưng Alaska giơ tay như muốn gạt bỏ câu chuyện.

Tôi không nói gì, tôi không biết Marya, với lại, “yên lặng lắng nghe” là chiến thuật ngoại giao phổ biến của tôi.

“Dù sao thì,” Alaska nói với tôi. “Mình nghĩ cách ông đối xử với cậu thật tệ lậu. Mình muốn khóc luôn. Mình chỉ muốn hôn cậu và giúp cậu thấy khá hơn.”

“Buồn là cậu đã không làm thế,” tôi thản nhiên nói, và họ bật cười

“Cậu đáng yêu quá,” cô ấy nói, và tôi cảm nhận được ánh nhìn mãnh liệt của cô và bối rối quay đi. “Tiếc quá, mình yêu bạn trai mình.” Tôi nhìn chăm chăm vào đồng rổ cây chằng chịt bên bờ lạch, cố tỏ vẻ như mình không vừa được gọi là đáng yêu.

Takumi cũng không tin, và cậu ta đi đến chỗ tôi, đưa tay vò tóc tôi, và bắt đầu đọc *rap* cho Alaska nghe. “Ừa, Bé Bự rất đáng yêu/ Nhưng cậu thích quáai chiêu / Nên Jake mới dễ chịu/ Vì cậu ta rất chết tiệt. Chết tiệt. Suýt nữa mình có bốn từ vần với *đáng yêu* rồi. Nhưng tất cả những gì mình nghĩ được là *đàng điệu*, mà nó thậm chí còn không phải một từ.”

Akska bật cười. “Cậu làm mình hết giận rồi. Chúa ơi, đọc *rap* gợi tình phết. Bé Bự, cậu có biết mình đang ở cùng em-xi đỉnh nhất bang Alabama chưa?”

“Ừm, không.”

“Nổi nhạc lên, Đại Tá Tai Ương,” Takumi hô vang, và tôi bật cười trước ý nghĩ một gã thấp bé và ngớ ngẩn như Đại Tá cũng có nghệ danh *rap*. Đại Tá khum tay đặt lên miệng và bắt đầu tạo ra mấy âm thanh lô bịch mà tôi đoán là nhạc miệng. *Bình-bịch. Bình-bìnhbình-bịch. Takumi* cười phá lên.

“Bên bờ sông hôm nay, cậu muốn thấy tôi chứng tỏ?/ Nếu làn khói là que kem, thì tôi sẽ liếm nó/ Tôi đặt vần lạch hậu tựa người La Mã thuở hồng hoang/ Đại Tá bắt nhịp buồn như Arthur Miller viết về Willy Loman/ Đôi khi tôi bị gọi là một ông bầu đa đoan/ Tôi có thể *rap* nhanh và *rap* chậm, thưa ông bạn.”

Cậu ta dừng lại, hít một hơi, rồi kết thúc.

“Như Emily Dickinson, tôi không sợ vần méo/ Và đây là kết thúc của đoạn này, em-xi xin chốt kèo.”

Tôi không biết phân biệt vần méo với vần thường, nhưng tôi đại để cũng ấn tượng. Chúng tôi khẽ vỗ tay hoan hô Takumi. Alaska hút hết điếu thuốc và búng nó ra sông. “Sao cậu hút nhanh dữ vậy?” tôi hỏi.

Cô ấy nhìn tôi cười toe toét, và nụ cười toe toét trên khuôn mặt thon gọn của cô đáng lẽ đã trông thật dở hơi nếu không phải vì màu xanh lục bảo thanh tao tuyệt mỹ trong đôi mắt. Cô ấy cười với tất cả sự hào hứng của một đứa trẻ vào buổi sáng Giáng Sinh và nói, “Các cậu hút để thưởng thức. Mình hút để chết.”

một trăm lẻ chín ngày trước

BỮA TỐI Ở CĂN-TIN vào hôm sau là thịt bò xay nướng sốt cà chua, một trong những món hiếm có không bị chiên ngập dầu, và, có lẽ bởi vì vậy mà nó là thất bại ê chề nhất của Maureen, một hỗn hợp dai nhách dầm nước sốt có hình dạng và mùi vị chẳng giống thịt bò chút nào. Alaska có một chiếc xe, dù tôi chưa bao giờ ngồi vào đấy, và cô ấy đề nghị chở tôi và Đại Tá đến McDonald’s, nhưng Đại Tá hết sạch tiền, và tôi cũng không có bộn, tại tôi phải liên tục trả cho thói quen hút thuốc xa hoa của gã.

Nên thay vào đó Đại Tá và tôi hâm lại món burri-chiên đã để qua hai ngày. Khác với, ví dụ, khoai tây chiên, một cuốn burri-chiên hâm nóng không hề đánh mất hương vị cũng như độ giòn đã đời của nó sau đó đã khiến Đại Tá khăng khăng đòi đến xem trận bóng rổ đầu tiên trong mùa giải của Creek.

“Bóng rổ vào mùa thu?” tôi hỏi Đại Tá. “Tao không rành về thể thao lắm, nhưng không phải đây là lúc chơi bóng bầu dục sao?”

“Mấy trường trong liên đoàn của chúng ta quá nhỏ không lập thành đội bóng bầu dục được, nên chúng ta chơi bóng rổ vào mùa thu. Mặc dù, bạn tao ơi, đội bóng bầu dục của Culver Creek chắc chỉ để trưng cho có. Cái thằng ốm yếu nhà mày biết đâu sẽ được vào đội hình chính thức. Nói chung là, mấy trận bóng rổ tuyệt lắm.”

Tôi ghét thể thao. Tôi ghét thể thao, và tôi ghét những kẻ chơi chúng, và tôi ghét những kẻ xem chúng, và tôi ghét những kẻ không ghét kẻ xem hoặc chơi chúng. Năm tôi học lớp ba, năm cuối cùng bạn còn chơi bóng mềm, mẹ

tôi muốn tôi kết bạn, nên bà ép tôi tham gia câu lạc bộ Cướp Biển Orlando. Đúng là tôi đã kết bạn với một đám nhóc mẩu giáo, mà điều này chẳng thể nâng cấp địa vị xã hội của tôi với bạn cùng trang lứa. Năm ấy suýt nữa thì tôi được vào đội siêu-sao bóng mềm, chủ yếu vì tôi cao hơn hẳn mấy tuyển thủ còn lại. Thăng nhóc chiếm chỗ tôi, Clay Wurtzel, chỉ có một tay. Tôi là một đứa lớp ba cao vượt trội đầy đủ hai tay, và tôi bị đánh bại bởi thằng mẩu giáo Clay Wurtzel. Và hoàn toàn không phải vì *lòng thương hại một thằng bé khuyết tật*. Clay Wurtzel đánh bóng rất tốt, trong khi thi thoảng tôi còn đánh hụt trái bóng vẫn còn nằm trên cột phát. Một trong những lý do khiến tôi hứng thú với Culver Creek nhất là cha bảo đảm với tôi rằng họ không yêu cầu về thể lực.

“Chỉ có duy nhất một lần tao gạt bỏ nỗi căm thù cháy bỏng của mình với lũ Chiến Binh Ngày Thường, và câu lạc bộ đồng quê chết giẫm của tụi nó,” Đại Tá bảo tôi. “Và đấy là khi chúng nó bật điều hòa trong phòng thể dục cho một trận đấu bóng rổ lỗi thời kiểu Culver Creek. Mà không được bỏ lỡ trận đấu đầu tiên của năm.”

Trông lúc đi tới phòng thể dục rộng như nhà để máy bay, tôi đã thấy nhưng chưa bao giờ nghĩ chuyện đến gần, Đại Tá giải thích cho tôi điều quan trọng nhất về đội bóng rổ của trường: Họ chơi không giỏi lắm. “Ngôi Sao” của cả đội, Đại Tá bảo, là một đàn anh lớp mười hai tên Hank Walsten, chơi ở vị trí tiền đạo chính dù chỉ cao một mét bảy mươi hai. Nguyên do chủ yếu Hank nổi tiếng khắp trường, tôi đã biết trước, là anh ta luôn phê cở, và Đại Tá kể rằng suốt bốn năm liền, Hank chưa bao giờ bắt đầu một trận nào trong trạng thái tỉnh táo.

“Nó nghiện cở như Alaska nghiện làm tình,” Đại Tá so sánh. “Đấy là thằng cha đã chế tạo tẩu hút cần chỉ bằng nòng súng hơi, một trái lê chín, và một tấm ảnh Anna Kournikova giấy bóng cỡ tám-mười. Một tên ngu độn, nhưng mà phải ngưỡng mộ lòng tận tụy sắt son của thằng cha với màn chơi thuốc quá liều.”

Từ Hank, Đại Tá tiếp tục, bạn cứ đếm xuống đến khi đụng Wilson Carbod, tuyển thủ trung phong, cao tầm một mét tám hai. “Trường này tệ

vãi,” Đại Tá chê bôi, “chúng ta thậm chí còn không có linh vật. Tao gọi cả bọn là Culver Creek Vô Danh.”

“Vậy là họ chơi rất dở?” tôi hỏi. Tôi không hiểu rõ ý nghĩa của việc xem đội bóng kém tầm của mình bị đánh bại, dù dàn máy điều hòa đã đủ làm lí do cho tôi.

“Ờ, dở lắm,” Đại Tá đáp lời. Nhưng chúng ta luôn hạ đo ván bọn trường đui-điếc.” Có vẻ môn bóng rổ không phải là ưu tiên hàng đầu của Trường Alabama dành cho Trẻ Đui Điếc, thành thử chúng tôi thường kết thúc mùa giải với chiến thắng độc nhất.

Khi chúng tôi đến nơi, sân tập đã chật ních với hầu hết học sinh ở Culver Creek. Tôi nhận ra, ngay lập tức, ba cô gái mang phong cách gothic ở Creek đang kẻ lại viền mắt trong lúc ngồi ở hàng ghế trên cùng trong phòng thể dục. Hồi còn ở nhà, tôi chưa bao giờ tham dự một trận đấu bóng rổ, nhưng tôi đồ rằng đám đông ở đó không đông đến thế này. Dẫu vậy, tôi vẫn ngạc nhiên khi người ngồi trên hàng ghế ngay trước mặt tôi không ai khác chính là Kevin Richman, trông khi đội cổ động của trường đối thủ (màu đại diện của họ vô phước lại là màu nâu đất và màu vàng của nước tiểu khô) cố kích động khu vực đội khách mời ít ỏi lẫn trong đám đông. Kevin quay lại và liếc Đại Tá.

Như phần lớn những thằng Chiến Binh khác, Kevin ăn mặc rất trịch thượng, nhìn hẳn y chang một gã *luật sư thích đánh golf* tương lai. Và tóc của hắn, vốn là một đồng bụi nhùi màu vàng, được cắt ngắn ở hai bên và chia tứ tung trên đỉnh đầu, lúc nào cũng mượt rượt gel như bị ướt dầm. Tôi không ghét hẳn đến mức giống Đại Tá, dĩ nhiên, vì Đại Tá bẩm sinh đã ghét hẳn, và cái sự ghét bẩm sinh nó mạnh gấp tí lần cái sự ghét “Thằng kia, giá như mày đừng quần tao như xác ướp và quăng tao xuống hồ.” Dẫu vậy, tôi vẫn cố nhìn hẳn hăm dọa lúc hắn nhìn

Đại Tá, nhưng thật khó có thể quên được rằng thằng cha này vừa nhìn thấy cái mông lép kẹp trông chiếc quần lót độc nhất của tôi chỉ vài tuần trước.

“Mày mách lẻo Paul và Marya. Bọn tao trả đũa mày. Đình chiến?” Kevin hỏi.

“Tao không có mách lẻo tụi nó. Bé Bự đây chắc chắn không mách lẻo tụi nó, nhưng tụi mày tự lòi nó vào. Đình chiến? Ừmmm, để tao trưng cầu dân ý cái đã.” Đội cổ động ngồi xuống, ôm mấy cục bông xù vào sát ngực như đang cầu nguyện. “Ê Bé Bự,” Đại Tá cất tiếng. “Mày muốn đình chiến không?”

“Nó làm tao nhớ đến hồi quân Đức lệnh cho quân Mỹ đầu hàng ở trận Bulge,” tôi nói. “Tao đoán mình sẽ đáp lại đề nghị đình chiến này bằng câu trả lời của Tướng McAuliffe khi đó: Còn lâu.”

“Sao mày lại muốn giết thẳng này hả, Kevin? Nó là một thiên tài. Còn lâu tao mới đình chiến.”

“Thôi nào ông bạn. Tao biết mày đã mách lẻo, và tụi tao phải bênh vực bạn mình, và giờ thì xong rồi. Kết ở đây đi.” Hảns có vẻ chân thành, chắc vì sợ mấy trò nghịch phá có tiếng của Đại Tá.

“Tao thỏa thuận với mày. Mày chọn ra một cố tổng thống Mỹ. Nếu Bé Bự không biết lời trắng trời của ông, thì đình chiến. Còn nếu nó biết, mày phải dành cả cuộc đời còn lại để hối hận vì đã tè vào giày của tao.”

“Mày điên à?”

“Thế thôi, khỏi đình chiến,” Đại Tá độp lại.

“Được. Millard Fillmore,” Kevin nói. Đại Tá sốt ruột nhìn tôi, ánh mắt như muốn nói, *Ông đó là tổng thống à?* Tôi chỉ cười.

“Lúc Fillmore hấp hối, ông đói rã ruột. Nhưng bác sĩ đang cố làm ông hạ sốt hay gì đó. Fillmore cứ luôn miệng đòi ăn, nên cuối cùng bác sĩ mới đút cho ông một muỗng súp nhỏ. Rồi với vẻ mỉa mai, Fillmore bảo, ‘Khẩu phần chuẩn đây,’ rồi ngòm. Không đình chiến.”

Kevin đảo mắt và bỏ đi, và tôi chợt nhận ra mình có thể bịa đại một lời trắng trời cho Millard Pillmore và Kevin vẫn sẽ tin sái cổ nếu tôi cứ nói bằng cái giọng bình tĩnh đó, vẻ tự tin của Đại Tá đã lây sang tôi.

“Đây là giây phút ngẫu xạ đầu tiên của mày!” Đại Tá bật cười. “Nhưng đúng là tao đã đưa mày một mục tiêu dễ dàng. Vậy đó. Làm tốt lắm.”

Xui cho Culver Creek Vô Danh, chúng tôi không đấu với trường đui điếc. Chúng tôi đấu với một trường dòng nào đấy ở dưới phố Birmingham, một đội đầy những thằng khi đột bự con râu ria xồm xoàm và cực ghét chuyện bị đánh mà không trả đũa.

Cuối hiệp đầu tiên: 20-4

Và đây là lúc cuộc vui bắt đầu. Đại Tá dẫn đầu mọi lời cổ vũ.

“Bánh bập!” gã hét to.

“THỊT GÀ!” đám đông đáp trả.

“Cơm!”

“ĐẬU!”

Và rồi, tất cả đồng thanh: “ĐIỂM SAT CỦA TỤI TAO CAO HƠN.”

“Lên lên lên là lên nóc nhà!” Đại Tá gào toáng lên.

“RỒI TỤI MÀY SẼ LUÔN CÚI BỌN TA!”

Đội cổ động đối thủ cố đập lại câu của chúng tôi bằng “Mái nhà, mái nhà, mái nhà đang bắt lửa! Cứ say sưa đi rồi xuống địa ngục cho chừa,” nhưng chúng tôi lúc nào cũng trội hơn tụi nó.

“Bán!”

“MUA!”

“Đổi!”

“CHÁC!”

“TỤI MÀY BỰ HƠN, NHƯNG BỌN TAO GIỎI HƠN!”

Mỗi khi đội khách mời được ném phạt trên hầu hết các sân banh của cả nước, cổ động viên sẽ rất ồn ào, hò hét và giẫm chân. Chẳng tác dụng gì, vì tuyển thủ đã học được cách lọc tiếng ồn. Ở Culver Creek, chúng tôi có chiến

thuật hiệu quả hơn. Đầu tiên, mọi người sẽ hét to như một trận đấu bình thường. Nhưng rồi cả đám nói, “*Suyt!*” và im lặng như tờ. Ngay khi đối thủ đáng ghét của chúng tôi dùng đập bóng và chuẩn bị ném, Đại Tá sẽ đứng dậy và gào lên câu gì đó. Ví dụ:

“Lạy Chúa lòng lành, xin anh cạo lông lưng đi!” Hoặc:

“Tôi cần được cứu rồi. Anh có thể chăm sóc tôi sau cú ném không?!”

Gần cuối hiệp ba, huấn luyện viên bên trường dòng kêu gọi hội ý và phàn nàn với trọng tài về Đại Tá, ông tức tối chỉ về phía gã. Tỉ số đang là 56-13. Đại Tá đứng dậy. “Sao?! Ông có vấn đề gì với tôi à!?”

Huấn luyện viên hét lên, “Mày đang làm phiền tuyến thủ của tao!”

“THÌ ĐÚNG LẢ VẬY MÀ, BIẾT TUỐT!” Đại Tá gào lại. Trọng tài đi tới và đuổi cổ gã khỏi phòng. Tôi đi theo sau.

“Tao bị đuổi ra ba mươi bảy trận liên tiếp rồi,” gã bảo. “Vãi.”

“Ờ. Một hai lần tao phải thật sự rồ lên. Có lần tao chạy ra sân khi chỉ còn 11 giây và giật bóng khỏi tay đối thủ. Không hay cho lắm. Nhưng, mày biết đấy. Tao phải giữ gìn danh tiếng của mình.”

Đại Tá chạy trước tôi, khoái chí trước việc mình bị đuổi, và tôi vội theo sau, lần theo dấu chân gã. Tôi muốn trở thành một trong số những người có danh tiếng để giữ gìn, những người đầu đội trời chân đạp đất. Nhưng tạm thời, ít nhất tôi cũng quen biết những người như thế, và họ cần tôi, như sao chổi cần đuôi.

một trăm lẻ tám ngày trước

NGÀY HÔM SAU, Tiến Sĩ Hyde yêu cầu tôi ở lại sau giờ học. Đứng trước ông Hyde, lần đầu tiên tôi nhận ra lưng ông gù thế nào, và bỗng nhiên nhìn ông thật buồn bã và có chút già nua. “Trò thích lớp này, đúng không?” ông hỏi.

“Vâng thưa thầy.”

“Trò còn cả đời để chiêm nghiệm sự thấu hiểu về liên kết của nhà Phật.” Ông nói từng câu như thể đã viết nó xuống, học thuộc lòng, và giờ chỉ đang đọc lại. “Nhưng trông lúc nhìn ra cửa sổ, trò đã lỡ mất cơ hội khám phá một đức tin Phật Giáo khác cũng thú vị không kém là tận hưởng hiện tại từng phút giây, là thực sự tồn tại. Tồn tại trông lớp này. Và rồi, khi nó kết thúc, hãy tồn tại ở ngoài kia,” ông nói, hất đầu hướng về phía mặt hồ và xa hơn nữa.

“Vâng thưa thầy.”

một trăm lẻ một ngày trước

VÀO BUỔI SÁNG ĐẦU TIÊN của tháng Mười, tôi phát hiện có gì đó không ổn ngay sau khi vừa đủ tỉnh ngủ để tắt báo thức. Mùi của cái giường rất lạ. Và tôi thấy khó chịu. Tôi mất một phút lơ mơ để nhận ra: Tôi *lạnh*. Hoặc, ít nhất thì, cái quạt nhỏ dính trên giường tôi đột nhiên không cần thiết nữa. “Lạnh quá!” Tôi hét lên.

“Lạy Chúa, mấy giờ rồi?” tôi nghe tiếng nói từ phía trên.

“Tám giờ bốn phút,” tôi đáp.

Đại Tá, gã không có báo thức nhưng gần như luôn thức dậy đi tắm trước khi đồng hồ của tôi reng, vung đôi chân ngăn ngùn qua mép giường, nhảy xuống, rồi chạy tới tủ quần áo. “Tao đoán là tao lỡ buổi tắm sáng rồi,” gã nói trong lúc tròng cái áo thun ĐỘI BÓNG CHÀY CULVER CREEK màu xanh lá cây và một cái quần soóc vào. “Ôi chà. Để mai tính. Và không lạnh. Cờ hai mươi sáu độ thôi.”

Mừng vì đã ăn bận đầy đủ khi ngủ, tôi chỉ mang giày vào, đoạn Đại Tá và tôi chạy bộ đến lớp. Tôi ngồi lên ghế khi còn độ hai chục giây. Sau nửa tiết học, Madame O’Malley quay lưng viết gì đó bằng tiếng Pháp trên bảng đen, và Alaska chuyển cho tôi một mẫu giấy.

Kiểu đầu tổ quạ đẹp đấy. Trưa nay học ở McDonald’s nhé?

Chúng tôi chỉ còn hai ngày nữa là đến bài kiểm tra quan trọng đầu tiên của môn toán học dự bị, nên Alaska túm đạp sáu đũa cùng môn mà cô ấy cho rằng không phải Chiến Binh Ngày Thường rồi nhét cả đũa vào cái xe màu xanh hai cửa tí hon của cô. May sao, một em lớp mười xinh xắn tên Lara lại ngồi lên lòng tôi. Lara sinh ra ở Nga hay đâu đó, và giọng em lơ lớ. Vì chúng tôi chỉ cách trò làm tình bốn lớp quần áo, nên tôi nhân cơ hội tự giới thiệu.

“Em biết anh mà.” Em mỉm cười. “Anh là *bạn* của Alaska ở FlowReeda.”

“Ừ. Em chuẩn bị nghe nhiều câu rất ngu nhé, vì anh dốt toán lắm,” tôi bảo.

Em toan trả lời, nhưng rồi em ngã ngửa vào người tôi khi Alaska phóng xe khỏi bãi đỗ.

“Mấy nhóc, đây là Blue Citrus. Tôi đặt như thế vì nó là quả chanh,” Alaska giới thiệu. “Blue Citrus, đây là lũ nhóc. Mọi người có thể thắt dây an toàn vào, nếu tìm thấy chúng. Bé Bự, cậu có thể làm dây an toàn cho Lara.” Alaska bù đắp tốc độ thiếu hụt của chiếc xe bằng cách từ chối bỏ chân ra khỏi chân ga, mặc xác mọi hậu quả. Trước khi chúng tôi kịp ra khỏi trường học, Lara đã lão đảo như điên mỗi lần Alaska queo gấp, nên tôi làm theo lời khuyên của Alaska và vòng tay ôm eo Lara.

“Cảm ơn anh,” em nói, gần như thỏ thẻ.

Sau khi phóng liều ba dặm đến McDonald’s, chúng tôi gọi bảy phần khoai tây chiên cỡ lớn để ăn chung rồi ra ngoài ngồi trên bãi cỏ. Chúng tôi ngồi quây tròn quanh khay để khoai, và Alaska dạy cả lớp, vừa hút thuốc vừa ăn.

Chẳng khác nào một giáo viên tận tụy, cô ấy không để ngắt quãng chút nào. Cô hút thuốc và giảng bài và ăn khoai suốt một tiếng không ngừng, và tôi ghi nguệch ngoạc trong sổ khi những chùm tiếp tuyến và cosine loạn xạ bắt đầu dễ hiểu. Nhưng không phải ai cũng may mắn như vậy.

Lúc Alaska giảng qua một nội dung khá rõ ràng về phương trình tuyến, thằng cha nghiện/du côn Hank Walsten cắt ngang, “Khoan, khoan. Tao không hiểu.”

“Đây là vì anh chỉ có tám tế bào não hoạt động.” “Nghiên cứu cho thấy ma túy tốt cho sức khỏe hơn thuốc lá,” Hank nói.

Alaska nuốt một ngụm lớn khoai chiên, hút một hơi thuốc, rồi phà khói vào mặt Hank. “Có thể tôi chết trẻ,” cô ấy bảo. “Nhưng tôi chết khi vẫn thông minh. Giờ, quay lại chòm tiếp tuyến.”

một trăm ngày trước

KHÔNG MUỐN HỎI một câu quá hiển nhiên đâu, nhưng sao lại là *Alaska*” tôi hỏi. Tôi mới nhận bài kiểm tra toán học dự bị về và đắm chìm trong ngưỡng mộ dành cho Alaska, vì bài giảng của cô đã dọn đường cho tôi đến với con B-cộng. Cô ấy và tôi ngồi trong phòng TV xem kênh MTV vào một ngày thứ Bảy âm u ảm đạm. Phòng TV có mùi ẩm mốc ngai ngái từ dàn sofa của các đời học sinh Culver Creek trước để lại và có lẽ vì thế mà nó luôn vắng vẻ. Alaska uống một ngụm Mountain Dew rồi nắm lấy tay tôi.

“Rồi cậu sẽ hỏi thôi. Thế này, hồi mình còn nhỏ, mẹ mình đại khái là dân hippie. Cậu biết đấy, bà mặc mấy cái áo len quá khổ tự đan, hít cần vô tội vạ, vân vân. Và bố mình là dân Cộng Hòa điển hình, nên khi mình ra đời, mẹ muốn đặt tên mình là Harmony Springs Young, còn bố thì thích tên Mary Frances Young.” Vừa nói, đầu cô ấy vừa lắc lư theo giai điệu trên MTV, dù bài hát là kiểu nhạc pop công nghiệp mà cô ấy luôn miệng bảo ghét.

“Nên thay vì đặt tên mình là Harmony hay Mary, họ nhất trí để mình tự chọn. Nên lúc nhỏ, họ gọi mình là Mary. Ý mình là, họ gọi mình là con yêu ơ các thứ, nhưng trên giấy tờ ở trường này nọ, họ viết là *Mary Young*. Rồi vào sinh nhật năm bảy tuổi, quà của mình là quyền được đặt tên. Thích nhỉ? Nên mình nghiên cứu quả địa cầu của bố cả ngày để chọn ra một cái tên thật oách. Và lựa chọn đầu tiên của mình là Chad, một nước ở châu Phi. Nhưng rồi bố nói đấy là tên con trai, nên mình đổi thành Alaska.”

Tôi ước cha mẹ đã để tôi tự chọn tên. Nhưng họ đã đi trước và chọn cái tên duy nhất mà trường nam nhà Halter đã được đặt suốt một thế kỉ. “Nhưng

sao lại là Alaska?” Tôi hỏi.

Cô ấy nhếch mép phải lên cười. “Thì, về sau, mình biết được ý nghĩa của nó. Ấy là một từ thuộc ngôn ngữ Aleut, *Alyeska*. ‘Nơi sóng biển vỗ bờ,’ và mình thích lắm. Nhưng hồi đó mình chỉ thấy Alaska trên quả địa cầu. Và nó rất lớn, như thứ mình muốn trở thành như vậy. Và nó xa Trạm Vine tí tắp, như nơi mình muốn đi.”

Tôi bật cười. “Và bây giờ cậu đã khôn lớn lặn ở khá xa nhà,” tôi mỉm cười. “Nên chúc mừng nhé.” Cô ấy thôi không lắc lư nữa và buông bàn tay (không may đã ướt đẫm mồ hôi) của tôi ra.

“Không dễ trốn thoát đâu,” cô ấy nói nghiêm túc, mắt nhìn chăm chăm vào tôi như thể tôi biết lối ra nhưng không chịu nói. Đoạn cô ấy đột ngột đổi chủ đề. Sau đại học, cậu biết mình muốn làm gì không? Dạy trẻ khuyết tật. Mình là một giáo viên giỏi, đúng không? Khi gió, nếu mình có thể dạy cậu toán học dự bị, mình có thể dạy bất kì ai. Như trẻ tự kỉ chẳng hạn.”

Alaska nói, khẽ khàng và trầm ngâm, tựa hồ đang tiết lộ cho tôi một bí mật, và tôi nghiêng người về phía cô ấy, thốt nhiên choáng ngợp trước cảm giác rằng cả hai phải hôn nhau, rằng chúng tôi phải hôn nhau ngay bây giờ trên cái ghế sofa màu cam rêu rã với những vệt thuốc lá cháy sém và hàng lớp bụi lưu niên. Và tôi đã có thể làm thế: Tôi đã có thể cứ rướn người về trước đến khi phải nghiêng đầu để tránh cái mũi hếch của cô ấy, và tôi đã có thể bất ngờ cảm nhận đôi môi mềm mịn của cô. Tôi đã có thể. Nhưng rồi cô ấy sực tỉnh.

“Không,” cô ấy nói, và thoát tiên tôi không biết cô ấy đang đọc to tâm tưởng cuồng hôn của tôi hay tự nói với bản thân nữa. Cô ấy tránh khỏi tôi và nói nhỏ, chắc chỉ để mình nghe, “Chúa ơi, mình sẽ không trở thành loại người chỉ biết ngồi yên và tính trước. Mình sẽ bắt tay vào làm luôn. Vọng tưởng về tương lai cũng là một dạng hoài niệm.”

“Hử?” tôi thắc mắc.

“Cậu mắc kẹt cả đời trong mê hồn trận, nghĩ đến ngày nào đó cậu sẽ thoát khỏi nó, và nó tuyệt vời đến thế nào, và vọng tưởng tương lai ấy cho cậu

động lực sống, nhưng cậu không bao giờ thực hiện. Cậu chỉ dùng tương lai để trốn tránh thực tại.”

Tôi đoán cô ấy nói có lý. Tôi đã tưởng tượng cuộc sống ở Creek sẽ thú vị hơn ở nhà thực tế, bài tập còn nhiều hơn những chuyến phiêu lưu, nhưng nếu tôi không tưởng tượng, tôi đã chẳng bao giờ đến được Creek.

Cô ấy quay lại với cái TV, giờ đang là quảng cáo xe, và đùa rằng Blue Citrus cần một quảng cáo xe riêng. Cô ấy bắt chước chất giọng trầm ấm, nồng nhiệt của người thuyết minh rồi cất tiếng, “Nó nhỏ, nó chậm, và nó tàn tạ, nhưng vẫn chạy được. Thi thoảng. Blue Citrus: Đến Gặp Người Bán Xe Cũ ở Địa Phương.” Nhưng tôi muốn hỏi thêm về cô ấy và Trạm Vine và tương lai.

“Đôi khi mình không hiểu cậu,” tôi nói.

Cô ấy thậm chí chẳng buồn liếc sang tôi. Cô ấy chỉ cười với cái tivi rồi bảo, “Cậu không bao giờ hiểu mình. Đây là vấn đề.”

chín mươi chín ngày trước

TÔI NẪM TRÊN GIƯỜNG gần như cả ngày hôm sau, mãi mê với thế giới hư cấu chán ngắt của *Ethan Frome*, trong khi Đại Tá ngồi trên bàn, tìm hiểu bí ẩn của phương trình vi phân hay gì đó. Dù chúng tôi đã cố hạn chế khoản giải lao hút thuốc trong phòng tắm, hai thằng vẫn hết sạch thuốc lá trước khi trời tối, thế là phải tới phòng Alaska. Cô ấy đang nằm đọc sách trên sàn.

“Đi hút thuốc thôi,” gã rử rê.

“Cậu hết thuốc lá rồi đúng không?” Alaska hỏi, không thềm ngẩng mặt lên.

“Ờ. Phải.”

“Có năm đô-la chứ?” có ấy hỏi.

“Không.”

“Bé Bự?” cô ấy lại hỏi.

“Đây, được rồi.” Tôi móc từ ví ra năm đô-la, và Alaska đưa tôi một gói hai mươi điếu Marlboro Lights. Tôi biết mình sẽ hút chừng năm điếu, nhưng chừng nào tôi còn trợ cấp cho vụ hút hít này, Đại Tá sẽ không tấn công tôi vì cái tội con nhà giàu, một thằng Chiến Binh Ngày Thường không tình cờ sống ở Birmingham.

Chúng tôi kéo theo Takumi đến bờ hồ, nấp sau mấy cái cây, cười khảnh khách. Đại Tá nhả vòng khói, và Takumi bảo trông chúng thật “tự phụ,” trong khi Alaska di tay theo vòng khói, chọc thủng chúng như con nít làm nổ bong bóng.

Rồi chúng tôi nghe tiếng một nhánh cây gãy. Có thể là một con hươu, nhưng Đại Tá vẫn bỏ chạy. Giọng nói vang lên ngay phía sau chúng tôi, “Không được chạy, Chipper,” và Đại Tá đứng yên, quay lại, rồi bối rối trở về chỗ chúng tôi.

Đại Bàng chậm rãi đi về phía chúng tôi, môi ông trề ra giận dữ. Ông mặc áo sơ-mi trắng và thắt cà-vạt đen, như mọi khi. Ông lần lượt quăng cho từng đũa Ánh Mắt Kết Tội.

“Mấy trò bốc mùi như một cánh đồng thuốc lá đang cháy ở Bắc Carolina,” ông nói.

Chúng tôi đứng im. Tôi thấy tệ hại vô cùng, như thể vừa bị bắt gặp đang trốn khỏi hiện trường giết người. Ông sẽ gọi cha mẹ tôi sao?

“Tôi sẽ gặp mấy trò ở Ban Bồi Thảm vào năm giờ ngày hôm sau,” ông tuyên bố rồi bỏ đi. Alaska khom người nhặt điếu thuốc mình vừa vất đi và hút tiếp. Đại Bàng quay phắt lại, giác quan thứ sáu của ông phát hiện được Thái Độ Bất Phục Trước Nhà Cầm Quyền. Alaska quăng điếu thuốc xuống rồi giẫm lên nó. Đại Bàng lắc đầu, và dù ông đang diên tiết, tôi thề là mình đã thấy ông cười.

“Ông quý mình,” Alaska nói với tôi trong lúc trở về kí túc xá. “Ông cũng quý tất cả các cậu. Nhưng ông yêu trường hơn. Thế mới nên chuyện. Ông

ngã bắt phạt cả đám là tốt cho cả trường lẫn chúng ta. Đây là một cuộc chiến bất diệt, Bé Bự ạ. Người Tốt đấu với Kẻ Xấu.”

“Với một cô gái vừa bị bắt quả tang thì cậu triết lí quá đấy,” tôi bảo cô ấy.

“Đôi khi cậu phải thua một trận. Nhưng sự gian manh sẽ luôn chiến thắng.”

chín mươi tám ngày trước

MỘT TRONG NHỮNG ĐIỀU ĐỘC ĐÁO của Culver Creek là Ban Bồi Thẩm. Mỗi học kì, trường sẽ chọn ra mười hai học sinh, mỗi lớp ba đứa, để hoạt động trong Ban Bồi Thẩm. Ban Bồi Thẩm sẽ đưa ra hình phạt đích đáng cho những tội chưa đến mức đuổi học, đủ mọi thể loại từ ở quá giờ giới nghiêm đến hút thuốc. Thường là tội lén hút thuốc hoặc ở lại phòng nữ sinh sau bảy giờ. Nên bạn đến gặp Ban Bồi Thẩm, giải trình, rồi họ trừng phạt bạn. Đại Bàng sẽ là thẩm phán, và ông có quyền bác bỏ phán quyết của Ban Bồi Thẩm (như hệ thống tòa án ngoài đời của Mỹ), nhưng ông hầu như chưa từng làm thế.

Tôi tới Phòng Học 4 ngay sau tiết cuối cùng, sớm hơn bốn mươi phút cho chắc ăn. Tôi ngồi dựa tường trên hành lang và đọc sách Lịch Sử Nước Mỹ (như một kiểu trị liệu cho bản thân, thành thật mà nói thì vậy) đến khi Alaska xuất hiện và ngồi xuống cạnh tôi. Cô ấy đang cắn môi dưới, và tôi hỏi cô ấy có lo lắng không.

“Ừ, có. Nghe này, cậu cứ ngồi yên và đừng nói gì hết,” cô ấy bảo. “Cậu không cần phải lo. Nhưng đây là lần thứ bảy mình bị bắt vì hút thuốc. Mình chỉ không muốn, sao cũng được. Mình chỉ không muốn bố mình buồn.”

“Mẹ cậu hút thuốc hay gì à?” tôi hỏi.

“Hết rồi,” Alaska nói. “Không sao. Cậu sẽ không sao đâu.”

Tôi đã không lo lắng cho tới khi đã 4:50 và Đại Tá lẫn Takumi vẫn vắng mặt. Thành viên Ban Bồi Thẩm lần lượt xuất hiện, họ đi qua chúng tôi mà

không nhìn, điều này càng khiến tôi thấy tệ hơn. Tôi đếm đủ mười hai người lúc 4:56, cộng thêm Đại Bàng.

Vào 4:58, Đại Tá và Takumi rẽ sang dãy phòng học.

Tôi chưa bao giờ nhìn thấy thứ gì như thế. Takumi mặc áo sơ-mi *trắng cổ cứng* với cà-vạt *đỏ có họa tiết hoa đen*; Đại Tá mặc lại cái áo sơ-mi màu hồng nhạt nhúm cùng cà-vạt hồng nhạt của gã. Cả hai bước song hành, ngẩng đầu ưỡn ngực, như những anh hùng trong phim hành động. Tôi nghe Alaska thở dài. “Đại Tá đang đi kiểu Napoleon.” “Sẽ ổn thôi,” Đại Tá bảo tôi. “Mày chỉ cần im lặng.” Cả bọn bước vào, hai đứa thắt cà-vạt, hai đứa mặc áo thun cũ và Đại Bàng đập một phát búa *manh trời thần* lên dãy ghế trước ống. Ban Bồi Thẩm ngồi thành hàng sau một chiếc bàn hình chữ nhật. Ở trước căn phòng, ngay sát bảng đen, là bốn cái ghế. Chúng tôi ngồi xuống, và Đại Tá giải thích chính xác những gì đã xảy ra.

“Alaska và tôi đang hút thuốc cạnh bờ hồ. Chúng tôi thường hút ở ngoài trường nhưng quên mất. Chúng tôi xin lỗi. Việc này sẽ không tái diễn đâu.”

Tôi không biết chuyện gì đang xảy ra. Nhưng tôi biết bốn phạm của mình: ngồi yên và ngậm miệng. Một trong các thành viên nhìn Takumi rồi hỏi, “Còn cậu và Halter?” “Chúng tôi đi theo họ,” Takumi bình tĩnh trả lời.

Tên nhóc quay sang Đại Bàng và hỏi, “Thầy có thấy ai hút thuốc không?”

“Tôi chỉ thấy mỗi Alaska, nhưng Chip đã bỏ chạy, một điều tôi thấy rất hèn nhát, cũng như lễ thói trốn tránh của Miles và Takumi,” Đại Bàng nói, dùng Ánh Mắt Kết Tội để nhìn tôi. Tôi không muốn tỏ ra tội lỗi, nhưng tôi không thể đối mặt với ông, nên tôi chỉ nhìn xuống tay mình.

Đại Tá nghiêng răng, như thể nói dối khiến gã đau đớn. “Đấy là sự thật, thưa thầy.”

Đại Bàng hỏi có ai trông chúng tôi muốn nói gì không, rồi còn thắc mắc gì nữa không, đoạn ông kêu chúng tôi ra ngoài.

“Chuyện quái gì thế?” tôi hỏi Takumi khi ra ngoài.

“Cứ ngồi yên thôi, Bé Bự.”

Tại sao Alaska lại thú tội trong khi cô ấy đã gặp rắc rối rất nhiều lần? Sao lại là Đại Tá, gã thật sự không được dính vào rắc rối nghiêm trọng nào nữa? Sao không phải là tôi? Tôi chưa bao giờ bị bắt quả tang cái gì. Tôi có ít cái để mất nhất. Sau vài phút, Đại Bàng bước ra rồi tỏ ý gọi chúng tôi vào trong.

“Alaska và Chip,” một thành viên Ban Bồi Thảm nói, “hai người bị phạt mười giờ lao động, rửa chén trong căn-tin và sẽ chính thức bị gọi về nhà sau một lần tái phạm nữa. Takumi và Miles, không có luật nào cấm nhìn người khác hút thuốc, nhưng Ban Bồi Thảm sẽ ghi nhớ việc này nếu các cậu lại phá luật. Công bằng chứ?”

“Công bằng,” Alaska vội vã đáp, rõ ràng rất nhẹ nhõm. Trên đường trở về, Đại Bàng quay người tôi lại. “Đừng quá lạm dụng những đặc quyền của trò ở trường này, nhóc ạ, hoặc trò sẽ hối hận.” Tôi gật đầu.

tám mươi chín ngày trước

“CHÚNG MÌNH TÌM RA BẠN GÁI CHO CẬU RỒI”, Alaska nói với tôi. Dẫu vậy, vẫn chưa ai giải thích với tôi về chuyện đã xảy ra với Ban Bồi Thảm một tuần trước. Dù nó dường như chẳng ảnh hưởng gì đến Alaska, cô đang 1. Đóng cửa ở trong phòng chúng tôi sau khi trời tối, và 2. Ngồi hút thuốc trên cái sofa hầu như chỉ toàn nút. Cô ấy đã nhét khăn dưới khe cửa của chúng tôi và khẳng khẳng bảo nó an toàn, nhưng tôi vẫn lo về điều thuốc và “bạn gái.” “Tất cả những gì mình cần làm bây giờ,” cô ấy nói, “là thuyết phục cậu thích nó và nó thích cậu.”

“Hai nhiệm vụ vĩ đại,” Đại Tá chỉ ra. Gã nằm giường tầng trên, đọc sách chuẩn bị cho tiết Quốc Ngữ. *Moby-Dick*. “Sao mà có thể vừa nói vừa đọc nhỉ?” tôi hỏi.

“Chà, bình thường thì không, nhưng cả cuốn sách lẫn đoạn đối thoại này chẳng có gì là đánh đố trí não hết.” “Mình thích cuốn đó,” Alaska bảo.

“Ừ.” Đại Tá mỉm cười và nhòai người ra ngoài để nhìn cô ấy từ phía trên. “Dĩ nhiên. Một con cá voi trắng khổng lồ là hình ảnh ẩn dụ cho tất cả mọi

thứ. Cậu sống vì những ẩn dụ cao sang ấy mà.”

Mặt Alaska không hề biến sắc. “Thế, Bé Bự, cậu nghĩ gì về khối Xô Viết cũ?”

“Ừm. Mình biết ơn nó?”

Cô ấy gạt tàn thuốc vào ống đựng bút chì của tôi. Tôi suýt phản đối, nhưng thôi kệ luôn. “Cậu biết con bé trong lớp toán học dự bị không,” Alaska nói, “giọng rất khẽ, nói *cái này*, không phải *cái này*. Biết nó không?”

“Ừ. Lara. Em ấy ngồi trên đùi mình lúc đến McDonald’s.”

“Phải. Mình biết. Và nó thích cậu. Cậu tưởng nó đang lăm bằm về toán học, trông khi rõ ràng nó đang nói về việc làm tình với cậu một cách nóng bỏng. Đây là lí do cậu cần mình.”

“Ngực nhỏ ấy tuyệt phết,” Đại Tá nói mà không rời mắt khỏi con cá voi.

“ĐỪNG CÓ ĐÁNH GIÁ CƠ THỂ CỦA PHỤ NỮ!” Alaska hét to.

Giờ gã mới ngẩng đầu lên. “Xin lỗi nhé. Ngực nhọn.”

“Chẳng khá hơn chút nào!”

“Có chứ,” gã nói. “*Tuyệt* là từ để đánh giá cơ thể một phụ nữ. *Nhọn* chỉ là sự quan sát. Chúng nhọn *thật* mà. Ý tôi là, lạy Chúa.”

“Cậu hết thuốc chữa rồi,” cô ấy đập lại. “Thì con bé nghĩ cậu rất dễ thương, Bé Bự ạ.”

“Tốt.”

“Chả nghĩa lí gì. Vấn đề của cậu là nếu cậu bắt chuyện với nó thì cậu sẽ ‘ừa ươm ươm’ tới chết.”

“Đừng khó khăn với nó quá,” Đại Tá cắt ngang, như thể gã là mẹ tôi. “Quý thần ơi, tôi hiểu rõ cơ thể cá voi rồi. Giờ tiếp tục được chưa, Herman?”

“Nên cuối tuần này Jake sẽ đến Birmingham, và chúng mình sẽ hẹn hò ba cặp. A, ba cặp rưỡi, vì Takumi cũng sẽ ở đó. Không áp lực gì mấy đâu. Cậu sẽ không phá hỏng chuyện được, vì mình sẽ ở đó suốt.”

“Được.”

“Bồ của tôi là ai?” Đại Tá hỏi.

“Bạn gái cậu là bồ cậu còn gì.”

“Được rồi,” gã bảo, đoạn nghiêm mặt, “nhưng tụi tôi không hòa thuận cho lắm.”

“Thế thứ Sáu nhé? Cậu có kế hoạch gì cho thứ Sáu chưa?” rồi tôi bật cười, vì Đại Tá và tôi không có kế hoạch gì cho thứ Sáu này, hoặc thứ Sáu nào khác trong suốt quãng đời còn lại.

“Mình không nghĩ thế.” Cô ấy mỉm cười. “Giờ bọn mình phải đi rửa chén trong căn-tin đây, Chipper. Lạy Chúa, mình đã hi sinh biết bao.”

tám mươi bảy ngày trước

CUỘC HẸN BA CẶP RỪỞI CỦA CHÚNG TÔI bắt đầu khá thuận lợi. Tôi đang ở trong phòng Alaska vì mục tiêu tìm bạn gái, cô ấy đã đồng ý ủi cái áo sơ-mi màu xanh lá có nút cài ở cổ cho tôi thì Jake xuất hiện. Với mái tóc vàng dài đến ngang vai, hàng râu lồm chồm trên má, và kiểu phong trần giả tạo có thể khiến bạn thành người mẫu catalogue, Jake hoàn hảo đến từng đường nét, đúng như mong đợi của mọi người về bạn trai của Alaska. Cô ấy nhẩy lên và quặp chân vào người anh ta (*Cầu trời đừng ai làm thế với mình, tôi thầm nghĩ, mình sẽ ngã mất*). Tôi nghe Alaska đề cập đến hôn, nhưng tôi chưa bao giờ thấy cô ấy hôn cho đến tận khi ấy: Trông lúc anh ta ôm eo Alaska, cô ấy ngả người về trước, đôi môi căng mọng hé mở, đầu hơi nghiêng sang bên, và quần lầy anh ta trong nụ hôn nồng cháy đến mức tôi nghĩ mình phải nhìn đi chỗ khác nhưng không thể. Một lúc lâu sau, cô ấy buông tay khỏi Jake và giới thiệu tôi.

“Đây là Bé Bự,” cô ấy nói. Jake và tôi bắt tay.

“Anh đã nghe nhiều về cậu.” Anh ta nói bằng giọng miền Nam lơ lơ, một trong số những giọng tôi đã nghe ở ngoài McDonald’s, “Anh mong cuộc hẹn

tối nay của cậu được suôn sẻ, vì anh không muốn cậu cướp Alaska khỏi tay anh đâu.”

“Chúa ơi, anh đáng yêu quá,” Alaska nói trước khi tôi kịp trả lời, cô ấy hôn anh ta lần nữa. “Mình xin lỗi.” Cô ấy cười. “Mình không thể ngừng hôn bạn trai của mình được.”

Tôi mặc cái áo sơ-mi xanh mới ủi vào, và ba chúng tôi đến gặp Đại tá, Sara, Lara và Takumi rồi tới phòng thể thao để xem trận Culver Creek Vô Danh đấu với học viện Harsden, một trường tư thục Ở Mountain Brook, khu ngoại ô giàu nhất Birmingham. Đại Tá ghét bọn Harsden bằng cảm phần cháy bỏng hơn cả ngàn mặt trời. “Thứ duy nhất tao ghét hơn lũ nhà giàu,” gã bảo tôi trong lúc đến phòng thể thao, “chính là bọn ngu. Và cả đám Harsden đều giàu, và chúng đều ngu đến độ không đậu nổi vào Creek.”

Vì đúng ra chúng tôi phải hẹn hò các thứ, nên tôi nghĩ mình sẽ ngồi xem cạnh Lara, nhưng trong lúc tôi cố chen qua Alaska để tới chỗ Lara, Alaska liếc nhìn tôi và vỗ lên chỗ trống cạnh cô ấy trên hàng ghế khán giả.

“Mình không được ngồi cạnh bạn gái à?” Tôi hỏi.

“Bé Bự, một trong hai ta là con gái. Người còn lại chưa bao giờ sờ soạng ai. Nếu mình là cậu, mình sẽ ngồi xuống, tỏ ra dễ thương, và giữ nguyên vẻ cô đơn dễ chịu thường ngày.”

“Được. Cậu nói gì cũng được.”

Jake bảo, “Đó đích xác là chiến thuật cửa cẩm Alaska của anh đấy.”

“Ôi chào,” cô ấy xuýt xoa, “thương quá! Bé Bự, mình đã kể cậu nghe chuyện Jake đang thu âm một album với ban nhạc của anh chưa? Họ ngẫu lắm. Như Radiohead kết hợp với Flaming Lips vậy. Mình đã kể cậu nghe chuyện mình đặt tên cho họ chưa, Hickman Territory?” Nói đoạn, cô ấy nhận ra mình hơi ngớ ngẩn: “Mình đã kể cậu nghe chuyện hàng của Jake khủng như ngựa và anh là một anh người yêu hoàn mỹ, chiều chuộng thế nào chưa?”

“Cứng à, lạy Chúa.” Jake mỉm cười. “Không phải trước mặt bọn trẻ.”

Tôi muốn ghét bỏ Jake, dĩ nhiên, nhưng trong lúc nhìn họ ở bên nhau, cười nói và lần mò khắp người nhau, tôi đã không ghét bỏ anh ta. Tôi muốn trở thành anh ta, hẳn rồi, nhưng tôi cố nhớ lại rằng mình đang vờ hện hò với người khác.

Siêu sao của học viện Harsden là một gã Goliath cao hai mét tên Travis Eastman mà mọi người kể cả mẹ hẳn, tôi nghi vậy gọi là Quái Thú. Lần đầu tiên Quái Thú được ném phạt, Đại Tá đã không tìm được mà chửi thề trong lúc khích tướng:

“Mày nợ bố mày tất cả đấy, thằng mọi rợ khốn kiếp, ngu dần!”

Quái Thú quay lại và liếc gã, Đại Tá suýt nữa là bị đuổi sau lần ném phạt đầu tiên, nhưng gã cười với trọng tài và nói, “Xin lỗi!”

“Trận này tao muốn ở lâu hơn,” gã nói với tôi.

Mở đầu trận thứ hai, với đội Creek thất thế trước tỉ số cách biệt khá bất ngờ là hai mươi bốn điểm và Quái Thú đang đứng ở biên ném phạt, Đại Tá nhìn Takumi và nói, “Tới giờ rồi.” Takumi cùng Đại Tá đứng lên khi đám đông đồng loạt, “*Suyt...*”

“Tao không biết giờ có phải lúc thích hợp để nói cho mày không,” Đại Tá gào lên với Quái Thú, “nhưng Takumi đây đã bắt bõ với bạn gái mày ngay trước trận đấu.”

Cả khán phòng bật cười ngoại trừ Quái Thú, gã rời khỏi vạch ném và bình thản cầm bóng tiến về phía chúng tôi.

“Tao nghĩ giờ chạy được rồi,” Takumi đề nghị.

“Tao chưa bị đuổi mà,” Đại Tá trả lời.

“Gặp mày sau,” Takumi nói.

Tôi không biết ấy là vì nỗi lo chung khi hện hò (dù bạn gái *trên danh nghĩa* đang ngồi cách tôi những năm người) hay nỗi lo cụ thể về chuyện bị Quái Thú nhìn trừng trừng về phía mình, nhưng vì lẽ gì đó, tôi đã bỏ chạy theo Takumi. Tôi tưởng hai thằng đã thoát nạn trong lúc queo ra khỏi hàng

ghế, nhưng rồi tôi nhìn thấy, trong góc nhìn của mình, một khối cam đang dần trở nên lớn hơn, lớn hơn, như mặt trời lao vun vút về phía tôi.

Tôi nghĩ: *Mình nghĩ nó sẽ đập trúng mình.*

Tôi nghĩ: *Mình phải né thôi.*

Nhưng giữa thời gian nghĩ và làm, bóng đã đập vào một bên mặt tôi. Tôi ngã xuống, gáy đập mạnh xuống sàn. Sau đó tôi đứng lên ngay lập tức, ra vẻ không sao, rồi rời khỏi phòng.

Danh dự đã giúp tôi gượng dậy trong phòng thể thao, nhưng ngay sau khi ra ngoài, tôi đã ngồi phịch xuống.

“Tao bị chấn động não rồi,” tôi tuyên bố, hoàn toàn chắc chắn vào kết quả tự chẩn đoán.

“Mày ổn mà,” Takumi nói trong lúc chạy bỏ về phía tôi. “Mau biến khỏi đây trước khi tụi mình bị giết.”

“Tao xin lỗi,” tôi nói. “Nhưng tao không đứng nổi. Tao bị chấn động não dạng nhẹ.”

Lara chạy ra và ngồi xuống cạnh tôi.

“Anh không sao chứ?”

“Anh bị chấn động não,” tôi đáp.

Takumi ngồi với tôi và nhìn vào mắt tôi. “Mày biết chuyện gì đã xảy ra với mày không?”

“Quái Thú ném trúng tao.”

“Mày biết mình đang ở đâu không?”

“Một cuộc hẹn hò ba cặp rưỡi.”

“Mày khỏe re,” Takumi kết luận. “Đi thôi.”

Rồi tôi ngả người về trước và nôn ra quần của Lara. Tôi không thể giải thích vì sao mình đã không ngã ra sau hay sang một bên. Tôi ngả về trước và chĩa thẳng miệng về phía cái quần jean của em, một chiếc quần jean tuyệt

đẹp, ôm sát mỏng, loại quần con gái hay mặc khi muốn mình trông thật đẹp nhưng lại không có vẻ như mình có ý làm thế và nôn tứ tung lên đấy.

Hầu hết là bơ đậu phộng, nhưng cũng kèm vài hạt bắp. “Ôi!” Em ré lên, bất ngờ và có phần hốt hoảng.

“Ôi lạ Chúa,” tôi nói. “Anh xin lỗi.”

“Tao nghĩ chắc mày bị chấn động não rồi,” Takumi nói, như thế ý này chưa từng được đề cập.

“Tao đang có hai triệu chứng buồn nôn và nhức đầu thường gặp do chấn động não dạng nhẹ,” tôi lải nhải. Trông lúc Takumi đến gặp Đại Bàng và Lara đi thay quần, tôi nằm trên vĩa hè bê-tông. Đại Bàng trở lại với giáo viên y tế, cô bảo tôi đã bị chấn động não, đoạn Takumi chở tôi tới bệnh viện với Lara ngồi phía trước. Hình như tôi đã nằm ở ghế sau và chậm rãi lạp đi lạp lại những từ này “Những. Triệu. Chứng. Thường. Gặp. Do. Chấn. Động. Não.”

Nên cuộc hẹn của tôi diễn ra ở bệnh viện với Lara và Takumi. Bác sĩ bảo tôi về nhà và ngủ thật nhiều, nhưng phải chắc chắn có ai đó gọi tôi dậy bốn tiếng một lần.

Tôi nhớ mang máng Lara đã đứng ở cửa, căn phòng tối om và khung cảnh bên ngoài tối om và mọi thứ ôn hòa và dễ chịu nhưng hơi quay cuồng, thế giới đập thật mạnh xung quanh như tiếng bass điên loạn. Và tôi nhớ mang máng Lara đã cười với tôi từ phía cửa, một nụ cười mơ hồ rục rỡ, như đang hứa hẹn đáp án cho câu hỏi chưa từng được đưa ra. Câu hỏi ấy, câu hỏi chúng ta luôn tự vấn từ khi bọn con gái thôi đáng ghét, câu hỏi quá đơn giản để không phải phức tạp hóa: Cô ấy thích mình hay *thích* mình? Đoạn tôi đánh một giấc mê man và ngủ đến tận ba giờ sáng, lúc Đại Tá gọi tôi dậy.

“Cổ đá tao,” gã bảo.

“Tao bị chấn động não,” tôi đáp.

“Biết rồi. Nên tao mới kêu mày dậy. Chơi game không?” “Được. Nhưng tắt tiếng nhé. Đầu tao đau quá.”

“Ờ. Nghe nói mày nôn ra người Lara. Ga-lăng dữ.”

“Đá mày?” Tôi hỏi, cố gượng dậy.

“Ờ. Sara bảo Jake là tao chào cờ vì Alaska. Đúng mấy chứ đó. Theo thứ tự đó. Và tao kiểu, ‘Nè, giờ thì anh không có chào cờ vì cái gì cả. Em có thể kiểm tra nếu thích,’ và Sara nghĩ tao quá nham nhở, tao đoán thế, vì sau đó cô nói cô thừa biết tao đã ngủ với Alaska. Điều này, tình cờ thay, lại rất nực cười. Tao. Không. Ngoại. Tình,” gã nói, cuối cùng trò chơi đã tải xong và tôi nghe được loáng thoáng trông lúc im lặng lái một chiếc xe chở hàng vòng quanh Talladega. Vòng quay làm tôi buồn nôn, nhưng tôi cứ tiếp tục.

“Nên, tóm lại là, Alaska phát rồ lên.” Gã bắt chước giọng Alaska khi đó, khiến nó chói tai và nhức đầu hơn. “Không đưa con gái nào được nói xấu đứa con gái nào! Mày đã xâm phạm hiệp định giữa con gái với con gái! Làm sao chúng ta vượt lên ách gia trưởng bằng cách đâm sau lưng nhau hả!?” Và cứ thế. Rồi Jake bênh Alaska, nói rằng nó sẽ không bao giờ ngoại tình vì nó rất yêu anh ta, xong tao mới bảo, ‘Đừng để ý Sara. Cô ấy chỉ thích bắt nạt người khác thôi.’ Rồi Sara hỏi tao sao tao chưa bao giờ bênh cô ấy, và tranh cãi sao đó thì tao gọi cô là con quỉ mất trí, dẫn đến kết quả không tốt lắm. Rồi bồi bàn yêu cầu tụi tao rời đi, và tụi tao đang đứng giữa bãi đậu xe và cô nói, ‘Tôi chịu đủ rồi,’ và tao chỉ nhìn cô chăm chăm và cô nói, ‘Chuyện chúng ta chấm dứt.’”

Sau đó gã im lặng. “Chuyện chúng ta chấm dứt?” tôi nhắc lại.

Tôi đang mê sảng và nghĩ cách tốt nhất là lặp lại câu cuối cùng của những gì Đại Tá vừa nói để gã cứ tiếp tục.

“Ừ. Thế đó. Mày biết đau nhất là gì không, Bé Bự? Tao thật sự quan tâm cô. Ý tao là, tụi tao vô vọng rồi. Khắc khẩu như chó với mèo. Vậy đó. Ý tao là, tao đã nói tao yêu cô. Lần đầu tiên của tao là với cô.”

“Lần đầu tiên của mày là với cô?”

“Phải. Phải. Tao chưa nói với mày hả? Cô là người con gái duy nhất tao ngủ cùng. Tao không biết nữa. Dù tụi tao cãi nhau, kiểu, chín mươi tư phần trăm thời gian, tao vẫn buồn lắm.”

“Mày vẫn buồn lắm?”

“Buồn hơn tao nghĩ, mà thôi. Ý tao là, tao biết trước rồi. Cả năm nay tụi tao chẳng có phút giây yên ổn. Kể từ lúc tao đến đây, ý tao là, tụi tao chỉ trích nhau liên miên. Đáng ra tao nên đối xử tốt hơn với cổ. Tao không biết. Buồn thật đấy.”

“Buồn thật đấy,” tôi lặp lại.

“Ý tao là, nhớ một người mà mày thậm chí còn chẳng hòa hợp nổi thì rất ngu. Nhưng, tao không biết nữa, cũng vui phết, mày biết không, có người để cãi nhau ấy.”

“Cãi nhau,” tôi nói, đoạn ngo ngoác, không lái xe nổi nữa, rồi bỏ sung, “rất vui.”

“Phải. Giờ tao không biết mình nên làm gì. Ý tao là, quen cổ vui phết. Tao là một thằng điên, Bé Bự ạ. Tao phải làm gì đây?”

“Mày có thể cãi nhau với tao,” tôi nói. Tôi đặt điều khiển xuống và dựa vào cái ghế sofa đầy mút và thiếp đi. Trông lúc lơ mơ, tôi nghe Đại Tá nói, “Tao không giận mày được, thằng quý ồm nhóm vô hại này.”

tám mươi bốn ngày trước

BA NGÀY SAU, trận mưa bắt đầu. Đầu tôi vẫn đau, và cục u cỡ lớn ở thái dương bên trái của tôi, Đại Tá nghĩ, trông như bản đồ địa hình thu nhỏ của Macedonia, nơi trước đó tôi còn không biết là một địa điểm chứ đừng nói tới một đất nước. Và trong lúc cùng Đại Tá đi trên bãi cỏ khô cằn sắp chết khô vào thứ Hai hôm ấy, tôi nói, “Tao đoán mưa một chút cũng tốt,” và Đại Tá ngẩng lên nhìn những đám mây thấp tè đang ùn ùn kéo tới đây đe dọa, và rồi gã nói, “Chậc, tốt hay không thì chắc như đinh đóng cột là chúng ta sẽ thấy thôi.”

Và đúng thật. Hai mươi phút sau khi lớp Tiếng Pháp bắt đầu, Madame O'Malley đang chia động từ *tin* thành câu giả định. *Queje croie. Que tu croies. Qu'il ou qu'elle croie.* Bà ấy lặp đi lặp lại, như thể nó không phải

động từ mà là kinh Phật. *Que je croie; que tu croies; qu'il ou qu'elle croie.* Đúng là một câu nực cười để lặp lại hết lần này đến lần khác: Tôi sẽ tin, bạn sẽ tin, anh ấy hoặc cô ấy sẽ tin. *Tin cái gì?* Tôi nghĩ, và ngay lúc đó, cơn mưa kéo tới

Nó đến bất thành linh theo dòng lũ chảy xiết, giống như Chúa đã nổi giận và muốn cuốn phăng chúng tôi. Ngày qua ngày, đêm qua đêm, trời mưa tầm tã. Mưa dày đặc đến mức tôi không thể nhìn thấy bên kia kí túc xá, đến mức mặt hồ dâng lên đập vào cái xích đu gỗ, nhấn chìm nửa bãi biển nhân tạo. Đến ngày thứ ba, tôi kệ luôn cây dù và đi loanh quanh với tình trạng thường xuyên ướt đẫm. Mọi thứ ở căn-tin có vị axit trong nước mưa và tất cả mùi hôi mùi mốc ẩm và chuyện tắm rửa trở nên vô ích một cách buồn cười vì áp suất nước của cả thế giới tốt hơn vòi sen nhiều.

Và mưa biến chúng tôi thành lũ ẩn sĩ. Đại Tá dành tất tậ những giờ-không-vào-lớp để ngồi trên sofa, đọc niên giám hoặc chơi game, và tôi không chắc gã muốn nói chuyện hay gã chỉ muốn ngồi trên đồng mút màu trắng và yên phận uống ambrosia.

Sau “cuộc hẹn” tai họa của cả hội, tôi nghĩ tốt nhất là mình không nên nói chuyện với Lara trong bất kì trường hợp nào, sợ rằng tôi sẽ bị chấn động não và/hoặc nôn vào người em, dù em đã bảo với tôi trong lớp toán học dự bị ngày hôm sau rằng “không *chao* đâu.”

Và tôi chỉ gặp Alaska trong lớp và không tài nào bắt chuyện với cô ấy, vì cô ấy đến lớp nào cũng trễ và ra về ngay khi chuông reo, trước khi tôi kịp đóng nắp bút và gấp vở lại. Vào đêm mưa thứ năm, tôi bước vào căn-tin, sẵn sàng quay về phòng và ăn burri-chiên hâm nóng thay cho bữa tối nếu Alaska và/hoặc Takumi không ở đó (tôi biết rõ Đại Tá đang ở Phòng 43, ăn tối với sữa và vodka). Nhưng tôi đã ở lại, vì tôi thấy Alaska đang ngồi một mình, lưng tựa vào ô cửa sổ chẳng chịt vết mưa. Tôi chộp đại một đĩa đậu bấp chiên lớn và ngồi xuống cạnh cô.

“Quý thần ơi, cứ như không bao giờ tạnh vậy,” tôi nói, ý bảo cơn mưa.

“Phải,” cô ấy đáp. Mái tóc ướt đẫm của cô ấy rủ xuống và che gần hết khuôn mặt. Tôi ăn một ít. Có ấy ăn một ít.

“Cậu thế nào rồi?” Cuối cùng tôi hỏi.

“Mình thật sự không muốn trả lời bất kì câu hỏi nào có chữ *thế nào, khi nào, ở đâu, tại sao* hoặc *chuyện gì* đâu.”

“Chuyện gì thế?” Tôi thắc mắc.

“Có chữ *chuyện gì*. Mình không trả lời đâu. Được rồi, mình nên đi thôi.” Cô ấy mím môi và chậm rãi thở dài, như cách Đại Tá phà ra vòng khói.

“Cái gì mà...” Rồi tôi dừng lại và đổi từ. “Mình đã làm gì à?” Tôi hỏi.

Cô ấy gom hết khay thức ăn và đứng dậy trước khi trả lời. “Dĩ nhiên là không, cưng à.”

Chữ “cưng” của cô ấy thật trịch thượng, không phải lãng mạn, giống như cậu trai đang trải qua cơn cuồng phong đầu tiên trong đời không thể hiểu nổi rắc rối của cô bất kể chúng; là gì đi nữa. Tôi phải cố lắm mới không đảo mắt trước câu nói đó, dù có thể cô ấy còn không để ý trong lúc bước khỏi căn-tin với mái tóc ướt đẫm trên mặt.

bảy mươi sáu ngày trước

“TAO THẤY KHÁ HƠN RỒI.” Đại Tá nói vào ngày thứ chín của cơn bão trong lúc ngồi xuống cạnh tôi trong lớp tôn giáo. “Tao đã được ơn linh hiển. Mà nhớ cái đêm cổ đến phòng tao rồi sẵn số như một con quỳ cái không?” “Ờ. Vỡ Opera. Cà-vạt hồng hạc.”

“Chuẩn.”

“Thì sao?”

Đại Tá rút ra một quyển sổ đóng gáy, nửa trên đã ướt sũng, và tách từng trang ra tới khi đến đúng chỗ cần tìm. “Ơn linh hiển đấy. Cổ là một con quỳ cái.”

Ông Hyde tập tễnh bước vào lớp, nặng nhọc tựa lên một cây gậy màu đen. Trong lúc đi về ghế của mình, ông lạnh lùng nhìn nhủ, “Bên gối bị tật của tôi cảnh báo rằng trời có thể mưa. Nên các em cẩn thận đấy.” Ông đứng trước ghế, cẩn thận ngả ra sau, đoạn nắm lấy nó bằng hai tay, rồi ngồi phịch xuống ghế với một quãng thở đứt hơi, gấp gáp như đàn bà đau đẻ.

"Tuy còn hai tháng nữa mới đến hạn, nhưng hôm nay các em sẽ nhận được chủ đề luận văn của học kỳ. Giờ, tôi khá chắc là các em đã đọc thời khóa biểu của môn này nhiều và kỹ đến mức thuộc nằm lòng." Ông nhếch mép. “Nhưng nhớ lấy: Luận văn chỉ chiếm năm mươi phần trăm số điểm. Tôi khuyến khích các em học hành cho đàng hoàng. Nào, giờ đến Chúa Giê-su.”

Ông Hyde giảng về Phúc Âm Mác-cô, cuốn sách tôi đã không đọc cho đến ngày hôm trước, dù tôi theo đạo Thiên Chúa. Tôi đoán mình đã tới nhà thờ chừng, ừm, bốn lần. Thế là nhiều hơn nhà thờ Hồi Giáo hay giáo đường Do Thái rồi.

Ông bảo rằng ở thế kỉ thứ nhất, vào thời Chúa Giê-su, có vài đồng xu La Mã in hình Hoàng Đế Augustus, và dưới hình của ông ta khắc dòng chữ *Filius Dei*. Con Trai của Chúa Trời.

“Chúng ta đang nói về,” ông giải thích, “thời thánh thần có con trai. Không khó để trở thành con trai của Chúa Trời. Phép màu, ít nhất vào thời gian và địa phương đó, là *Giê-su* một thường dân, một người Do Thái, một kẻ vô danh trong đế chế chuyên trị bởi hoàng tộc lại chính là con trai của vị Chúa Trời ấy, Chúa Trời toàn năng của Abraham và Moses. Con trai của Chúa Trời không phải hoàng đế. Thậm chí không phải một giáo sĩ uyên bác. Một thường dân và một người Do Thái. Một kẻ vô danh giống như các em. Trong khi Đức Phật đặc biệt vì ngài đã từ bỏ xuất thân giàu sang và cao quý để được khai sáng, Giê-su đặc biệt vì ngài không giàu sang hay xuất thân cao quý nhưng lại kế thừa địa vị thanh cao nhất: Vua của những vị Vua. Hết giờ. Các em có thể lấy bản sao của bài thi cuối kì trên đường ra. Đừng để mắc mưa đấy.” Phải đến khi đứng dậy ra về, tôi mới nhận ra Alaska đã cúp

tiết sao cô ấy lại có thể cúp ngay tiết học duy nhất xứng đáng chứ? Tôi cầm theo một bản sao cho cô.

Bài thi cuối kì: *Câu hỏi quan trọng nhất mà nhân loại phải trả lời là gì? Cần thận chọn ra câu trả lời, và phân tích xem Hồi Giáo, Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo đã tìm cách giải đáp nó thế nào.*

“Tao mong ông già khốn khổ ấy sống hết năm học,” Đại Tá nói trong lúc cả hai dầm mưa chạy về nhà, “vì tao đang bắt đầu có hứng với môn này. Câu hỏi quan trọng nhất của mày là gì?”

Sau ba mươi giây chạy bộ, tôi đã hết hơi. “Chuyện gì... sẽ xảy ra... khi chúng ta qua đời?”

“Lạy Chúa, Bé Bự, nếu mày không ngừng chạy, mày sẽ biết ngay thôi.” Gã đi chậm lại. “Câu hỏi của tao là: Tại sao người tốt lại bị đày đọa quá nhiều trong đời? Quỷ thần ơi, Alaska đấy à?”

Cô ấy lao hết tốc lực về phía chúng tôi, và cô đang hét lên, nhưng tôi không thể nghe được gì qua tiếng mưa rào, cho tới khi cô ấy ở gần hai đứa đến nỗi tôi có thể thấy nước bọt của cô văng tung tóe.

“Lũ khốn ấy làm ngập phòng mình. Tụi nó làm hỏng gần một trăm cuốn sách! Quỷ tha ma bắt bọn khốn Chiến Binh Ngày Thường. Đại Tá, tụi nó chọc thủng một lỗ trong máng xối và nối một ống nhựa từ đấy vào cửa sổ phía sau vào phòng mình! Căn phòng ngập hết rồi. Cuốn *Tướng Quân giữa Mê Hồn Trộn* của mình hỏng bét rồi.”

“Khá đấy chứ,” Đại Tá tấm tắc, như một nghệ sĩ khen ngợi tác phẩm của một nghệ sĩ khác.

“Ê!” cô ấy quát to.

“Xin lỗi. Đừng lo, bồ tèo,” gã bảo. “Chúa sẽ trừng trị kẻ xấu xa. Và trước khi Ngài làm điều đó. Chúng ta sẽ trả đũa.”

sáu mươi bảy ngày trước

RA ĐÂY LÀ CẢM GIÁC CỦA NOAH. Bạn thức dậy vào một buổi sáng và Chúa đã tha thứ cho bạn và bạn đi loanh quanh nheo mắt cả ngày vì đã quên mất ánh nắng mặt trời ấm áp và thô ráp trên da như thế nào, tựa cái hôn của bốn bạn lên má, và cả thế giới rục rỡ và trong lành hơn bao giờ hết, như thể trung tâm Alabama đã bị ném vào máy giặt trong hai tuần và được gột rửa bằng thuốc tẩy cực mạnh với thành phần làm sáng màu, và giờ bãi cỏ xanh hơn và món burri-chiên giòn hơn.

Tôi ở lại khu phòng học trưa hôm đó, nằm sấp trên bãi cỏ vừa mới khô ráo và đọc sách cho tiết lịch sử nước Mỹ, Nội Chiến, hoặc như dân quanh đây hay gọi là Chiến Tranh Giữa Các Tỉnh Bang. Với tôi, nó là trận chiến đã sản sinh hàng ngàn lời trắng trối tuyệt vời. Như Tướng Albert Sidney Johnston, người, khi được hỏi là ông có bị thương không, đã trả lời rằng, “Có, và tôi sợ chết khiếp.” Hoặc Robert E. Lee, người, nhiều năm sau chiến tranh, trong cơn hấp hối mê sảng, đã tuyên bố, “Đánh vào lều!”

Tôi đang ngẫm nghĩ vì sao những vị tướng Liên Minh lại có lời trắng trối hay hơn mấy ông ở Liên Bang (lời trắng trối của Ulysses S. Grant, “Nước,” nghe hơi quê mùa) thì nhận ra một bóng người đang đứng choán cả mặt trời. Lâu rồi tôi mới thấy bóng ai, và nó làm tôi hơi giật mình. Tôi ngẩng lên.

“Tao đem đồ ăn vặt cho mày,” Takumi nói, quăng cái bánh yến mạch nhân kem lên cuốn sách của tôi.

“Rất giàu dinh dưỡng.” Tôi mỉm cười.

“Mày có yến mạch. Mày có bột. Mày có kem. Tháp dinh dưỡng chứ còn khi gì nữa.”

“Chuẩn rồi.”

Và rồi tôi không biết phải nói gì. Takumi biết rất nhiều về hip-hop; tôi biết rất nhiều về những lời trắng trối và trò chơi điện tử. Cuối cùng, tôi nói, “Tao không tin được là bọn nó dám làm ngập phòng Alaska.”

“Ờ,” Takumi nói, không nhìn vào tôi. “Chẹp, tụi nó có lí do riêng. Mày phải hiểu rằng với tất cả mọi người, kể cả bọn Chiến Binh Ngày Thường, Alaska nổi tiếng phá phách. Ý tao là, năm ngoái, tụi tao đổ một chiếc

Volkswagen Beetle trong thư viện. Nên nếu tụi nó có lý do để thử và trả đũa cô ấy, tụi nó sẽ làm tới. Và chiêu trò ma lạnh phết, vụ đổ nước từ máng xối vào phòng cổ ấy. Ý tao là, tao *không muốn* thừa nhận...”

Tôi bật cười. “Ờ. Khó qua mặt đấy.” Tôi tháo gói bánh và cắn một miếng. Ừmm... hàng trăm calo ngon lành mỗi miếng.

“Cổ sẽ nghĩ cách gì đó thôi,” cậu ta nói. “Bé Bự,” đoạn tiếp tục. “Hừmm, Bé Bự, mày cần một liều thuốc. Đi dạo đi.”

Tôi thấy lo lắng, tôi vẫn hay như thế mỗi khi có ai gọi tên tôi hai lần với chữ hừmm ở giữa. Nhưng tôi đứng dậy, để sách lại phía sau, và đi về phía Trùng Hút Thuốc. Nhưng ngay khi tới bìa rừng, Takumi đã né xa con đường đất. “Tao không chắc là Trùng an toàn,” cậu ta báo. *Không an toàn?* Tôi nghĩ. *Nó là nơi hút thuốc an toàn nhất trên toàn thế vũ trụ.* Nhưng tôi chỉ đi theo cậu ta qua bụi cây dày đặc, len lỏi qua hàng thông và những bụi gai nguy hiểm cao ngang ngực. Giây lát sau, cậu ta ngồi xuống. Tôi cúp tay quanh bật lửa để bảo vệ nó trước luồng gió thoảng qua rồi đốt thuốc.

“Alaska mách lẻo vụ Marya,” cậu ta lên tiếng. “Nên Đại Bàng có thể cũng biết về Trùng Hút Thuốc. Tao không biết. Tao chưa bao giờ thấy ông đi xuống đó, nhưng ai biết cổ đã mách ông những gì.”

“Khoan, sao mày biết?” tôi hỏi, cảm thấy mơ hồ.

“Chậc, thứ nhất, tao tự tìm ra. Và thứ hai, Alaska thú nhận chuyện đó. Ít nhất cổ đã kể tao nghe một phần sự thật, là hồi cuối năm ngoái, có đêm cổ đã lén ra khỏi trường sau khi tắt đèn để đến thăm Jake và bị phát hiện. Cổ nói mình rất cẩn thận không có đèn pha hay gì hết nhưng Đại Bàng bắt được cổ, và cổ có một chai rượu trong xe, nên cổ chết chắc. Và rồi Đại Bàng dắt cổ vô nhà ông và đề nghị y chang những gì ông nói với cả đám học sinh lúc bị tóm cổ. “Hoặc khai hết những gì em biết hoặc trở về phòng và thu dọn hành lý.” Nên Alaska òa lên rồi bảo ông là Marya và Paul xin quắc cần câu và đang ở trong phòng Cổ. Và có Chúa mới biết cổ đã nói thêm cái gì. Thế là Đại Bàng thả cổ đi, vì ông cần lũ mách lẻo làm việc cho ông. Cổ rất thông minh, thiệt luôn, vì đã mách lẻo một trong số đám bạn, tại chưa ai từng nghĩ

đến việc đổ tội cho bạn mình. Đây là lí do Đại Tá chắc mồm thủ phạm là Kevin và đồng bọn của nó. Tao cũng không nghĩ đây là Alaska, tới khi tao nhận ra cô là người duy nhất trong trường biết được Marya đang làm gì. Tao đã nghi ngờ bạn cùng phòng của Paul, Longwell một trong những thằng đã biến mày thành tiên cá không tay. Hóa ra đêm đó nó ở nhà. Dì của nó qua đời. Tao kiểm tra mục tin buồn trên báo rồi. Hollis Burnis Chase cái tên khá ấn tượng cho một bà dì.” “Vậy là Đại Tá không biết?” tôi hỏi lại, sững sờ. Tôi dập tắt điều thuốc, dù vẫn hút chưa xong, vì tôi thấy rùng mình. Tôi chưa bao giờ nghi ngờ Alaska phản bội. Ấm ương, đúng. Nhưng không phải một đứa mách lẻo.

“Không, và nó không được biết, vì nó sẽ điên lên và khiến cô bị đuổi học. Đại Tá rất coi trọng ba cái quý danh dự và trung thành này, nếu mày vẫn chưa biết.”

Tao biết rồi.

Takumi lắc đầu, đưa tay gạt bỏ lá cây để bầu vào lớp đất còn ướt bên dưới. “Tao chỉ không hiểu vì sao cô sợ bị đuổi học như vậy. Tao ghét bị đuổi học, nhưng mày tự làm tự chịu. Tao không hiểu.”

“Ờ, rõ ràng là cô không thích nhà mình.”

“Phải. Cô chỉ về nhà vào dịp Giáng Sinh và nghỉ hè, khi Jake ở đó. Nhưng sao cũng được. Tao cũng đâu thích về nhà. Nhưng tao sẽ không bao giờ cho Đại Bàng thỏa mãn.” Takumi nhặt lấy một cành con và cắm nó xuống mặt đất đỏ nhão nhoẹt. “Nghe này, Bé Bự. Tao không biết Alaska và Đại Tá sẽ bày trò gì để kết thúc vụ này, nhưng tao chắc chắn chúng ta đều sẽ bị kéo vào. Tao kể hết cho mày để mày biết trước mình đang dính vào cái gì, vì nếu mày bị bắt, mày nên tự gánh nhận hậu quả thì hơn.”

Tôi nghĩ đến Florida, đến “bạn cùng trường” của tôi, và lần đầu tiên nhận ra tôi sẽ nhớ Creek thế nào nếu phải rời xa nó. Tôi nhìn xuống cái cành con của Takumi đang dựng đứng giữa bùn và nói, “Thề với Chúa là tao sẽ không mách lẻo.”

Cuối cùng tôi đã hiểu được cái ngày ở Ban Bồi Thẩm: Alaska muốn chứng tỏ rằng chúng tôi có thể tin cô ấy. Sống sót ở Culver Creek đồng nghĩa với lòng trung thành, và cô ấy đã tâng lờ nó. Nhưng rồi cô ấy lại hướng dẫn tôi. Cô ấy và Đại Tá đã nhận tội thay tôi để chỉ cho tôi đường đi nước bước, để tôi biết phải làm thế nào khi thời điểm đến.

năm mươi tám ngày trước

KHOẢNG MỘT TUẦN SAU, tôi thức dậy lúc 6:30–6:30 vào ngày thứ Bảy! Trong giai điệu du dương của Decapitation: tiếng súng tự động nổ đùng đoàng, át cả tiếng nhạc nền nặng âm bass đầy đe dọa của trò chơi. Tôi lăn qua và thấy Alaska kéo điều khiển lên cao và về phía bên phải, như thể nó sẽ giúp cô thoát khỏi cái chết trước mắt. Tôi cũng có thói quen xấu tương tự.

“Cậu tắt tiếng được không?”

“*Bé Bự*,” cô ấy nói, vờ ra vẻ, “âm thanh là một phần trải nghiệm nghệ thuật của trò chơi điện tử này. Tắt tiếng Decapitation chẳng khác nào đọc lướt tác phẩm *Jane Eyre*.”

Đại Tá dậy chừng nửa tiếng trước. Cậu ấy dòm hơi bực bội, nên mình bảo cậu ấy sang phòng mình ngủ đi.”

“Có lẽ mình sẽ sang đây ngủ chung,” tôi lờ mờ nói.

Thay vì trả lời câu hỏi của tôi, cô ấy cất một tràng, “Nghe nói Takumi kể với cậu rồi. Ờ, mình mách lẻo Marya đấy, và mình xin lỗi, và mình sẽ không bao giờ tái phạm nữa. Mặt khác, cậu có ở đây vào Lễ Tạ ơn không? Vì mình thì có đấy.”

Tôi quay lưng lại về phía tường và kéo mền trùm kín đầu. Tôi không biết mình nên tin Alaska hay không, và tôi rõ ràng đã chịu đủ bản tính khó đoán của cô – lạnh lùng hôm nay, ngọt ngào hôm sau; lả lơi khó cưỡng trong thoáng chốc, khó chịu dễ ghét giây tiếp theo. Tôi thích Đại Tá hơn: ít nhất khi gã cúi kính, gã vẫn có *lí do*.

Để chứng minh sức mạnh của sự mệt mỏi, tôi đã thiếp đi nhanh chóng, tự thuyết phục mình rằng tiếng gào rú của bọn quái vật giã chết và tiếng hét hào hứng của Alaska khi giết chúng không là gì hơn ngoài một bản nhạc êm dịu để mơ màng. Tôi tỉnh giấc nửa tiếng sau, khi cô ấy ngồi xuống giường tôi, mông cô tì vào hông tôi. *Quần lót của cô ấy, quần jean, tấm mền, quần nhung và quần đùi của tôi chen giữa hai đùi*, tôi nghĩ. Năm lớp vải, nhưng tôi vẫn cảm thấy nó, hơi ấm bồng chồn từ những đụng chạm – một phản ảnh nhạt nhòa của tia lửa khi hai đôi môi chạm vào nhau, nhưng vẫn là một phản ảnh. Và trong một thoáng gần như ấy, ít nhất tôi đã đủ quan tâm. Tôi không chắc mình có thích cô ấy hay không, và tôi không biết liệu mình có thể tin cô ấy, nhưng ít nhất tôi đủ quan tâm để tìm ra. Cô ấy ngồi trên giường tôi, đôi mắt to tròn màu xanh lục đang nhìn tôi chăm chăm. Bí ẩn thường trực đến từ nụ cười ranh mãnh, gần như một cái nhếch mép của cô ấy. Năm lớp vải giữa chúng tôi.

Cô ấy nói tiếp như thể tôi đã thức này giờ. “Jake phải học thi. Nên anh ấy không muốn mình về Nashville. Ảnh bảo ảnh không thể tập trung vào âm nhạc trong lúc ngắm mình. Mình bảo mình sẽ mặc áo burka, nhưng ảnh không tin, nên mình sẽ ở lại đây.”

“Mình rất tiếc,” tôi bảo.

“Ồ, đừng lo. Mình có hàng đồng thứ để làm. Có một trò cần lên kế hoạch. Nhưng mình nghĩ cậu cũng nên ở lại. Thật ra, mình đã soạn sẵn một danh sách.”

“Một danh sách?”

Cô ấy đút tay vào túi và lôi ra một tờ ghi chú được gấp dày cộm và bắt đầu đọc.

"Danh sách: Lí do Bé Bự nên ở lại Creek vào Lễ Tạ ơn, Alaska Young soạn."

"Một. Vì cậu ấy là một học sinh tận tụy, Bé Bự đã thiếu thốn vô vàn trải nghiệm tuyệt diệu của Culver Creek, bao gồm nhưng không giới hạn A. uống rượu với mình ở trong rừng, và B. dậy sớm vào thứ Bảy để ăn sáng tại

McKhông-Nuốt-Nổi rời lái xe quanh khu thượng lưu Birmingham, hút thuốc và bàn về việc khu thượng lưu ấy chán điên như thế nào, chưa kể C. đi dạo khuya và nằm trên sân bóng đầy sương và đọc sách của Kurt Vonnegut dưới ánh trăng.

“Hai. Dù bà ấy không xuất sắc trong lĩnh vực giảng dạy Pháp văn, Madame O’Malley nhồi gà tây rất ngon, và bà mời tất cả học sinh ở lại trường đến ăn bữa tối Tạ ơn. Thường chỉ có mình và nhỏ học sinh trao đổi người Hàn Quốc, nhưng không sao. Bé Bự sẽ được chào đón.

“Ba. Mình không có cái Ba nào, nhưng Một và Hai là tuyệt vời lắm rồi.”

Một và Hai nghe rất hấp dẫn, dĩ nhiên, nhưng chủ yếu tôi thích ý nghĩ chỉ có cô ấy và tôi trong trường. “Mình sẽ nói chuyện với cha mẹ. Khi họ thức dậy,” tôi bảo. Cô ấy dụ tôi ra sofa ngồi, và chúng tôi chơi Decapitation cùng nhau, tới khi cô ấy đột ngột quăng điều khiển.

“Mình không tán tỉnh cậu. Mình chỉ kiệt sức thôi,” Alaska nói, đoạn đá bay dép đi trong nhà. Cô ấy kéo chân lên cái sofa đầy mút, rúc chúng vào phía sau một tấm đệm, rồi nhích sang để gối đầu lên lòng tôi. Quần nhung của tôi. Quần đùi. Hai lớp vải. Tôi có thể cảm nhận gò má ấm áp của cô ấy trên đùi.

Có những thời điểm thích hợp, thậm chí đúng lúc, để chào cờ khi ai đó kê sát mặt vào thân dưới bạn.

Đây không phải là một trong những thời điểm đó.

Nên tôi dừng nghĩ về những lớp vải và hơi ấm, tắt tiếng TV, và tập trung vào trò Decapitation.

Vào 8:30, tôi tắt game và luồn ra từ bên dưới Alaska. Cô ấy quay sang nằm ngửa, vẫn còn say ngủ, nếp nhăn quần nhung của tôi hằn trên má cô.

Tôi thường chỉ gọi cho cha mẹ vào trưa Chủ Nhật, nên khi nghe giọng tôi, mẹ lập tức kích động. “Chuyện gì thế? Miles? Con không sao chứ?”

“Con ớn, thưa mẹ. Con nghĩ, nếu mẹ cho phép, con nghĩ con sẽ ở lại đây vào dịp Lễ Tạ ơn. Nhiều đứa bạn con ở lại”—nói dối—“và con có một đồng việc phải làm”—nói dối nhân đôi. “Con không ngờ mấy môn học khó đến vậy, mẹ ơ”—sự thật.

“Ôi, con yêu. Chúng ta rất nhớ con. Và có một con gà tây khổng lồ đang chờ con. Và món xốt việt quất con có thể ăn thỏa thích.”

Tôi ghét xốt việt quất, nhưng chẳng hiểu sao trước giờ mẹ tôi cứ nhất quyết tin rằng nó là món ăn ưa thích của tôi, dù mỗi một dịp Tạ ơn tôi đều lễ phép từ chối múc nó vào đĩa.

“Con biết, mẹ. Con cũng nhớ cha mẹ. Nhưng con thật sự rất muốn theo kịp chương trình ở đây”—sự thật—“và cảm giác, ừm, có *bạn* thật thích”— sự thật.

Tôi biết cái cơ bạn bè sẽ khiến mẹ tôi đồng ý, và đúng thật. Nên tôi được mẹ cho phép ở lại trường sau khi hứa rằng sẽ ở cạnh họ từng phút từng giây vào dịp nghỉ Giáng Sinh (làm như tôi có kế hoạch nào khác vậy).

Tôi dành cả buổi sáng trước máy tính, chuyển đổi qua lại giữa bài tập môn tôn giáo và Quốc Ngữ. Chỉ còn hai tuần học trước hai kì kiểm tra, một sắp tới và một sau Lễ Tạ ơn và tới giờ, đáp án khá khăm nhất mà tôi nghĩ ra cho câu hỏi “Chuyện gì sẽ xảy ra với chúng ta sau khi chết?” là “À, chuyện gì đó. Có thể.”

Đại Tá bước vào phòng lúc trưa, kẹp cuốn toán học nâng cao dày cộm trong tay.

“Tao mới gặp Sara,” gã nói.

“Mày thấy thế nào?”

“Tệ hại. Cổ nói cổ vẫn còn yêu tao. Lạy Chúa, 'em yêu anh' đúng là liều thuốc dẫn đến chia tay. Nói 'em yêu anh' trong lúc đi ngang kí túc xá chắc chắn sẽ dẫn đến chuyện nói 'em yêu anh' lúc đang làm tình. Nên tao chỉ biết bỏ chạy.” Tôi cười lớn. Gã lôi ra một cuốn sổ và ngồi xuống bàn.

“Ờ. Haha. Nghe Alaska nói mày sẽ ở lại đây.”

“Ờ. Tuy tao thấy hơi tội lỗi vì đã bỏ rơi cha mẹ.”

“Ờ thì. Nếu mày ở đây vì muốn được hôn hít gì với Alaska thì tao mong mày sẽ không làm thế. Nếu mày kéo nó khỏi tảng đá tên là Jake ấy, Chúa phù hộ tất cả chúng ta. Đây sẽ là một núi rắc rối, tao nói thật. Và theo đúng luật, tao không thích dính vào rắc rối.”

“Đây không phải vì tao muốn hôn hít cố.”

“Chờ chút.” Gã chộp lấy cây bút chì và hào hứng ghi chép trên giấy như thể vừa giải được một bài toán khó, đoạn gã lại ngược lên nhìn tôi. “Tao mới làm vài phép toán, và tao đã kết luận được rằng mày là thằng xạo sự.”

Và gã nói đúng. Sao tôi có thể bỏ rơi cha mẹ, những người đã tử tế đến mức trả học phí cho tôi ở Culver Creek, những người đã luôn yêu thương tôi, chỉ vì tôi có lẽ đã thích một cô gái đang có bạn trai? Sao tôi có thể để họ một mình với một con gà tây cỡ lớn và một đồng xốt việt quất khó ăn? Nên giữa tiết ba, tôi gọi cho mẹ ở chỗ làm. Tôi muốn bà nói rằng tôi được phép, tôi đoán, ở lại Creek trong dịp Lễ Tạ ơn, nhưng tôi không ngờ bà lại phẫn khích thông báo rằng bà và cha tôi đã mua vé máy bay đến Anh ngay sau khi tôi vừa gọi và dự định sẽ ăn mừng Lễ Tạ Ơn tại một lâu đài trong làn trắng mật thứ hai của họ.

“Ồ, tuyệt–tuyệt quá,” tôi nói, và rồi nhanh chóng cúp máy vì tôi không muốn bà nghe thấy tôi khóc. Tôi đoán Alaska đã nghe tôi đập máy từ phòng mình, vì cô ấy mở cửa lúc tôi quay lưng đi, nhưng cô không nói gì. Tôi băng qua khuôn viên kí túc xá, rồi đi thẳng tới sân bóng, càn vào mấy bụi cây trong lúc đi xuyên rừng, đến khi dừng lại bên bờ Culver Creek ngay phía dưới cầu. Tôi ngồi xuống một tảng đá, vùi chân xuống lớp bùn giữa con lạch và ném sỏi về phía mặt nước cạn trong veo, và chúng đập xuống cùng tiếng *tôm rỗng tuếch*, khó mà nghe được giữa dòng chảy ầm ầm đổ xuống hạ nguồn. Anh nắng xuyên qua những tán lá thường và lá kim như dải đăng-ten ở phía trên đầu, hắt lên mặt đất những chiếc bóng lốm đốm.

Tôi nghĩ đến một thứ mình nhớ ở nhà, phòng làm việc của cha tôi với dãy kệ sách âm tường, cao từ sàn đến trần nhà chất đầy tiểu sử, và cái ghế da

khiến tôi khó chịu vừa đủ để không thấy buồn ngủ khi đọc. Tôi thật ngỡ ngẩn khi buồn bã đến vậy. Tôi đã bỏ rơi họ, nhưng lại có cảm giác bị bỏ rơi. Dẫu vậy, tự dưng tôi nhớ nhà kinh khủng.

Tôi nhìn lên phía cây cầu và thấy Alaska ngồi trên một trong những cái ghế xanh ở Trũng Hút Thuốc, và dù tôi muốn ở một mình, tôi lại nghe bản thân mình cất tiếng, “Này.” Rồi, khi cô ấy không quay sang nhìn, tôi hét to, “Alaska!” Cô ấy bước tới.

“Mình đang tìm cậu,” cô ấy nói, ngồi cạnh tôi trên tảng đá.

“Này.”

“Mình thật sự xin lỗi, Bé Bự,” cô ấy bảo, và vòng tay ôm lấy tôi, dựa đầu vào vai tôi. Tôi chợt nhận ra cô ấy thậm chí còn không biết chuyện gì đã xảy ra, nhưng cô ấy vẫn có vẻ rất chân thành.

“Mình phải làm gì đây?”

“Cậu sẽ ăn mừng Lễ Tạ Ơn với mình, gốc ạ. Ở đây.”

“Thế tại sao cậu không về nhà nghỉ lễ?” tôi hỏi có ấy.

“Vì mình sợ những bóng ma, Bé Bự à. Và nhà thì đầy rẫy chúng.”

năm mươi hai ngày trước

SAU KHI MỌI NGƯỜI RỜI ĐI; sau khi mẹ của Đại Tá xuất hiện trong một chiếc xe hai khoang cũ mèm và gã ném cái túi thể thao cỡ bự của mình lên ghế sau; và sau khi gã nói, “Tao không giỏi nói lời tạm biệt. Hẹn gặp mày sau một tuần nữa. Đừng làm những gì tao sẽ không làm”; và sau khi một chiếc limousine màu xanh đến đón Lara, bố em là vị bác sĩ duy nhất tại một thị trấn nhỏ ở phía nam Alabama; và sau khi tôi đi cùng Alaska trên chuyến xe nào *nề không cần đạp cái phanh chết tiệt* chở Takumi ra sân bay; và sau khi sân trường chìm vào sự im lặng đáng sợ, không tiếng sập cửa và chơi nhạc và cười đùa và la hét; sau tất cả chuyện đó:

Chúng tôi đi xuống sân bóng, và cô ấy dắt tôi ra ngoài rìa cánh đồng, nơi dẫn vào rừng cây, đúng như lộ trình tôi đã đi để bị ném xuống hồ. Bóng Alaska trải dài dưới ánh trăng tròn, và bạn có thể nhìn rõ đường cong từ eo đến hông của cô ấy trong bóng tối, và lát sau cô ấy dừng lại rồi nói, “Đào lên.”

Và tôi hỏi, “Đào?” và cô ấy đáp, “Đào.” Và chúng tôi cứ như thế một lúc, rồi tôi quì xuống và đào xuyên qua lớp đất mềm ở bìa rừng, và trước khi tôi kịp đào sâu hơn, tay tôi cào phải thủy tinh, và tôi lăn mò quanh đồng thủy tinh đến khi lôi ra một chai rượu màu hồng Strawberry Hill, đó là tên của nó, tôi đoán nếu rượu không có vị như giấm với một chút hương mật phong, rất có thể nó sẽ mang vị dâu.

“Mình có một cái thẻ căn cước giả,” cô ấy nói, “nhưng nó tào lao. Nên mỗi lần tới tiệm bán rượu, mình cô mua mười chai này và vài chai vodka cho Đại Tá. Và khi thẻ căn cước cuối cùng cũng hiệu quả, mình đã đủ phần cho cả học kì. Rồi mình đưa vodka cho Đại Tá, và cậu ấy bỏ chúng ở chỗ nào tùy thích, còn mình lấy chai của mình và chôn đi.”

“Vì cậu là một tên cướp biển,” tôi nói.

“*Aye, matey*. Chính xác đấy. Nhưng học kì này lượng tiêu thụ rượu đã tăng lên một chút, nên ngày mai chúng ta phải đi một chuyến. Đây là chai cuối cùng.” Cô ấy bật nắp, không có nút bần, nhấp một ngụm, rồi chuyền nó cho tôi. “Đừng lo về Đại Bàng tối nay,” cô ấy nói. “Ông chỉ mừng vì cả đám gần như biến hết. Chắc giờ ông đang tự sướng lần đầu tiên trong tháng.”

Tôi thoáng lo lắng trong lúc cầm lấy cổ chai, nhưng tôi muốn tin cô ấy, và tôi đã làm thế. Tôi uống một hớp nhỏ, và ngay sau khi nuốt xuống, tôi cảm thấy cơ thể phản ứng lại vị mật gấu hòng trong rượu. Nó trào ngược lên thực quản của tôi, nhưng tôi nuốt cái ực, và đấy, xong rồi, tôi đã làm được. Tôi đang uống rượu trong trường.

Nên chúng tôi nằm trên bãi cỏ cao giữa sân bóng và rừng cây, chuyền cái chai cho nhau và ngửa cổ nhấp món rượu ngon đến nhắm mặt. Như đã hứa trong danh sách, cô ấy đem theo một cuốn sách của Kurt Vonnegut, *Vòng*

dây của Mèo, và cô ấy đọc lên cho tôi nghe, giọng nói khê khàng hòa vào tiếng ếch kêu ồm ộp và tiếng châu chấu đáp đất xung quanh. Tôi không nghe rõ nội dung bằng ngữ điệu trong chất giọng của cô. Rõ ràng cô ấy đã nghiên ngẫm cuốn sách này rất nhiều lần, cô đọc nó trôi chảy và tự tin, và tôi có thể nghe cô cười giữa lúc đọc và âm thanh của nụ cười ấy khiến tôi nghĩ rằng có lẽ tôi sẽ thích tiểu thuyết hơn nếu Alaska Young đọc chúng cho tôi nghe. Một lát sau, cô ấy đặt sách xuống, và tôi thấy ấm áp nhưng chưa say hẳn với chai rượu nằm giữa chúng tôi, ngực tôi chạm vào nó và ngực cô ấy chạm vào nó nhưng không phải hai chúng tôi chạm vào nhau, và rồi cô ấy đặt tay lên chân tôi.

Tay cô ấy chỉ ở trên đầu gối tôi một chút, lòng bàn tay áp sát mềm mại trên lớp quần jean và ngón trỏ của cô di từng vòng tròn chậm rãi, biếng nhác đang dần lan rộng vô đui trong của tôi, và duy nhất một lớp vải ngăn cách chúng tôi, lạ Chúa, tôi muốn cô ấy. Và tôi nằm đó, giữa bãi cỏ cao vút, tĩnh lặng, bên dưới bầu trời đầy sao, lắng nghe nhịp thở đều đặn vừa đủ nghe từ cô ấy giữa tĩnh lặng ồn ào của bọn ếch ương, châu chấu, những chiếc ô-tô vun vút không ngừng trên đại lộ 1-65, đoạn tôi nghĩ giờ hẳn là lúc thích hợp để nói Ba Từ Đặc Biệt. Và tôi buộc mình không nói ra trong lúc nhìn lên bóng đêm ngàn sao, tự nhủ rằng cô ấy cũng cảm thấy thế, rằng bàn tay của cô đặt trên chân tôi sống động và sâu sắc hơn bốn cột đơn thuần, và thầy kệ Lara và thầy kệ Jake vì mình, Alaska Young ạ, mình yêu cậu và không còn gì quan trọng hơn thế và tôi hé môi định nói và trước khi tôi kịp thở ra câu ấy, cô ấy đã nói, “Không phải về sự sống hay cái chết đâu, mê hồn trận ấy.”

“Ừm, được. Thế là gì?”

“Đau khổ,” cô ấy đáp. “Phạm phải sai lầm và sai lầm xảy đến với cậu. Đây là vấn đề. Bolivar muốn nói về đau đớn, không phải về người sống hay kẻ chết. Cậu làm sao để thoát khỏi mê hồn trận của nỗi đau?”

“Chuyện gì vậy?” Tôi hỏi. Và tôi nhận ra cô ấy đã bỏ tay khỏi người tôi.

“Không có gì hết. Nhưng lúc nào cũng có đau khổ, Bé Bự ạ. Bài tập về nhà hoặc bệnh sốt rét hoặc một người bạn trai ở xa trong khi cậu đang có

một anh chàng đẹp trai nằm cạnh bên. Đau khổ ở khắp vũ trụ. Đây là một trong những điều mà các tín đồ Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo và Hồi Giáo đều phải lo nghĩ.”

Tôi quay sang cô ấy. “Ồ, vậy chắc lớp học của Tiến Sĩ Hyde cũng không hoàn toàn nhằm nhí.” Và cả hai chúng tôi nằm nghiêng, cô ấy mỉm cười, mũi chúng tôi gần chạm nhau, đôi mắt thao láo của tôi dán lên người Alaska, mặt cô ấy ửng đỏ vì rượu, và tôi lại mở miệng nhưng lần này không phải để nói, và cô ấy vươn tay đặt một ngón lên môi tôi và nói, “Suyt. Suyt. Đừng làm hỏng điều đó.”

năm mươi một ngày trước

SÁNG HÔM SAU, tôi không nghe tiếng gõ cửa, ấy là nếu có tiếng nào. Tôi chỉ nghe thấy, “DẬY ĐI! Cậu biết mấy giờ rồi không?!”

Tôi nhìn đồng hồ và lờ đờ lẩm bẩm, “Bảy giờ ba mươi sáu phút.”

“Không, Bé Bự. Là giờ mở tiệc! Chúng ta chỉ còn bảy ngày trước khi mọi người quay lại. Chúa ơi, mình không biết phải nói có cậu ở đây tuyệt đến thế nào. Lễ Tạ ơn năm ngoái, mình dành cả tuần để nặn một cây nến khổng lồ từ sáp thừa của mấy cây nến nhỏ. Trời ơi, chán gần chết. Mình đếm cả ô gạch trên trần nhà, sáu mươi bảy ô hàng dọc, tám mươi bốn ô hàng ngang. Đau khổ thế đấy! Đúng là tra tấn tinh thần.”

“Mình thật sự rất mệt. Mình...” Tôi nói, rồi cô ấy cắt ngang.

“Bé Bự tội nghiệp. Ôi, Bé Bự thiệt tội nghiệp. Cậu có muốn mình leo lên giường chung rồi ôm cậu không?”

“Chà, nếu cậu đề nghị.”

“KHÔNG! DẬY! DẬY MAU!”

Alaska dẫn tôi đến phía sau chái nhà bên dãy phòng của Chiến Binh Ngày Thường 50 tới 59 và dừng trước một cửa sổ, áp sát hai tay lên đó, và đẩy nó hé lên một nửa, đoạn trèo vào trong. Tôi theo sau.

“Cậu thấy gì, Bé Bự?”

Tôi nhìn thấy một phòng kí túc xá, vẫn bốn bức tường than xỉ, cùng kích thước, thậm chí cùng cách sắp xếp như phòng tôi. Sofa của họ đẹp hơn, và họ có một cái bàn cà phê thực thụ thay vì BÀN CÀ PHÊ. Họ có hai tấm poster trên tường. Một có hình mây tờ một trăm đô-la chất thành đống với dòng chữ MỘT TRIỆU ĐẦU TIÊN LÀ MỘT TRIỆU KHÓ NHẤT. Trên bức tường đối diện là hình một cái xe Ferrari màu đỏ. “Ừm, mình thấy một căn phòng kí túc xá.”

“Cậu chẳng nhìn gì cả, Bé Bự. Lúc mình vào phòng cậu, mình thấy hai gã mê game. Lúc mình quan sát phòng mình, mình thấy một cô gái yêu sách.” Cô ấy đi đến chỗ sofa và nhặt một chai soda bằng nhựa lên. “Nhìn này,” cô ấy bảo, và tôi thấy một chất lỏng màu nâu nồng mùi được rót đầy một nửa bên trong. Nước bọt sau khi nhai xì gà. “Tụi nó nhai xì gà. Và rõ ràng là tụi nó chẳng sạch sẽ gì khi làm thế. Nên liệu tụi nó có để ý việc chúng ta tè lên bàn chải đánh răng của tụi nó không? Không để ý lắm đâu, chắc chắn đấy. Nhìn đi. Nói cho mình nghe bọn này thích gì.” “Thích tiên,” tôi nói, chỉ lên tấm poster. Cô ấy giơ hai tay lên, tuyệt vọng.

“Tụi nó đều thích tiên, Bé Bự. Được, vào phòng tắm đi. Nói mình biết cậu thấy gì trong đấy.”

Trò chơi làm tôi hơi bực, nhưng tôi đi vào phòng tắm còn cô ấy ngồi xuống cái ghế sofa mời gọi ấy. Bên trong buồng tắm, tôi bắt gặp một tá dầu gội và dầu xả. Trong tủ thuốc, tôi tìm thấy một lọ hình trụ đựng gì đó ghi chú Rexvind. Tôi mở nắp, chất gel màu xanh có hương hoa và cồn tẩy rửa, như mùi một tiệm hót tóc sang trọng. (Bên dưới bồn rửa mặt, tôi tìm thấy cả một tuýp Vaseline lớn đến mức chỉ có thể dùng cho một việc mà tôi không buồn ngẫm tới.) Tôi quay về phòng và hào hứng thông báo, “Tụi nó phát cuồng mái tóc của mình.”

“*Chính xác!*” cô ấy hét lên. “Lục giường tầng trên đi.” Một lọ gel STAWET được đặt chông chênh trên tấm ván mỏng đầu giường. “Kevin không thức dậy với cái đầu rối quạ lia chia ấy, Bé Bự. Nó dùng keo vuốt. Nó

thích kiểu tóc ấy. Tụi nó để mấy chai dưỡng tóc ở đây, Bé Bự, vì tụi nó có cả mớ ở nhà. Cả lũ đều có. Và cậu biết vì sao không?”

“Vì tụi nó muốn bù đắp cho thằng nhỏ bé tí của tụi nó?” Tôi hỏi.

“Ha ha. Không. Đây là lí do tụi nó là lũ khốn cơ bắp. Tụi nó cuồng đầu tóc vì tụi nó không đủ thông minh để thích cái gì thú vị hơn. Nên chúng mình sẽ đánh vào chỗ đau nhất: da đầu.”

“Đượccc... thối,” tôi nói, không biết chính xác mình phải làm gì để chọc phá da đầu của người khác.

Alaska đứng dậy và bước tới của sổ rồi cúi xuống thò người ra. “Đừng nhìn mông mình,” cô ấy bảo, và tôi nhìn mông cô ấy, hiện đang ưỡn ra từ thắt lưng thon thả. Cô ấy dễ dàng chui ra khỏi cửa sổ hé nửa. Tôi chọn cách cho chân xuống trước, và khi tôi đặt chân lên đất, tôi ngọ nguậy thân trên ra khỏi cửa.

“Chà,” Alaska nói. “Trông khó coi quá. Đến Trũng Hút Thuốc thôi.”

Cô ấy rê chân đá bay lớp bụi cam trên đường lên cầu, rê chân y như đang trượt băng đường trường. Trong lúc lẩn theo con đường mòn từ cây cầu đến Trũng, cô dừng lại, quay sang nhìn tôi. “Không biết người ta hay mua thuốc nhuộm xanh công nghiệp ở đâu nhỉ,” cô nói, đoạn vén một cành cây ra sau cho tôi.

Bốn mươi chín ngày trước

HAI NGÀY SAU, THỨ HAI, ngày nghỉ chính thức đầu tiên. Tôi bỏ cả buổi sáng để làm bài thi tôn giáo cuối kì và ghé phòng Alaska vào buổi trưa, cô ấy đang nằm đọc sách trên giường.

“Auden,” cô ấy cất tiếng. “Lời trăng trối của ông ấy là gì?”

“Không biết. Chưa bao giờ nghe tới ổng.”

“Chưa bao giờ *nghe tới*” Cậu trai mù chữ đáng thương. Đây, đọc dòng này ngay.” Tôi đi đến và nhìn xuống ngón trỏ của cô ấy. “Người sẽ yêu tên

hàng xóm đòi bại/ Với trái tim mục ruỗng trong mình,” Tôi đọc to. “Ừa. Nghe cũng được,” tôi nói.

“Cũng được? Ờ, và burri-chiên cũng ngon. Tình dục cũng vui. Mặt trời cũng nóng. Chúa ơi, nó nói rất nhiều về tình yêu và tan vỡ, hoàn hảo.”

“Ừ hử.” Tôi thờ ơ gật gù.

“Cậu hết thuốc chữa rồi. Muốn đi săn phim khiêu dâm không?”

“Hả?”

“Chúng ta không thể yêu thương hàng xóm của mình đến khi biết được trái tim họ đòi bại thế nào. Cậu không thích phim khiêu dâm à?” Cô ấy hỏi, mỉm cười.

“Ừm,” tôi trả lời. Sự thật là tôi không coi nhiều phim khiêu dâm, nhưng ý nghĩ về việc xem phim khiêu dâm với Alaska có phần hấp dẫn.

Chúng tôi bắt đầu với dây kít túc xá số 50 và đi ngược quanh tòa nhà sáu cạnh, cô ấy mở cửa số sau trong khi tôi canh chừng và bảo đảm không có ai đi ngang.

Tôi chưa bao giờ vào phòng ai cả. Sau ba tháng, tôi biết gần hết mọi người, nhưng thường nói chuyện với rất ít đứa—thật ra chỉ mỗi Đại Tá và Alaska và Takumi. Nhưng trong vòng vài giờ, tôi đã biết khá rõ về mấy đứa bạn cùng lớp của mình.

Wilson Carbod, tuyến thủ trung tâm của Culver Creek Vô Danh, bị bệnh trĩ, hoặc ít nhất là nó cắt kem trĩ trĩ kín bưng trong ngăn dưới cùng của bàn học. Chandra Kilers, một nhỏ dễ thương mê toán quá đà, và là người Alaska tin rằng sẽ trở thành bạn gái tương lai của Đại Tá, sưu tập búp bê Cái Bắp. Ý tôi không phải là nhỏ đã sưu tập mấy con Cái Bắp đó hồi, ờ, năm tuổi. Hiện tại nhỏ đang sưu tập chúng, hàng tá con đen, trắng, Latin và châu Á, búp bê nam và nữ, những đứa nhóc mặc đồ như nông dân và doanh nhân triển vọng. Một Chiến Binh Ngày Thường lớp mười hai tên Holley Moser phác thảo những bức chân dung khóa thân, miêu tả thân hình phốp pháp tròn lẳn của cô.

Tôi ngạc nhiên khi thấy nhiều người trữ rượu như thế nào. Thậm chí lũ Chiến Binh Ngày Thường, được về nhà mỗi cuối tuần, cũng có bia và rượu chất đông khắp nơi từ bể toilet đến dưới đáy rổ mây đựng quần áo bẩn.

“Quý thần ơi, mình có thể mách lẻo bất cứ ai,” Alaska khẽ nói trong lúc đào lên một chai rượu mạch nha Magnum một lít từ tủ quần áo của Longwell Chase. Lúc ấy tôi đã tự hỏi, vậy tại sao cô ấy lại chọn Paul và Marya.

Alaska phát hiện bí mật của mọi người nhanh đến nỗi tôi ngờ rằng cô ấy đã từng làm việc này, nhưng cô hẳn đã không thể biết trước bí mật của Ruth và Margot Blowker, cặp chị em song sinh lớp chín mới nhập học và dường như còn ít giao thiệp hơn tôi. Sau khi chui vào phòng họ, Alaska nhìn quanh một lúc, rồi đi đến kệ sách, cô ấy nhìn cái kệ chăm chăm, đoạn lôi ra một cuốn Kinh Thánh vua James, và ngay đó một chai rượu cần sa Maui Wowie màu tím.

“Thông minh phết,” Alaska nói trong lúc vặn nắp chai. Cô ấy uống cạn sau hai ngụm lớn, và rồi reo lên, “Maui WOWIE!”

“Tụi nó sẽ biết cậu đã ở đây!” Tôi hét to.

Cô ấy trợn mắt. “Ôi không, cậu nói đúng, Bé Bự!” Cô ấy nói. “Có lẽ tụi nó sẽ đến chỗ Đại Bàng và bảo ông ai đó đã lấy cặp bình rượu cần sa của mình!” Cô bật cười và chui ra cửa sổ, ném cái chai rỗng vào bãi cỏ.

Và chúng tôi tìm thấy một đồng tạp chí khiêu dâm bị nhồi nhét lung tung giữa nệm và khung giường. Hóa ra Hank Walsten còn thích một thú khác ngoài bóng rổ và cần sa; anh ta thích tạp chí người lớn *Juggs*. Nhưng chúng tôi đã không tìm thấy *một cuốn phim* nào cho tới phòng 32, chủ của nó là hai thằng đến từ Mississippi tên Joe và Marcus. Tụi nó học chung lớp tôn giáo với chúng tôi và thi thoảng ngồi cạnh Đại Tá và tôi lúc ăn trưa, nhưng tôi không thân với tụi nó.

Alaska đọc nhãn dán trên cuốn băng. “*Lũ điếm ở hạt Madison*. Chà. Nghe không thú vị sao.”

Chúng tôi cầm cuốn băng chạy vào phòng TV, kéo màn, khóa cửa, và xem phim. Cuốn băng mở màn với cảnh một phụ nữ đứng dạng chân trên cầu trong lúc một thằng cha quì ở đằng trước để làm trò. Không có thời gian cho lời thoại, tôi đoán thế. Lúc họ bắt đầu quan hệ, Alaska cũng bắt đầu nổi sùng vì công lí của cô.

“Họ khiến tình dục trông chẳng vui vẻ gì với phái nữ. Cô gái kia chỉ là một đồ vật. Nhìn kìa! Cậu nhìn đi!” Không cần phải nói, tôi đã nhìn từ trước. Một người phụ nữ quì xuống và đặt tay lên sàn trong lúc một gã quì phía sau cổ. Cổ liên tục nói “Chơi em đi” và rên rỉ, và dù đôi mắt nâu vô hồn của cô đã để lộ vẻ mất hứng thì tôi vẫn không thể ngăn mình thầm ghi nhớ trong đầu. Đặt tay lên vai cô ấy, tôi để ý. *Nhanh, nhưng không quá nhanh hoặc sẽ hết sớm, nhanh. Rên rỉ ít thôi.*

Như thể đọc được suy nghĩ của tôi, cô ấy nói, “Chúa ơi, Bé Bự. Đừng bao giờ làm mạnh thế. Sẽ đau lắm. Nhìn như tra tấn vậy. Và tất cả những gì cô ả có thể làm là chỉ ngồi đó và chịu đựng? Đây không phải là *một người đàn ông* và *một người phụ nữ*. Đây chỉ là chuyện sinh lí tầm thường. Có gì khêu gợi ở đây hả? Nụ hôn đâu rồi?”

“Với tư thế đó, mình không nghĩ họ có thể hôn nhau đâu,” tôi bình luận.

“Chính xác. Nhìn cách họ đang làm đã thấy ngay đấy chỉ là giả vờ. Anh ta thậm chí còn không thấy mặt cô ả! Đây là những gì có thể xảy ra với phụ nữ, Bé Bự. Cô ta là con gái của ai đó. Đây là những gì các cậu bắt chúng mình làm vì tiền.”

“Này, không phải mình,” tôi chống chế. “Ý mình là, không hẳn. Mình không, à thì, sản xuất phim khiêu dâm.”

“Hãy nhìn thẳng vào mắt mình và nói rằng cảnh này không kích thích cậu đi, Bé Bự.”

Tôi không thể. Alaska bật cười. Ổn mà, cô ấy nói. Khỏe mạnh. Rồi cô đứng dậy, dùng cuộn băng, nằm sấp xuống trên trường kỉ và lẩm nhẩm gì đó.

“Cậu nói gì cơ?” tôi hỏi, đi về phía Alaska, đặt tay lên thắt lưng cô.

“Suýt,” cô ấy nói. “Mình đang ngủ.”

Chỉ như thế. Từ một trăm dặm một giờ đến say giấc nồng trong một phần triệu giây. Tôi khao khát được nằm cạnh cô ấy trên trường kỉ, vòng tay ôm lấy cô và thiếp đi. Không phải làm tình như những bộ phim kia. Thậm chí không ái ân. Chỉ ngủ cùng nhau theo cái nghĩa đơn thuần nhất. Nhưng tôi thiếu can đảm còn cô ấy đã có bạn trai và tôi nhút nhát còn cô ấy đẹp tuyệt trần và tôi tẻ nhạt đến vô vọng còn cô ấy hấp dẫn khó chối từ. Nên tôi quay về phòng mình rồi đổ sụp trên chiếc giường tầng dưới, chợt nghĩ nếu nhân loại là mưa, tôi sẽ là một cơn mưa bụi còn cô ấy là một trận bão tố.

Bốn mươi bảy ngày trước

VÀO SÁNG THỨ TƯ, tôi tỉnh dậy với cái mũi nghẹt cứng và một Alabama hoàn toàn mới, một nơi khô cứng và lạnh lẽo. Trong lúc đi đến phòng Alaska vào sáng hôm đó, bãi cỏ đóng băng trong sân kí túc xá kêu rảng rả dưới chân tôi. Bạn không thấy sương giá nhiều ở Florida—và tôi nhảy lên xuống như đang giậm trên màng xộp hơi. *Rộp. Rộp. Rộp.*

Alaska đang dốc ngược một cây nến cháy màu xanh, nhỏ sáp xuống một cái núi lửa tự tạo lớn hơn trông như quả núi lửa sặc sỡ trong đồ-án-hồi-cấp-hai.

“Đừng để phỏng nhé,” tôi nói khi ngọn lửa lan dần lên tay cô ấy.

“Đêm về nhanh. Một ngày hóa mong manh,” cô nói mà không buồn ngẩng đầu.

“Chờ đã, mình đã đọc qua nó rồi. Gì đấy?” tôi hỏi.

Bằng tay còn lại, Alaska chộp lấy một cuốn sách và ném nó về phía tôi. Cuốn sách rơi ngay chân tôi. “Thơ,” cô ấy đáp. “Edna St. Vincent Millay. Cậu đọc rồi à? Mình ngạc nhiên đấy.”

“Ồ, mình đọc tiểu sử của bà ấy rồi! Nhưng không có lời trắng trối của bà ta. Mình hơi bút rứt. Tất cả những gì mình nhớ là bà ta đã quan hệ rất nhiều.”

“Mình biết. Bà ấy là người hùng của mình,” Alaska nói không chút mỉa mai. Tôi bật cười, nhưng cô ấy không để tâm. “Cậu không thấy lạ khi thích đọc tiểu sử của những tác gia vĩ đại hơn là tác phẩm do họ viết à?”

“Không!” tôi tuyên bố. “Chỉ vì họ thú vị không có nghĩa mình sẽ thích họ lắm lắm về buổi đêm.”

“Nó nói về nỗi buồn, đồ ngốc.”

“Ồoooo, thật sao? À, chẹp, thế thì *tuyệt vời*,” tôi trả lời. Cô ấy thở dài. “Được rồi. Tuyệt có thể rơi vào mùa đông mà mình ghét, nhưng ít nhất mình có một người bạn giỏi châm biếm. Ngồi xuống đi, được không?”

Tôi khoan chân ngồi xuống cạnh Alaska và đầu gối chúng tôi chạm nhau. Cô ấy lôi ra một cái thùng nhựa trong chứa đầy nến từ dưới gầm giường. Cô nhìn chúng một lát, đoạn đưa tôi một cây nến trắng kèm bật lửa.

Chúng tôi dành cả buổi sáng để đốt nến và thi thoảng đốt thuốc từ mấy cây nến đang cháy sau khi nhét khăn xuống khe hở dưới cửa phòng cô ấy. Sau hai tiếng, chúng tôi đã đổ thêm gần nửa mét trên đỉnh núi lửa nhiều màu của cô.

“Ngọn St. Helens trên axit,” cô ấy nói.

Lúc 12:30, sau hai tiếng nghe tôi đòi đến McDonald’s, Alaska quyết định đã đến giờ ăn trưa. Khi chúng tôi bắt đầu đi bộ về phía bãi đỗ xe của học sinh, tôi nhìn thấy một chiếc xe lạ. Một chiếc xe nhỏ màu xanh lá cây. Một chiếc hai khoang. *Mình đã thấy chiếc xe đó rồi*, tôi nghĩ. *Ở đâu nhỉ?* Và rồi Đại Tá nhảy ra và chạy tới gặp chúng tôi.

Thay vì, kiểu, tôi không biết nữa, “xin chào” hay đại loại thế, Đại Tá lại nói, “Tao được giao nhiệm vụ mời mày đến ăn Lễ Tạ ơn ở Chez Martin.”

Alaska thì thào vào tai tôi, và rồi tôi bật cười và nói, “Tao được giao nhiệm vụ nhận lời mời của mày.” Nên chúng tôi đến nhà Đại Bàng, bảo ông rằng tụi tôi sẽ ăn gà tây theo kiểu dã chiến, và lái đi trong chiếc hai khoang.

Đại Tá giải thích cho chúng tôi trên chuyến xe hai tiếng về phía nam. Tôi bị nhét vào ghế sau vì Alaska đòi ngồi ở trước. Bình thường cô ấy sẽ lái, nhưng khi không làm tài xế, cô ấy sẽ là nữ hoàng đòi-ghế-trước trên toàn thế giới. Mẹ của Đại Tá nghe nói chúng tôi ở lại trường và không thể chịu được việc bỏ rơi hai đứa vô gia đình vào dịp Lễ Tạ ơn. Đại Tá dường như không thích thú ý tưởng này lắm—“Tao sẽ phải ngủ ở trong lều,” gã nói, và tôi cười khanh khách.

Ngoại trừ việc gã phải ngủ trong lều thật, một mái vòm màu xanh cỡ bốn người có hình giống nửa trái trứng, nhưng vẫn là một cái lều. Mẹ của Đại Tá sống trong một cái nhà xe, kiểu nhà bạn hay thấy gắn liền với một cái xe tải chở hàng lớn, có điều căn nhà này đã cũ kỹ và rệu rã trên nền bê-tông xi, và chắc chắn không thể móc vào một cái xe tải mà không phải tháo rời. Nó thậm chí còn không phải một cái nhà di động cỡ bự. Tôi không thể đứng thẳng mà không cốc đầu lên trần. Giờ tôi đã hiểu vì sao Đại Tá lùn tịt, gã đâu được phép cao hơn nữa. Bên trong cơ bản là một căn phòng dài ngoẵng, với một chiếc giường đôi ở trước, một bếp cá nhân, và khu vực sinh hoạt ở phía sau với một cái TV và phòng tắm nhỏ, nhỏ đến mức để tắm vòi sen, bạn gần như phải ngồi hằn trên bồn cầu.

“Chẳng nhiều nhận gì,” mẹ của Đại Tá (“Cô Dolores, không phải Martin”) bảo chúng tôi. “Nhưng các cháu sẽ có một con gà tây bằng cỡ nhà bếp.” Cô cười giòn tan. Đại Tá xua chúng tôi ra khỏi nhà xe ngay lập tức sau chuyến tham quan chóng vánh, và chúng tôi đi dạo quanh khu vực gần đó, một dãy nhà xe và nhà di động trên con đường đất.

“Ờ, giờ mày hiểu vì sao tao ghét lũ nhà giàu rồi đấy.” Và đúng vậy. Tôi không biết Đại Tá lớn lên trong căn nhà tí hon như vậy. Toàn bộ diện tích của nó nhỏ hơn cả phòng kí túc xá của chúng tôi. Tôi không biết phải nói gì với gã, phải làm gì để gã bớt xấu hổ.

“Tao xin lỗi nếu làm mày khó chịu,” gã nói. “Tao biết vụ này khá mới lạ.”

“Không phải với mình,” Alaska lú lo.

“Ờ, cậu đâu có sống trong nhà di động,” gã bảo cô ấy. “Nghèo là nghèo.”

“VẬY ĐI,” Đại Tá đáp.

Alaska quyết định đi giúp cô Dolores làm bữa tối. Cô ấy nói để phụ nữ nấu ăn là phân biệt giới tính, nhưng thà được ăn một món phân biệt giới tính ngon lành còn hơn một món dở tệ do bọn đàn ông chuẩn bị. Nên Đại Tá và tôi ngồi trên cái ghế sofa xếp, chơi điện tử và bàn chuyện trên trường.

“Tao viết xong bài tôn giáo rồi. Nhưng tao phải gõ nó lên máy tính của mày lúc tụi mình trở về. Tao nghĩ tao sẵn sàng thi cuối kì rồi, tốt, vì chúng ta phải *chữm-bị-bài-chò*.” “Mẹ mày không biết trò nói lú à?” tôi nhếch mép. “Nếu tao nói nhanh thì không. Quý thần ơi, im đi.” Thức ăn, đậu bắp chiên giòn, bắp nướng trên than, và thịt om mềm đến nỗi tuột khỏi cái đĩa nhựa, khiến tôi tin rằng cô Dolores thậm chí còn là một đầu bếp giỏi hơn Maureen. Món đậu bắp của Culver Creek ít dầu và giòn hơn. Cô Dolores cũng là bà mẹ vui tính nhất tôi từng gặp. Khi Alaska hỏi cô ấy làm nghề gì, cô mỉm cười và nói, “Cô là kĩ sư thực phẩm. Nghĩa là đầu bếp nấu món ăn nhanh ở Waffle House đẩy các trẻ.”

“Tiệm Waffle House ngon nhất ở Alabama.” Đại Tá mỉm cười, và rồi tôi nhận ra, gã không hề xấu hổ vì mẹ của mình chút nào. Gã chỉ sợ rằng chúng tôi sẽ cư xử như những đứa trẻ trưởng giả hợm hĩnh ở trường nội trú. Tôi luôn cảm thấy thái độ tao-ghét-lũ-nhà-giàu của Đại Tá hơi quá khích đến khi nhìn thấy gã ở cùng mẹ. Gã vẫn là Đại Tá mọi khi, nhưng trong một hoàn cảnh khác. Nó làm tôi mong rằng, ngày nào đó tôi cũng có thể gặp được gia đình Alaska.

Cô Dolores khăng khăng bắt tôi và Alaska ngủ chung giường, và cô ấy ngủ trên ghế sofa xếp trong khi Đại Tá ở ngoài lều. Tôi lo gã sẽ lạnh, nhưng thú thực là tôi sẽ không bỏ qua vụ ngủ chung với với Alaska. Chúng tôi có mền riêng, và chưa bao giờ có ít hơn ba lớp vải giữa chúng tôi, nhưng những khả năng khiến tôi thức gần nửa đêm.

Bốn mươi sáu ngày trước

BỮA LỄ TẠ ƠN NGON NHẤT tôi từng có. Không xốt việt quất dở ẹc. Chỉ những miếng thịt trắng thắm mềm, bắp, đậu que được hầm vừa đủ trong mỡ hun khói để khiến chúng có vẻ không tốt cho bạn, bánh quy kèm xốt nước thịt và bánh bí ngô tráng miệng, cùng một ly rượu đỏ cho mỗi người. “Cô biết,” cô Dolores nói, “là chúng ta phải uống rượu trắng với gà tây, giờ cô không biết các trẻ thế nào—nhưng cô đoán là cô cóc quan tâm.”

Chúng tôi bật cười sảng khoái rồi uống rượu, và sau bữa ăn, chúng tôi đều liệt kê ra những điều mình biết ơn. Gia đình tôi luôn làm thế trước bữa ăn, và chúng tôi đều nói cho thật lẹ để được ăn. Nên bốn người chúng tôi ngồi quanh bàn và chia sẻ phúc lành. Tôi biết ơn vì những món ăn ngon và những người bạn tốt, vì có một mái nhà vào dịp Lễ Tạ ơn. “Một mái nhà xe, chí ít là vậy,” cô Dolores đùa.

“Được, đến lượt mình,” Alaska nói. “Mình biết ơn vì vừa mới có được Lễ Tạ ơn tuyệt vời nhất trong suốt một thập kỷ.”

Đoạn Đại Tá bảo, “Con chỉ biết ơn vì có mẹ thôi, mẹ ạ,” và cô Dolores cười lớn và nói, “Ấu xì quá, nhóc.”

Tôi không biết đích xác câu ấy nghĩa là gì, nhưng dường như ý nó là, “không thỏa đáng,” vì sau đó Đại Tá bổ sung danh sách để thừa nhận rằng gã biết ơn vì là “con người thông minh nhất trong cái khu nhà di động này,” và cô Dolores lại cười rồi nói, “Tốt đấy.”

Và cô Dolores? Cô ấy biết ơn vì điện thoại của cô đã hoạt động trở lại, vì con trai cô đã về nhà, vì Alaska đã giúp cô nấu ăn và vì tôi đã giúp cô bớt lo về Đại Tá, vì công việc của cô ổn định và đồng nghiệp của cô tử tế, vì cô có một chỗ để ngủ và một đứa con trai luôn yêu thương cô.

Tôi ngồi ở ghế sau của chiếc xe hai khoang trên đường về nhà và đấy là cách tôi nghĩ về nó: nhà—rồi thiếp đi giữa khúc ru buồn tẻ trên xa lộ.

Bốn mươi bốn ngày trước

“VIỆC KINH DOANH RƯỢU TẠI COOSA hoàn toàn dựa trên nền tảng bán thuốc lá cho trẻ vị thành niên và chất Cồn cho người lớn.” Alaska nhìn tôi với vẻ bối rối trong lúc lái xe, đặc biệt là vì chúng tôi đang vi vu trên một đường cao tốc nhỏ hẹp, dốc đứng ở phía nam trường học, hướng về Tiệm Rượu Coosa đã nói trước đó. Hôm nay là thứ Bảy, ngày cuối cùng của kì nghỉ. “Một điều tốt, nếu tất cả những gì cậu cần là thuốc lá. Nhưng chúng ta cần rượu. Và họ xét thẻ khi mua rượu, và thẻ căn cước của mình không xài được. Nhưng mình sẽ tán tỉnh nhân viên để qua cửa.” Cô ấy đột ngột rẽ trái không xi-nhan, chạy vào một con đường dốc như vách đá dẫn xuống ngọn đồi có đồng lúa hai bên, và cô ấy siết chặt vô-lăng trong lúc tăng tốc, rồi đợi đến phút cuối cùng mới đạp thắng, ngay trước khi chúng tôi chạm tới chân đồi. Ở đó là một trạm xăng gỗ dán nay đã không còn bán xăng với biển hiệu bạc màu gắn trên nóc: TIỆM RƯỢU COOSA: CHÚNG TÔI ĐÁP ỨNG NHU CẦU TINH THẦN CỦA BẠN.

Alaska đi vào một mình và ra khỏi cửa năm phút sau với hai túi giấy nặng trĩch hàng buôn lậu: ba hộp thuốc lá, năm chai rượu, và một chai vodka 750 ml cho Đại Tá. Trên đường về, Alaska hỏi tôi, “Cậu thích trò cốc-cốc không?” “Trò cốc-cốc?” tôi hỏi. “Ý cậu là, ‘cốc-cốc...’”

“Ai đó?” Alaska đáp.

“Ai.”

“Ai Ai?”

“Cậu là gì vậy, cú à?” Tôi kết câu. Quê quá.

“Giỏi lắm,” Alaska nói. “Mình có một câu đây. Cậu bắt đầu đi.”

“Được. Cốc-cốc.”

“Ai đó?” Alaska hỏi.

Tôi ngơ ngác nhìn cô ấy. Chừng một phút sau, tôi hiểu ra, và bật cười.

“Mẹ mình chỉ mình trò ấy năm mình lên sáu. Giờ vẫn buồn cười.”

Nên tôi không thấy ngạc nhiên mấy khi Alaska nức nở đi đến phòng 43 trong lúc tôi đang hoàn thành bài luận văn môn Quốc Ngữ. Cô ấy ngồi

xuống ghế sofa, hơi thở của cô vừa có tiếng rên rỉ vừa có tiếng la hét.

“Mình xin lỗi,” cô ấy nói, thốn thức. Nước mũi đang chảy xuống cằm cô.

“Chuyện gì thế?” Tôi hỏi. Cô ấy nhón lấy một tờ khăn giấy Kleenex từ BÀN CÀ PHÊ và lau mặt.

“Mình không...” Alaska bắt đầu, rồi tiếng nấc ập đến như sóng thần, cô ấy khóc to và giống con nít đến mức làm tôi sợ, và tôi đứng dậy, ngồi xuống cạnh cô ấy, và vòng tay ôm lấy cô. Alaska quay đi, vùi đầu vào miếng mút trên ghế sofa. “Mình không hiểu sao mình lại phá hỏng mọi chuyện,” cô ấy bảo.

“Hả, như vụ với Marya? Có lẽ cậu chỉ sợ thôi.”

“Sợ không phải là cái cớ hay!” Alaska hét vào ghế. “Sợ là cái cớ mọi người vẫn luôn dùng!” Tôi không biết “mọi người” là ai, hoặc “luôn dùng” là khi nào, và dù tôi muốn thông cảm cho cơn mơ hồ của cô ấy, thì vẻ giả tạo này bắt đầu trở nên đáng ghét hơn.

“Tại sao giờ cậu mới thấy buồn về chuyện đó?”

“Không chỉ về chuyện đó, về tất cả. Nhưng mình đã kể với Đại Tá ở trong xe.” Cô ấy sụt sịt nhưng có vẻ đã thôi nức nở. “Lúc cậu đang ngủ ở ghế sau. Và Đại Tá nói cậu ấy sẽ không bao giờ rời mắt khỏi mình trong khi bày trò nữa. Rằng cậu ấy không tin mình ở được một mình. Và mình không trách cậu ấy. Mình thậm chí còn không tin nổi bản thân.”

“Phải can đảm mới có thể nói với cậu ấy,” tôi nói.

“Mình can đảm, chỉ là không đúng lúc. Cậu có thể, ừm,” rồi Alaska ngồi bật dậy và nhích về phía tôi, và tôi giơ tay lên trong lúc cô ấy ngả vào lồng ngực gầy nhom của tôi và khóc. Tôi thấy tội nghiệp cô ấy, nhưng do cô ấy tự chuốc lấy. Cô ấy đâu cần mách lẻo.

“Mình không muốn làm cậu buồn, nhưng có lẽ cậu cần kể cho chúng mình lí do cậu mách lẻo Marya. Cậu sợ về nhà hay sao?”

Alaska đẩy tôi ra và ném cho tôi Anh Nhìn Kết Tội mà Đại Bàng chắc sẽ tự hào, và tôi có cảm giác cô ấy ghét tôi hoặc ghét câu hỏi của tôi hoặc cả

hai, đoạn cô ấy nhìn sang chỗ khác, ra ngoài cửa sổ, hướng về phía sân bóng, và nói, “Mình không có nhà.”

“À, cậu có một gia đình,” tôi chỉnh lại. Alaska vừa kể cho tôi nghe về mẹ của cô ấy sáng nay. Làm sao một cô gái mới nói ra câu đùa ba tiếng trước lại trở thành một mớ sứt mướt thế này?

Vẫn nhìn tôi chăm chăm, Alaska nói. “Mình đã cố để không sợ, cậu biết đấy. Nhưng mình vẫn phá hỏng mọi thứ. Mình vẫn làm sai.”

“Được,” tôi bảo cô ấy. “Không sao đâu.” Tôi còn không biết cô ấy đang nói gì nữa. Những khái niệm mơ hồ nối tiếp nhau.

“Cậu không biết cậu yêu ai hả, Bé Bự? Cậu yêu đứa con gái làm cậu cười và cho cậu xem phim khiêu dâm và uống rượu với cậu. Cậu không yêu con quỷ cái mất trí, âm ương.” Và nói thật, có gì đó đúng như vậy.

giáng sinh

CHÚNG TÔI ĐỀU VỀ NHÀ vào kì nghỉ Giáng Sinh, kể cả người từng ngụ ý là mình vô gia cư như Alaska.

Tôi được tặng một cái đồng hồ xịn và ví tiền mới. “Quà cho người lớn,” cha gọi chúng thế. Nhưng hầu như tôi chỉ học bài trong suốt hai tuần đó. Giáng Sinh không hẳn là một kì nghỉ, trước sự thật rằng nó là cơ hội cuối cùng để chúng tôi ôn tập cho kì thi, vốn sẽ bắt đầu vào ngày chúng tôi trở lại. Tôi tập trung vào môn toán học dự bị và sinh học, hai môn đe dọa nghiêm trọng đến mục tiêu đạt điểm trung bình 3.4 của tôi. Tôi ước tôi có thể nói mình thích học, nhưng đại khái tôi chỉ muốn được vào một đại học danh giá.

Nên là, tôi dành phần lớn thời gian ở nhà để học toán và ôn từ vựng tiếng Pháp, cũng như tôi đã làm trước khi vào Culver Creek. Thật sự, ở nhà hai tuần chính là toàn bộ cuộc đời tôi trước khi vào Culver Creek, ngoại trừ việc cha mẹ nhạy cảm hơn. Họ nhắc chuyển đi London rất ít. Tôi nghĩ họ thấy tội lỗi. Đây là điều thú vị ở các bậc phụ huynh. Mặc dù tôi đã ở lại Culver

Creek hồi Lễ Tạ ơn vì tôi muốn thế, cha mẹ tôi vẫn thấy tội lỗi. Thật tốt khi bạn có những người thấy tội lỗi vì bạn, dù tôi mong sống mà không nhìn mẹ khóc trong mỗi buổi ăn gia đình hơn. Bà sẽ nói, “Mẹ là một người mẹ tồi,” và tôi lần cha sẽ phủ nhận ngay lập tức, “Không, không phải.”

Kể cả cha tôi, người rất tình cảm nhưng không, ờ, đa cảm, cũng thì thoảng, khi chúng tôi đang xem *Gia đình Simpson*, nói rằng ông nhớ tôi. Tôi bảo tôi cũng nhớ ông, và đúng thế. Hơi hơi. Cha mẹ tôi đúng là người tốt. Chúng tôi đi xem phim và chơi bài, và tôi kể họ nghe những câu chuyện chọn lọc để không làm họ hoảng hốt, và họ lắng nghe. Cha tôi, làm nghề buôn bán bất động sản nhưng đọc sách nhiều hơn bất cứ ai tôi biết, bàn với tôi về những cuốn sách tôi đọc trong giờ Quốc Ngữ, và mẹ tôi bắt tôi ngồi trong bếp với bà và học cách nấu những món ăn đơn giản mì ống, trứng khuấy, vì giờ tôi đã “sống một mình.” Không cần biết đến việc tôi không có, hoặc muốn có, một căn bếp. Không cần biết đến việc tôi không thích trứng hoặc mì ống và phô mai. Thế nào đến năm mới tôi cũng biết nấu.

Lúc tôi rời nhà, cả hai đều khóc, mẹ tôi giải thích đây chỉ là hội chứng chim rời tổ, rằng cả hai đều rất tự hào về tôi, rằng họ yêu tôi rất nhiều. Điều đó làm cổ họng tôi nghẹn lại, và tôi không quan tâm đến Lễ Tạ ơn nữa. Tôi đã có một gia đình rồi.

tám ngày trước

ALASKA BƯỚC VÀO ngay ngày đầu tiên trở lại từ kì nghỉ Giáng Sinh và ngồi cạnh Đại Tá trên sofa. Đại Tá đang cày chăm chỉ, phá kỉ lục tốc độ trên trò Playstation.

Cô ấy không nói là nhớ chúng tôi, hoặc mừng vì gặp lại chúng tôi. Cô chỉ nhìn cái ghế và nói, “Cậu thật sự cần một cái ghế mới.”

“Đừng kêu réo gì lúc tôi đang đua xe,” Đại Tá đáp. “Lạy Chúa. Jeff Gordon phải chịu đựng cái quỹ này hả?”

“Mình có ý này,” cô ấy bảo. “Tuyệt lắm. Chúng ta cần một trò khai mào trùng với đòn tấn công Kevin và lũ tay sai của hắn,” cô nói.

Tôi đang ngồi trên giường, đọc sách chuẩn bị cho bài thi lịch sử Mỹ ngày mai.

“Trò khai mào?” Tôi hỏi.

“Một trò được thiết kế để dụ ban giám hiệu rơi vào trạng thái an toàn giả,” Đại Tá trả lời, khó chịu vì bị phân tâm. “Sau trò khai mào, Đại Bàng sẽ tưởng khối mười một đã xong việc và không trở tay kịp khi nó tới thật.” Hằng năm, khối mười một và mười hai sẽ bày trò vào một thời điểm trong năm, thường là mấy trò khá què, như đốt pháo ống trong sân kí túc lúc năm giờ sáng Chủ Nhật.

“Lúc nào cũng có trò khai mào à?” Tôi hỏi.

“Không, đồ ngu,” Đại Tá đáp. “Nếu lúc nào cũng có trò khai mào, thì Đại Bàng sẽ chờ hai trò quậy. Lần cuối cùng trò khai mào được thực hiện là—ừm. Ồ, phải: 1987. Trò khai mào khi đó là cắt điện cả trường, và rồi trò quậy thật sự là bỏ năm trăm con dế vào ống dẫn nhiệt trong lớp học. Thi thoảng mà vẫn có thể nghe chúng kêu.”

“Trò học vẹt của mà công nhận, trời đất, dữ dội quá,” tôi tán thưởng.

“Hai người như một cặp vợ chồng lâu năm ấy.” Alaska mỉm cười. “Rùng cả mình.”

“Cậu chẳng biết đến nửa phần sự thật,” Đại Tá nói. “Cậu phải thấy thẳng nhóc này cố chui vào giường tôi mỗi đêm kìa.”

“Ê!”

“Quay lại chủ đề nào!” Alaska bảo. “Trò khai mào. Cuối tuần này, vì có trăng non. Chúng ta sẽ ở chuồng bò. Cậu, mình, Đại Tá, Takumi, và một món quà đặc biệt cho cậu, Bé Bự, Lara Buterskaya.”

“Em Lara Buterskaya mình đã nôn lên người?”

“Nó chỉ xấu hổ thôi. Nó vẫn thích cậu.” Alaska bật cười. “Nôn ọe làm cậu trông yếu đuối.”

“Ngực rất nhọn,” Đại Tá nói. “Cậu đem Takumi đến cho tôi à?”

“Cậu cần phải đọc thân một thời gian.”

“Cũng đúng,” Đại Tá gật gù.

“Cứ chơi game thêm vài tháng đi, ’ cô ấy bảo.

“Sự kết hợp tay, mắt ấy sẽ có ích khi cậu đến cấp thứ ba.

“Quý thần ơi, lâu rồi chưa nghe ai nhắc tới mấy cấp độ ấy, tôi nghĩ mình quên cấp thứ ba rồi,” Đại Tá đáp lại.

“Tôi sẽ đảo mắt với cậu, nhưng tôi không thể rời mắt khỏi màn hình.”

“Hôn kiểu Pháp, Sờ Soạng, Dùng Ngón Tay, Làm Tình. Nghe như cậu học nhảy cóc lớp ba ấy,” Alaska nói.

“Tôi học nhảy cóc lớp ba *thật*,” Đại Tá trả lời.

“Thế,” tôi chen ngang, “trò khai mào của chúng ta là gì?”

“Đại Tá và mình sẽ nghĩ cách. Cậu không cần dính vào rắc rối, chưa đâu.”

“Ồ. Được. Ừm, vậy mình đi hút thuốc đây.”

Tôi rời phòng. Đây không phải lần đầu tiên Alaska gạt tôi khỏi trò vui, dĩ nhiên, nhưng sau khi trải qua rất nhiều việc cùng nhau hồi Lễ Tạ ơn, tôi thấy thật nực cười khi cô ấy lên kế hoạch bày trò với Đại Tá mà không có tôi. Áo thun của ai ướt đẫm nước mắt cô ấy? Của tôi. Ai đã nghe cô ấy đọc Vonnegut? Tôi. Ai là người nghe câu đùa cóc– cóc tệ nhất thế giới? Tôi. Tôi đi đến quầy tạp hóa Sunny Konvenience phía bên kia trường và hút thuốc. Chuyện này chưa bao giờ diễn ra với tôi ở Florida, cái kiểu u-buồn-rất-cấp-ba về chuyện ai thích ai hơn này, và tôi căm ghét bản thân vì đã để nó diễn ra ngay bây giờ. *Mày không cần phải quan tâm cô ấy, tôi tự nhủ. Thấy kệ cô ta.*

Bốn ngày trước

ĐẠI TÁ KHÔNG CHỊU HÉ NỬA LỜI về trò khai mào, ngoại trừ việc nó được gọi là Đêm Chuồng Bò, và đây là khi tôi thu xếp quần áo, tôi phải chuẩn bị đồ cho hai ngày.

Thứ Hai, thứ Ba và thứ Tư là cực hình. Đại Tá luôn ở cùng Alaska, và tôi chưa bao giờ được mời. Nên tôi dành thật nhiều thời gian để ôn thi cuối kì, điều này đã khiến điểm trung bình của tôi cải thiện đáng kể. Và tôi cuối cùng cũng viết xong bài luận văn tôn giáo.

Đáp án cho câu hỏi của tôi vừa đủ thẳng thắn, thật sự. Hầu hết tín đồ Thiên Chúa Giáo và Hồi Giáo tin vào thiên đàng và địa ngục, dù có rất nhiều bất đồng trong cả hai tôn giáo về việc, chính xác là, cái gì sẽ đưa bạn đến một trong hai nơi đó sau khi chết. Phật Giáo thì phức tạp hơn—vì học thuyết nhà Phật về *vô ngã*, nghĩa là con người không có linh hồn bất biến. Thay vào đó, họ là một khối năng lượng, và khối năng lượng ấy chỉ là phù du, chuyển hóa từ cơ thể này sang cơ thể khác, liên tục luân hồi cho đến khi được khai sáng.

Tôi chưa bao giờ thích viết kết bài cho luận văn, bạn chỉ lặp lại những gì bạn đã nói với mấy cụm từ như *Tóm lại*, và *Kết luận*. Tôi không làm thế, thay vào đó tôi nói về lí do vì sao tôi nghĩ đây là một câu hỏi quan trọng. Con người, tôi nghĩ, muốn sự an toàn. Họ không chịu được ý nghĩ cái chết chỉ là một hố đen hư vô, không thể chịu được ý nghĩ những người yêu thương không còn tồn tại, và thậm chí không thể *tưởng tượng* được bản thân không còn tồn tại. Cuối cùng tôi quyết định rằng con người tin vào sự sống sau cái chết vì họ không thể chịu nổi điều ngược lại.

ba ngày trước

THỨ SÁU, sau bài thi toán học dự bị thành công bất ngờ đã đưa kỳ kiểm tra đầu tiên của tôi ở Culver Creek gần hơn với kết thúc, tôi xếp quần áo (“Nghĩ kiểu thời thượng New York ấy,” Đại Tá khuyên. “Tông đen. Nhạy cảm. Thoải mái, nhưng ấm áp.”) và túi ngủ của tôi vào ba-lô, và chúng tôi

đón Takumi ở phòng cậu ta rồi đi bộ đến nhà Đại Bàng. Đại Bàng đang mặc bộ trang phục duy nhất của ông và tôi tự hỏi liệu có phải ông sở hữu ba mươi cái áo sơ-mi trắng cài nút và ba mươi cái cà-vạt đen giống nhau trong tủ không. Tôi tưởng tượng ông thức dậy vào mỗi sáng, nhìn tủ đồ chăm chú, và suy nghĩ. *ừmmm... ừmmm... áo sơ-mi trắng và cà-vạt đen thế nào nhỉ?* Đàn ông cần cưới vợ là đây.

“Em sẽ đưa Miles và Takumi về nhà ở New Hope vào cuối tuần,” Đại Tá bảo ông.

“Miles thích New Hope đến thế à?” Đại Bàng hỏi tôi.

“Ô hô! Sắp tới sẽ có vũ hội ở khu nhà xe!” Đại Tá bảo. Gã có thể nói giọng miền Nam khi gã muốn, dù cũng như bao người ở Culver Creek, gã không hay làm thế.

“Chờ tôi gọi mẹ trò đã,” Đại Bàng nói với Đại Tá. Takumi nhìn tôi với vẻ hốt hoảng khó giấu, và tôi cảm giác bữa trưa-gà chiên-đang nhọn nhọn trong bụng. Nhưng Đại Tá chỉ mỉm cười. “Dĩ nhiên.”

“Chip và Miles và Takumi sẽ ở nhà bà?... Vâng, thưa bà.... Ha!... Được. Chào bà.” Đại Bàng ngược lên nhìn Đại Tá. “Mẹ của trò là một người phụ nữ tuyệt vời.” Đại Bàng cười.

“Chuẩn rồi ạ. Đại Tá nhăn nhó. “Hẹn gặp thầy Chủ Nhật.”

Trong lúc chúng tôi đi bộ đến bãi đỗ xe của phòng thể dục, Đại Tá nói, “Tao gọi mẹ hôm qua và nhờ bà nói dối giúp tao, và bà thậm chí còn không hỏi tại sao. Bà chỉ nói, ‘mẹ tin con, con trai,’ và dĩ nhiên là thế rồi.” Một khi cách xa nhà của Đại Bàng, chúng tôi quẹo phải gập vào rừng cây.

Chúng tôi đi bộ trên con đường đất trên cầu và trở về chuồng bò trong trường, một kiến trúc xiêu vẹo dột nát trông giống lều chứa củi bị bỏ hoang hơn chuồng bò. Họ vẫn trữ củi khô trong đó, dù tôi không biết để làm gì. Đâu

phải chúng tôi có giờ học cưỡi ngựa hay đại loại thế. Đại Tá, Takumi và tôi. Tôi trước, xếp túi ngủ lên trên những kiện rơm mềm nhất. 6:30 tối.

Alaska đến ngay sau đó, cô ấy bảo Đại Bàng là mình sẽ tới nghỉ cuối tuần với Jake. Đại Bàng không buồn kiểm tra thực hư, vì mỗi tháng Alaska sẽ dành ít nhất một cuối tuần ở đó, và ông biết bố mẹ cô ấy không bao giờ quan tâm. Nửa tiếng sau Lara xuất hiện. Em bảo Đại Bàng là em sẽ lái xe tới Atlanta để gặp một người bạn cũ từ Romania. Đại Bàng gọi bố mẹ của Lara để cho họ biết rằng em sẽ nghỉ cuối tuần ở ngoài trường, và họ không phản đối.

“Họ tin em.” Em ấy mỉm cười.

“Thi thoảng giọng em nghe không lơ lơ nữa,” tôi nói, câu này khá ngu, nhưng vẫn tốt hơn chuyện nôn lên người em nhiều.

“Chỉ mỗi âm *i* nhẹ thôi.”

“Tiếng Nga không có *i* nhẹ à?” tôi hỏi.

“Tiếng Romania,” em chỉnh lại. Hóa ra Romania cũng là một thứ tiếng. Ai mà biết? Chỉ số nhạy cảm về văn hóa của tôi sẽ tăng vọt nếu tôi sắp sửa nằm chung túi ngủ với Lara.

Mọi người ngồi trên túi ngủ, Alaska đang hút thuốc với vẻ bất cần rõ rệt trước kết cấu rất dễ bắt lửa chung quanh, đoạn Đại Tá lôi ra một tờ giấy máy tính và đọc nó.

“Mục tiêu của lễ hội tối nay là để chứng minh một lần cho mãi mãi, rằng chúng ta giỏi bày trò như lũ Chiến Binh Ngày Thường giỏi thất bại. Nhưng chúng ta cũng có cơ hội để làm cuộc đời của Đại Bàng trở nên khổ sở, một thú vui luôn được hoan nghênh. Thế nên,” gã nói, dừng lại như chờ một hồi trống, “đêm nay chúng ta sẽ chiến đấu trên mặt trận ba tiền tuyến:

“Tiền tuyến thứ nhất: Trò khai mào: chúng ta sẽ, sắp tới đây, đốt lửa dưới móng Đại Bàng.

“Tiền tuyến thứ hai: Cách Mạng Trọc Đầu: Khi Lara đơn phương thực hiện một nhiệm vụ trả thù tinh tế và độc ác đến mức nó chỉ có thể là đứa con

ting thần của, ờ, tao.” “Ê!” Alaska cắt ngang. “Nó là ý tưởng của mình.” “Được, được rồi. Là ý tưởng của Alaska.” Gã bật cười.

“Và cuối cùng, Tiên tuyến thứ ba: Báo Cáo Tiến Trình: Chúng ta sẽ thâm nhập vào mạng lưới máy tính của trường và dùng kho dữ liệu điểm của họ gửi thư đến nhà của bọn Kevin để báo rằng tụi nó sắp rớt mấy môn.”

“Chúng ta chắc chắn sẽ bị đuổi học,” tôi nói.

“Tao mong mày không đem thằng bạn châu Á theo cùng vì nghĩ rằng nó là một thiên tài tin học. Vì tao không phải đâu,” Takumi nói.

“Chúng ta sẽ không bị đuổi học và *tao* là thiên tài tin học. Tụi mày là chân chạy việc và đánh lạc hướng. Chúng ta sẽ không bị đuổi học vì không có tội nào đáng bị đuổi học ở đây—à, trừ năm chai rượu Strawberry Hill trong ba-lô của Alaska, và chúng sẽ được giấu kĩ. Chúng ta chỉ, mày biết đấy, quậy tung một trận thôi.”

Kế hoạch được vạch ra, và không có chỗ cho sai sót. Đại Tá dựa dẫm quá mức vào sự đồng bộ hoàn hảo, đến mức nếu một trong chúng tôi làm sai dù chỉ chút xíu thì toàn bộ nỗ lực sẽ đi tong.

Gã đã in sẵn hướng dẫn riêng cho từng đứa, bao gồm thời điểm chính xác tới từng giây. Đồng hồ của chúng tôi được đồng bộ, trang phục toàn màu đen, ba-lô đeo trên người, hơi thở hiển hiện trong khí lạnh, tâm trí chúng tôi đầy ắp từng phút chi tiết của kế hoạch, tim đập loạn xạ, chúng tôi cùng nhau rời khỏi chuồng bò một khi trời đã tối mịt, lúc ấy tầm bảy giờ. Năm đứa chúng tôi hiên ngang đi thành hàng, tôi chưa bao giờ thấy ngầu hơn. Cơ Hội lớn đang ở trước mắt, và chúng tôi bất bại. Kế hoạch có thể sai sót, nhưng chúng tôi thì không.

Sau năm phút, chúng tôi chia nhau đến các địa điểm. Tôi kết hợp với Takumi. Chúng tôi là nhóm đánh lạc hướng. “Tụi mình là đội Hải Quân chết tiệt,” cậu ta nói. “Chiến đầu tiên. Chết đầu tiên,” tôi lo lắng đồng tình. “Chuẩn luôn.”

Cậu ta dừng lại và mở ba-lô.

“Không phải ở đây,” tôi cản. “Bọn mình phải tới nhà Đại Bàng.”

“Tao biết. Tao biết. Chỉ...chờ chút.” Cậu ta lôi ra một dải băng buộc đầu dày cộm. Dải băng màu nâu, với một cái đầu cáo nhồi bông ở phía trước. Cậu ta đội nó lên. Tôi bật cười. “Cái quái gì thế?”

“Nón cáo của tao.”

“Nón cáo của mày?”

“Phải, Bé Bự. *Nón cáo* của tao.”

“Sao mày lại đội cái *nón cáo* của mày?” Tôi hỏi.

“Vì không ai có thể bắt được con quỷ cáo.”

Hai phút sau, chúng tôi đã ngồi xổm sau hàng cây cách cửa sau của Đại Bàng mười lăm mét. Tim tôi đập mạnh như tiếng trống techno.

“Ba mươi giây,” Takumi thì thầm, và tôi cảm thấy nỗi hoang mang rùng rợn như đã từng vào đêm đầu tiên với Alaska, khi cô ấy nắm lấy tay tôi và thì thầm *chạy đi chạy đi chạy đi chạy đi chạy đi chạy đi*. Nhưng tôi đứng yên.

Tôi nghĩ: *Mình chưa đủ gần.*

Tôi nghĩ: *Ông sẽ không nghe thấy.*

Tôi nghĩ: *Ông sẽ nghe thấy và sẽ chạy ra liền và chúng tôi sẽ không có cơ hội nào nữa.*

Tôi nghĩ: *Hai mươi giây.* Tôi đang thở gấp.

“Nè, Bé Bự,” Takumi thì thầm, “mày làm được mà bồ tèo. Chỉ chạy thôi.”

“Phải.” *Chỉ chạy thôi. Đầu gối mình rất tốt. Phổi mình rất ổn. Chỉ chạy thôi.*

“Năm,” cậu ta đếm. “Bốn. Ba. Hai. Một. Đốt đi. Đốt đi. Đốt đi.”

Pháo hoa bùng lên với một tiếng xèo, nó nhắc tôi nhớ đến ngày Quốc Khánh mỗi năm với gia đình. Chúng tôi đứng yên trong một phần triệu giây, nhìn chăm chăm ngòi lửa, bảo đảm là nó đang cháy. Và giờ, tôi nghĩ. *Giờ.*

Chạy đi chạy đi chạy đi chạy đi chạy đi. Nhưng cơ thể tôi không cử động đến khi nghe Takumi khẽ-hét-lên, “Đi mau đi mau đi mau đi chết tiệt mau.”

Và chúng tôi bỏ chạy.

Ba giây sau, một tràng lốp bốp nổ ra. Nghe chúng, với tôi, giống như tiếng súng tự động trong trò Decapitation, ngoại trừ việc chúng lớn hơn. Chúng tôi đã chạy xa cỡ hai mươi bước rồi, và tôi tưởng màng nhĩ của mình sắp thủng.

Tôi nghĩ: *Chà, chắc hẳn ông sẽ nghe thấy.*

Chúng tôi băng qua sân bóng và chạy vào rừng cây, lao vút lên đồi với định hướng mơ màng. Trong bóng tối, những nhánh cây gãy và những tảng đá phủ rêu xuất hiện vào những lúc không ngờ nhất, và tôi trượt chân và té ngã liên tiếp và lo rằng Đại Bàng sẽ bắt kịp, nhưng tôi cứ gượng dậy và chạy kể Takumi, xa khỏi dãy phòng học và kí túc xá. Chúng tôi chạy như dân thầu cần sa. Tôi chạy như một con báo đốm. À thì, như một con báo đốm hút rất nhiều thuốc. Và rồi, sau đúng một phút chạy hộc tốc, Takumi dừng lại và mở bung ba-lô.

Đến lượt tôi đếm ngược. Tôi nhìn chăm chăm đồng hồ. Sợ chết khiếp. Bây giờ chắc hẳn ông đã ra ngoài. Chắc hẳn ông đang chạy. Không biết ông chạy nhanh không. Ông già khú đế, nhưng ông sẽ tức điên.

“Năm bốn ba hai một,” và tiếng xèo. Lúc đó chúng tôi không dừng lại, chỉ chạy, vẫn hướng về phía tây. Thở dốc. Tôi tự hỏi mình có thể tiếp tục suốt ba mươi phút không. Pháo hoa phát nổ.

Tiếng lốp bốp ngưng bặt, và một giọng nói gào to, “DỪNG LẠI NGAY!” Nhưng chúng tôi không dừng lại. Dừng lại không có trong kế hoạch.

“Tao là con quỷ cáo,” Takumi thì thầm, với cậu ta và với tôi. “Không ai bắt được con cáo.”

Một phút sau, tôi ngồi xuống đất. Takumi đếm ngược. Ngồi lửa cháy bùng. Chúng tôi lại chạy.

Nhưng nó bị tịt. Chúng tôi đã lường trước một cây pháo xịt, còn đem theo hẳn một dây pháo dự bị. Nhưng thêm một cây nữa thì Đại Tá và Alaska sẽ mất bớt một phút. Takumi quì xuống đất, châm ngòi, và chạy. Tiếng nổ bắt đầu. Pháo hoa *bùm bùm bùm* cùng nhịp với tiếng tim tôi.

Khi pháo hoa kết thúc, tôi nghe, “DỪNG LẠI HOẶC TÔI SẼ GỌI CẢNH SÁT!” và dù giọng nói ở rất xa, tôi có thể cảm thấy Ánh Nhìn Kết Tội của ông chiếu xuống tôi.

“Heo không thể ngăn cáo; tao rất nhanh,” Takumi nói với chính mình. “Tao làm thơ trong khi chạy, thiệt quá lạnh.”

Đại Tá đã cảnh báo chúng tôi về vụ gọi cảnh sát, bảo chúng tôi đừng lo. Đại Bàng không thích đưa cảnh sát vào trường. Danh tiếng xấu. Nên chúng tôi bỏ chạy. Trên và dưới và qua mọi thể loại cây cối và bụi rậm và cành cây. Chúng tôi té ngã. Chúng tôi đứng dậy. Chúng tôi bỏ chạy. Nếu ông không thể lần theo chúng tôi dựa vào pháo hoa, ông chắc chắn có thể lần theo tiếng chúng tôi lẩm bẩm *chết tiệt* khi trượt chân vì gỗ mục và đâm đầu vào những bụi thạch nam.

Một phút. Tôi quì xuống, đốt pháo, chạy. *Bùm*.

Rồi chúng tôi rẽ sang hướng bắc, nghĩ rằng chúng tôi đã bỏ xa cái hồ. Đây là chìa khóa của kế hoạch, chúng tôi càng chạy xa trong khuôn viên bao nhiêu, Đại Bàng sẽ đuổi theo chúng tôi xa bấy nhiêu, ông đuổi theo chúng tôi xa bao nhiêu, ông sẽ ở xa phòng học bấy nhiêu, đấy là nơi Đại Tá và Alaska đang thực hiện phép màu. Và chúng tôi định sẽ vòng ngược lại gần lớp học và quẹo sang phía tây dọc con lạch đến khi tới cây cầu bắc trên Trũng Hút Thuốc, nơi nối liền đường lớn và đi bộ trở lại chuồng bò, thẳng lợi về vang.

Nhưng ngật một nỗi: Chúng tôi dò đường hơi sai một tẹo. Chúng tôi không băng qua cái hồ; thay vào đó chúng tôi đang nhìn chăm chăm vào một cánh đồng rồi mới tới cái hồ. Quá gần dãy phòng học nên chẳng thể chạy đi đâu khác ngoài men theo bờ hồ, tôi nhìn Takumi, đang chạy ngay sau tôi, và cậu ta chỉ nói, “Thả thêm một cây đi.”

Nên tôi khuyu xuống, đốt pháo, và chúng tôi bỏ chạy. Giờ chúng tôi đang chạy qua một bãi đất trống, và nếu Đại Bàng đang đuổi ở phía sau, ông có thể thấy chúng tôi. Chúng tôi chạy tới phần phía nam của cái hồ và bắt đầu chạy dọc bờ. Cái hồ không lớn lắm-có lẽ chừng một phần tư dặm, nên chúng tôi không phải chạy lâu trước khi nhìn thấy nó.

Con thiên nga.

Nó bơi về phía chúng tôi như bị quỷ nhập. Cánh nó đập điên cuồng, và rồi nó đã ở trước mặt chúng tôi ở trên bờ, phát ra tiếng kêu không giống với thứ gì trên đời, như phần tẻ nhất của tiếng thở giãy chết và phần tẻ nhất của tiếng con nít khóc, và không còn cách nào khác, nên chúng tôi chỉ biết cắm đầu chạy. Tôi đâm sầm vào con thiên nga khi chạy hết tốc lực và thấy nó cắn vào mông mình. Rồi tôi chạy khập khểnh thấy rõ, vì mông tôi nóng như lửa đốt, và tôi nhủ thầm, *nước dãi thiên nga có quái gì mà nóng dữ vậy?*

Dài pháo thứ hai mươi ba là pháo xịt, làm phí mất của chúng tôi một phút. Vào khoảnh khắc ấy, tôi rất cần một phút. Tôi đang ngắc ngoải. Cảm giác phỏng rộp ở mông bên trái đã chuyển thành cơn đau nhức dữ dội, buốt hơn thập phần mỗi lần chân trái tôi đáp đất, nên tôi chạy như một con linh dương bị thương đang cố trốn khỏi một bầy sư tử. Tốc độ của chúng tôi, không cần nói, đã giảm thiểu đáng kể. Chúng tôi không còn nghe thấy Đại Bàng từ khi băng qua hồ, nhưng tôi không nghĩ ông đã quay lại. Ông đang cố dụ chúng tôi mất cảnh giác, nhưng sẽ chẳng ích gì. Đêm nay, chúng tôi bất bại.

Kiệt sức, chúng tôi dừng lại khi còn ba dài pháo và mong rằng mình đã câu giờ đủ cho Đại Tá. Chúng tôi chạy thêm vài phút đến khi tìm thấy gò đất của con lạch. Trời tối om và im lặng đến nỗi dòng chảy tí hon dường như đang thét gào, nhưng tôi vẫn nghe được tiếng thở dốc dồn dập của chúng tôi trong lúc đổ sụp xuống nền đất ẩm ướt và đá cuội bên cạnh con lạch. Chỉ khi dừng lại tôi mới quay sang nhìn Takumi. Mặt và tay của cậu ta đều trầy xước, đầu con cáo giờ che sụp bên tai trái cậu ta. Nhìn qua tay của mình, tôi mới nhận ra máu đang chảy từ những vết cắt sâu hơn. Đã có, giờ tôi mới nhớ, vài bụi thạch nam đầy gai, nhưng tôi không thấy đau.

Takumi nhổ gai khỏi chân. “Con cáo mệt thấy mồ,” cậu ta nói, đoạn bật cười.

“Con thiên nga cắn móng tao,” tôi bảo cậu ta.

“Tao thấy rồi.” Cậu ta mỉm cười. “Có chảy máu không?” tôi rút tay vào quần để kiểm tra. Không có máu, nên tôi hút thuốc ăn mừng.

“Nhiệm vụ hoàn thành,” tôi nói.

“Bé Bự, bạn tao ơi, chúng ta vô đối.”

Chúng tôi không biết mình đang ở đâu, vì con lạch chảy dài quanh khuôn viên, nên chúng tôi lần theo bờ đá chùng mười phút, phát hiện ra mình đi nhanh gấp đôi chạy, và rồi rẽ trái.

“Trái, mà nghĩ thế à?” Takumi hỏi.

“Tao mù đường rồi,” tôi đáp.

“Con cáo chỉ về bên trái. Nên rẽ trái.” Và, đúng thật, con cáo dẫn chúng tôi về ngay chuồng bò.

“Các anh không *chao!*” Lara nói khi chúng tôi đi tới. “Em lo lắm. Em thấy Đại Bàng ra *khỏi* nhà. Ông mặc áo ngủ. Nhìn ông tức điên.”

Tôi nói, “Chà, nếu lúc đó ông đang điên, thì giờ anh chẳng muốn gặp ông chút nào.”

“*Chao* hai anh đi lâu vậy?” em hỏi tôi.

“Bọn anh đi đường vòng,” Takumi nói. “Hơn nữa, Bé Bự đi như một bà già bị bệnh trĩ vì bị thiên nga cắn vào móng. Alaska với Đại Tá đâu?”

“Em không biết,” Lara nói, và rồi chúng tôi nghe tiếng bước chân từ xa, tiếng lẩm bẫm và bẻ cành. Ngay lập tức, Takumi chộp lấy túi ngủ và ba-lô của chúng tôi và giấu chúng sau đồng cỏ khô. Ba đứa tôi chạy ra sau chuồng bò đến bãi cỏ cao ngang hông rồi nằm xuống. Ông lẫn theo *tụi* mình đến chuồng bò, tôi nghĩ. *Tụi* mình đã làm hỏng chuyện.

Nhưng rồi tôi nghe tiếng Đại Tá, rõ ràng và bực bội, gã nói, “Vì danh sách nghi phạm sẽ mất bớt hai mươi ba đứa! Sao mà không thể làm theo kế

hoạch hả? Lạy Chúa, mọi người đâu rồi?”

Chúng tôi trở lại chuồng bò, hơi lúng túng vì đã quá khích. Đại Tá ngồi xuống một kiện cỏ khô, chống tay lên gối, cúi đầu, tay đặt trên trán. Suy nghĩ.

“À, dù sao thì, bọn ta chưa bị bắt. Được rồi, trước tiên,” gã nói mà không ngẩng đầu lên, “nói với tao là mọi việc đã diễn ra suôn sẻ đi. Lara?”

Em bắt đầu nói. “Vâng. Tốt ạ.”

“Em nói cụ thể hơn được không, làm ơn?”

“Em nằm như tờ giấy anh chỉ. Em ở lại sau nhà của Đại Bàng đến khi thấy ông đuổi theo Miles và Takumi, và rồi em chạy ra sau kí túc xá. Và rồi em chui qua cửa sổ vào phòng Keveen. Rồi em đổ đồ vô gel và dầu xả, và rồi em nằm y chang với phòng của Jeff và Longwell.”

“Đồ?” Tôi hỏi.

“Thuốc nhuộm công nghiệp số năm màu xanh không pha loãng,” Alaska nói. “Mình mua nó bằng tiền bán thuốc lá cho cậu. Đổ nó lên tóc ướt, và nó sẽ không phai trong vài tháng.”

“Bọn mình nhuộm tóc xanh cho tụi nó?”

“À, đúng hơn là,” Đại Tá nói, vẫn nhìn xuống đùi, “tụi nó sẽ tự nhuộm tóc xanh. Nhưng chúng ta đã giúp tụi nó một tay. Tao biết mày và Takumi làm tốt, vì tụi tao ở đây và tụi mày ở đây, nên mày đã hoàn thành công việc. Và tin tốt là ba thằng khốn dám chọc phá chúng ta nay đã có sổ liên lạc báo rằng tụi nó sắp rớt ba môn.”

“Ồ ồ. Tin xấu là gì ạ?” Lara hỏi.

“Ôi, coi nào,” Alaska nói. “Tin tốt khác là trong lúc Đại tá lo rằng mình đã nghe thấy gì đó rồi chạy vào rừng, chị đã bảo đảm rằng hai mươi đứa Chiến Binh Ngày Thường khác cũng có sổ liên lạc được gửi về. Chị in bảng điểm ra cho tất cả bọn chúng, nhét chúng vô phong bì in trong ngày ở trường, rồi bỏ chúng vào hòm thư.” Cô ấy quay sang Đại Tá. “Cậu đi lâu thật đấy,” cô ấy bảo. “Đại Tá bé nhỏ: rất sợ bị đuổi học.”

Đại Tá đứng dậy, chồm qua người chúng tôi lúc cả bọn đang ngồi. “Đấy không phải tin tốt! Nó không có trong kế hoạch! Nghĩa là có hai mươi ba đứa được Đại Bàng bỏ qua diện tình nghi. Hai mươi ba đứa có thể phát hiện ra chúng ta và mách lẻo!”

“Nếu chuyện đó xảy ra,” Alaska nói một cách cực kì nghiêm túc, “mình sẽ nhận tội.”

“Phải.” Đại Tá thở dài. “Như cậu đã nhận tội cho Paul và Marya. Cậu sẽ nhận rằng cậu đã đi dạo và đốt pháo trong rừng đồng thời thâm nhập vào hệ thống máy tính và in bảng điểm giả ở văn phòng trường? Vì tôi cá Đại Bàng sẽ thích lắm!”

“Thư giãn đi bồ tèo,” Takumi đấu dịu. “Thứ nhất, chúng ta sẽ không bị bắt. Thứ hai, nếu bị, tao sẽ nhận tội cùng Alaska. Mà có nhiều thứ để mất hơn bất kì ai trong bọn.” Đại Tá chỉ gật đầu. Đấy là sự thật không thể chối cãi: Đại Tá sẽ không còn cơ hội giành học bổng vào trường tốt nếu gã bị đuổi học khỏi Creek.

Không gì khích lệ tinh thần Đại Tá hơn chuyện công nhận tài năng của gã, nên tôi hỏi, “Mày thâm nhập vào hệ thống như thế nào vậy?”

“Tao trèo vô cửa sổ văn phòng của Tiến Sĩ Hyde, bật máy ống lên, và gõ mật khẩu của ống vào,” gã nói, mỉm cười. “Mày đoán ra à?”

“Không. Hôm thứ Ba tao vô văn phòng ống và nhờ ống in giùm tao bản sao danh sách những cuốn sách nên đọc. Rồi tao nhìn ống gõ mật khẩu: *J3ckylnhyd3.*”

“Chết tiệt,” Takumi nói. “Tao có thể làm thế.”

“Ờ, nhưng mày sẽ không được đội cái nón gọi tình đó,” Đại Tá đáp rồi cười khanh khách. Takumi kéo băng đội đầu xuống và nhét nó vào túi.

“Kevin sẽ điên tiết vì vụ tóc tai,” tôi bảo.

“À thì, mình cũng điên tiết vì thư viện úng nước của mình. Kevin là một con búp bê bằng hơi,” Alaska nói. “Đâm chúng ta, chúng ta chảy máu. Đâm hấn, hấn nổ tung.”

“Phải,” Takumi tán thành. “Nó là thằng cùi bắp. Kiểu, nó đã cố giết mày còn gì.”

“Ừa, tao đoán thế,” tôi thừa nhận.

“Ở đây có nhiều đũa vậy lắm,” Alaska nói tiếp, vẫn tức tối. “Cậu biết không? Đám búp bê bơm hơi lắm tiền.”

Nhưng dù Kevin đúng là đã cố giết tôi các thứ, hẳn cũng không đáng để bị ghét bỏ. Ghét mấy đũa ngẫu ngẫu rất tốn sức, và tôi đã từ bỏ chuyện đó từ rất lâu rồi. Với tôi, trò này chỉ là trả đũa cho một trò trước đó, như Đại Tá đã nói, quậy tung một trận. Nhưng với Alaska, dường như đây là một thứ khác, một thứ gì đó sâu xa hơn.

Tôi muốn hỏi cô ấy về điều đó, nhưng cô ấy nằm xuống lại phía sau đồng cỏ khô, lần nữa hóa vô hình. Alaska đã nói xong, và khi cô ấy nói xong, thế là hết. Chúng tôi không dỗ dành cô ấy suốt hai giờ, đến khi Đại Tá bật nắp một chai rượu. Chúng tôi chuyền cái chai cho nhau đến khi tôi có thể cảm thấy nó trong dạ dày, chua và ấm.

Tôi muốn thích rượu nhiều hơn thực tế (vốn là mong ước trái ngược với cảm xúc của tôi về Alaska). Nhưng đêm đó, chai rượu rất tuyệt, và hơi ấm của nó trong dạ dày lan tràn khắp người tôi. Tôi không thích thấy mình ngu ngốc hoặc mất kiểm soát, như tôi thích cách rượu làm cho mọi thứ (cười, khóc, tiểu tiện trước mặt bạn bè) dễ dàng hơn. Sao chúng tôi lại uống? Với tôi, đây chỉ là trò vui, đặc biệt là khi đứng trước nguy cơ bị trục xuất. Ưu điểm về hiểm họa trục xuất thường trực ở Culver Creek là việc nó làm tăng cảm hứng cho từng phút giây lén lút. Khuyết điểm, dĩ nhiên, là khả năng bị đuổi học thật sự.

hai ngày trước

SÁNG HÔM SAU TÔI DẬY SỚM, môi khô khốc và hơi thở hiện rõ trong bầu không khí lạnh băng. Takumi đem theo bếp cắm trại trong ba-lô, và Đại Tá đang khom người trước nó, hâm nóng cà phê uống liền. Mặt trời

sáng bừng nhưng vẫn không thể chống lại cái lạnh, và tôi ngồi cạnh Đại Tá nhâm nhi cà phê (“Đặc điểm của cà phê uống liền là ngửi mùi rất thơm nhưng uống vào như mật dạ dày,” Đại Tá nói), và rồi lần lượt, Takumi và Lara và Alaska thức giấc, và chúng tôi dành cả ngày để trốn, nhưng ồn ào. Trốn một cách ồn ào.

Trưa hôm đó ở chuồng bò, Takumi tuyên bố chúng tôi cần thi đọc *rap* tự do.

“Mày bắt đầu đi, Bé Bự,” Takumi nói. “Đại Tá Tai Ương, mày sẽ là chân *beat box* của chúng ta.”

“Ê, tao không *rap* được,” tôi cãi.

“Không sao. Đại Tá cũng không tạo nhạc miệng được. Cứ thử vần điệu chút rồi chuyển qua cho tao.”

Với bàn tay cúp lại trước miệng, Đại Tá bắt đầu tạo nên mấy âm thanh lố bịch nghe giống đang đánh rằm hơn tiếng trống, và tôi, ừm, đọc *rap*.

“Ừm, chúng ta đang ngồi trong chuồng bò và mặt trời đang dần buông/ khi tao còn là một đứa nhỏ ở Burger King tao đã lên xưng vương/ mẹ ơi, tao không biết vần điệu cái chi chi/ nên tao sẽ nhờ bạn tao Takumi gỡ bí.”

Takumi nối tiếp ngay không chần chừ. “Chết tiệt, Bé Bự, tao không nghĩ mình đã chuẩn bị/ nhưng như phim *Ác mộng trên phố Elm* có tên Freddy/ tao luôn sẵn trò làm thiên hạ chạy cun cút/ đêm qua tao uống rượu kiểu nấc cụt nấc cụt/ Đại Tá chơi *beatbox* đỉnh như một choác cần sa/ khi tao cầm micro cánh phụ nữ kích động vì kêu la/ tao quảng bá Nhật Bản cũng ngẫu như Birmingham/ khi tao còn con nít họ gọi tao thẳng da vàng/ nhưng tao không xấu hổ vì màu da được trao ban/ như vô số cô ả từng xem tao là người tình ủ an.”

Alaska nhảy vào.

“Ô kìa cậu mới vừa khinh thường phái nữ/ mình sẽ đét mông cậu rồi nhét vào máy xay cho như/ cậu nghĩ mình thích Tori và Ani nên không biết làm thơ à/ nhưng mình đọc trôi chảy như Biệt Đội Bắt Ma hạ gục con ma bô lô

ba la/ xem phụ nữ như đồ vật đi rồi biết/ cậu sẽ chết và biến mất như Babylon cổ xưa cho mà tiếc.”

Takumi lại tiếp tục.

“Nếu mắt tôi gây chuyện tôi sẽ móc chúng ra/ tôi bám càng con gái như bệnh gút bám tuổi già/ ôi chết tiệt vắn điệu gì nát bấy/ Lara mau đọc nối và giúp anh một tay.” Lara đọc thật khẽ và ra chiều bối rối và với âm điệu trệt chĩa còn hơn tôi. “Tên em là Lara và quê em ở Romania/ *cá*y này khó quá, um, em từng ghé thăm Albania/ em thích ngồi trên chiếc Geo của chị Alaska/ hai nguyên âm tiếng Anh tốt nhất của em là EO/ em không *giỏi* nói âm *i* cho lắm/ nhưng nghe cũng lạ lạ đúng không?/ ôi, anh Takumi, em nghĩ là em xong rồi/ mau kết bài *để* mọi người vui thôi.” “Tôi thả những cú bom như Hiroshima, hoặc tốt hơn là Nagasaki/ con gái nghe tôi đọc *rap* đều tưởng tôi là Rocky/ để đại diện cho quê hương tôi vẫn uống sake/ lũ nhóc không hiểu vắn của tôi nên thi thoảng còn cười chê/ người tôi không nhỏ bé nhưng không hăn đô con/ mà ngấm lại, khác với Bé Bự tôi cũng không quá gầy còm/ tôi là con quý cáo và đây là các đồng đội đã hoạt động cùng nhau/ những bài *rap* tự do như tôi khi đi giày thể thao. Và chấm hết.” Đại Tá kết thúc bằng *beat box* kiểu tự do, và chúng tôi tự cho mình một tràng pháo tay.

“Cậu tuyệt lắm, Alaska,” Takumi nói, cười sáng khoái. “Mình làm những gì có thể nhằm đại diện cho các quý cô. Lara đã yểm trợ mình.”

“Vâng, đúng vậy.”

Và rồi Alaska quyết định rằng dù trời chưa tối hẳn nhưng đã đến lúc chúng tôi say bí tí rồi.

“Hai đêm liên tiếp có vẻ hơi đánh đổ vận may,” Takumi đề nghị trong lúc Alaska mở rượu.

“Vận may là cho kẻ thất bại.” Cô ấy mỉm cười và đặt chai rượu lên môi. Chúng tôi ăn tối bằng bánh quy rắc muối và một miếng phô mai Cheddar do Đại Tá đưa cho, và món bánh quy rắc muối và phô mai ấy biến thành bữa tối ngon miệng khi nhắm cùng loại rượu màu hồng ấm nóng trong chai. Và khi

chúng tôi hết sạch phô mai, chà, càng có nhiều chỗ chứa Strawberry Hill chứ sao.

“Từ từ thôi, không tao nôn mất,” tôi lên tiếng sau khi chúng tôi xử xong chai thứ nhất.

“Xin lỗi nhé, Bé Bự. Tao không biết có người đang banh họng mày và đổ rượu vào đó,” Đại Tá đốp lại, quăng cho tôi một chai Mountain Dew.

“Gọi cái quỷ này là rượu còn nhân từ đấy,” Takumi đùa.

Và rồi, như thể bất thành linh, Alaska tuyên bố, “Ngày Tuyệt Nhất/ Tệ Nhất!”

“Hả?” Tôi hỏi.

“Tất cả chúng ta sẽ nôn hết nếu chỉ uống rượu. Nên tụi mình sẽ hạn chế lại bằng trò uống phạt. Ngày Tuyệt Nhất/Tệ Nhất.

“Chưa nghe bao giờ,” Đại Tá nói.

“Vì mình mới vừa chế ra nó.” Cô ấy mỉm cười. Cô ấy nằm nghiêng trên hai đụn cỏ khô, nắng chiều rọi sáng màu xanh trong đôi mắt, làn da rám nắng là kỉ niệm cuối cùng của mùa thu. Với đôi môi cô hé nửa, tôi chợt nhận ra Alaska đã say khi phát hiện ánh mắt xa xăm của cô ấy. *Ánh nhìn say sưa vượt ngàn dặm*, tôi nghĩ, và trong lúc nhìn cô ấy bằng con mê đắm vu vơ, tôi chợt vỡ lẽ rằng, ừ, tôi cũng hơi say rồi.

“Vui quá! Luật chơi thế nào?” Lara hỏi.

“Mọi người kể về ngày tuyệt nhất của mình. Người thắng cuộc không phải uống. Rồi chúng ta lại kể về ngày tệ nhất, và người thắng cuộc cũng không phải uống. Và cứ thế tiếp tục, ngày tuyệt thứ hai, ngày tệ thứ hai, đến khi có người trong số các cậu bỏ cuộc.”

“Làm sao cậu biết đấy sẽ là một trong số chúng tôi?” Takumi hỏi.

“Vì mình là uống rượu giỏi nhất và kể chuyện hay nhất,” cô ấy đáp. Thật khó phản đối logic ấy. “Cậu trước đi, Bé Bự. Ngày tuyệt nhất đời cậu.”

“Ừm. Cho mình một phút để nghĩ được không?”

“Nếu mày cần phải nghĩ thì chắc không tuyệt đến thế,” Đại Tá nói.

“Cái thằng này.”

“Nhảy cảm dữ.”

“Ngày tuyệt nhất của tao là hôm nay,” tôi nói. “Và chuyện là tao thức dậy cạnh một cô gái Hungary cực kì xinh đẹp và trời lạnh như không quá lạnh và tao uống một ly cà phê ấm và ăn Cheerios không sữa và rồi đi dạo quanh rừng với Alaska và Takumi. Chúng tao ném thia lia dọc con lạch, một việc nghe hơi ngu nhưng thật ra không phải. Tao không biết nữa. Như mặt trời bây giờ, với những chiếc bóng trải dài và luồng sáng dịu nhẹ mà hay thấy khi mặt trời chưa lặn hẳn? Đây là luồng sáng khiến mọi thứ tốt hơn, đẹp hơn, và hôm nay mọi thứ dường như đều ở dưới luồng sáng đó. Ý tao là. Tao chẳng làm gì cả. Nhưng chỉ ngồi đây, dù tao đang nhìn Đại Tá mài dao, hay gì đó. Gì cũng được. Một ngày tuyệt vời. Ngày hôm nay. Ngày tuyệt nhất đời tao.”

“Anh nghĩ em đẹp sao?” Lara nói, và bật cười xấu hổ. Tôi nghĩ, *giờ nhìn em ấy được rồi*, nhưng tôi không thể. “Và em là người *Romaneea!*”

“Câu chuyện đó hay hơn mình tưởng nhiều,” Alaska nói, “nhưng mình vẫn sẽ đánh bại cậu.”

“Tới đi cưng,” tôi nói. Một ngọn gió thổi qua, luống cỏ cao bên ngoài chuồng bò nghiêng mình theo nó, và tôi kéo túi ngủ lên vai để giữ ấm.

“Ngày tuyệt nhất đời mình là ngày 9 tháng Một, năm 1997. Mình tám tuổi, và mẹ dắt mình đi sở thú trong chuyến đi với lớp. Mình thích gấu. Mẹ thích khỉ. Ngày tuyệt vời nhất. Hết chuyện.”

“Thế thôi á?!” Đại Tá nói. “Đây là ngày tuyệt nhất cả đời cậu?!”

“Ừa.”

“Em *thít* chuyện,” Lara nói. “Em cũng *thít* lũ khi nữa.” “Quê quá,” Đại Tá bảo. Tôi nghĩ nó chẳng quê bằng sự mơ hồ cố ý của Alaska, thêm một ví dụ về vẻ bí ẩn của cô ấy trượt dài. Có điều, dù biết là cố ý, tôi vẫn không thể

ngăn mình tự hỏi: *Sở thú có cái gì hay ?* Nhưng trước khi tôi kịp hỏi, Lara đã cất tiếng.

“Rồi, tới lượt em,” Lara. “*Đẽ ẹc*. Ngày em đến đây. Em biết tiếng Anh và ba mẹ em thì không, chúng em xuống khỏi máy bay và họ hàng của em đến đón, các cô và các chú em chưa bao giờ gặp, ở sân bay, và ba mẹ em rất hạnh phúc. Hồi đó em mười hai tuổi, và em luôn là út *cưn* ở nhà, nhưng đây là ngày đầu tiên ba mẹ cần và đối xử với em như một người lớn. Vì họ không biết tiếng, đúng không? Họ cần em để gọi món ăn và dịch mẫu đơn đóng thuế và nhập cư và mọi thứ *khát*, và đây là ngày họ thôi đối xử với em như con *ních*. Hơn nữa, ở Romania, chúng em rất nghèo. Và ở đây, nhà em khá *dả*.” Rồi em cười.

“Được lắm.” Takumi mỉm cười, chụp lấy chai rượu. “Tao thua. Vì ngày tuyệt nhất đời tao là ngày tao mất đời giai tân. Và nếu tụi mày nghĩ tao sẽ kể cho nghe chuyện đó thì tụi mày phải ép tao uống say hơn thế này cơ.” “Không tệ,” Đại Tá nói. “Không tệ đâu. Muốn biết ngày tuyệt nhất của tao không?”

“Trò chơi là thế mà, Chip,” Alaska nói, bực dọc thấy rõ. “Ngày tuyệt nhất đời tao chưa diễn ra. Nhưng tao biết nó. Tao thấy nó mỗi ngày. Ngày tuyệt nhất đời tao là ngày tao mua cho mẹ tao một căn nhà khổng lồ chết tiệt. Và không phải một căn ở trong rừng, mà ở trung tâm Mountain Brook, với bố mẹ của cả lũ Chiến Binh Ngày Thường. Với bố mẹ của cả lũ tụi bay. Và tao cũng không mua trả góp. Tao sẽ mua nó bằng tiền mặt, và tao sẽ chở mẹ tao tới đó, và tao sẽ mở cửa xe cho mẹ tao và bà sẽ bước xuống và nhìn căn nhà ấy, căn nhà với hàng rào trắng và hai tầng và tất cả, mày biết đấy và tao sẽ đưa bà chìa khóa căn nhà và tao sẽ nói, “Cảm ơn mẹ.” Quý thần ơi, bà giúp tao điền đơn đến đây. Và bà để tao đi học ở trường này, và đấy không phải là một điều dễ dàng khi mày có xuất thân như tụi tao, khi mày để con trai mày đi học xa. Nên đấy là ngày tuyệt nhất đời tao.”

Takumi nghiêng chai rượu và nuốt ực vài lần, rồi đưa nó cho tôi. Tôi uống, và cả Lara, và Alaska ngửa cổ dốc ngược chai rượu, nhanh chóng uống hết một phần tư cuối cùng trong chai.

Trong lúc cô ấy mở nắp chai tiếp theo, Alaska cười với Đại Tá. “Cậu thắng vòng này. Giờ ngày tệ nhất của cậu là khi nào?”

“Ngày tệ nhất là khi bố tao bỏ đi. Ông già rồi, giờ chắc ông cỡ bảy mươi và ông đã già sần khi ông cưới mẹ tao, và ông vẫn ngoại tình. Và khi mẹ tao bắt gặp, bà giận điên người, nên ông đánh mẹ tao. Và rồi mẹ tao đuổi cổ ông, và ông bỏ đi. Lúc đó tao ở đây, và mẹ tao gọi, và bà đã không kể với tao toàn bộ câu chuyện ngoại tình và đánh đập và tất cả mãi cho đến tận sau này. Bà chỉ nói ông bỏ đi và không quay lại nữa. Và từ đó đến nay tao không gặp ông. Nguyên ngày hôm ấy tao đã đợi ông gọi điện và giải thích, nhưng ông không bao giờ làm thế. Tao nghĩ ít nhất ông sẽ nói tạm biệt hay đại loại. Đây là ngày tệ nhất.”

“Chết tiệt, mày lại thắng tao rồi.” Tôi nói. “Ngày tệ nhất của tao là năm lớp bảy, khi Tommy Hewiit tè lên đồ thể thao của tao và thầy dạy thể thao nói tao phải mặc đồng phục hoặc bị rớt môn. Lớp bảy đúng không? Còn nhiều thứ khác tệ hơn. Nhưng hồi đó nó là chuyện lớn, và tao khóc tức tưởi và cố giải thích cho thầy biết chuyện gì đã xảy ra, nhưng thật xấu hổ, và ông chỉ quát và quát và quát đến khi tao tròng cái quần soóc và áo thun thấm nước tiểu vào người. Đây là ngày tao hết quan tâm xem người khác làm gì. Tao chỉ không còn quan tâm nữa, về chuyện làm kẻ thua cuộc hoặc không có bạn hoặc bất cứ thứ gì tương tự. Nên tao đoán nó cũng tốt cho tao về mặt nào đấy, nhưng giây phút ấy thật kinh khủng. Ý tao là, mày cứ tưởng tượng tao chơi bóng chuyền hay chi đấy trong bộ đồ ướt nhẹp nước tiểu trong khi thắng Tommy Hevviit rêu rao với mọi người về chuyện nó đã làm. Đây là ngày tệ nhất.”

Lara đang cười. “Em xin lỗi, Miles.”

“Không sao,” tôi nói. “Chỉ cần kể tiếp anh nghe để anh có thể cười vào nỗi đau của em,” và tôi mỉm cười, và chúng tôi cùng cười vang.

“Ngày tệ nhất của em chắc cũng là ngày tuyệt nhất. Vì em bỏ lại mọi thứ. Ý em là, nghe hơi ngốc xít, nhưng nó bao gồm cả tuổi thơ của em nữa, vì đa

số những đứa mười hai tuổi không, anh biết đấy, không phải tìm *hiếu* mẫu đơn W-2.”

“Mẫu đơn W-2 là gì?” Tôi hỏi.

“Vấn đề là ở đó. Nó dung *ễ* khai thuế. Nên. Cùng ngày.” Lara luôn phải lên tiếng cho ba mẹ của mình, tôi nghĩ, và có lẽ em chưa bao giờ học cách lên tiếng cho bản thân. Và tôi cũng không giỏi lên tiếng cho bản thân. Chúng tôi có một điểm chung, vào lúc đó, một kiểu tính cách tôi không tương đồng với Alaska hay bất kì ai khác, dù về cơ bản Lara và tôi không thể miêu tả nó cho nhau. Nên có lẽ chỉ vì ánh mặt trời chưa-lặn-hẳn chiếu trên những lọn tóc tối màu gọn xoắn bồng bênh của em ấy, nhưng vào giây phút ấy, tôi đã muốn hôn em, và chúng tôi không cần phải trò chuyện mới có thể hôn nhau, và chuyện nôn lên quần em ấy và hàng tháng trời tránh mặt nhau đã tan biến.

“Tới *lược* anh, Takumi.”

“Ngày tệ nhất đời tao,” Takumi nói. “Ngày 9 tháng Sáu, năm 2000. Bà ngoại tao qua đời ở Nhật. Bà qua đời trong một vụ tai nạn xe hơi, và đáng ra tao sẽ đến thăm bà vào hai hôm sau. Tao sẽ ở với bà và ông ngoại suốt mùa hè, thế mà tao lại bay sang để dự đám tang, và lần duy nhất tao thật sự nhìn thấy bà, ý tao là ngoài những tấm ảnh, là ở đám tang của bà. Tang lễ bà diễn ra theo truyền thống Phật Giáo, và họ hỏa táng bà, nhưng trước khi làm thế thì bà đang ở trên, chà—ừm, cũng không hẳn là Phật Giáo. Ý tao là, tôn giáo ở đó hơi phức tạp, nên có một chút Phật Giáo lai Shinto, nhưng tụi bây không quan tâm đâu, vấn đề là bà đang ở trên một cái, kiểu, giàn thiêu hay gì đó. Và đấy là lần duy nhất tao thấy bà, ngay trước khi họ hỏa táng bà. Đấy là ngày tệ nhất.”

Đại Tá đốt một điếu thuốc, quăng nó cho tôi, và đốt một điếu cho riêng gã. Thật kì quặc, khi gã đoán ra được tôi đang muốn hút thuốc. Chúng tôi *giống như* một cặp vợ chồng già. Trong thoáng chốc, tôi nghĩ, *Quăng thuốc lá quanh một chuồng bò đầy cỏ khô là điều đại dột vô cùng*, nhưng rồi phút

giây cảnh giác trôi qua, và tôi hết sức cố gắng để không búng tàn thuốc lá lên đụn cỏ nào.

“Chưa rõ ai là người chiến thắng,” Đại Tá nói. “Vẫn còn chỗ trống. Tới lượt cậu, bồ tèo.”

Alaska nằm ngửa, hai tay đặt sau đầu. Cô ấy nói thật khẽ và thật nhanh, nhưng ngày yên ả đang dần chuyển sang đêm tĩnh lặng—côn trùng giờ đã bay đi khi mùa đông đến và chúng tôi có thể nghe tiếng cô rất rõ.

“Ngày mẹ dẫn mình đến sở thú nơi bà thích khi và mình thích gấu, hôm đó là thứ Sáu. Mình trở về từ trường học. Mẹ ôm mình và bảo mình vào phòng làm bài tập để lát nữa còn xem TV. Mình đi vào phòng, và mẹ ngồi xuống ở bàn bếp, mình đoán, và rồi bà hét lên, và mình chạy ra, và bà đã ngã xuống. Bà đang nằm trên sàn, ôm đầu và co giật. Rồi mình hoảng lên. Đáng ra mình nên gọi 911, nhưng mình chỉ la hét và gào khóc đến khi mẹ ngừng co giật, và mình nghĩ bà đã thiếp đi và cái đau giờ không còn nữa. Nên mình chỉ ngồi trên sàn với bà đến khi bố về nhà chừng một tiếng sau, và ông hét to, ‘Sao mà không gọi 911?’ và cố hô hấp nhân tạo cho mẹ, nhưng lúc ấy bà đã chết lâu rồi. Phình mạch máu. Ngày tệ nhất. Mình thắng. Các cậu uống đi.”

Và chúng tôi uống.

Không ai nói gì trong một phút, và rồi Takumi hỏi, “Bố cậu trách cậu?”

“Chà, sau lần đầu tiên đó thì không. Nhưng ừ. Sao lại không chứ?”

“Thì, cậu là một đứa trẻ,” Takumi phản bác. Tôi cũng quá ngạc nhiên và bối rối không thể góp lời, cố gán ghép câu chuyện này vào những gì tôi đã biết về gia đình của Alaska. Mẹ của cô ấy chỉ cô trò cộc-cộc lúc Alaska sáu tuổi. Mẹ cô ấy từng hút thuốc nhưng giờ thì không, dĩ nhiên.

“Ừ. Mình là một đứa trẻ. Một đứa trẻ có thể gọi 911. Chúng làm thế suốt. Đưa rượu cho mình,” cô ấy nói, nghiêm nghị và vô cảm. Cô uống mà không nhắc đầu khỏi đụn cỏ khô.

“Tôi rất tiếc,” Takumi nói.

“Sao cậu chưa bao giờ nói với tôi?” Đại Tá hỏi, giọng nói nhẹ nhàng.

“Chưa bao giờ có dịp.” Và rồi chúng tôi thôi hỏi nhau. *Nói cái quái gì giờ?*

Trong tình lặng kéo dài theo sau đó, khi chúng tôi chuyền tay nhau chai rượu và dần trở nên say hơn. Tôi chợt nghĩ về Tổng thống William McKinley, tổng thống thứ ba của nước Mỹ bị ám sát. Ông sống thêm vài ngày sau khi bị bắn, và khi ông sắp chết, vợ ông bắt đầu khóc than và gào thét, “Em cũng muốn đi! Em cũng muốn đi!” và với chút tàn hơi cuối cùng, McKinley quay sang bà nói lời trăng trối: “Tất cả chúng ta đều sẽ đi.”

Đấy là tâm điểm trong cuộc đời Alaska. Khi cô ấy khóc và nói với tôi mình đã làm hỏng mọi chuyện, giờ tôi đã hiểu ý của cô ấy. Và khi cô ấy nói cô đã hại mọi người, giờ tôi đã biết cô ấy ám chỉ ai. Là tất cả mọi thứ và tất cả mọi người trong cuộc đời cô ấy, và tôi không thể ngăn mình tưởng tượng: tôi tưởng tượng một con bé tám tuổi gầy gò với mười đầu ngón tay đen nhẻm, cúi đầu nhìn mẹ mình lên cơn co giật. Rồi cô ấy ngồi xuống với bà mẹ đã-chết- hoặc-có-lẽ-không của mình, tôi tưởng tượng bà đã tắt thở nhưng chưa hẳn lạnh lẽo. Và giữa giây phút hấp hối và chết đi, một Alaska nhỏ bé đã ngồi với mẹ cô ấy trong im lặng. Và rồi qua tình lặng lẫn cơn say, tôi thoáng nhìn thấy cô ấy ngày hôm đó. Hẳn cô ấy đã cảm thấy rất bất lực, tôi nghĩ, rằng điều duy nhất mình có thể làm, nhắc máy lên và gọi xe cấp cứu chưa bao giờ xuất hiện trong đầu. Sẽ có ngày chúng ta nhận ra rằng cha mẹ không thể cứu lấy bản thân họ hay chúng ta, rằng những người lội qua dòng thời gian rồi sẽ bị sóng cuốn ra biển—rằng, tóm lại, tất cả chúng ta đều sẽ đi.

Nên Alaska trở nên bốc đồng, nổi khiếp đảm thụ động chuyển thành những hoạt động không ngừng. Khi Đại Bàng dọa trục xuất, có lẽ cô ấy thốt ra tên Marya vì đấy là người đầu tiên xuất hiện trong đầu, vì lúc đó cô ấy không muốn bị đuổi học và không thể nghĩ xa hơn. Alaska sợ hãi, hẳn vậy. Nhưng quan trọng hơn, có lẽ cô ấy e ngại nỗi sợ khiến mình bất động một lần nữa.

“Tất cả chúng ta đều sẽ đi,” McKinley đã nói với vợ của ông, và hẳn là thế. Đây là mê hồn trận đầy khổ sở. Tất cả chúng ta đều sẽ đi. Tìm đường thoát ra mê hồn trận ấy.

Tôi không nói bất kì điều gì với cô ấy. Lúc đó và cả sau này. Chúng tôi không bao giờ nói thêm lời nào về nó. Thay vào đó, nó chỉ trở thành một ngày tệ nhất khác, đầu là ngày tệ nhất của một lũ say, và khi màn đêm kéo tới, chúng tôi lại tiếp tục, uống rượu và giỡn hớt.

Đêm đó, sau khi Alaska tự chọt ngón tay vào cổ họng và nôn ra trước mặt chúng tôi vì cô ấy say quá không thể vào rừng, tôi đã nằm xuống trên túi ngủ. Lara đang nằm cạnh tôi, trong túi ngủ của em, vốn sắp chạm vào túi của tôi. Tôi đưa tay về phía mép túi và đẩy nhẹ để nó hơi đề lên cái của em. Tôi áp tay mình vào tay em. Tôi cảm thấy nó, dù có hai cái túi ngủ giữa chúng tôi. Kế hoạch của tôi, mà tôi nghĩ là rất tài tình, là rút tay ra và đút nó vào trong túi ngủ của em, và rồi nắm tay em. Đây là một kế hoạch tốt, nhưng khi tôi cố lấy tay ra khỏi túi ngủ thật thì lại vung vẩy như cá mắc cạn, và suýt trật khớp vai. Em ấy đang cười không phải với tôi, là cười vào mặt tôi, nhưng chúng tôi vẫn không nói gì. Đã không thể quay đầu, tôi đánh liều trượt tay vào túi ngủ của em, và em nén tiếng khúc khích trong lúc mấy đầu ngón tay tôi lướt dọc một đường từ khuỷu tay đến cổ tay em.

“Nhột quá” em thì thầm. Cố tỏ ra hấp dẫn là thế đấy.

“Xin lỗi,” tôi lầm bầm.

“Không sao, nhột nhưng *thít* lắm,” em nói, và nắm lấy tay tôi. Em đan tay hai đứa vào nhau rồi siết nhẹ. Đoạn em lăn qua và *hun* tôi. Tôi chắc miệng em có vị rượu ôi, nhưng tôi không để ý, và tôi chắc miệng tôi có vị rượu ôi và thuốc lá, nhưng em không để ý. Chúng tôi đang hôn nhau.

Tôi nghĩ: *Chuyện này thật tuyệt.*

Tôi nghĩ: *Mình hôn không tệ. Không tệ chút nào.*

Tôi nghĩ: *Rõ ràng mình là người hôn giỏi nhất vũ trụ.*

Đột nhiên em bật cười và tách ra khỏi tôi. Em rút một tay ra khỏi túi ngủ và lau mặt. “Anh chảy nước dãi lên mũi em,” em ấy nói, rồi lại cười.

Tôi cũng cười, cố gây ấn tượng rằng kiểu hôn chảy-dãi-lên-mũi của tôi là cố ý cho vui. “Anh xin lỗi.” Mượn hệ thống cấp bậc của Alaska mà nói thì, tôi chưa bao giờ đạt hơn năm cái cấp một trong đời, nên cố đổ lỗi cho sự thiếu kinh nghiệm. “Anh chưa quen với chuyện này lắm,” tôi bào chữa.

“Chảy nước dãi nhưng *thít* lắm,” em ấy vừa cười vừa nói, và hôn tôi lần nữa. Chẳng mấy chốc chúng tôi đã chui hẳn khỏi túi ngủ, im lặng hôn nhau. Em nằm trên người tôi, và tôi đưa tay ôm trọn vòng eo thon gọn của em. Tôi cảm nhận được ngực em đè lên ngực tôi, và em chậm rãi di chuyển trên tôi, hai chân kẹp lấy tôi. “Người anh tuyệt quá,” em nói.

“Em thật đẹp,” tôi nói, và mỉm cười với em. Trong bóng tối, tôi có thể thấy rõ đường nét khuôn mặt em và đôi mắt to tròn chớp nháy, đôi hàng mi em gần như run rẩy phủ trên trán tôi.

“Hai người đang hôn hít làm ơn im lặng được không?” Đại Tá hỏi to từ túi ngủ của gã. “Bọn không hôn hít tụi tao đang xin quắc cần câu và mệt lắm đây.”

“Đa số là. Xin quắc cần câu,” Alaska chậm rãi nói, nhu thế việc phát âm rất tốn sức.

Chúng tôi hầu như chưa bao giờ trò chuyện, Lara và tôi, và chúng tôi không có cơ hội trò chuyện nữa vì Đại Tá. Nên chúng tôi lặng lẽ hôn nhau và khẽ cười bằng miệng và mắt. Sau khi hôn quá nhiều và bắt đầu thấy chán, tôi thì thầm, “Em có muốn làm bạn gái anh không?” Và em đáp, “Vâng, rất sẵn lòng,” và mỉm cười. Chúng tôi ngủ chung trong túi ngủ của Lara, có hơi chật một chút, thành thật mà nói, nhưng vẫn thoải mái. Tôi chưa bao giờ nằm cạnh ai lúc ngủ. Đây là kết thúc hoàn hảo cho ngày tuyệt nhất đời tôi.

một ngày trước

SÁNG HÔM SAU, cụm từ được tôi dùng hú họa vì bình minh còn chưa lên, Đại Tá lay tôi dậy. Lara nằm gọn trong vòng tay, em cuộn tròn rúc vào người tôi.

“Chúng ta phải đi thôi, Bé Bự. Tối lúc dọn dẹp rồi.” “Mày ơi. Tao đang ngủ.”

“Mày có thể ngủ sau khi chúng ta điểm danh xong. TỐI GIỜ VỀ RỒI!” gã hét to.

“Rồi rồi. Đừng hét. Tao nhức đầu.” Và thật vậy. Tôi cảm thấy món rượu hôm qua trong cuống họng và đầu tôi nhức như buổi sáng sau hôm chấn động não. Miệng tôi có mùi như thể một con chồn hôi đã chui vào trong đó và chết. Tôi cố không thở ra gần Lara trong lúc em mơ màng chui ra khỏi túi ngủ.

Chúng tôi thu dọn đồ đạc nhanh chóng, ném mấy cái chai rỗng vào đồng cỏ cao, xả rác là một nhu cầu xúi quẩy ở Creek, vì không ai muốn ném một chai rượu rỗng vô thùng rác trong trường và đi khỏi chuồng bò. Lara nắm tay tôi rồi ngượng nghịu buông ra. Alaska trông như giẻ rách, nhưng vẫn đòi đổ hết mấy giọt Strawberry Hill cuối cùng vào ly cà phê uống liền nguội ngắt trước khi ném chai rượu ra sau lưng.

“Lấy độc trị độc,” cô ấy nói.

“Cậu thấy thế nào?” Đại Tá hỏi thăm.

“Tệ hơn nhiều bữa khác.”

“Còn vật vờ hả?”

“Như một gã truyền giáo nghiện rượu vào sáng Chủ Nhật.”

“Có lẽ cậu không nên uống nhiều quá,” tôi đề nghị.

“Bé Bự.” Cô ấy lắc đầu và nhấp một ngụm cà phê pha rượu. “Bé Bự, cậu phải biết rằng mình là một đứa bất hạnh cùng cực.”

Chúng tôi đi sóng đôi xuống mặt đường xói lở trên đường về trường. Ngay sau khi tới chỗ cây cầu, Takumi khựng lại, nói “ư-ô,” quì xuống đặt

tay trên đất, và nôn ra một bãi vàng hồng lẫn lộn.

“Tổng hết ra,” Alaska nói. “Cậu sẽ ổn thôi.”

Cậu ta nôn xong, đứng dậy, và nói, “Cuối cùng tôi đã tìm ra một thứ có thể chặn chân con cáo. Con cáo không thể tiêu hóa Strawberry Hill.”

Alaska và Lara trở về phòng họ, định sẽ báo danh với Đại Bàng chốc nữa, trong khi Takumi và tôi đứng sau Đại Tá lúc gõ gõ cửa nhà Đại Bàng lúc 9:00 sáng.

“Các trò về sớm thế. Đi vui chứ?”

“Vâng ạ,” Đại Tá đáp.

“Mẹ trò thế nào, Chip?”

“Bà vẫn khỏe, thưa thầy. Bà mạnh lắm.”

“Bà ấy cho các trò ăn ngon không?”

“Ô có ạ,” tôi nói. “Cô ấy muốn vỗ béo em.”

“Trò cần thế đấy. Chúc các trò một ngày tốt lành.”

“Chà, tao nghĩ ông không nghi ngờ gì đâu,” Đại Tá trên đường quay lại Phòng 43. “Nên có thể chúng ta thật sự thoát nạn rồi.” Tôi nghĩ đến chuyện qua gặp Lara, nhưng rồi khá mệt, nên chỉ lết về giường và ngủ qua cơn vạ vật.

Ngày hôm đó không có gì bận rộn. Đáng ra tôi nên làm những điều kiệt xuất. Đáng ra tôi nên ghi vài dấu ấn trong đời. Nhưng vào ngày hôm đó, tôi ngủ mười tám trên hai mươi bốn tiếng có lẽ.

ngày cuối cùng

SÁNG HÔM SAU, thứ Hai đầu tiên của học kì mới, Đại Tá ra khỏi phòng tắm lúc đồng hồ báo thức của tôi reng.

Trong lúc tôi mang giày, Kevin gõ cửa một lần rồi mở tung cánh cửa, bước vào trong.

“Đẹp trai đó,” Đại Tá thân nhiên nói. Kevin giờ để tóc húi cua, một mẫu tóc nhỏ màu xanh ở hai bên đầu, ngay phía trên tai. Môi dưới của hắn trề ra, cữ nhai thuốc sáng đầu tiên. Hắn đi tới chỗ BÀN CÀ PHÊ của chúng tôi, nhặt một lon nước ngọt lên và nhổ toẹt vào nó.

“Suýt nữa mày đã không chơi được tao. Tao phát hiện ra nó trong dầu xả và quay vào phòng tắm ngay lập tức. Nhưng tao không để ý gel vuốt tóc. Tóc thẳng Jeff không lên màu chút nào. Nhưng Longwell và tao, tụi tao phải cắt kiểu quân đội. May phước là tao có tông-đơ.”

“Hợp với mày đó,” tôi nói, dù không phải. Tóc ngắn làm gương mặt hắn nổi bật hơn, đặc biệt là đôi mắt nhỏ như hột đậu quá-gần-nhau, vốn không phải là điểm nhấn tốt. Đại Tá đang cố tỏ ra bặm trợn, sẵn sàng cho bất cứ hành động nào của Kevin nhưng thật khó để tỏ ra bặm trợn khi bạn chỉ đang quần mỗi cái khăn màu cam.

“Đình chiến?”

“Chà, rắc rối của mày chưa kết thúc, tao e là thế,” Đại Tá nói, ý chỉ bảng điểm đã-gửi-đi-nhưng-chưa-được-nhận.

“Được rồi. Nếu mày nói vậy. Tao đoán chúng ta sẽ nói chuyện khi mọi thứ kết thúc.”

“Tao đoán thế,” Đại Tá đáp. Lúc Kevin bước ra, Đại Tá nói với theo, “Đem cái lon mày đã nhổ nước bọt ra, thẳng khốn mất vệ sinh.” Kevin chỉ đóng cửa lại sau lưng. Đại Tá chộp lấy cái lon, mở cửa, và ném nó về phía Kevin, lệch mất một khoảng lớn.

“Thiệt tình, tha cho nó đi.”

“Chưa đình chiến đâu, Bé Bự.”

Trưa hôm ấy tôi ở với Lara. Chúng tôi rất tình tứ, dù không biết nhiều về nhau và hiếm khi nói chuyện. Nhưng chúng tôi hôn nhau. Có đoạn em ấy bóp hông tôi, và tôi đại khái hơi giật mình. Tôi đang nằm xuống, nhưng tôi đã giật mình theo kiểu hay nhất mà một đứa đang nằm có thể làm, và em

nói, “Xin lỗi,” và tôi trả lời, “Không, anh không sao. Hơi nhức vì bị thiên nga cắn thôi.”

Chúng tôi đến phòng TV cùng nhau, và tôi khóa cửa. Chúng tôi đang xem phim *Gia đình Brady*, Lara chưa xem bao giờ. Tập chúng tôi xem, khi gia đình Brady ghé thăm mỏ vàng ở thị trấn bỏ hoang và họ đều bị một lão già mất trí với bộ râu xồm xoàm làm nghề đãi vàng nhốt trong xà lim, đặc biệt dơ tẻ, và khiến chúng tôi cười rất nhiều. Ấu cũng tốt, vì chúng tôi chẳng có *mấy* chuyện để nói.

Ngày đầu tiên của học kì có rất ít bài để làm, nhưng em vẫn đọc sách cho môn Quốc Ngữ. Tôi cầm lấy cuốn tiểu sử của một nhà cách mạng người Argentina tên Che Guevara, ông được họa trên một tấm poster dán tường, tủ giá sách của bạn cùng phòng của Lara. Tôi đọc từ trang cuối, tôi vẫn hay làm thế với tiểu sử. Tôi không có ý định đọc hết cuốn, và dễ dàng tìm ra lời trắng trối của ông ta. Bị quân đội Bolivia bắt, Guevara nói, “Bắn đi, lũ hèn nhát. Tụi mày sẽ chỉ giết được một người đàn ông.” Tôi nhớ đến lời trắng trối của Simón Bolívar trong tiểu thuyết của García Márquez—“Làm sao ta thoát khỏi mê hồn trận này đây!” Những nhà cách mạng người Nam Phi, dường như đều chết cùng tinh hoa của họ. Tôi đọc to lời trắng trối ấy cho Lara. Em ấy quay sang nằm nghiêng, gối đầu lên ngực tôi.

“Sao anh thích những lời trắng trối dữ vậy?”

Kì lạ làm sao, tôi chưa bao giờ thật sự để ý tới lí do. “Anh không biết,” tôi nói, đặt tay lên hông em. “Thi thoảng chỉ vì chúng hài hước. Như trong Nội Chiến, một đại tướng tên Sedgwick đã nói, ‘Chúng không thể bắn trúng một con voi từ khoảng cách này’ và rồi ổng bị bắn.” Em bật cười. “Nhưng phần lớn thời gian, con người chết theo cách họ đã sống. Và những lời trắng trối cho anh biết rất nhiều về họ lúc sinh thời, và tại sao họ trở thành những nhân vật được người khác viết tiểu sử. Em hiểu không?”

“Vâng,” em đáp.

“Vâng?” Chỉ vâng thôi sao?

“Vâng,” em nói, rồi quay lại đọc sách.

Tôi không biết phải nói chuyện với em thế nào. Và tôi khó chịu với việc cố gắng, nên sau một lúc, tôi đứng dậy rời đi.

Tôi hôn em chào tạm biệt. Tôi có thể làm thế, ít nhất là vậy.

Tối hôm ấy, Đại Tá và tôi tới phòng Alaska để ăn mừng chiến thắng Đêm Chuồng Bò. Cô ấy và Đại Tá đã ăn mừng khá bộn suốt mấy ngày qua, và tôi không có hứng nốc rượu Strawberry Hill, nên tôi ngồi nhai bánh quy cây trong lúc Alaska và Đại Tá uống rượu từ ly giấy có hình bông hoa.

“Tối nay chúng ta không từ chai, cưng ạ,” Đại Tá nói. “Chúng ta phải sang chảnh hơn!”

“Đây là cuộc thi uống rượu kiểu miền Nam cổ xưa,” Alaska đáp lại. “Chúng ta sẽ đãi Bé Bự một bữa tối đúng kiểu miền Nam: Chúng ta sẽ uống hết ly giấy này đến ly giấy khác đến khi người uống ít hơn thua.”

Và đây đại khái là những gì họ đã làm, chỉ dừng lại để tắt đèn lúc 11:00 để Đại Bàng khởi ghé qua. Họ trò chuyện chút đỉnh, nhưng hầu như là nốc rượu, và tôi quên luôn đoạn đối thoại rồi nheo mắt nhìn xuyên đêm, dòm mấy cái gáy sách trong Thư Viện Cuộc Đời của Alaska. Kể cả khi bỏ đi những cuốn cô ấy đã mất trong trận lụt nhỏ, tôi vẫn có thể thức tới sáng để đọc qua hàng đống tựa chất ngẫu nhiên. Một tá bông tulip trắng trong bình hoa bằng nhựa được đặt bừa trên một trong những chõng sách, và khi tôi hỏi, cô ấy chỉ nói, “Ngày kỉ niệm của Jake và mình,” và tôi không thèm tiếp tục chủ đề ấy nữa, nên trở lại dòm tựa sách, và tôi đang tự hỏi mình có nên học lời trăng trối của Edgar Allan Poe không (nói cho bạn biết: “Chúa cứu rỗi linh hồn tội nghiệp của tôi”) thì Alaska nói, “Bé Bự thậm chí còn không nghe chúng ta.”

Và tôi đáp. “Mình đang nghe đây.”

“Chúng mình nói về Nói Thật hay Thách Đố. Hồi lớp bảy cậu chơi chán rồi hay vẫn có hứng?”

“Chưa bao giờ chơi qua,” tôi nói. “Hồi lớp bảy mình không có bạn.”

“A, vậy chốt luôn!” cô ấy hét lên, hơi lớn tiếng so với việc trời đã khuya và cũng so với việc cô ấy đang uống rượu công khai trong phòng. “Nói Thật hay Thách Đố!” “Được rồi,” tôi đồng ý, “nhưng mình không hôn Đại Tá đâu đấy.”

Đại Tá ngồi sụp xuống một góc tường. “Không hôn được. Xin quá rồi.”

Alaska bắt đầu. “Nói Thật hay Thách Đố, Bé Bự.” “Thách đố.”

“Lại hôn mình nào.”

Nên tôi làm theo.

Nhanh gọn lẹ. Tôi bật cười, hơi bối rối, và cô ấy ngả người về trước rồi nghiêng đầu sang bên, và chúng tôi hôn nhau. Không một lớp vải giữa chúng tôi. Lưỡi chúng tôi quấn quít trong miệng người kia đến khi không còn là miệng của cô ấy hay miệng của tôi mà là miệng của chúng tôi dán chặt vào nhau. Cô ấy có vị thuốc lá và Mountain Dew và rượu và son dưỡng Chap Stick. Tay cô ấy ôm lấy mặt tôi và tôi cảm thấy những ngón tay mềm mại của cô ấy đang lướt dọc quai hàm tôi. Chúng tôi nằm xuống trong lúc hôn nhau. Alaska đè trên người tôi, và tôi bắt đầu cử động bén dưới cô ấy. Tôi tách ra một lúc để nói, “Chuyện gì đang diễn ra thế?” và cô ấy đặt một ngón tay lên môi và chúng tôi hôn nhau lần nữa. Một bàn tay nắm lấy tay tôi và Alaska đặt nó lên bụng cô ấy. Tôi di chuyển chậm rãi ở trên và cô ấy oằn lưng một cách dẻo dai bên dưới tôi.

Tôi lại tách ra. “Còn Lara thì sao? Jake?” Một lần nữa, Alaska *suyt* tôi. “Ít lưỡi, nhiều môi,” cô ấy nói, và tôi cố hết sức. Tôi tưởng dùng lưỡi là trọng điểm, nhưng cô ấy mới là chuyên gia.

“Lạy Chúa,” Đại Tá nói khá to. “Quái vật hắc ám, rắc rối, đang tới gần. ’

Nhưng chúng tôi không để tâm. Alaska kéo tay tôi từ hông lên ngực, và tôi cẩn thận rờ rẫm, vuốt ve quanh vùng ngực rồi ôm lấy một bên, bóp nhẹ. “Cậu giỏi lắm,” cô ấy thì thầm. Môi cô ấy chưa từng rời tôi trong lúc nói chuyện. Chúng tôi di chuyển cùng nhau, người tôi kẹp giữa hai chân cô ấy.

“Vui thật đấy,” Alaska thì thầm,” nhưng mình buồn ngủ quá. Lần sau tiếp tục nhé?” cô ấy hôn tôi thêm một lúc, tôi rướn môi cố áp sát vào miệng cô, và rồi cô ấy cựa cựa ở bên dưới tôi, gác đầu lên ngực tôi, và thiếp đi ngay lập tức.

Chúng tôi đã không làm tình. Chúng tôi đã không khoả thân. Tôi đã không chạm vào bộ ngực trần của cô ấy, và tay cô ấy chưa bao giờ đưa xuống quá eo tôi. Chẳng còn quan trọng nữa. Trong lúc Alaska ngủ, tôi thì thầm, “Mình yêu cậu, Alaska Young.”

Khi tôi sắp thiếp đi, Đại Tá cất tiếng. “Ê, mà y vừa ân ái với Alaska à?”

“Ờ.”

“Chuyện này sẽ kết thúc tệ lắm,” gã tự nói với bản thân.

Rồi tôi chìm vào giấc ngủ. Giấc ngủ say vẫn-còn-dư-vị-của-cô-ấy-trong-miệng, giấc ngủ không hẳn yên bình nhưng đồng thời cũng khó tỉnh giấc. Và rồi tôi nghe điện thoại reng, tôi nghĩ vậy. Và tôi nghĩ, dù tôi không biết rõ, tôi đã thấy Alaska ngồi dậy. Tôi nghĩ mình nghe tiếng cô ấy rời đi. Tôi nghĩ thế. Cô ấy đi bao lâu thì không rõ.

Nhưng rồi cả Đại Tá và tôi đều tỉnh ngủ khi cô ấy trở lại, không cần biết lúc nào, vì cô ấy đã sập cửa. Alaska khóc nức nở, như buổi sáng sau Lễ Tạ ơn nhưng tệ hơn.

“Mình phải ra khỏi đây!” Cô ấy hét lên.

“Chuyện gì vậy?” Tôi hỏi.

“Mình quên mất! Chúa ơi, mình còn làm hỏng chuyện bao nhiêu lần nữa đây?” cô ấy bảo. Tôi thậm chí còn không có thời gian để thắc mắc cô đã quên gì trước khi có gào to, “MÌNH PHẢI ĐI. GIÚP MÌNH RA KHỎI ĐÂY NGAY!”

“Cậu cần đi đâu?”

Alaska ngồi xuống và vùi đầu vào giữa hai chân, khóc tức tưởi. “Cậu chỉ cần đánh lạc hướng Đại Bàng ngay bây giờ để mình chuồn đi thôi. Hai cậu làm ơn.”

Đại Tá và tôi, cùng một lúc, cảm thấy tội lỗi, đồng loạt trả lời, “Được rồi.”

“Nhớ đừng bật đèn,” Đại Tá nói. “Chỉ cần lái thật chậm và đừng bật đèn. Cậu có chắc là mình ổn không?”

“Chết tiệt,” cô ấy thốt lên. “Cậu chỉ việc xử lí Đại Bàng cho mình là được,” cô ấy nói, lại nửa nức nở nửa gào thét kiểu con nít. “Chúa ơi, ôi Chúa ơi, mình thật sự xin lỗi.”

“Được,” Đại Tá nói. “Rồ máy xe khi cậu nghe tiếng pháo thứ hai.”

Chúng tôi rời đi.

Chúng tôi đã không nói: *Đừng lái xe. Cậu đang say.*

Chúng tôi đã không nói: *Chúng mình sẽ không để cậu chui vào cái xe đó khi đang hoảng loạn đâu.*

Chúng tôi đã không nói: *Chuyện này có thể chờ tới ngày mai. Bất cứ chuyện gì—tất cả mọi chuyện đều có thể chờ.*

Chúng tôi đi về phòng tắm, chộp lấy ba dải pháo còn thừa từ bên dưới bồn rửa mặt, và chạy đến nhà Đại Bàng. Hai thằng tôi không chắc trò này còn hiệu nghiệm hay không.

Nhưng nó vẫn xài được. Đại Bàng lao ra khỏi nhà ngay sau khi dải pháo thứ nhất bắt đầu nổ, ông đang chờ chúng tôi, tôi đoán thế và chúng tôi chạy về phía rừng cây và dụ ống vào đủ sâu để không nghe thấy cô ấy lái xe đi. Đại Tá và tôi vòng ngược lại, lội qua con lạch để tiết kiệm thời gian, trèo vô cửa sổ phía sau Phòng 43, và ngủ như những đứa trẻ.

sau đó

ngày hôm sau

ĐẠI TÁ NGŨ một giấc trần trọc vì say xỉn, và tôi nằm ngửa trên giường tầng dưới, bờ môi râm ran và rùng rục như vẫn còn hôn, và chúng tôi sẽ ngủ qua giờ học buổi sáng nếu Đại Bàng không đánh thức chúng tôi dậy vào lúc 8:00 với ba tiếng gõ cửa dồn dập. Tôi lăn qua lúc ông mở cửa, và ánh sáng tràn vào phòng.

“Các trò cần đến phòng thể dục ngay,” ông nói. Tôi nheo mắt nhìn về phía ông, cả người Đại Bàng hóa thành vô hình bởi ánh nắng mặt trời gay gắt từ phía sau. “Ngay bây giờ,” ông thêm vào, và tôi đã hiểu. Chúng tôi xong đời rồi. Bị bắt quả tang. Quá nhiều vi phạm. Uống quá nhiều rượu trong quãng thời gian quá ngắn. Tại sao tối qua họ lại uống chứ? Và rồi tôi ném được hương vị của cô ấy lần nữa, rượu và khói thuốc lá và son dưỡng và Alaska, và tôi tự hỏi liệu có phải có hôn tôi chỉ vì say. *Đừng trực xuất tôi, tôi nghĩ. Đừng. Tôi vừa mới bắt đầu hôn cô ấy thôi.*

Và như thế đáp lại lời nguyện cầu của tôi, Đại Bàng nói, “Các trò không gặp rắc rối gì hết. Nhưng các trò cần phải đến phòng thể dục ngay bây giờ.”

Tôi nghe tiếng Đại Tá trở người ở phía trên. “Chuyện gì thế ạ?”

“Một chuyện khủng khiếp đã xảy ra,” Đại Bàng đáp, rồi đóng cửa.

Trong lúc chộp lấy một chiếc quần jean nằm trên sàn, Đại Tá nói, “Mấy năm trước một việc tương tự đã diễn ra. Hôn vợ của Tiến sĩ Hyde chết. Tao đoán giờ người chết là Ông Già. Ông lão đáng thương đúng là không còn mấy hơi thở.” Gã nhìn tôi, đôi mắt hé nửa đỏ lè, và ngáp.

“Mày nhìn hơi vạ vật đấy,” tôi để ý.

Gã nhắm mắt lại. “Ờ, thế thì tao giả vờ giỏi phết, Bé Bự ạ, vì tao đang choáng váng mặt mày đây.”

“Tao đã hôn Alaska.”

“Ờ. Tao không có xin đến thế. Đi thôi.”

Chúng tôi băng qua kí túc xá đến phòng thể dục. Tôi thấy có đứa mặc quần thụng, đứa mặc áo len không kèm sơ-mi bên trong, và một đứa mới

ngủ dậy tóc tai bù xù. Tất cả giáo viên đều đến gõ cửa trong kí túc xá, nhưng tôi không thấy Tiến Sĩ Hyde. Tôi tưởng tượng ông nằm chết trong nhà, tự hỏi ai đã tìm thấy ông, sao họ biết ông mất tích thậm chí trước khi ông không đến dạy.

“Tôi không thấy Tiến sĩ Hyde,” tôi bảo Đại Tá.

“Ông già tội nghiệp.”

Lúc chúng tôi đến, phòng thể dục đã đông quá nửa. Một bục giảng đã được đặt giữa sân đấu bóng rổ, gần hàng ghế khán giả. Tôi ngồi ở hàng sau, với Đại Tá ở ngay phía trước. Tâm trí tôi giằng xé giữa tiếc thương dành cho Tiến sĩ Hyde và nôn nao đối với Alaska, nhớ đến đôi môi cô ấy thì thầm ở thật gần, “Lần sau tiếp tục nhé?”

Và tôi đã không nghĩ tới nó, kể cả khi Tiến sĩ Hyde lết vào phòng thể dục, đi từng bước nhỏ chậm chạp về phía Đại Tá và tôi.

Tôi gõ vai Đại Tá và nói, “Tiến sĩ Hyde đến kìa,” và Đại Tá bảo, “Ôi chết tiệt,” và tôi nói, “Cái gì?” và gã hỏi, “Alaska đâu rồi?” và tôi đáp, “Không,” và gã lại hỏi, “Bé Bự, nó có ở đây hay không?” và rồi cả hai chúng tôi đều đứng lên để lướt mắt qua những gương mặt trong phòng.

Đại Bàng đi đến chỗ bục giảng và nói, “Tất cả có mặt hết rồi chứ?”

“Không,” tôi bảo ông. “Alaska chưa tới.”

Đại Bàng nhìn xuống. “Tất cả có mặt hết rồi chứ?” “Alaska chưa tới!”

“Được rồi, Miles. Cảm ơn em.”

“Chúng ta không thể bắt đầu mà thiếu Alaska.”

Đại Bàng nhìn thẳng vào tôi. Ông đang khóc, một cách lặng lẽ. Nước mắt chỉ chảy từ mắt xuống cằm và rồi rớt xuống cái quần nhung kẻ của ông. Ông nhìn tôi chăm chăm, nhưng không phải Ánh Nhìn Kết Tội. Ông chớp mắt để nước chảy xuống mặt, Đại Bàng trông như, với vẻ rất chân thành, đang tiếc thương.

“Xin thầy,” tôi van vỉ. “Thầy làm ơn chờ Alaska được không?” tôi cảm nhận được mọi người đang nhìn mình chăm chú, cố hiểu ra chuyện tôi vừa biết, nhưng không tin nổi.

Đại Bàng cúi đầu và cắn môi dưới. “Đêm qua, Alaska Young đã gặp phải một tai nạn thảm khốc.” Đoạn nước mắt ổng rơi lã chã. “Và trò ấy đã tử vong. Alaska đã qua đời.”

Trong một thoáng, tất cả những người ở trong phòng thể dục đều im lặng, và nơi này chưa bao giờ lắng đọng đến thế, kể cả trước khi đối thủ bị Đại Tá nhạo báng đứng trước vạch ném phạt. Tôi nhìn chăm chập vào sau gáy của Đại Tá. Tôi chỉ nhìn, nhìn mái tóc rậm rịt và bù xù của gã. Trong một thoáng, xung quanh im lặng đến mức bạn có thể nghe âm thanh chẳng-phải-tiếng-thở, tiếng máy hút bụi do 190 học sinh bị sốc tới bất động.

Tôi nghĩ: *Tất cả là lỗi của mình.*

Tôi nghĩ: *Tôi thấy không được khỏe.*

Tôi nghĩ: *Tôi sẽ nôn.*

Tôi đứng dậy và chạy ra ngoài. Tôi đến được chỗ thùng rác bên ngoài phòng thể dục, cách cánh cửa đôi chừng một mét rưỡi, và nôn thốc nôn tháo trước những chai nước Gatorade và bánh hamburger McDonald’s ăn dở. Nhưng không có gì trào ra cả. Tôi chỉ thở dốc, cơ bụng của tôi thít chặt và tôi há họng và thốt lên tiếng ủa tận họng, lặ đi lặ lại qui trình ói mửa. Giữa những tiếng nôn và ho, tôi hít vào thật sâu. Môi của cô ấy. Bờ môi lạnh lẽo, đã chết của cô ấy. Lần sau không tiếp tục. Tôi biết cô ấy say. Hoảng loạn. Rõ ràng bạn không thể để một người say và hoảng loạn lái xe. *Rõ ràng.* Và lạ Chúa, Miles, mà bị cái quái gì vậy? Và rồi, cuối cùng tôi cũng nôn, tóe hết vào thùng rác. Đây là tất cả dư vị của cô ấy còn trong miệng tôi, đã trôi vào thùng rác. Và lại nôn, nhiều hơn và được rồi, bình tĩnh đi, được rồi, nghiêm túc đấy. Cô ấy chưa chết.

Cô ấy chưa chết. Cô ấy còn sống. Cô ấy còn sống ở đâu đó. Cô ấy ở trong rừng cây. Alaska đang trốn trong rừng cây và có ấy chưa chết, cô ấy chỉ đang trốn thôi. Cô ấy chỉ bày trò với tất cả chúng tôi. Đây chỉ là Trò Đùa

Thiên Tài Của Alaska Young. Là Alaska như mọi khi, vui tính và láu cá và không biết lúc nào và làm sao để dừng lại.

Và rồi tôi cảm thấy khá hơn rất nhiều, vì cô ấy vẫn chưa chết.

Tôi quay trở lại phòng thể dục, và mọi người dường như đang ở nhiều trạng thái rã rời. Như một thứ bạn xem trên TV, như chuyên mục đặc biệt về nghi thức an táng của kênh Địa lí Quốc gia. Tôi thấy Takumi đứng cạnh Lara, tay cậu ta đặt trên vai em. Tôi thấy Kevin với quả tóc húi cua, đầu vùi vào gối. Một cô nàng tên Molly Tan, học toán học dự bị với chúng tôi, đang gào khóc, đập nắm tay lên đùi. Tất cả những người tôi đại khái biết qua hoặc không, và tất cả bọn họ đều đau buồn, và rồi tôi nhìn thấy Đại Tá, gã ôm gối vào lòng, nằm nghiêng trên băng ghế, Madame O'Malley ngồi kế gã, vươn tay về phía vai gã nhưng không chạm hẳn vào. Đại Tá đang hét lên. Gã sẽ hít vào, rồi hét. Hít. Hét. Hít. Hét.

Ban đầu, tôi nghĩ rằng đấy chỉ là tiếng la. Nhưng sau vài nhịp thở, tôi nhận ra một âm điệu. Và sau vài nhịp nữa, tôi nhận ra Đại Tá đang nói gì đó. Gã đang hét lên, “Tôi thành thật xin lỗi.”

Madame O'Malley nắm lấy tay gã. “Em không việc gì phải xin lỗi, Chip ạ. Em không thể làm gì hết.” Nhưng giá như bà biết.

Và tôi chỉ đứng đó, nhìn cảnh tượng trước mặt, nghĩ về chuyện cô ấy chưa chết, và tôi thấy một bàn tay đặt lên vai tôi và tôi quay lại nhìn Đại Bàng, và tôi bảo, “Em nghĩ cô ấy đang bày ra một trò chơi ngu ngốc,” và ông nói, “Không, Miles, không đâu, tôi rất tiếc,” và tôi nhận ra hai má mình đang nóng lên và nói, “Cô ấy rất giỏi. Cô ấy làm được,” và ông đáp, “Tôi đã nhìn thấy trò ấy. Tôi xin lỗi.”

“Chuyện gì đã xảy ra?”

“Có người đốt pháo trong rừng,” ông nói, và tôi nhắm nghiền mắt, sự thật không tránh khỏi trong bi kịch này: Tôi đã giết cô ấy. “Tôi đuổi theo họ, và tôi đoán trò ấy đã lái xe khỏi trường. Lúc đó trễ rồi. Alaska lái trên cao tốc I-65 xuống phía nam thị trấn. Có một chiếc xe tải lớn chở hàng chặn cả hai làn đường. Xe cảnh sát vừa mới đến hiện trường. Trò ấy tông thẳng vào xe tuần

tra mà không bẻ lái. Tôi tin rằng Alaska đã rất say. Cảnh sát nói họ người thấy mùi rượu.”

“Làm sao thầy biết?” tôi hỏi.

“Tôi đã thấy trò ấy, Miles. Tôi đã nói chuyện với cảnh sát. Đây là cái chết tức thời. Ngực trò ấy đập vào vô-lãng. Tôi rất tiếc.”

Và tôi nói, thầy đã thấy cô ấy và ông bảo ừ và tôi hỏi cô ấy trông thế nào và ông bảo, chỉ có chút máu chảy ra từ mũi, và tôi ngồi xuống sàn phòng thể dục. Tôi nghe thấy tiếng Đại Tá đang la hét, và tôi cảm thấy mấy bàn tay đặt trên lưng lúc chú người về trước, nhưng tôi chỉ nhìn thấy cô ấy trần truồng nằm trên một cái bàn kim loại, một dòng máu nhỏ chạy khỏi chiếc mũi mang hình nửa giọt nước, đôi mắt xanh mở to, nhìn về xa xăm, khóe miệng cô ấy cong lên vừa đủ để phảng phất một nụ cười, và cô ấy đã rất ấm khi ôm tôi, bờ môi mềm mại và nóng hổi kề sát miệng tôi.

Đại Tá và tôi trở lại phòng mình trong im lặng. Tôi đang nhìn chăm chăm mặt đất bên dưới mình. Tôi không thể ngưng nghĩ rằng cô ấy đã chết, và tôi không thể ngưng nghĩ rằng cô ấy không thể chết. Người ta không chết dễ như thế. Tôi không thở được. Tôi thấy sợ, như ai đó vừa nói rằng họ sẽ đuổi đánh tôi sau khi tan học và giờ đã là tiết thứ sáu và tôi biết rõ điều gì đang đến. Hôm nay thật lạnh, lạnh như muốn đóng băng và tôi tưởng tượng mình chạy tới chỗ con lạch và cắm đầu nhảy xuống, nó nông đến nỗi đá cửa vào tay tôi và toàn thân tôi chìm vào nước lạnh, giá băng bất chợt chuyển sang tê dại, và tôi sẽ ở yên đó, trôi cùng dòng chảy xuống con sông Cahaba, rồi tới sông Alabama, rồi tới Vịnh Mobile và Vực Thẳm Mexico.

Tôi muốn tan vào bãi cỏ nâu giòn rụm mà Đại Tá và tôi đã giẫm lên trong lúc lặng lẽ đi về phòng. Chân gã thật lớn, quá lớn cho thân hình thấp bé của gã, và đôi giày tennis mới cáu gã mang từ khi đôi cũ bị tè vào trong gần giống giày của một thằng hề. Tôi nghĩ đến đôi dép xỏ ngón dính trên những ngón chân xanh của Alaska khi chúng tôi dùng đưa trên xích đu bằng gỗ cạnh bờ hồ. Quan tài sẽ mở nắp chứ? Chuyên gia trang điểm xác chết có tái

tạo được nụ cười của cô ấy không? Tôi vẫn nghe thấy Alaska nói: “Vui thật đấy, nhưng mình buồn ngủ quá. Lần sau tiếp tục nhé?”

Lời trăng trối của nhà truyền giáo ở thế kỉ mười chín Henry Ward Beecher là “Giờ sẽ đến phần bí ẩn.” Thi sĩ Dylan Thomas, thích uống rượu ngon, ít nhất là, giống như Alaska, đã nói, “Ta đã uống một mạch mười tám ly whiskey. Ta tin rằng đây là kỉ lục,” trước khi chết. Nhà soạn kịch yêu thích của Alaska, Eugene O’Neil: “Sinh ra trong phòng khách sạn, và—Chết tiệt—chết đi trong phòng khách sạn.” Thậm chí những người chết vì tai nạn giao thông thi thoảng cũng có lời trăng trối. Công nương Diana đã nói, “Ôi lạy Chúa. Chuyện gì xảy ra vậy?” Siêu sao điện ảnh James Dean thì bảo, “Họ phải thấy chúng ta,” trước khi tông chiếc Porsche của ông vào một cái xe khác. Tôi biết rất nhiều lời trăng trối. Nhưng tôi sẽ không bao giờ biết được lời trăng trối của cô ấy.

Tôi đi vượt gã vài bước trước khi nhận ra Đại Tá đã ngã xuống. Tôi quay lại, và gã đang nằm sấp. “Chúng ta phải đứng dậy, Chip. Chúng ta phải đứng dậy. Chúng ta chỉ cần về phòng thôi.”

Đại Tá trở mặt ở dưới đất và nhìn thẳng vào mắt tôi rồi nói, “Tao. Không. Thở. Được.”

Nhưng gã thở được, và tôi biết điều này vì gã đang thở gấp, gã thở như muốn thổi không khí vào người chết. Tôi đỡ gã dậy, và gã ôm lấy tôi và bắt đầu nức nở, lặp lại, “Tôi thành thật xin lỗi,” hết lần này đến lần khác. Trước đó chúng tôi chưa bao giờ ôm nhau, tôi và Đại Tá, và tôi không có gì để nói, vì gã đúng là phải xin lỗi, và tôi chỉ đặt tay lên phía sau đầu gã và nói sự thật duy nhất. “Tao cũng xin lỗi.”

hai ngày sau

ĐÊM ĐÓ TÔI KHÔNG NGỦ. Bình minh đến chậm, và kể cả khi nó đã đến, ánh nắng chiếu rọi qua bức màn và luồng bức xạ heo hắt vẫn không

thể sưởi ấm chúng tôi, nên Đại Tá và tôi lặng lẽ ngồi trên sofa. Gã đọc cuốn niên giám.

Đêm trước đó, tôi đã cố chịu lạnh để gọi cho cha mẹ, và lần này khi tôi nói, “A-lô, là con Miles đây,” và mẹ tôi trả lời “Chuyện gì vậy? Mọi thứ ổn chứ con?” thì tôi đồng dục trả lời bà rằng không, mọi thứ không ổn chút nào. Sau đó cha tôi liền cầm lấy ống nghe.

“Có chuyện gì thế con?” ông hỏi.

“Anh đừng hét,” mẹ tôi nói.

“Anh không hét; là cái điện thoại thôi.”

“Thì nói nhỏ tiếng lại,” mẹ bảo, và tôi mất một lúc mới mở được miệng, và khi mở miệng, tôi phải mất một lúc mới có thể sắp xếp thành câu, bạn của con Alaska đã chết vì tai nạn xe hơi. Tôi nhìn chăm chăm vào những dây số và tin nhắn viết nguệch ngoạc trên bức tường cạnh bộ điện thoại.

“Ôi, Miles,” mẹ nói. “Mẹ rất tiếc. Con muốn về nhà không?”

“Không,” tôi đáp. “Con muốn ở lại đây... con không tin được,” vốn đúng một phần.

“Kinh khủng quá,” cha tôi nói. “Tội nghiệp bố mẹ con bé.” *Tội nghiệp bố cô ấy*, tôi nghĩ, và tự hỏi về bố cô ấy. Tôi thậm chí còn không tưởng tượng nổi cha mẹ sẽ thế nào nếu tôi chết. Say rượu lái xe. Chúa ơi, nếu bố cô ấy phát hiện, ông sẽ mổ bụng Đại Tá và tôi.

“Chúng ta có thể làm gì cho con bây giờ?” mẹ tôi hỏi.

“Con chỉ cần mẹ bắt máy. Con chỉ cần mẹ trả lời điện thoại, và mẹ đã làm.” Tôi nghe có tiếng sột sột phía sau vì lạnh hay thương tiếc, tôi không biết nữa và nói với cha mẹ. “Có người đang đợi điện thoại. Con phải đi đây.”

Cả đêm, tôi sững sờ đến cảm lạnh, khiếp sợ tột cùng. Mà tôi sợ cái gì chứ? Chuyện đó đã xảy ra. Cô ấy đã chết. Cô ấy ấm áp và mềm mại khi ôm tôi, lưỡi của tôi đặt trong miệng cô ấy, và cô ấy đang cười, cố dạy cho tôi, giúp tôi tiến bộ hơn, hứa sẽ có lần sau. Và giờ.

Và giờ cô ấy lạnh lẽo hơn từng giờ, chết dần mòn theo từng hơi tôi thở. Tôi nghĩ: *Đấy là nỗi SỢ: Mình đã đánh mất một thứ quan trọng, và mình không thể tìm thấy nó, và mình cần nó. Nó là nỗi sợ như một người mất kính và đến tiệm kính và họ bảo anh ta rằng toàn thế giới đã hết kính và anh ta phải chịu thôi.*

Trước tám giờ sáng một chút, Đại Tá tuyên bố vu vơ, “Tao nghĩ trưa hôm nay có món burri-chiên.”

“Ờ, tôi nói. “Mày đói không?”

“Quý thần ơi, không. Nhưng Alaska đã đặt tên cho chúng, mày biết đấy. Lúc tụi tao mới đến đây chúng được gọi là burrito chiên giòn, và Alaska bắt đầu gọi chúng là burri-chiên, và mọi người làm theo, và rồi cuối cùng Maureen chính thức đổi tên món.” Gã khựng lại. “Tao không biết phải làm gì hết, Miles.”

“Ừa, tao biết.”

“Tao học thuộc tên thủ đô rồi,” gã nói.

“Của các tỉnh bang?”

“Không. Đấy là hồi lớp năm. Của các quốc gia. Đọc tên một nước đi.”

“Canada,” tôi nói.

“Nước nào khó hơn chút.”

“Ừm. Uzbekistan?”

“Tashkent.” Gã thậm chí còn không mất thời gian suy nghĩ. Nó ở đó, ngay đầu lưỡi của gã, nhưng thế gã đã đợi tôi nói “Uzbekistan” từ nãy đến giờ. “Hút thuốc thôi.”

Chúng tôi đi tới phòng tắm và bật vòi sen, và Đại Tá lôi ra một hộp diêm từ túi quần và quẹt một que lên giấy đánh lửa. Nó không sáng. Lần nữa, gã thử và thất bại, và lần nữa, đập vào giấy đánh lửa với cơn giận tăng cao cho đến khi gã quăng bẹp đồng diêm xuống sàn và hét, “QUỶ THA MA BẮT!”

“Không sao,” tôi nói, dứt tay vào túi tìm hộp quẹt.

“Không, Bé Bự, không hề,” gã nói, ném điếu thuốc xuống và đứng dậy, nổi nóng bất tử. “Quý tha ma bắt! Chúa ơi, sao chuyện này lại xảy ra? Sao nó có thể ngu như thế! Nó chẳng bao giờ suy nghĩ cái gì. Bốc đồng quá đáng. Chúa ơi. Không ổn chút nào. Tao không tin được là nó *ngu* đến vậy!”

“Đáng ra chúng ta nên ngăn cô ấy,” tôi nói.

Gã vươn tay vào buồng tắm để tắt vòi nước nhỏ giọt và rồi đập lòng bàn tay lên tường gạch. “Ừ, tao biết chúng ta nên ngăn nó lại, chết tiệt. Tao chắc như đinh đóng cột là chúng ta nên ngăn nó lại. Nhưng chúng ta không cần phải làm thế. Mà phải theo dõi nó như một đứa nhỏ ba tuổi. Mà làm sai một thứ, và rồi nó chết luôn. Khi gió! Tao không chịu nổi. Tao đi dạo đây.”

“Được,” tôi trả lời, cố giữ giọng bình tĩnh.

“Tao xin lỗi,” gã nói. “Tao bức xúc quá. Tao cảm thấy mình sẽ chết.”

“Có thể,” tôi đáp.

“Phải. Phải. Biết đâu được. Mà đâu thể ngờ. Nó chỉ. Như là. *BÙM*. Và mà biến mất.”

Tôi theo gã vào phòng. Gã chộp lấy cuốn niên giám trên giường, kéo khóa áo khoác, đóng cửa, và *BÙM*. Gã biến mất.

Buổi sáng đầy khách. Một tiếng sau khi Đại Tá rời đi, con nghiện thường trú Hank Walsten ghé qua để cho tôi chút cỏ, và tôi nhã nhặn từ chối. Hank ôm tôi và nói, “Ít nhất nó chết liền. Ít nhất là không đau đớn gì.”

Tôi biết anh ta chỉ đang cố an ủi tôi, nhưng anh ta không hiểu. Đau đớn chứ. Một nỗi đau nhức nhối vô tận trong ruột gan mãi không rút đi kể cả khi tôi quì trên sàn phòng tắm lạnh cóng, liên tiếp nôn khan.

Và chết “liền” là gì? Liền là bao lâu? Một giây? Mười? Đau đớn trong những giây đó hẳn đã rất tồi tệ khi trái tim cô ấy vỡ tung và lá phổi vụn vỡ và không còn không khí và máu dồn lên não và chỉ còn hoảng loạn tột cùng. *Liền* là cái quái gì? Không có gì xảy ra liền hết. Cơm ăn liền nấu mất năm phút, bánh flan ăn liền mất cả tiếng. Tôi không nghĩ nỗi đau buốt xương xảy ra liền lại có cảm giác chóng vánh tức thời.

Có đủ thời gian để cả cuộc đời hiện ra trước mắt cô ấy không? Tôi có ở đây không? Jake có không? Và cô ấy đã hứa, tôi nhớ, cô ấy đã hứa sẽ tiếp tục, nhưng tôi cũng biết, rằng cô ấy đang lái về phía bắc khi qua đồi, phía bắc đến Nashville, đến với Jake. Biết đâu nó chẳng có nghĩa lí gì với cô ấy, chẳng là gì ngoài một phút bốc đồng nông nổi khác. Và trong lúc Hank đứng ở cửa, tôi chỉ nhìn ra phía sau anh ta, qua kí túc xá quá-văng-lặng, thầm hỏi liệu tôi có quan trọng với cô ấy không, và tôi chỉ có thể tự trả lời rằng có, dĩ nhiên, cô ấy đã hứa. Lần sau tiếp tục.

Tiếp theo là Lara, mắt em nặng trĩu vì sưng phòng. “Chuyện gì vậy anh?” em hỏi trong lúc tôi ôm em, nhón chân để gác cằm lên đầu em.

“Anh không biết,” tôi nói.

“Tối hôm đó anh có *gặp* chị ấy không?” em hỏi, nói vào xương quai xanh của tôi.

“Cô ấy uống say,” tôi bảo em. “Đại Tá và anh đi ngủ, và anh đoán cô ấy đã lái xe khỏi trường.” Và đây trở thành lời nói dối cơ bản.

Tôi cảm thấy những ngón tay của Lara, ướt đẫm vì nước mắt, ép sát vào lòng bàn tay tôi, và trước khi tôi kịp suy nghĩ, tôi đã rút tay ra. “Anh xin lỗi,” tôi nói.

“Không *chao* đâu,” em ấy nói. “Em sẽ ở trong phòng *níu* anh muốn ghé qua.” Tôi đã không ghé qua. Tôi không biết phải nói gì với em, tôi đang kẹt trong một mối tình tay ba với một người đã chết.

Trưa hôm ấy, chúng tôi lại đến phòng thể dục lần nữa để họp mặt toàn thị trấn. Đại Bàng tuyên bố cả trường sẽ thuê xe buýt vào Chủ Nhật để đến dự đám tang ở Trạm Vine. Trong lúc đứng lên rời đi, tôi nhận ra Takumi và Lara đi về phía mình. Lara bắt gặp ánh mắt tôi và mỉm cười uể oải. Tôi cười đáp lại, nhưng ngay lập tức quay đi và giấu mình vào đám đông thương tiếc đang rời khỏi phòng.

Tôi đang ngủ, và Alaska bay vào phòng. Cô ấy khóa thân, và toàn vẹn. Ngực cô ấy, mà tôi chỉ được rờ rẫm thoáng qua trong bóng tối, căng tràn sức sống trong lúc trĩu xuống từ người cô. Cô ấy lơ lửng phía trên tôi vài phân,

hơi thở ấm nóng và ngọt ngào phả trên mặt tôi như gió thổi qua những ngọn cỏ cao.

“Chào,” tôi nói. “Mình nhớ cậu.”

“Trông cậu tuyệt lắm, Bé Bự.”

“Cậu cũng thế.”

“Mình lỏa thể quá,” cô ấy nói, và bật cười. “Sao mình lỏa thể *như vậy*?”

“Mình chỉ muốn cậu ở lại,” tôi nói.

“Không,” Alaska đáp, và ngã sụp xuống người tôi, đè bẹp ngực tôi, làm tôi đứt thở, và cô ấy lạnh lẽo và ướt đẫm, như đá đang tan. Đầu cô ấy bị chèn ép, một chất nhầy đặc quánh màu hồng ứa ra từ vết nứt trên xương sọ và nhỏ xuống mặt tôi, và cô ấy hôi mùi formaldehyde và thịt thối rữa. Tôi nôn ọe và đẩy cô ấy ra khỏi người, hốt hoảng.

Tôi ngã xuống khi tỉnh dậy, và đập đất với một tiếng bịch trên sàn. Tạ ơn trời tôi nằm giường tầng dưới. Tôi đã ngủ mười bốn tiếng. Trời đã sáng. Thứ Tư, tôi nghĩ. Đám tang của cô ấy vào Chủ Nhật. Tôi tự hỏi liệu Đại Tá có về kịp lúc đó không, dù gã đang ở đâu. Gã *phải* trở về dự đám tang, vì tôi không thể đi một mình, và đi với ai khác ngoài Đại Tá cũng đi một mình.

Gió lạnh đập mạnh ngoài cửa, và hàng cây bên ngoài cửa sổ phía sau rung lắc dữ dội đến mức tôi nghe thấy chúng từ phòng mình, và tôi ngồi trên giường nghĩ đến Đại Tá đang ở đâu đó ngoài kia, đầu gã cúi xuống, hàm răng nghiến chặt, rồi đi về hướng gió.

bốn ngày sau

LÚC ĐÓ LÀ NĂM GIỜ SÁNG, tôi đang đọc tiểu sử của nhà thám hiểm Meriwether Lewis (cùng tiếng tăm của Clark) và cố giữ mình tỉnh táo thì cửa bật mở và Đại Tá bước vào.

Đôi tay trắng bệch của gã run rẩy, và cuốn niên giám gã cầm trong như một con rối đang nhảy mà không cần dây. “Mày lạnh không?” tôi hỏi.

Gã gật đầu, cởi giày thể thao, và trèo vào giường tầng dưới của tôi, kéo mền đắp kín người. Răng gã va lập cập như mã Morse.

“Chúa ơi. Mà không sao chứ?”

“Đỡ rồi. Ấm hơn,” gã nói. Một bàn tay nhợt nhạt nhỏ tí, ma quỷ xuất hiện từ bên dưới lớp mền. “Năm tay tao được không?”

“Được, nhưng chỉ thế thôi. Không hôn đâu.” Tấm mền bông rung lên cùng tràng cười của gã.

“Mày đã đi đâu?”

“Tao cuộc bộ tới Montevallo.”

“Bốn mươi dặm?!”

“Bốn mươi hai,” gã chỉnh lại. “Ờ. Bốn mươi hai dặm đi. Bốn mươi hai dặm về. Tám mươi hai dặm. Không. Tám mươi tư. Ờ. Tám mươi tư dặm trong bốn mươi lăm tiếng.”

“Có cái quái gì ở Montevallo?” tôi hỏi.

“Chả có gì. Tao chỉ đi đến khi lạnh cóng, và rồi tao quay lại.”

“Mày không ngủ hả?”

“Không! Mấy giấc mơ thật kinh khủng. Trong giấc mơ của tao, Alaska thậm chí còn không giống như bình thường nữa. Tao còn không nhớ nổi trông nó như thế nào.”

Tôi buông tay gã, lấy cuốn niên giám năm ngoái, và tìm thấy ảnh của cô ấy. Trong tấm hình đen trắng, Alaska mặc chiếc áo ba lỗ màu cam và quần đùi jean dài đến nửa cặp đùi thon gọn, cô ấy cười há to miệng trong lúc tay trái khóa chặt đầu Takumi. Tóc Alaska bung xõa khắp mặt, vừa đủ để che khuất hai gò má.

“Phải,” Đại Tá nói. “Ờ. Tao quá mệt mỏi vì nó cứ buồn bã vô cớ. Cái kiểu giận dữ và bóng gió về gánh nặng xiềng xích của bi kịch hay gì đó nhưng không bao giờ nói rõ chuyện gì, không bao giờ có cái *lí do* khi gió nào để buồn cả. Và tao chỉ nghĩ là mày cần phải có một *lí do*. Bạn gái tao đá tao nên

tao buồn. Tao bị bắt quả tang hút thuốc nên tao tức. Đầu tao nhức nên tao khó ở. Nó chưa bao giờ có *lí do*, Bé Bự ạ. Tao chỉ quá mệt vì phải chịu đựng mấy trò làm quá của nó. Và tao chỉ để nó đi. Lạ Chúa.”

Tính khí âm ươn của Alaska cũng làm tôi bực, đôi lần, nhưng không phải đêm đó. Đêm đó tôi để cô ấy đi vì cô ấy bảo tôi thế. Đơn giản như vậy đấy, và thật ngu ngốc làm sao.

Tay của Đại Tá thật nhỏ, và tôi siết chặt nó, cái lạnh từ gã truyền sang tôi và hơi ấm của tôi truyền sang gã. “Tao học hết dân số rồi,” gã nói.

“Uzbekistan.”

“Hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm mười chín.”

“Cameroon,” tôi nói, nhưng đã quá trễ. Gã đã say giấc, tay gã mềm oặt trong tay tôi. Tôi đặt nó trở lại dưới mền và trèo lên giường gã, ít nhất đêm nay tôi sẽ nằm giường trên. Tôi thiếp đi trong lúc lắng nghe nhịp thở chậm rãi, đều đặn của gã, tính ngoan bướng của gã cuối cùng cũng tan chảy dưới nhọc mệt khó qua.

sáu ngày sau

CHỦ NHẬT HÔM ẤY, tôi thức dậy sau ba tiếng ngủ và tắm tấp lần đầu tiên trong một thời gian dài. Tôi mặc bộ com-lê duy nhất tôi có. Tôi suýt đã không mang theo nó, nhưng mẹ tôi cứ khẳng khẳng rằng con sẽ không biết mình cần mặc com-lê khi nào, và đúng vậy.

Đại Tá không có com-lê, và với vóc người bẩm sinh của mình, gã không thể mượn được ai ở Creek, nên gã mặc quần tây đen và một cái áo sơ-mi xám.

“Chắc tao không thắt cà-vạt hồng hạc được rồi,” gã nói trong lúc mang vớ.

“Nó hơi sặc sỡ, đối với dịp này,” tôi đáp lại.

“Không thể thất nó đi xem opera,” Đại Tá nói, gần như mím cười. “Không thể thất nó đi dự đám tang. Không thể dùng nó để treo cổ tự tử. Nó hơi vô dụng, với một cái cà- vạt mà nói.” Tôi cho gã mượn cà-vạt.

Trường đã thuê xe buýt để chở học sinh về phía Bắc đến nhà của Alaska ở Trạm Vine, nhưng Lara, Đại Tá, Takumi và tôi lái đi trong chiếc SUV của Takumi, đi ngỗ sau để chúng tôi không phải lái qua nơi xảy ra tai nạn trên cao tốc. Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn khu ngoại ô ngổn ngang vây quanh Birmingham dần chuyển thành triền dốc thoải thoải và những cánh đồng phía bắc Alabama.

Ở ghế trước, Takumi kể Lara nghe về chuyện Alaska bị bóp ngực hồi hè, và Lara bật cười. Đây là lần đầu tiên tôi gặp cô ấy, và giờ chúng tôi đang đến gặp cô ấy lần cuối. Hơn tất cả mọi thứ, tôi cảm thấy thật bất công, sự bất công khó cãi khi yêu một người đã có thể đáp lại bạn nhưng không được vì đã chết, và rồi tôi ngả về phía trước, trán áp lên phía sau đệm gối đầu của Takumi, và tôi bật khóc, rên rỉ không ngừng, và tôi thậm chí còn chẳng cảm thấy buồn cho bằng đau đớn. Đau lắm, và đây không phải lời nói văn hoa. Tôi đau như bị ai đánh.

Lời trăng trối của Merivvether Lewis là, “Ta không hèn, mà là rất mạnh. Khó chết.” Tôi không nghi ngờ điều đó, nhưng không thể khó hơn việc bị bỏ lại. Tôi nghĩ đến Lewis trong lúc theo Lara vào nhà thờ hình chữ A nối liền với nhà tang lễ một tầng ở Trạm Vine, Alabama, một thị trấn u buồn và u buồn như Alaska đã luôn nói. Nơi này nồng mùi nấm mốc và khử trùng, và giấy dán tường màu vàng trong phòng giải lao đang bung góc.

“Các vị đến dự tang lễ của cô-Young phải không?” một ông chú hỏi Đại Tá, và Đại Tá gật đầu. Chúng tôi được dẫn vào một căn phòng lớn với nhiều hàng ghế xếp, bên trong chỉ có duy nhất một người đàn ông. Ông ấy quì ngay cổ quan tài đặt trước gian thờ. Nắp quan tài đã đóng. Kín bưng. Không bao giờ gặp cô ấy nữa. Không thể hôn trán cô ấy. Không thể nhìn cô ấy lần cuối. Nhưng tôi rất cần, rất cần được *nhìn* cô ấy, và bằng giọng nói thật lớn, tôi hỏi, “Sao lại đóng quan tài?” và người đàn ông, có cái bụng lòi ra khỏi bộ com-lê quá chật, quay lại và đi về phía tôi.

“Mẹ của nó,” ông nói. “Mẹ của nó nằm trong quan tài để mở, và Alaska bảo chú, ‘Đừng bao giờ để họ thấy con chết, bố ơi,’ và thế đấy. Dù sao đi nữa, con trai à, nó không có ở đó. Nó về với Chúa rồi.”

Đoạn ông đặt hai tay lên vai tôi, người đàn ông đã mập lên kể từ lần cuối cùng ông phải mặc com-lê, và tôi không thể tin được mình đã làm gì với ông, mắt ông có màu xanh sáng như Alaska nhưng lõm sâu hơn vào hốc mắt u tối, như một hồn ma mắt xanh còn đang-sống, và không dừng dừng chết, Alaska. Đừng chết. Và tôi tách ra khỏi cái ôm của ông và đi qua Lara và Takumi để đến chỗ quan tài và quì xuống trước nó và đặt tay lên lớp gỗ đã hoàn thiện, gỗ gụ nâu sẫm, màu tóc của cô ấy. Tôi thấy bàn tay nhỏ xíu của Đại Tá đặt trên vai, và một giọt nước mắt rơi xuống đầu tôi, và trong vòng vài phút, chỉ có ba chúng tôi ở đó, xe buýt chở học sinh chưa đến, và Takumi và Lara đã biến mất, và chỉ có ba chúng tôi, ba thân thể và hai người sống, ba người đã biết chuyện gì xảy ra và quá nhiều lớp ngăn cách giữa chúng tôi, quá nhiều thứ ngăn chúng tôi lại gần nhau. Đại Tá nói, “Tao thật sự rất muốn cứu nó,” và tôi nói, “Chip, cô ấy đi rồi,” và gã bảo, “Tao tưởng tao sẽ thấy nó đang cúi xuống nhìn chúng ta, nhưng mày nói đúng. Nó đã đi rồi,” và tôi nói, “Chúa ơi, Alaska. Mình yêu cậu. Mình yêu cậu,” và Đại Tá thì thầm, “Tao xin lỗi, Bé Bự. Tao biết mày từng yêu nó,” và tôi nói, “Không. Không phải thì quá khứ.” Cô ấy thậm chí không còn là con người nữa, chỉ là một cái xác đang thối rữa, nhưng tôi yêu cô ấy ở thì hiện tại. Đại Tá quì xuống bên cạnh tôi và áp môi lên quan tài và lẩm bẫm, “Tôi xin lỗi, Alaska. Cậu xứng đáng có những người bạn tốt hơn.”

Chúng ta khó chết như thế sao, ngài Lewis? Mê hồn trận ấy có thật sự tệ hơn chuyện này không?

bảy ngày sau

TÔI Ở LỠ TRONG PHÒNG cả ngày, tắt tiếng chơi trò bóng bầu dục, cùng một lúc không thể làm gì và không muốn làm gì. Hôm ấy là ngày Vua Martin Luther, ngày nghỉ cuối cùng của chúng tôi trước khi vào học lại, và

tôi không thể nghĩ gì khác hơn ngoài việc mình đã giết cô ấy. Đại Tá ở cùng tôi vào buổi sáng, nhưng rồi gã quyết định tới căn-tin ăn thịt bò xay kèm khoai tây nghiền.

"Đi thôi," gã bảo.

"Không đói."

"Mày phải ăn chứ."

"Muốn cá không?" tôi nói, không rời mắt khỏi trò chơi.

"Quý thần ơi. Được rồi." Gã thở dài và bỏ đi, đập cửa phía sau lưng. *Gã còn rất giận*, tôi thầm nghĩ với chút thương hại. Không việc gì phải tức giận cả. Cơn giận chỉ đánh lạc hướng bạn khỏi nỗi buồn vô biên, khỏi sự thật hiển hiện rằng bạn đã giết cô ấy và tước đoạt tương lai và cuộc sống tốt đẹp khỏi cô ấy. Tức giận chẳng cứu vãn được gì. Chết tiệt.

"Thịt bò và khoai tây thế nào?" tôi hỏi Đại Tá khi gã trở về.

"Như những gì mày nhớ. Không nhiều thịt hoặc khoai tây." Đại Tá ngồi xuống cạnh tôi. "Đại Bàng ăn chung với tao. Ông muốn biết có phải chúng ta đã đốt pháo không." Tôi dừng trò chơi và quay sang gã. Bằng một tay, gã giật đứt miếng nhựa xanh vinyl cuối cùng trên cái ghế sofa nệm mút của chúng tôi.

"Và mày trả lời là?" tôi hỏi.

"Tao không mách lẻo. Dù sao đi nữa, ông nói dì của Alaska hay ai đó sẽ tới vào ngày mai để dọn dẹp phòng nó. Nên nếu chúng ta có cái gì không muốn bà thấy ở trong phòng..."

Tôi quay lại với trò chơi và nói, "Hôm nay tao không có hứng."

"VẬY tao sẽ làm một mình," gã đập lại. Gã quay lưng bước ra ngoài, để cửa mở, và dư âm lạnh lẽo của câu nói gắt gỏng ấy nhanh chóng lấn át hơi ấm trong phòng, nên tôi dừng trò chơi và đứng dậy đóng cửa, và khi tôi lén nhìn xung quanh để xem Đại Tá có vào phòng cô ấy không, gã đã đứng đấy, ngay bên ngoài phòng, và gã tóm lấy áo len của tôi, mỉm cười, và nói, "Tao *biết* mày sẽ không bắt tao làm thế một mình. Tao *biết* mà." Tôi lắc đầu và

đảo mắt nhưng vẫn theo gã ra ngoài hành lang, băng qua bốt điện thoại, và vào phòng cô ấy.

Tôi đã không nghĩ về mùi của Alaska từ khi cô ấy qua đời. Nhưng khi Đại Tá mở cửa, tôi ngửi thấy thoang thoảng: đất ẩm và cỏ và khói thuốc lá, và ẩn sau chúng là dấu vết của kem dưỡng da hương vanilla. Cô ấy tràn vào bản thể của tôi, và phép lịch sự là thứ duy nhất ngăn tôi khỏi vùi mặt vào đồng quần áo bẩn đang chất đống trong cái giỏ mây cạnh tủ quần áo. Căn phòng giống y hệt trí nhớ của tôi: hàng trăm chồng sách dựa vào tường, tấm mền màu tím của cô ấy nhàu nhĩ dưới chân giường, một chồng sách đặt tạm trên bàn đầu giường, ngọn núi lửa làm từ nến lấp ló ở dưới gầm giường. Nó trông như những gì tôi tưởng tượng, nhưng mùi hương, rõ ràng là của cô ấy, khiến tôi sững sờ. Tôi đứng giữa phòng, mắt nhắm nghiền, từ tốn hít thở, mùi vanilla và bãi cỏ mùa thu chưa cắt tía, nhưng với từng hơi thở chậm rãi, mùi hương ấy nhạt dần khi tôi bắt đầu quen với nó, và chẳng mấy chốc cô ấy lại biến mất.

“Tao không chịu nổi,” tôi nói một cách hiển nhiên, vì thật sự là thế. “Chúa ơi. Những cuốn sách cô ấy sẽ không bao giờ đọc. Thư Viện Cuộc Đời của cô ấy.”

“Chúng được mua ở garage sale và giờ chắc sắp đi đến một cái khác.”

“Cát bụi về với cát bụi. Garage sale về với garage sale,” tôi nói.

“Ờ. Được, vào việc thôi. Lấy hết những thứ dì của nó sẽ không muốn tìm thấy,” Đại Tá chỉ đạo, và tôi thấy gã quỳ xuống trước bàn học của cô ấy, ngấn tủ bên dưới máy tính được kéo ra, những ngón tay tí hon của gã lòi ra mấy tập sách được đóng lại. Quý thần ơi, nó giữ hết những bài văn đã viết. *Moby-Dick. Ethan Frome.*

Tôi đưa tay vào giữa đệm và khung giường để tìm đồng bao cao su mà tôi biết cô ấy giấu cho những lần Jake đến thăm. Tôi đút chúng vào túi, và rồi đi đến tủ quần áo, lục lọi đồ lót của cô ấy để tìm chai rượu hay đồ chơi tình dục hoặc những thứ có Chúa biết. Tôi không thấy gì. Rồi tôi chuyển sang mấy

cuốn sách, nhìn chăm chăm vào chúng, cuốn này đè lên cuốn kia, gáy nhô ra, bộ sưu tập văn học ngẫu nhiên đậm chất Alaska. Tôi muốn mang theo một cuốn, nhưng tôi không thể tìm thấy nó. Đại Tá đang ngồi trên sàn kế bên chiếc giường của cô ấy, đầu gã cúi rạp xuống, ngó nghiêng bên dưới khung giường. “Nó không để lại chai rượu nào, đúng chứ?” gã hỏi.

Và tôi suýt đã nói, *Cô ấy chôn nó trong rừng cây cạnh sân bóng*, nhưng tôi chợt nhận ra Đại Tá không biết, rằng cô ấy chưa bao giờ đưa gã đến bìa rừng và bảo gã đào tìm kho báu, rằng đấy là bí mật của riêng cô ấy và tôi, và tôi giữ nó cho mình như một vật lưu niệm, như thể việc chia sẻ ký ức có thể dẫn đến tàn phai.

“Mày có thấy cuốn *Tướng quân giữa mê hồn trận* ở đâu không?” tôi hỏi trong lúc lướt qua tiêu đề trên gáy những cuốn sách. “Trên bìa có nhiều màu xanh, tao nghĩ vậy. Một cuốn sách bìa mềm, và bị úng nước, nên trang giấy có thể hơi nhăn, nhưng tao không nghĩ cô ấy—” và rồi gã cắt ngang lời tôi bằng câu, “Ờ, ngay đây nè,” và tôi quay lại và gã đang cầm nó, trang giấy xòe ra như cây đàn xếp từ trò quây phá của Longwell, Jeff và Kevin. Những đoạn cô ấy gạch chân và những ghi chú nhỏ cô ấy viết đã bị mờ vì ướt nước, nhưng cuốn sách gần như vẫn còn đọc được, và tôi đang định đem nó về phòng, và cố đọc dù đấy không phải một cuốn tiểu sử thì tôi lật tới trang đó, trang ở gần cuối:

Ông bị choáng ngợp trước sự thật rằng cuộc đua liều lĩnh giữa vận rủi và giấc mơ của mình sắp kết thúc ngay lúc đó. Phần còn lại là bóng tối. “Chết tiệt,” ông thở dài. “Làm sao ta thoát khỏi mê hồn trận này đây!”

Cả đoạn văn được gạch chân bằng mực đen nhòe nhoẹt, dẫm nước. Nhưng còn một vết mực nữa, vết mực màu xanh đầy quả quyết, sau trận lũ, và một mũi tên dẫn từ “Làm sao ta thoát khỏi mê hồn trận này đây!” đến một ghi chú ngoài lề bằng nét chữ thảo nhiều móc cong của cô ấy: *Thăng & Nhanh*.

“Ê, cô ấy viết gì đó trong đây sau trận lũ này,” tôi nói. “Nhưng lạ lắm. Nhìn đi. Trang chín mươi hai.”

Tôi quăng cuốn sách cho Đại Tá, và gã lật tới trang đó và rồi ngẩng lên nhìn tôi. “Thẳng và nhanh,” gã nói.

“Ờ. Lạ nhỉ? Đường ra khỏi mê hồn trận, tao đoán thế.” “Khoan, chuyện xảy ra như thế nào? Chuyện gì đã xảy ra?” Và vì chỉ có *chuyện đó* thôi, tôi biết ngay gã đang nói tới điều gì. “Tao đã thuật lại với mày những gì Đại Bàng thuật lại với tao. Một cái xe tải chặn hết đường. Xe cảnh sát đến để giải quyết kẹt xe, và cô ấy tông vào cái xe cảnh sát đó. Cô ấy quá say nên đã không bẻ lái.”

“Quá say? Quá say? Cái xe cảnh sát chắc chắn phải bật đèn pha. Bé Bự, nó tông vào một cái xe cảnh sát đã bật đèn,” gã vội vã nói. “Thẳng và nhanh. Thẳng và nhanh. Thoát khỏi mê hồn trận.”

“Không,” tôi nói, nhưng ngay cả khi nói thế, tôi vẫn nhìn thấy nó. Tôi nhìn thấy cô ấy đủ say và đủ bức tức. (Về chuyện gì—về việc lừa dối Jake? Về việc làm tổn thương tôi? Về việc muốn tôi và không phải anh ta? Vẫn còn bức vì đã mách lẻo Marva?) Tôi có thể thấy cô ấy nhìn chăm chăm cái xe cảnh sát và nhắm vào nó và cóc quan tâm đến bất kì ai, quan tâm đến lời hứa với tôi, quan tâm đến bố cô ấy hay người nào khác, và đồ ngốc đó, đồ ngốc đó, cô ấy đã tự sát. Nhưng không. Không. Đấy không phải cô ấy. Không. Cô ấy đã nói *Lần sau tiếp tục*. Dĩ nhiên. “Không.”

“Ờ, có lẽ mày đúng,” Đại Tá bảo. Gã buông cuốn sách, ngồi xuống cạnh tôi trên giường, và vùi trán vào tay. “Ai lại lái xe cách trường sáu dặm để tự sát chứ? Chẳng lý nào. Nhưng ‘thẳng và nhanh.’ Linh cảm hơi lạ đúng không? Và chúng ta vẫn không biết rõ chuyện gì đã xảy ra, nếu mày nghĩ thật kỹ. Nó đang đi đâu, tại sao. Người nào đã gọi. Ai đó đã gọi, đúng không, hay là tao—”

Và Đại Tá tiếp tục nói, giải mã câu đố, trong khi tôi cầm cuốn sách lên và tìm đến trang mà tướng quân cuối cùng cũng kết thúc cuộc đua liều lĩnh của ông, và chúng tôi đều lạc lối trong suy nghĩ, khoảng cách giữa cả hai không thể nối liền, và tôi không thể lắng nghe Đại Tá, vì tôi đang bận nghi nhớ mùi hương phảng phất sau cuối của cô ấy, đang bận tự nhủ rằng đương nhiên là

cô ấy đã không làm thế. Thủ phạm là tôi—tôi đã giết cô ấy, và Đại Tá cũng vậy. Gã có thể giải đổ để thoái thác, nhưng tôi biết rõ hơn, biết rằng chúng tôi không thể là gì khác ngoài những kẻ tội đồ thực thụ, khó lòng tha thứ.

tám ngày sau

THỨ BA, CHÚNG TÔI ĐẾN LỚP lần đầu tiên. Madame O'Malley có một phút mặc niệm trước khi bắt đầu tiết tiếng Pháp, lớp học luôn bị ngắt quãng bởi những khoảng lặng kéo dài, và rồi bà hỏi chúng tôi đang cảm thấy thế nào.

“Tệ hại,” một cô nàng nói.

“*En français*,” Madame O'Malley đáp lại. “*En français*”

Mọi thứ vẫn như cũ, nhưng lặng lẽ hơn: lũ Chiến Binh Ngày Thường vẫn ngồi trên băng ghế ngoài thư viện, nhưng cuộc nói chuyện của chúng giờ đã khẽ khàng và bớt náo nhiệt. Căn-tin vang vọng tiếng của khay nhựa đặt lên những chiếc bàn gỗ và tiếng nĩa lạo xạo trên đĩa, nhưng mọi cuộc đối thoại đều im lặng. Nhưng hơn tất cả thính lặng của mọi người là thính lặng đáng ra phải thuộc về cô ấy, kể kể chuyện sôi nổi Alaska, nhưng thay vào đó, cảm giác giống như những lúc cô ấy thu mình lại, như khi cô ấy từ chối trả lời những câu *như thế nào và tại sao*, có điều lần này là mãi mãi.

Đại Tá ngồi cạnh tôi trong lớp tôn giáo, thờ dài, và nói, “Mày hôi mùi thuốc lá Bé Bự à.”

“Làm như tao quan tâm không bằng.”

Tiến Sĩ Hyde đi vào lớp, bài thi cuối kỳ của chúng tôi kẹp một bên tay. Ông ngồi xuống, thờ một tràng nặng nhọc, và bắt đầu nói. “Theo luật thì bố mẹ không cần phải chôn cất con cái mình,” ông nói. “Và ai đó nên làm nó có hiệu lực. Học kỳ này, chúng ta sẽ tiếp tục học những truyền thống tôn giáo mà các em đã được giới thiệu qua vào mùa thu. Nhưng rõ ràng câu hỏi mà

chúng ta sắp đề cập đến đây sẽ có ảnh hưởng tức thời hơn chúng đã từng chỉ vài ngày trước. Chuyện gì sẽ xảy ra với chúng ta sau khi chết, hiện tại, đã không còn là một câu hỏi vu vơ đơn thuần về triết học. Đây là câu hỏi chúng ta phải tìm hiểu về một bạn cùng lớp. Và làm sao để sống trong cái bóng của tiếc thương không phải là một thứ vô danh mà các tín đồ Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo và Hồi Giáo phải khám phá. Những câu hỏi về lý tưởng tôn giáo đã trở thành, tôi ngờ rằng, chuyện cá nhân.”

Ông lật giở bài thi của chúng tôi, lấy ra một tờ từ xấp trước mặt. “Ở đây tôi có bài thi cuối kỳ của Alaska. Các em nhớ là mình đã được hỏi về câu hỏi quan trọng nhất của đời người, và ba truyền thống mà chúng ta đã học năm nay có liên quan như thế nào. Đây là câu hỏi của Alaska.” Với tiếng thở dài, ông giữ chặt lấy ghế và nhắc người lên, đoạn viết lên bảng đen: *chúng ta làm thế nào để thoát khỏi mê hồn trận khổ sở này đây ?—A.Y.*

“Tôi sẽ cho các em thời hạn đến cuối học kỳ,” ông nói. “Bởi vì tất cả những người từng lạc lối giữa dòng đời đã cảm thấy sự đeo bám dai dẳng của câu hỏi ấy. Một lúc nào đó chúng ta đều sẽ ngẩng lên và nhận ra chúng ta đã lạc trong mê cung, và tôi không muốn chúng ta quên Alaska, và tôi không muốn quên rằng kể cả khi những gì chúng ta học có vẻ nhàm chán, chúng ta vẫn cố tìm hiểu xem người khác đã trả lời câu hỏi ấy và những câu hỏi mà các em đã viết trong bài luận thế nào – những truyền thống khác nhau đã làm quen với cái mà Chip, trong bài thi cuối cùng của trò ấy, đã gọi là ‘con người tha hóa rất nhiều trong cuộc sống.’”

Hyde ngồi xuống. “Thế, các em khỏe không?”

Đại Tá và tôi không nói gì, trong khi một đám người không hề quen biết Alaska tán dương những phẩm chất của cô ấy, và tỏ ra suy sụp, và thoát tiên, họ làm tôi khó chịu. Tôi không muốn những người cô ấy không biết và những người cô ấy không thích, buồn làm gì. Họ chưa bao giờ quan tâm đến cô ấy, và giờ họ đang lải nhải như thể cô ấy là chị em gái trong nhà. Nhưng tôi đoán tôi cũng không biết rõ về cô ấy. Nếu tôi biết, hẳn tôi đã hiểu ý nghĩa câu “Lần sau tiếp tục nhé?” của cô ấy. Và nếu tôi đã quan tâm cô ấy như tôi nên làm, như tôi nghĩ mình đã làm, thì làm sao tôi có thể để cô ấy đi?

Nên họ không làm tôi khó chịu, không hẳn. Nhưng kể bên tôi, Đại Tá hít thở thật sâu và thật chậm bằng mũi như một con bò tót đang chuẩn bị tấn công.

Gã thật sự đã đảo mắt khi thắng Chiến Binh Ngày Thường Brooke Blakely, đã bị Alaska gửi bằng điếm về cho bố mẹ, nói rằng, “Em chỉ buồn vì em chưa bao giờ nói rằng em yêu cậu ấy. Em chỉ không hiểu vì sao.”

“Tởm,” Đại Tá nói trong lúc chúng tôi đi ăn trưa. “Làm như Brooke Blakely quan tâm đến Alaska vậy.”

“Nếu Brooke Blakely chết, mày có buồn không?” tôi hỏi.

“Tao đoán là có, nhưng tao sẽ không than vãn về sự thật rằng tao chưa bao giờ nói rằng tao yêu nó. Tao *không* yêu nó. Nó là một con ngốc.”

Tôi nghĩ những người khác có lý do thích hợp để thương tiếc cô ấy hơn chúng tôi. Sau cùng thì, họ đã không giết cô ấy, nhưng tôi biết mình không nên thử nói thế với Đại Tá khi gã đang điên.

chín ngày sau

“TAO CÓ MỘT GIẢ THUYẾT,” Đại Tá nói khi tôi bước vào phòng sau một ngày học hành khổ ải. Trời đã đỡ lạnh hơn, nhưng thông tin ấy chưa đến tai nhân viên phụ trách hệ thống sưởi, nên toàn bộ phòng học đều ngọt ngào và nóng bức, và tôi chỉ muốn chui vào giường và ngủ đến khi tới giờ được ngủ lần nữa.

“Hôm nay không thấy mày trong lớp,” tôi nói trong lúc ngồi xuống giường. Đại Tá ngồi ở bàn gã, khom người trên một cuốn sổ. Tôi nằm ngửa và kéo mền đắp kín đầu, nhưng Đại Tá không chịu thua.

“Ờ, phải, tao bận nghĩ ra giả thuyết, vốn không thực tế cho lắm, nhưng nó hợp lý. Nên, nghe này. Nó đã hôn mày. Đêm đó, có người gọi, Jake, tao đoán thế. Hai người cãi nhau về chuyện ngoại tình hay gì đó khác, ai biết.

Nên nó thấy buồn, và nó muốn đi gặp anh ta. Nó quay lại phòng và khóc, và nó nhờ tội mình giúp nó rời khỏi trường. Và nó hoảng lên, vì, tao không biết nữa, có thể vì nếu nó không thể đi thăm thì Jake sẽ chia tay với nó. Đây chỉ là lý do về mặt giả thuyết. Nên nó rời khỏi trường, say xỉn và bực tức, và nó giận bản thân mình vì cái khi gì đó, rồi nó đang lái xe trên đường và thấy cái xe cảnh sát và dừng một phút mọi thứ chợt sáng tỏ và lời giải cho mê hồn trận bí ẩn của nó đang ở ngay trước mặt và nó chỉ làm theo, thẳng và nhanh, chỉ nhắm vào cái xe cảnh sát và không bẻ lái, không phải vì nó say rượu mà là vì nó tự sát.”

“Thật nực cười. Cô ấy không nghĩ về Jake hay cãi nhau với Jake gì cả. Cô ấy đang ân ái với tao. Tao cố nhắc đến Jake, nhưng cô ấy chỉ suyt tao.”

“Vậy ai đã gọi nó?”

Tôi đá văng tấm mền và, tôi siết chặt năm đấm, đập tay lên tường gần theo từng chữ trong lúc hét, “TAO! KHÔNG! BIẾT! Và mày biết gì không, chẳng còn quan trọng nữa. Cô ấy chết rồi. Đại Tá thiên tài sẽ tìm ra chuyện gì đó để cô ấy bớt chết hơn sao?” Nhưng điều đó quan trọng, dĩ nhiên, đây là lý do vì sao tôi vẫn tiếp tục đấm vào bức tường than xỉ của chúng tôi và vì sao những câu hỏi ấy lơ lửng trong không trung suốt cả tuần nay. Ai đã gọi? Chuyện gì đã xảy ra? Tại sao cô ấy lại đi? Jake đã không đến dự đám tang. Hay gọi chúng tôi để nói rằng anh ta rất tiếc, hoặc hỏi chúng tôi chuyện gì đã xảy ra. Anh ta chỉ biến mất, và dĩ nhiên, tôi thắc mắc. Tôi thắc mắc liệu cô ấy có ý định giữ lời hứa tiếp tục giữa chúng tôi không. Tôi thắc mắc ai đã gọi, và tại sao, và cái gì đã khiến có ấy buồn như vậy. Nhưng tôi thà thắc mắc hơn là nghe những câu trả lời mà mình không thể sống cùng.

“Có lẽ nó chỉ lái xe đến đó để chia tay với Jake thôi,” Đại Tá nói, giọng nói chợt không còn sắc sảo. Gã ngồi xuống mép giường của tôi.

“Tao không biết. Tao thật sự không muốn biết.”

“Ờ, thì,” gã nói. “Tao thì muốn biết. Bởi vì nếu nó biết nó đang làm gì thì, Bé Bự ạ, nó đã biến chúng ta thành đồng minh của nó. Và tao ghét nó vì thế. Ý tao là, lạ Chúa, nhìn tội mình đi. Tội mình thậm chí không thể nói

chuyện với ai nữa. Nên nghe này, tao đã vạch ra một kế hoạch: *Một*. Nói chuyện với nhân chứng. *Hai*. Điều tra xem nó say đến thế nào. *Ba*. Điều tra xem nó đang đi đâu, và tại sao.”

“Tao không muốn nói chuyện với Jake,” tôi hờ hững nói, sớm từ bỏ những kế hoạch liên miên của Đại Tá. “Nếu anh ta biết, tao chắc chắn sẽ không muốn nói chuyện với anh ta. Và nếu anh ta không biết, thì tao cũng không muốn giả vờ là chuyện đó chưa từng xảy ra.”

Đại Tá đứng dậy và thở dài. “Mày biết không, Bé Bự? Tao thấy tội nghiệp mày. Thiệt đó. Tao biết mày đã hôn nó, và tao biết mày đau lòng vì việc đó. Nhưng ngậm miệng đi, thật đấy. Nếu Jake biết, mày sẽ không làm mọi chuyện tệ hơn. Và nếu anh ta không biết, anh ta sẽ không phát hiện ra. Nên thôi lo lắng về bản thân mày chừng một phút và nghĩ về người bạn đã chết của mày đi. Xin lỗi. Hôm nay tao mệt quá.”

“Không sao,” tôi nói, kéo mền trùm kín đầu trở lại. “Không sao,” tôi lặp lại. Và, gì cũng được. Mọi chuyện không sao. Bắt buộc phải thế. Tôi không thể đánh mất cả Đại Tá.

mười ba ngày sau

VÌ PHƯƠNG TIỆN DI CHUYỂN CHÍNH CỦA CHÚNG TÔI giờ đã nằm dưới sáu tấc đất ở Trạm Vine, Alabama, Đại Tá và tôi buộc phải cuộc bộ đến Sở Cảnh Sát Pelham để tìm nhân chứng. Chúng tôi rời đi sau khi ăn tối ở căn-tin, đêm xuống rất nhanh và sớm, và chúng tôi lê bước lên Cao tốc 119 chừng một dặm rưỡi trước khi đến một tòa nhà một tầng trát vữa nằm giữa tiệm Waffle House và trạm xăng.

Bên trong, một cái bàn dài cao ngang vùng bụng dưới của Đại Tá ngăn chúng tôi với đồn cảnh sát thật sự, gồm ba sĩ quan mặc đồng phục ngồi ở ba cái bàn, tất cả đều đang nói chuyện điện thoại.

“Tôi là anh trai của Alaska Young,” Đại Tá đồng dục tuyên bố. “Và tôi muốn nói chuyện với viên cảnh sát đã chứng kiến nó chết.”

Một người đàn ông nhợt nhạt, gầy gò với bộ râu vàng hoe đỏ nói nhanh vào điện thoại rồi cúp máy. “Ta đã thấy cô nhỏ,” ông ta nói. “Cô nhỏ đâm vào xe tuần tra của ta.”

“Chúng tôi nói chuyện với chú ở ngoài được không?” Đại Tá hỏi.

“Được.”

Viên cảnh sát chộp lấy áo khoác và đi về phía chúng tôi, và trong lúc ông ta đến gần, tôi thấy những mạch máu màu xanh dưới lớp da trong suốt trên khuôn mặt. Với một cảnh sát mà nói, dường như ông ta không hay ra ngoài. Một khi bước ra, Đại Tá nhóm một điếu thuốc.

“Nhóc mười chín tuổi chưa?” viên cảnh sát hỏi. Ở Alabama, bạn được kết hôn lúc mười tám tuổi (mười bốn với sự chấp thuận của bố mẹ), nhưng bạn phải đủ mười chín tuổi mới được hút thuốc.

“Cứ phạt tôi đi. Tôi chỉ muốn biết chú đã thấy gì.”

“Ta thường làm việc từ sáu giờ tối đến nửa đêm, nhưng bữa đó ta đang trực ca ba. Chúng ta nhận điện báo về một chiếc xe tải chặn đường, và ta chỉ cách đây chừng một dặm, nên ta lái tới đó, và ta vừa ngừng lại. Ta vẫn đang ở trong xe tuần tra, và ta nhìn thấy đèn pha từ góc mắt, và đèn của ta đang sáng và ta bật còi báo động, nhưng ánh đèn cứ lao vào ta, con trai ạ, và ta nhanh chóng chui ra và chạy khỏi xe và cô nhỏ đâm sầm vào ta. Ta gặp qua nhiều rồi, nhưng chưa bao giờ thấy chuyện gì như thế. Cô nhỏ không bẻ lái. Cô nhỏ không đạp thắng. Chỉ tông thẳng vào ta. Ta đứng cách xe tuần tra chưa đầy ba mét khi cô nhỏ tông phải nó. Ta tưởng mình tiêu đời rồi, nhưng ta vẫn ở đây.”

Lần đầu tiên, giả thuyết của Đại Tá có vẻ hợp lí. Cô ấy không nghe tiếng còi *hự*? Cô ấy không thấy đèn pha? Cô ấy đủ tỉnh táo để hôn một cách thuần thục, tôi nghĩ. Chắc chắn cô ấy phải đủ tỉnh táo để bẻ lái.

“Chú có thấy mặt nó trước khi nó tông vào chú không? Nó có ngủ gục không?” Đại Tá hỏi.

“Ta không thể trả lời câu này được. Ta không thấy cô nhỏ. Không có nhiều thời gian.”

“Tôi hiểu. Lúc chú đến chỗ chiếc xe thì nó đã chết rồi?” gã hỏi.

“Ta...ta làm mọi thứ có thể. Ta chạy tới chỗ cô nhỏ ngay, nhưng vô-lãng đã...ờ thì, kiêu, đâm vào người, ta nghĩ dù có nơi lòng vô-lãng thì cũng không thể lôi cô nhỏ ra khỏi cái xe đó mà còn sống. Nó gần như đã nghiền nát lồng ngực của cô nhỏ, hiểu chứ.”

Tôi nhăn mặt trước hình ảnh đó. “Cô ấy có nói gì không?” tôi hỏi.

“Lúc ấy cô nhỏ chết rồi, con trai,” ông ta nói, lắc đầu, và hi vọng cuối cùng về lời trần trối của tôi tan biến.

“Chú có nghĩ đây là tai nạn không?” Đại Tá hỏi trong lúc tôi đứng cạnh gã, hai vai xịu xuống, muốn hút thuốc nhưng không dám bạo dạn như gã.

“Ta đã làm cảnh sát ở đây hai mươi sáu năm, và ta thấy nhiều bọm nhậu hơn hai nhóc có thể đếm được, và ta chưa bao giờ thấy ai say đến mức không thể bẻ lái. Nhưng ta không biết. Nhân viên pháp y nói đó là tai nạn, và có lẽ đúng vậy. Không phải nghề của ta, hai nhóc biết đấy. Ta đoán giờ đó là bí mật giữa cô nhỏ và Chúa trời.”

“Cô ấy say cỡ nào?” Tôi hỏi. “Ý cháu là, họ có kiểm tra cô ấy không?”

“Ờ. Nồng độ rượu trong máu là hai mươi bốn. Rõ ràng là say rượu. Say quắc cần câu.”

“Còn gì khác trong xe không?” Đại Tá hỏi. “Bất cứ thứ gì, ừm, bất thường mà chú nhớ?”

“Ta nhớ có mấy cuốn cẩm nang của các đại học, mấy trường ở Maine và Ohio và Texas. Ta đã tự nhủ rằng cô nhỏ này hẳn là học sinh Culver Crick và điều đó thật buồn, một cô nhỏ như thế mong được vào đại học. Đáng tiếc vô cùng. Và những bông hoa. Ở ghế sau của cô nhỏ có những bông hoa. Giống được mua từ một người bán hoa. Tulip.”

Tulip? Ngay lập tức tôi nghĩ đến những bông hoa tulip Jake đã tặng cô ấy. “Chúng màu trắng phải không ạ?” tôi hỏi.

“Chính xác,” viên cảnh sát trả lời. Tại sao cô ấy lại mang theo mấy bông hoa của anh ta? Nhưng viên cảnh sát sẽ không có câu trả lời cho việc ấy.

“Ta mong hai nhóc sẽ tìm ra cái mình đang tìm. Ta cũng đã nghĩ về nó, vì ta chưa bao giờ gặp phải chuyện nào như vậy. Ta đã suy nghĩ rất nhiều, biết đâu nếu ta khởi động xe thật nhanh và chạy đi, cô nhỏ đã không sao. Biết đâu đã có thời gian. Giờ thì chẳng biết. Nhưng điều đó không còn quan trọng nữa, đối với ta, dù là tai nạn hay không thì cũng rất đáng tiếc.”

“Chú không thể làm gì khác đâu,” Đại Tá khẽ nói. “Chú đã làm đúng nhiệm vụ, và chúng tôi cảm ơn chú.”

“Ừ. Cảm ơn. Hai nhóc đi đi, và nhớ cẩn thận, và cứ hỏi ta nếu có gì thắc mắc. Đây là danh thiếp của ta nếu hai nhóc cần.”

Đại Tá nhét tấm danh thiếp vào cái ví da giả của gã, đoạn chúng tôi đi bộ về nhà.

“Tulip trắng,” tôi nói. “Tulip của Jake. Tại sao?”

“Năm ngoái, có lần tao và Takumi và nó đang ở Trùng Hút Thuốc, và có một bông hoa cúc trắng bên bờ con lạch, và bất thành linh nó nhảy xuống vùng nước ngập đến hông và lội sang bên kia để hái. Nó cài hoa lên sau tai và khi tao hỏi, nó bảo bố mẹ nó luôn cài hoa lên tóc nó lúc nó còn nhỏ. Có thể nó muốn chết cùng những bông hoa trắng.” “Có thể cô ấy đang đi trả chúng cho Jake,” tôi nói.

“Có thể. Nhưng viên cảnh sát vừa rồi rõ ràng đã thuyết phục được tao rằng đây có thể là một vụ tự tử.”

“Có thể chúng ta chỉ nên để cô ấy chết yên thân,” tôi nói, cảm thấy bực bội. Dường như chúng tôi không thể tìm ra thứ gì để khiến cho mọi thứ khá hơn, và tôi không thể giữ bỏ hình ảnh vô-lãng xộc vào ngực cô ấy ra khỏi tâm trí, ngực cô ấy “gần như bị nghiền nát” trong khi cô ấy hít hơi thở cuối cùng sẽ không bao giờ đến, và không, chuyện này không khiến cho mọi thứ khá hơn. “Nếu cô ấy tự tử *thật* thì sao?” tôi hỏi Đại Tá. “Chúng ta cũng không bớt tội lỗi. Tất cả những gì điều đó làm chỉ là biến cô ấy thành một đứa tàn nhẫn, ích kỉ.”

“Lạy Chúa, Bé Bự. Mà có còn nhớ tính cách thật sự của nó không? Mà có nhớ nó *có thể* là đưa xấu xa ích kỷ thế nào không? Đây là một phần trong nó, và mà từng hiểu rõ điều đó. Như thế bây giờ mà chỉ quan tâm đến hình tượng Alaska đã được mà tạo dựng vậy.”

Tôi tăng tốc, đi trước Đại Tá trong im lặng. Và gã không biết được, vì gã không bị bỏ lại với một lời hứa không thể giữ, vì gã không phải tôi. Chết tiệt, tôi nghĩ, và lần đầu tiên, tôi tưởng tượng đến chuyện trở về nhà, đổi Cơ Hội Lớn lấy những bạn cùng trường quen thuộc. Dù họ có lỗi gì, tôi nghĩ những người bạn cùng trường ở Florida cũng sẽ không bao giờ chết vì tôi.

Sau một khoảng cách đáng kể, Đại Tá chạy đuổi theo tôi và nói, “Tao chỉ muốn mọi thứ bình thường trở lại,” gã nói. “Mày và tao. Bình thường. Vui vẻ. Chỉ, bình thường. Và tao cảm giác nếu chúng ta biết—”

“Được, tao hiểu,” tôi cắt ngang lời gã. “Tao hiểu. Chúng ta sẽ tiếp tục tìm kiếm.”

Đại Tá lắc đầu, nhưng rồi gã mỉm cười. “Tao vẫn luôn biết ơn sự sôi nổi của mày, Bé Bự. Và tao sẽ đi trước và giả vờ như mày vẫn còn có nó cho đến khi nó quay trở lại. Giờ hãy về nhà và tìm hiểu xem vì sao người ta lại tự tử nào.”

mười bốn ngày sau

DƯỚI ĐÂY LÀ NHỮNG DẤU HIỆU CẢNH BÁO TỰ TỬ mà Đại Tá và tôi tìm được trên mạng:

Từng cố tự tử

Dọa sẽ tự tử

Cho đi những đồ vật quý giá

Thu gom và bàn luận những phương cách tự tử

Biểu cảm tuyệt vọng và giận dữ với bản thân và/hoặc thế giới

Viết, nói, đọc và vẽ về cái chết và/hoặc chứng trầm cảm

Bóng gió rằng họ sẽ không được nhớ đến nếu chết đi
Tự làm hại bản thân
Vừa mất bạn hoặc một thành viên trong gia đình vì qua đời hoặc tự tử
Học hành đột ngột giảm sút thê thảm
Rối loạn ăn uống, mất ngủ, ngủ quá giấc, nhức đầu kinh niên
Sử dụng (hoặc sử dụng quá liều) những chất trị liệu thần kinh
Mất hứng thú trong việc quan hệ, trong sở thích cá nhân và những hoạt động khác từng yêu thích

Alaska có hai trong số những triệu chứng đó. Cô ấy đã mất mẹ, dù không phải mới đây. Và thói quen uống rượu lúc nào cũng bình ổn của cô chắc hẳn đã nghiêm trọng hơn trong một tháng cuối đời. Cô ấy cũng nói về chuyện chết, nhưng luôn ra vẻ nửa đùa nửa thật.

“Tao toàn đùa bỡn về cái chết,” Đại Tá nói. “Tuần trước tao đùa là sẽ lấy cà-vạt thắt cổ. Và tao đã không làm. Nên cái đó không tính. Và nó chẳng tỏ vẻ gì hết, và chắc trăm phần trăm là nó không mất hứng quan hệ. Người ta phải cuồng quan hệ lắm mới hôn hít với cái thằng ốm yếu như mày.”

“Vui đấy,” tôi nói.

“Tao biết. Quý thần ơi, tao là một thiên tài. Và điểm số của nó rất tốt. Và tao không nhớ nó có nói đến chuyện tự sát bao giờ.”

“Có một lần, với mấy liều thuốc, nhớ không? Các cậu hút để thưởng thức. Mình hút để chết.”

“Đấy là một câu đùa.”

Nhưng khi bị Đại Tá thúc ép, có lẽ vì muốn chứng minh cho gã thấy rằng tôi vẫn nhớ về Alaska như con người thật sự của cô ấy chứ không phải như hình tượng tôi muốn cô ấy trở thành, tôi liên tục chuyển hướng cuộc đối thoại về những lúc cô ấy xấu tính và âm ươn, khi cô ấy không có hứng thú

trả lời những câu hỏi *thế nào, khi nào, ở đâu, tại sao* hoặc *chuyện gì*. “Cô ấy có vẻ vô cùng giận dữ,” tôi nói toạc suy nghĩ của mình.

“Cái gì, và tao thì không à?” Đại Tá đập lại. “Tao điên tiết lên đây, Bé Bự. Và gần đây mày cũng không phải mẫu điển hình, và mày không định tự tử. Khoan, mày có ý định đó không?”

“Không,” tôi nói. Và có thể đây chỉ là vì Alaska không thể đập thẳng và tôi không thể đập chân ga. Có thể cô ấy có lòng gan dạ quái gở mà tôi thiếu, nhưng không.

“Tốt, tốt. Nên là, nó vui buồn thất thường, từ lửa và lưu huỳnh đến khói và tro tàn. Nhưng một phần, ít nhất là trong năm nay, là vì vụ Marya. Nghe này, Bé Bự; rõ ràng nó không nghĩ đến chuyện tự tử khi nó đang hôn mày. Sau đó, nó ngủ đến khi điện thoại reng. Nên nó quyết định tự tử vào lúc nào đó giữa cái điện thoại reng và cú va đập, hoặc đây thật là một tai nạn.”

“Nhưng tại sao lại phải lái xa trường sáu dặm để chết?” tôi hỏi.

Gã thở dài và lắc đầu. “Nó thích bí ẩn mà. Có lẽ nó muốn như vậy.” Tôi bật cười, và Đại Tá hỏi. “Gì?”

“Tao chỉ đang nghĩ – *Sao mày lại đâm sầm vào một cái xe cảnh sát bật đèn pha?* và rồi tao nghĩ, *À, Cô ấy ghét những người có chức quyền.*”

Đại Tá cười khanh khách. “E, coi kìa. Bé Bự đã nói đùa!”

Mọi thứ gần như trở lại bình thường, và khoảng cách giữa tôi với sự cố dường như đã bốc hơi và tôi thấy mình quay lại phòng thể dục, nghe báo tin dữ lần đầu tiên, nước mắt của Đại Bàng nhỏ xuống quần ống, và tôi quay sang nhìn Đại Tá và nghĩ về hàng giờ đồng hồ chúng tôi đã ngồi trên cái ghế sofa nệm mút này suốt hai tuần qua, tất cả những gì cô ấy đã phá hủy. Bực đến mức không khóc được, tôi nói, “Điều này chỉ làm tao ghét cô ấy. Tao không muốn ghét cô ấy. Và đây là vấn đề, nếu đây là tất cả những gì nó tác động lên tao?” Vẫn từ chối trả lời những câu hỏi *thế nào* và *tại sao*. Vẫn khăng khăng giữ lấy bầu không khí bí ẩn.

Tôi ngả người tới, đầu vùi vào giữa hai đầu gối, và Đại Tá đặt một tay lên lưng tôi. “Vấn đề là chúng ta luôn có câu trả lời, Bé Bự ạ.” Và rồi đôi môi mím chặt của gã thờ phò và tôi có thể nghe được cơn giận run rẩy trong giọng nói khi gã lặp lại. “Chúng ta *luôn* có câu trả lời. Chúng ta chỉ cần đủ thông minh. Trên mạng nói những vụ tự tử thường được lập sẵn kế hoạch kỹ lưỡng. Nên rõ ràng là nó không tự tử.” Tôi thấy xấu hổ khi vẫn còn suy sụp sau hai tuần trong lúc Đại Tá có thể hồi phục một cách thật kiên cường, và tôi ngồi dậy.

“Được, hiểu rồi” tôi đáp. “Không phải tự tử.”

“Dù nói là tai nạn cũng không hợp lý,” Đại Tá bảo. Tôi cười. “Chúng ta đúng là đang có tiến triển ấy nhỉ.” Chúng tôi bị cắt ngang bởi Holly Moser, đàn chị tôi biết từ trước nhờ lên xem chân dung khóa thân hồi Lễ Tạ ơn với Alaska. Holly chơi với bọn Chiến Binh Ngày Thường, vốn là lý do trước đó tôi chỉ nói chừng hai từ với chị ta, nhưng chị ta bước vào phòng mà không thềm gõ cửa và nói rằng chị ta vừa nhận được một dấu hiệu bí ẩn từ Alaska.

“Chị đang ở Waffle House, và đột nhiên đèn đóm tắt hết ngoại trừ, ờ, cái đèn trên bàn của chị, nó bắt đầu nhấp nháy. Nó sáng chừng một giây rồi tắt ngúm rồi lại sáng lên vài giây rồi lại tắt. Và chị nhận ra, hai chú biết đấy, là Alaska. Chị nghĩ nó đang cố nói chuyện với chị bằng mã Morse. Nhưng, ờ, chị không biết mã Morse. Chắc nó không biết vụ đó. Dù sao đi nữa, chị nghĩ là các chú nên biết.”

“Cảm ơn,” tôi đáp cụt lùn, và chị ta đứng yên một lúc, nhìn chăm chặp chúng tôi, miệng hé mở như muốn nói gì, nhưng rồi Đại Tá nhìn lại chị ta bằng đôi mắt lơ lơ, gã hất cằm, lộ vẻ chán ghét thấy rõ. Tôi hiểu cảm giác của gã: Tôi không tin chuyện hồn ma dùng mã Morse để liên lạc với những người họ chưa bao giờ ư. Và tôi ghét cái khả năng rằng Alaska lại cho người khác bình yên chứ không phải tôi.

“Chúa ơi, những ả như thế không nên sống làm gì,” gã nói sau khi chị ta rời đi.

“Ngu thật đấy.”

“Không chỉ ngu đâu, Bé Bự. Ý tao là, làm như Alaska sẽ nói chuyện với Holly Moser vậy. Quỷ thần ơi! Tao không chịu nổi lũ tiếc thương giả tạo này. Con mụ ngu dốt.”

Tôi suýt đã bảo gã Alaska sẽ không muốn gã gọi bất kỳ người phụ nữ nào là con mụ, nhưng cãi nhau với Đại Tá chẳng ích lợi gì.

hai mươi ngày sau

HÔM ẤY LÀ CHỦ NHẬT, và Đại Tá và tôi quyết định không đến căn-tin ăn tối, thay vào đó chúng tôi đi bộ khỏi trường và băng qua Cao tốc 119 đến tiệm tạp hóa Sunny Konvenience, nơi cả hai thưởng thức một bữa ăn cân bằng gồm hai cái bánh yến mạch nhân kem cho mỗi đứa. Bảy trăm calo. Đủ năng lượng cho một người đàn ông cầm cự nửa ngày. Chúng tôi ngồi trên lề đường trước cửa tiệm, và tôi ăn xong bữa tối sau bốn miếng.

“Ngày mai tao sẽ gọi Jake, nói mày biết trước. Tao lấy số anh ta từ Takumi.”

“Được thôi,” tôi nói.

Tôi nghe tiếng chuông leng keng ở phía sau và quay lại cánh cửa bật mở.

“Hai đứa đang tụ tập ở đây,” người phụ nữ vừa bán bữa tối cho chúng tôi nói.

“Bọn cháu đang ăn,” Đại Tá trả lời.

Người phụ nữ lắc đầu và ra lệnh, như thể nói với một con chó. “Biển đi.”

Nên chúng tôi vòng ra phía sau cửa tiệm và ngồi cạnh bãi rác hôi rình.

“Mày bỏ cái từ được thôi đó đi, Bé Bự. Nực cười hết sức. Tao sẽ gọi Jake, và tao sẽ viết lại tất cả những gì anh ta nói, và chúng ta sẽ cùng ngồi xuống và cố tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra.”

“Không. Mày tự đi mà làm. Tao không muốn biết chuyện gì đã xảy ra giữa cô ấy và Jake.”

Đại Tá thở dài và lôi một hộp thuốc hiệu Bé Bự Trả Tiền khỏi túi quần jean. “Tại sao không?”

“Vì tao không muốn! Tao có phải đưa cho mày một bài phân tích sâu sắc về tất cả những quyết định của tao không?” Đại Tá châm thuốc với cái hộp quẹt tôi mua và hít một hơi. “Sao cũng được. Tao cần tìm hiểu, và tao cần sự giúp đỡ của mày, vì chúng ta hiểu Alaska khá rõ. Thế đấy.” Tôi đứng dậy và nhìn gã đang hả hê ngồi, và gã thổi một làn khói mỏng vào mặt tôi, và tôi nhin đủ rồi. “Tao chán nghe lệnh mày rồi, đồ tồi! Tao sẽ không ngồi lại với mày và bàn bạc những ưu điểm trong mối quan hệ của cô ấy với Jake, chết tiệt! Tao không thể nói rõ hơn nữa: Tao *không muốn biết* về họ. Tao đã biết những gì cô ấy nói với tao, và đấy là tất cả những gì tao cần biết, và mày cứ là một thằng khốn hợm hĩnh đến chừng nào mày muốn, nhưng tao sẽ không ngồi và tâm sự với mày về chuyện cô ấy yêu Jake đến mức nào! Giờ trả thuốc lá của tao lại đây.” Đại Tá ném hộp thuốc xuống đất và đứng dậy ngay lập tức, gã túm lấy áo len của tôi, cố kéo tôi xuống ngang bằng gã nhưng thất bại.

“Mày thậm chí còn không quan tâm đến nó!” gã hét lên. “Tất cả những gì mày nghĩ đến là mày và cái ảo mộng quý giá chết tiệt của mày rằng mày và Alaska đã có một mối tình vụng trộm dở hơi và nó sẽ bỏ Jake để đến với mày và chúng mày sẽ sống hạnh phúc mãi mãi. Nhưng nó hơn rất nhiều thằng, Bé Bự. Và nếu nó vẫn còn ở đây, chúng ta đều biết rằng nó vẫn sẽ là bạn gái của Jake và sẽ chẳng có gì ngoài rắc rối giữa tụi mày—không tình yêu, không tình dục, chỉ mày tương tư nó và nó sẽ chỉ nói, ‘Cậu đáng yêu lắm, Bé Bự ạ, nhưng mình yêu Jake.’ Nếu nó yêu mày đến thế, tại sao đê mê đó nó lại bỏ mày? Và nếu mày yêu nó đến thế, tại sao mày lại giúp nó bỏ đi? Tao say rượu. Còn lý do của mày là gì?”

Đại Tá buông tay khỏi áo len của tôi, và tôi cúi xuống nhặt thuốc lá. Không la hét, dù tôi nghiến chặt răng, dù mạch máu nổi rõ trên trán tôi, tôi giữ bình tĩnh. Bình tĩnh. Tôi cúi xuống nhìn Đại Tá và nói, “Chết tiệt.”

Tiếng hét nổi gân đến sau đó, sau khi tôi chạy qua Cao tốc 119 và băng qua kí túc xá lẫn sân bóng và đến con đường đất dẫn tới cây cầu, khi tôi thấy mình đứng ở Trũng Hút Thuốc. Tôi nhặt một cái ghế xanh và ném nó vào bức tường bê-tông, và tiếng nhựa đập lên bê-tông vọng lại bên dưới cây cầu trong lúc cái ghế nằm chỏng chơ, và rồi tôi nằm gác đầu gối lên dốc đứng và hét lên. Tôi hét vì Đại Tá là một thằng khốn hợm hĩnh yêu bản thân, và tôi hét vì gã nói đúng, vì tôi thật sự tin rằng tôi có một mối tình vụng trộm với Alaska? Cô ấy có yêu tôi không? Cô ấy sẽ bỏ Jake vì tôi chứ? Hay đấy chỉ là một phút bốc đồng khác của Alaska? Làm người cuối cùng được cô ấy hôn chẳng thấm tháp gì. Tôi muốn là người cuối cùng được cô ấy yêu. Và tôi biết tôi không phải là người đó. Tôi ghét Alaska vì đã bỏ đi đêm ấy, và tôi ghét bản thân mình, không phải vì tôi đã để cô ấy đi mà vì nếu có tôi là đủ, hẳn cô ấy đã không muốn rời đi. Cô ấy sẽ chỉ nằm với tôi và nói chuyện và khóc, và tôi sẽ lắng nghe và hôn lên nước mắt của cô ấy trong lúc chúng dâng lên trong mắt.

Tôi quay đầu và nhìn một trong những cái ghế nhựa nằm nghiêng. Tôi tự hỏi liệu sẽ có ngày tôi không còn nghĩ đến Alaska nữa không, tự hỏi liệu tôi có nên mong về khoảnh khắc cô ấy chỉ còn là một kí ức xa xăm, thứ duy nhất tôi nhớ là ngày giỗ của cô ấy, hoặc có thể là vài tuần sau, tôi chỉ nhớ đến nó khi đã quên mất.

Tôi biết tôi sẽ nhớ nhiều người chết hơn. Những cái xác chất chồng. Liệu bộ nhớ của tôi có đủ chỗ cho từng người một, hay tôi sẽ quên Alaska từng chút một qua từng tháng ngày còn lại trong cuộc đời.

Lần nọ, lúc mới bắt đầu năm học, Cô ấy và tôi đã đi xuống Trũng Hút Thuốc, và cô ấy đã nhảy vào con lạch Culver khi vẫn còn mang dép. Cô ấy đi qua con lạch, cẩn thận bước trên những tảng đá bám rêu, và nhặt một cành cây úng nước ở bên bờ. Trong lúc tôi ngồi trên khối bê-tông, hai chân đung đưa về phía mặt nước, cô ấy dùng cây lật ngược đá lên và chỉ ra những con tôm đang đớp mồi.

“Cậu nấu chín rồi hút sạch đầu chúng,” cô ấy hào hứng nói. “Đây là phần ngon nhất – phần đầu.”

Cô ấy dạy tôi tất cả những gì tôi biết về tôm và hôn và rượu hồng và thơ. Cô ấy làm tôi thay đổi.

Tôi đốt một điếu thuốc và gắp giọng với con lạch. “Cậu không thể thay đổi mình và rồi bỏ đi,” tôi nói to với cô ấy. “Bởi vì trước đó mình rất ổn, Alaska. Mình ổn với một mình mình và những lời trấn trối và bạn trên trường, và cậu không thể cứ làm mình thay đổi rồi qua đời.” Vì cô ấy đã là hiện thân của Cơ Hội Lớn, cô ấy đã chứng minh rằng việc rời bỏ cuộc sống nhằm chán của tôi cho những cơ hội lớn hơn là xứng đáng, và giờ cô ấy đã biến mất và đi cùng cô ấy là niềm tin của tôi vào cơ hội. Tôi có thể gọi tất cả những điều Đại Tá nói và làm là “ổn.” Tôi có giả vờ rằng mình không quan tâm nữa, nhưng nó không bao giờ đúng nữa. Cậu không thể biến mình thành quan trọng và rồi chết đi, Alaska, bởi vì bây giờ mình đã thật sự đổi khác, và mình xin lỗi vì đã để cậu đi, đúng, nhưng cậu đã lựa chọn. Cậu để mình Không Cơ Hội, kẹt cứng trong cái mê hồn trận chết tiệt của cậu. Và giờ mình thậm chí còn không biết có phải cậu đã chọn lối thoát thẳng và nhanh ấy không, có phải cậu cố ý rời bỏ mình không. Và mình sẽ không bao giờ biết cậu, đúng chứ? Mình không thể nhớ, vì mình chưa bao giờ biết rõ.

Và trong lúc đứng lên về phòng để về giảng hòa với Đại Tá, tôi cố tưởng tượng cô ấy ngồi trên chiếc ghế đó nhưng tôi không thể nhớ cô ấy có vắt chéo chân hay không. Tôi vẫn có thể thấy cô ấy nhếch mép với nụ cười *Mona Lisa* nửa miệng ấy, nhưng tôi không thể mừng tượng đôi tay cô ấy đủ rõ để thấy cô ấy cầm một điếu thuốc. Tôi cần, tôi quyết định, thật sự thấu hiểu cô ấy, vì tôi cần nhiều hơn để tưởng nhớ. Trước khi tôi bắt đầu quá trình quên lãng hồ thẹn rằng cô ấy đã sống và chết như thế nào và tại sao, tôi cần phải khám phá chúng: *Thế nào. Tại sao. Khi nào. Ở đâu. Chuyện gì.*

Ở Phòng 43, sau màn xin lỗi và tha thứ chóng vánh, Đại Tá nói, “Chúng ta đã ra một quyết định mang tính chiến thuật là hoãn gọi điện cho Jake. Chúng ta sẽ theo đuổi những con đường khác.”

hai mươi mốt ngày sau

TRONG LÚC TIẾN SĨ HYDE lê bước vào lớp sáng hôm sau, Takumi ngồi xuống cạnh tôi và viết một ghi chú bên lề cuốn vở của cậu ta. Ăn trưa ở *McKhông-Nuốt-Nồi*, ghi chú viết.

Tôi nguệch ngoạc chữ *Được* vào vở và rồi lật sang trang trống khi Tiến Sĩ Hyde khởi sự nói về Sufi Giáo, bè phái thần bí của Hồi Giáo. Tôi chỉ mới đọc lướt bài học, tôi học vừa đủ để khỏi rớt môn, nhưng trong lúc đọc lướt, tôi đã bắt gặp những lời trần trối hay tuyệt. Một người Sufi mặc trang phục rách rưới đi vào một cửa tiệm trang sức do một nhà buôn giàu có làm chủ và hỏi ông ta, “Ông có biết mình sẽ chết như thế nào không?” Nhà buôn trả lời, “Không. Không ai biết mình sẽ chết như thế nào cả.” Và người Sufi nói, “Ta biết đấy.”

“Như thế nào?” nhà buôn hỏi.

Và người Sufi nằm xuống, khoanh tay, rồi bảo, “Như thế này,” và chết, đoạn nhà buôn nhanh chóng từ bỏ cửa tiệm để sống một cuộc đời nghèo khó để theo đuổi hạnh phúc tâm hồn mà người Sufi quá cố đã đạt được.

Nhưng Tiến Sĩ Hyde đang kể một câu chuyện khác, một câu chuyện tôi đã bỏ qua. “Karl Max từng gọi tôn giáo là ‘thuốc ru ngủ đám đông.’ Phật Giáo, tôn giáo đặc biệt được nhiều người theo, cam đoan hoàn thiện thông qua nhân quả. Hồi Giáo và Thiên Chúa Giáo hứa hẹn thiên đường miên viễn cho những giáo dân trung thành. Và đây là liều thuốc hiệu nghiệm, dĩ nhiên, mong ước có được một cuộc sống tốt đẹp hơn. Nhưng vẫn còn một câu chuyện về người Sufi đã thách thức khái niệm con người luôn tin tưởng chỉ vì họ cần một bài thuốc ngủ. Rabe’a al-Adiwiyah, một thánh nữ vĩ đại của Sufi giáo, bị bắt gặp đang chạy quanh đường phố ở quê hương bà, Basra, một tay cầm ngọn đuốc và tay kia cầm xô nước. Khi có người hỏi bà đang làm gì vậy, bà trả lời “Ta sẽ lấy xô nước này và rưới lên hỏa ngục, và rồi ta sẽ dùng ngọn đuốc này để đốt hết cổng thiên đàng để con người không còn yêu Chúa Trời vì ham muốn thiên đàng hay sợ hãi địa ngục, mà vì ngài là Đấng Toàn Năng.”

Một người phụ nữ mạnh mẽ đến nỗi thiêu cháy thiên đàng và nhấn chìm địa ngục. *Alaska hẳn sẽ thích bà Rabe'a này*, tôi viết vào trong sổ. Nhưng đầu vậy, cuộc sống sau cái chết quan trọng với tôi. Thiên đàng và địa ngục và kiếp sau. Dù tôi muốn biết Alaska đã chết như thế nào, tôi vẫn muốn biết giờ này cô ấy đang ở đâu, nếu có ở đâu thật. Tôi thích tưởng tượng cô ấy đang nhìn xuống chúng tôi, vẫn nhận thức được chúng tôi, nhưng đầy dường như chỉ là mộng tưởng, và tôi chưa bao giờ thật sự cảm thấy nó, như Đại Tá đã nói ở tang lễ rằng cô ấy không ở đó, không ở đâu cả. Thật lòng tôi không thể tưởng tượng cô ấy thành ra thứ gì khác ngoài một xác chết, thân thể đang thối rữa ở Trạm Vine, phần còn lại là một hồn ma chỉ sống trong trí nhớ của chúng tôi. Như Rabe'a, tôi không nghĩ con người nên tin vào Chúa Trời chỉ vì thiên đàng và địa ngục. Nhưng tôi không muốn chạy loanh quanh với một ngọn đuốc. Bạn không thể đốt cháy một nơi chốn tưởng tượng được.

Sau giờ học, trong lúc Takumi nhặt nhanh khoai tây ở McKhông-Nuốt-Nổi, chỉ ăn những miếng giòn nhất, tôi cảm nhận rõ rệt nỗi mất mát cô ấy, vẫn còn choáng váng với ý nghĩ rằng cô ấy không chỉ biến mất khỏi thế giới này mà còn ở mọi thế giới khác.

“Mày thế nào?” tôi hỏi.

“Ừa thì,” cậu ta đáp, miệng đầy khoai tây, “tao khỏe. Mày?”

“Không khỏe.” Tôi cắn một miếng bánh kẹp phô mai. Tôi được tặng một cái xe thồ bằng nhựa với phần Happy Meal, và nó nằm lật ngửa trên bàn, tôi quay tròn bánh xe. “Tao nhớ cô ấy,” Takumi nói, đẩy khay thức ăn ra xa, không thèm để tâm đến những miếng khoai tây mềm nhũn còn lại.

“Ừ. Tao cũng vậy. Tao xin lỗi, Takumi,” và tôi nói thế với nghĩa rộng nhất có thể. Tôi xin lỗi vì hai đứa đã ra nông nỗi này, quay bánh xe ở McDonald's. *Xin lỗi vì người đã đem chúng tôi lại gần nhau giờ đã chết. Xin lỗi vì đã để cô ấy chết. Xin lỗi vì tao đã không nói chuyện với mày vì mày không được biết sự thật về Đại Tá và tao, và tao ghét ở cạnh mày và giả vờ rằng sự tiếc thương của tao không có gì phức tạp, giả vờ rằng cô ấy đã chết và tao nhớ cô ấy thay vì cô ấy đã chết vì tao.*

“Tao cũng thế. Mà hết hẹn hò với Lara rồi, phải không?”

“Tao nghĩ vậy.”

“Được. Nó kiểu cũng thắc mắc.”

Tôi đã lơ em ấy, nhưng lúc đó em cũng bắt đầu lơ lại tôi, nên tôi đoán mọi chuyện đã kết thúc, nhưng có lẽ không. “Chà,” tôi bảo Takumi, “Tao chỉ không thể, tao không biết nữa, mà ời. Phức tạp lắm.”

“Hắn rồi. Nó sẽ hiểu thôi. Chắc đó. Không sao hết.”

“Được.”

“Nghe này, Bé Bự. Tao...à, tao không biết, tệ quá hử?”

“Ừ.”

hai mươi bảy ngày sau

SÁU NGÀY SAU, bốn Chủ Nhật sau Chủ Nhật cuối cùng ấy, Đại Tá và tôi đang cố bắn nhau bằng súng sơn trong khi lộn 900 độ trong lòng máng trượt. “Chúng ta cần nhiều rượu hơn. Và chúng ta cần mượn máy kiểm tra nồng độ cồn của Đại Bàng.”

“Mượn? Mà biết nó ở đâu không?”

“Ờ. Ông chưa bao giờ kiểm tra mà à?”

“Ừm. Không. Ông nghĩ tao là thằng mọt sách.”

“Mày là một thằng mọt sách, Bé Bự ạ. Nhưng mày sẽ không để tiểu tiết đó ngăn mày say sưa.” Thật ra, tôi không còn uống say kể từ đêm ấy, và cũng không hứng thú gì mấy để lặp lại.

Rồi tôi suýt huých chỏ vào mặt Đại Tá, vung tay kịch liệt như thể vịn vẹo thân thể đúng cách sẽ hiệu quả như ấn đúng nút điều khiển đúng lúc ảo tưởng khi-chơi-game đã luôn đeo bám Alaska. Nhưng Đại Tá quá tập trung vào trò chơi nên không thèm để ý. “Mày biết làm thế nào, tao hỏi lại, để ăn trộm máy kiểm tra nồng độ cồn *trong nhà của Đại Bàng* chưa?”

Đại Tá liếc nhìn tôi và nói, “Mày ớn trò này không?” và rồi, không cần nhìn vào màn hình, gã bắn vào giữa hai chân nhân vật trượt ván của tôi với một viên đạn nổ màu xanh. “Nhưng trước tiên, chúng ta phải tìm chút rượu, vì mối tương quan giữa vị chua của ambrosia và rượu của tao đã...”

“BÙM. Biến mất,” tôi kết câu.

Khi tôi mở cửa, Takumi đang ngồi ở bàn học của cậu ta, tai nghe to đùng bao quanh đầu, gật gù theo điệu nhạc. Cậu ta dường như không nhận ra chúng tôi. “Ê,” tôi nói. Không trả lời. “Takumi!” Không trả lời. “TAKUMI!” cậu ta quay lại và kéo tai nghe xuống. Tôi đóng cửa lại và nói, “Mày có rượu không?”

“Tại sao?” Cậu ta hỏi.

“Ừm, vì tụi tao muốn uống say?” Đại Tá trả lời.

“Tuyệt. Tao tham gia với.”

“Takumi,” Đại Tá bảo. “Chuyện này, bọn tao cần thực hiện riêng với nhau.”

“Không. Tao chán cái lý do đó rồi.” Takumi đứng dậy, đi vào phòng tắm, và trở ra với một chai Gatorade đựng đầy chất lỏng trong suốt. “Tao cất nó trong tủ y tế,” Takumi nói. “Vì cơ bản nó cũng là một loại thuốc.” Cậu ta nhét chai rượu vào túi và đi ra khỏi phòng, để cửa mở đặng sau. Một lúc sau, cậu ta ló đầu quay lại và, nhái giọng ra lệnh trầm ồm của Đại Tá một cách hoàn hảo, “Chúa ơi, mày có đi không thế?”

“Takumi,” Đại Tá nói. “Được. Nghe này, việc tụi tao đang làm hơi nguy hiểm, và tao không muốn mày bị liên lụy. Thật đấy. Nhưng, nghe này, từ ngày mai tụi tao sẽ kể hết mọi chuyện cho mày.”

“Tao chán trò giấu giếm quái quỷ này rồi. Cô ấy cũng là bạn tao mà.”

“Ngày mai. Tao thề đấy.”

Cậu ta kéo chai rượu ra khỏi túi và ném nó cho tôi.

“Ngày mai,” cậu ta bảo.

“Tao không muốn nó biết cho lắm,” tôi nói trong lúc hai đứa quay trở về phòng, chai Gatorade nhét trong túi áo len của tôi. “Nó sẽ ghét tụi mình cho mà xem.”

“Ờ, nhưng nó sẽ ghét tụi mình hơn nếu cứ giả vờ là nó không tồn tại,” Đại Tá trả lời.

Mười lăm phút sau, tôi đứng trước cửa nhà Đại Bàng.

Ông cầm một cái muỗng vét bột ra mở cửa, mỉm cười, và nói, “Miles, vào đi. Tôi đang làm bánh kẹp trứng. Trò ăn một cái không?”

“Không ạ, em cảm ơn thầy,” tôi nói, theo Đại Bàng vào bếp.

Công việc của tôi là ngăn ống vào phòng khách trong ba mươi giây để Đại Tá lấy thiết bị kiểm tra độ cồn mà không bị phát hiện. Tôi ho thật lớn để ra hiệu cho Đại Tá biết là đã an toàn. Đại Bàng cầm bánh kẹp trứng lên và cắn một miếng. “Sao trò lại cất công đến thăm tôi thế này?” Ông hỏi.

“Em chỉ muốn nói với thầy rằng Đại Tá, ý em là, Chip Martin cậu ấy là bạn cùng phòng của em, thầy biết đấy, cậu ấy đang đánh vật với môn Latin.”

“Chà, trò ấy không đến lớp, theo những gì tôi biết, điều này có thể khiến việc học hành trở nên rất khó khăn.” Ông đi về phía tôi. Tôi ho tiếp, rồi lùi lại, Đại Bàng và tôi như nhảy điệu tango về phía phòng khách.

“À, dạ, cậu ấy thức cả đêm nghĩ về Alaska,” tôi nói, đứng thẳng lưng, cố che mắt Đại Bàng khỏi phòng khách với bờ vai không-rộng-lắm của tôi. “Họ rất thân thiết, thầy biết đấy.”

“Tôi biết điều đó” ông nói, và trong phòng khách, tiếng giày thể thao của Đại Tá kêu cọt két trên sàn gỗ cứng. Đại Bàng nhìn tôi thắc mắc và bước qua một bên. Tôi nhanh chóng nói, “Bếp đang cháy ạ?” và chỉ về phía chảo chiên.

Đại Bàng quay phắt lại, nhìn bếp lửa rõ-ràng-là-không-cháy, rồi lao về phía phòng khách.

Trống trợn. Ông quay lại phía tôi. “Trò đang có âm mưu gì sao, Miles?”

“Không, thưa thầy. Thật đấy. Em chỉ muốn nói về Chip thôi.”

Ông nướng mày, lộ vẻ hoài nghi. “Ừa, tôi hiểu đây là một mất mát to lớn đối với những người bạn thân của Alaska. Thật tồi tệ. Không gì có thể xoa dịu nỗi đau này, đúng chứ?”

“Vâng ạ.”

“Tôi thông cảm cho Chip. Nhưng sự học là quan trọng. Alaska hẳn cũng muốn, tôi chắc vậy, việc học hành của Chip được tiếp tục suôn sẻ.”

Chắc vậy, tôi nghĩ. Tôi cảm ơn Đại Bàng, và ông hứa sẽ làm bánh kẹp trứng cho tôi trong tương lai gần, làm tôi lo rằng ông sẽ cầm bánh kẹp trứng và xuất hiện ở phòng tụi tôi vào một trưa nào đó để phát hiện hai đĩa A. lén hút thuốc trong lúc Đại Tá B. lén uống sữa trộn vodka trong bình gần bốn lít.

Được nửa đường về kí túc xá, Đại Tá đuổi kịp tôi. “Mày tỉnh phết, với cái câu ‘bếp đang cháy ạ?’ Nếu mày không hỏi thế, tao đã bị nướng chín rồi. Dù tao đoán giờ mình phải đến lớp Latin. Môn Latin ngu ngốc.”

“Mày lấy được không?” Tôi hỏi.

“Ờ,” Gã nói. “Ờ. Lạy Chúa, cầu trời tối nay ông không đi kiểm nó. Mà thiệt, ông sẽ không bao giờ nghi ngờ cái gì. Ai lại ăn cắp một *cái máy đo nồng độ* còn chứ?”

Vào hai giờ sáng, Đại Tá uống ly vodka thứ sáu, nhăn mặt, đoạn huơ tay về phía chai Mountain Dew tôi đang uống. Tôi đưa nó cho gã, và gã uống một ngụm lớn.

“Tao không nghĩ ngày mai mình có thể đến lớp Latin,” gã nói. Giọng gã hơi lè nhè, như thể lưỡi đã bị bỏng. “Một lần nữa thôi,” tôi van nài.

“Được rồi. Nhưng tới đây thôi nhé.” Gã rót một chút vodka vào một cái ly giấy, nuốt ực, trề môi, và siết chặt nắm tay. “Ôi Chúa ơi, kinh quá. Uống với sữa đỡ hơn nhiều. Đống này phải được hai mươi bốn điểm đó.”

“Chúng ta phải chờ mười lăm phút sau ly cuối của mày mới kiểm tra,” tôi nói sau khi đã tải hướng dẫn sử dụng máy đo nồng độ cồn từ Internet xuống.

“Mày thấy say chưa?” “Nếu cơn say là bánh quy, tao sẽ là hiệu Famous Amos.” Chúng tôi bật cười. “Bớ Chip! Còn gì vui hơn nữa,” tôi nói.

“Thứ lỗi cho tao. Tao không tinh táo.”

Tôi giữ máy đo nồng độ cồn trong tay, một cái máy màu bạc bóng loáng cỡ một cái điều khiển nhỏ. Bên dưới màn hình LCD là một cái lỗ bé tí. Tôi thổi vào đó để kiểm tra: 0.00, nó hiện ra. Tôi đoán máy vẫn hoạt động.

Sau mười lăm phút, tôi đưa máy cho Đại Tá. “Thổi thật mạnh vào đó ít nhất hai giây,” tôi nói.

Đại Tá phồng má, gã thổi một hơi mạnh và dài vào cái lỗ, khuôn mặt dần đỏ bừng.

.16. “Ôi không,” Đại Tá nói. “Chúa ơi.”

“Mày được hai phần ba quãng đường rồi,” tôi khuyến khích gã.

“Ừa, nhưng tao được hai phần ba quãng đường đến nôn ọe.”

“Ờ, rõ ràng là được mà. Cô ấy làm được. Coi nào! Mày uống hơn một đũa con gái được mà, đúng không?”

“Đưa tao chai Mountain Dew,” gã đánh mặt nói.

Và rồi tôi nghe tiếng bước chân ngoài cửa. Những tiếng bước chân. Chúng tôi chờ đến 1:00 sáng để bật đèn, nghĩ rằng mọi người đã ngủ từ lâu, chẳng nào cũng là tối ngày thường, nhưng những tiếng bước chân, chết tiệt, và trong lúc Đại Tá nhìn tôi thắc mắc, tôi giật lấy máy đo nồng độ từ gã và nhét nó vào giữa đệm mút của ghế sofa và gom ly giấy và chai Gatorade đựng vodka rồi lùa chúng xuống dưới BÀN CÀ PHÊ, và tôi rút một điều thuốc khỏi hộp rồi đốt nó ngay lập tức, mong rằng mùi khói sẽ át hết mùi rượu. Tôi phà khói mà không hít vào, cố phủ kín căn phòng, và tôi sắp quay lại sofa thì ba tiếng gõ cửa gấp rút vang lên và Đại Tá nhìn tôi, hai mắt mở to, tương lai bất chợt u tối hiện ra trước mắt gã, và tôi thì thầm, “Khóc đi,” trong lúc Đại Bàng vặn tay nắm cửa.

Đại Tá khom người tới, đầu vùi vào giữa gối, đôi vai run run, và tôi vòng tay ôm gã trong lúc Đại Bàng bước vào.

“Em xin lỗi,” tôi nói trước khi Đại Bàng kịp mở miệng. “Đêm nay cậu ấy rất buồn.”

“Trò đang *hút thuốc* sao?” Đại Bàng hỏi. "*Trong phòng? Bốn tiếng sau khi tắt đèn?*”

Tôi bỏ điều thuốc vào lon nước ngọt uống dở. “Em xin lỗi thầy. Em chỉ cố thức cùng cậu ấy.”

Đại Bàng đi tới sofa, và tôi thấy Đại Tá bắt đầu đứng dậy, nhưng tôi đè vai gã xuống, vì nếu Đại Bàng nghĩ thấy hơi thở của Đại Tá thì chúng tôi chắc chắn sẽ tiêu đời. “Miles,” Đại Bàng nói. “Tôi hiểu quãng thời gian này rất khó khăn với trò. Nhưng trò phải tôn trọng luật lệ của ngôi trường này, hoặc trò sẽ trúng tuyển vào một nơi khác. Tôi sẽ gặp trò ở Ban Bồi Thâm ngày mai. Tôi có thể làm gì cho em không, Chip?”

Vẫn không ngẩng đầu lên, Đại Tá trả lời bằng giọng run run, nghẹn ngào, “Không, thưa thầy. Em chỉ mừng vì đã có Miles.”

“Chà, tôi cũng vậy,” Đại Bàng nói. “Có lẽ em nên khuyên khích trò ấy sống trong khuôn khổ hơn, đừng để trò ấy vấp phải nguy cơ bị đuổi học.”

“Vâng, thưa thầy,” Đại Tá đáp.

“Hai trò có thể để đèn đến khi sẵn sàng đi ngủ. Hẹn gặp trò ngày mai, Miles.”

“Chúc thầy ngủ ngon,” tôi nói, tưởng tượng cảnh Đại Tá đem thiết bị đo nồng độ cồn trả lại nhà Đại Bàng trong lúc tôi bị xét xử ở Ban Bồi Thâm. Trong lúc Đại Bàng đóng cửa lại, Đại Tá đứng phắt dậy, mỉm cười với tôi, vẫn lo rằng Đại Bàng có thể ở ngoài cửa, gã thì thầm, “Mày chơi đẹp đấy.”

“Tao học từ bậc thầy giỏi nhất mà,” tôi nói. “Giờ uống đi.”

Một tiếng sau, chai Gatorade đã gần hết, Đại Tá đạt .24.

“Tạ ơn Chúa Giê-su!” gã reo to, rồi thêm vào. “Tệ quá. Chẳng phải buổi nhậu vui vẻ gì.”

Tôi đứng lên và dẹp BÀN CÀ PHÊ qua một bên để Đại Tá có thể dọc lui căn phòng mà không đụng phải vật cản, rồi nói, “Được, mà đừng được không?”

Đại Tá chống tay lên lớp đệm mút và bắt đầu nhồm dậy, nhưng lại ngã tiếp xuống ghế, gã nằm ngửa ra. “Phòng quay quay,” gã nhận xét. “Tao nôn đây.”

“Đừng nôn. Hư bột hư đường hết.”

Tôi quyết định sẽ thử độ tỉnh táo của gã, như cảnh sát hay làm. “Được rồi. Lại đây và cố đi thẳng xem.” Gã lăn khỏi sofa và ngã xuống sàn, và tôi xốc nách gã đứng dậy. Tôi đặt gã đứng giữa hai ô vuông trên sàn sơn. “Đi theo đường gạch đỏ. Đi thẳng, từ ngón đến gót chân.” Gã nhắc một chân và ngay lập tức nghiêng sang bên trái, hai tay huơ loạn xạ. Gã bước một bước loạn choạng, có hơi lắc lư, như thể hai chân gã không thể đáp đất thẳng hàng. Gã thoáng lấy lại thăng bằng, rồi lùi lại một bước và ngã xuống ghế. “Tao thua,” gã nói tỉnh queo.

“Được, trường nhìn của mày thế nào?”

“Trường học gì của tao cơ?”

“Nhìn tao đi. Mày thấy một, hay hai người? Mày có thể vô tình tông phải tao nếu tao là một cái xe cảnh sát không?” “Mọi thứ xoay như chong chóng, nhưng tao không nghĩ vậy. Tệ quá. Nó đã như thế này sao?”

“Hắn vậy. Mày lái xe nổi không?”

“Ôi lạy Chúa, không. Không. Không. Nó đã say bí tỉ.”

“Ờ.”

“Chúng ta ngu thật.”

“Ờ.”

“Đầu tao quay mòng mòng. Nhưng không. Không xe cảnh sát gì sất. Tao vẫn nhìn được.”

“Chứng cứ của mày đó.”

“Có thể nó ngủ gục. Tao buồn ngủ quá.”

“Chúng ta sẽ tìm ra,” tôi nói, cố diễn thay vai mà Đại Tá luôn diễn vì tôi.

“Không phải tối nay,” gã trả lời. “Tối nay, chúng ta sẽ nôn một chút, rồi chúng ta sẽ ngủ cho qua cơn say.” “Đừng quên tiết Latin.”

“Phải. Latin chết tiết.”

hai mươi tám ngày sau

ĐẠI TÁ LẾT ĐƯỢC TỚI LỚP Latin vào sáng hôm sau “Giờ tao thấy rất đỉnh, vì tao vẫn còn say. Nhưng cầu Chúa giúp tao vượt qua mấy tiếng sắp tới” và tôi làm bài kiểm tra Tiếng Pháp mà tôi đã học *un petit peu*. Tôi làm trắc nghiệm khá ổn (mấy câu hỏi kiểu thì-nào-đúng-trong-câu), nhưng câu hỏi luận văn, *Trong Le Petit Prince, ý nghĩa của bông hoa hồng là gì? Làm tôi hơi bối rối.*

Nếu tôi đã đọc qua *Hoàng Tử Bé* bằng tiếng Anh hoặc Pháp, tôi đoán câu hỏi này đã dễ hơn. Không may thay, tôi đã dành cả tối để chuốc rượu Đại Tá. Nên tôi trả lời, *Elle symbolise l'amour* (“Nó đại diện cho tình yêu”). Madame O’Malley đã chừa hẳn một trang giấy cho chúng tôi trả lời câu hỏi đó, nhưng tôi nghĩ tôi sẽ trả lời đầy đủ trong ba chữ.

Tôi học hành vừa đủ chăm để đạt điểm B-trừ và không làm cha mẹ lo lắng, nhưng giờ tôi không quan tâm nữa. Ý nghĩa của bông hoa hồng? Tôi nghĩ. *Ai mà biết?* Ý nghĩa của hoa tulip trắng là gì? Đây mới là câu hỏi đáng trả lời.

Sau khi bị thuyết giáo và phạt mười giờ lao động công ích ở Ban Bồi Thẩm, tôi quay về Phòng 43 để nghe Đại Tá kể cho Takumi mọi chuyện— chà, mọi chuyện trừ nụ hôn. Tôi đi vào lúc Đại Tá nói, “Nên tụi tao giúp nó rời trường.”

“Tụi mày đã đốt pháo,” Cậu ta nói.

“Sao mà biết vụ pháo hoa?”

“Tao đã điều tra một chút,” Takumi trả lời. “Ừ, dù sao đi nữa, đúng là ngu. Đáng ra tụi mày không nên làm thế. Nhưng tất cả chúng ta đều để cô ấy đi, thật sự,” cậu ta nói, và tôi tự hỏi ý của cậu ta là cái quái gì, nhưng tôi không kịp hỏi thì cậu ta nói với tôi, “Nên mày nghĩ đó là một vụ tự tử?”

“Có thể,” tôi nói. “Mọi thứ đều là có thể, không phải sao?”

Đại Tá đút tay vào túi áo tìm hộp thuốc, “Ừ, một câu nữa đây: *Có thể* Jake biết câu trả lời,” gã nói. “Tụi tao đã thử hết chiến thuật rồi, nên ngày mai tao sẽ gọi anh ta, đồng ý?”

Tôi cũng muốn biết câu trả lời, ngoại trừ một vài câu hỏi. “Ừ, đồng ý,” tôi nói. “Nhưng nghe này, đừng kể cho tao những thứ không liên quan. Tao không muốn biết gì hết trừ phi nó sẽ giúp tao biết cô ấy đang đi đâu và tại sao.”

“Nói thật thì tao cũng vậy,” Takumi bảo. “Tao nghĩ vài thứ cần được giữ kín.”

Đại Tá nhét một cái khăn dưới cửa, đốt thuốc lá, và nói, “Được thôi, hai nhóc. Chúng ta sẽ chỉ hỏi những-gì-cần-biết.”

hai mươi chín ngày sau

TRONG LÚC TRỞ VỀ từ lớp học ngày hôm sau, tôi thấy Đại Tá ngồi trên ghế đá ngoài bộ điện thoại, nguệch ngoạc ghi vào cuốn sổ đặt trên đùi trong khi kẹp điện thoại giữa tai và vai.

Tôi nhanh chóng chạy vào Phòng 43, nơi Takumi đang chơi game đua xe tắt tiếng. “Nó nói chuyện điện thoại bao lâu rồi?” tôi hỏi.

“Không biết. Lúc tao tới hai mươi phút trước nó đã nói rồi. Chắc nó bỏ lớp Toán Thiên Tài. Tại sao, mà sợ Jake sẽ lái xuống đây và đập mày một trận vì đã để cô ấy đi à?”

“Sao cũng được,” tôi nói, thầm nghĩ. *Đấy chính xác là lý do vì sao chúng ta không nên nói cho anh ta biết.* Tôi đi vào phòng tắm, mở vòi sen, và đốt một điếu thuốc. Takumi đi vào không lâu sau đó.

“Sao thế?” cậu ta hỏi.

“Không có gì. Tao chỉ muốn biết chuyện gì đã xảy ra với cô ấy.”

“Mày thật lòng muốn biết sự thật à? Hay mày chỉ muốn biết rằng cô ấy đã cãi nhau với anh ta và đang lái xe đến để chia tay và sẽ quay lại đây rồi ngã vào vòng tay mày và cả hai sẽ làm tình một cách nóng bỏng, ngọt ngào và sinh ra những đứa nhỏ thiên tài có thể ghi nhớ những lời trăng trối và những bài thơ?”

“Nếu mày giận tao thì cứ nói thẳng.”

“Tao không giận mày vì đã để cô ấy đi. Nhưng tao phát ngán cái kiểu tỏ ra mày là thằng duy nhất từng ham muốn cô ấy. Như thế mày giữ độc quyền để thích cô ấy,” Takumi trả lời. Tôi đứng dậy, nhắc nắp bồn cầu lên, và xả trôi điếu thuốc hút dở.

Tôi nhìn cậu ta một lúc lâu, rồi nói, “Đêm đó tao đã hôn cô ấy, và đấy là chuyện tao giữ độc quyền.”

“Cái gì?” cậu ta lặp bặp.

“Tao đã hôn cô ấy.”

Cậu ta há miệng ra như muốn nói gì, nhưng lại thôi. Chúng tôi nhìn nhau thật lâu, và tôi thấy xấu hổ vì đã làm một chuyện tương đương với khoe khoang, và cuối cùng tôi nói, “Tao—nghe này, mày biết cô ấy thế nào mà. Cô ấy muốn là làm. Có lẽ tao chỉ là cái thằng tình cờ ở đó.”

“Ừ. Chà, tao chưa bao giờ là cái thằng đó,” cậu ta đáp. “Tao—chậc, Bé Bự, thề có Chúa, tao không thể đổ lỗi cho mày được.”

“Đừng kể với Lara.”

Cậu ta đang gật đầu trong lúc chúng tôi nghe ba tiếng gõ nhanh trên cửa, vốn là kiểu của Đại Bàng, và tôi nghĩ, *Chết tiệt, bị bắt hai lần trong một*

tuần, và Takumi chỉ về phía buồng tắm, và chúng tôi nhảy vào cùng nhau và kéo màn lại, vòi sen quá-thấp phun nước lên người chúng tôi từ xương sườn trở xuống. Bị ép phải đứng gần nhau hơn mức cần thiết, chúng tôi đứng đó, im lặng, vòi sen đang chảy dần thấm đẫm áo thun và quần jean của chúng tôi trong mấy phút đặng đặng, trong lúc cả hai đợi hơi nước đưa khói thuốc bay lên lỗ thông hơi. Nhưng Đại Bàng không gõ cửa phòng tắm, và sau cùng Takumi tắt vòi sen. Tôi hé cửa phòng tắm ti hí và nhìn thấy Đại Tá ngồi trên sofa nệm mút, chân gác trên BÀN CÀ PHÊ, chơi nốt vòng đua NASCAR của Takumi. Tôi mở cửa và cùng Takumi bước ra ngoài, quần áo ướt đẫm từ trên xuống.

“Ồ, chuyện hiểm thấy à nha,” Đại Tá thản nhiên nói. “Cái quái gì vậy?” Tôi hỏi.

“Tao gõ cửa như Đại Bàng để dọa tụi mày.” Gã mỉm cười. “Nhưng mẹ ơi, nếu tụi mày cần không gian riêng thì lần tới dán giấy ở cửa là được.”

Takumi và tôi bật cười, rồi Takumi nói, “ừ, Bé Bự và tao đang đến chỗ hay, nhưng này, từ ngày tắm chung tao thấy gần gũi mày hơn nhiều đó, Bé Bự.”

“Sao rồi?” Tôi hỏi. Tôi ngồi xuống BÀN CÀ PHÊ, và Takumi ngồi phịch xuống cạnh Đại Tá trên ghế, cả hai đều ướt sũng và hơi lạnh nhưng vẫn quan tâm tới cuộc nói chuyện của Đại Tá và Jake hơn là hong khô người.

“Thú vị lắm. Đây là những gì tụi mày cần biết: Anh ta tặng hoa cho nó, như chúng ta đã đoán. Hai người họ không cãi nhau. Anh ta chỉ gọi điện vì đã hứa sẽ gọi vào kỷ niệm tám tháng, vào đúng ba giờ hai phút sáng, cái giờ—đồng ý đi—hơi quái đản, và tao đoán bằng cách nào đó nó đã nghe thấy điện thoại reng. Và họ nói chuyện linh tinh chừng năm phút, và bất thành linh, nó hoảng lên.” “Bất thành linh?” Takumi hỏi.

“Cho phép tao xem lại số tay,” Đại Tá lật số. “Được. Jake nói, ‘Lễ kỷ niệm vui chứ?’ và rồi Alaska nói, ‘Em đã có một lễ kỷ niệm *tuyệt cú mèo*,’ và tôi có thể nghe Đại Tá thuật lại vẻ hào hứng trong giọng nói của cô ấy, cách cô ấy liền thoáng một vài từ như *tuyệt cú mèo* và *hết sảy* và *chắc chắn*

rồi. “Rồi mọi thứ im lặng, đoạn Jake hỏi, ‘Em đang làm gì đó?’ và Alaska đáp, ‘Không có gì, chỉ vẽ linh tinh thôi anh,’ và rồi nó nói, ‘Ôi Chúa ơi.’ Và rồi nó bảo, ‘Chết tiệt chết tiệt chết tiệt’ và bắt đầu nức nở, và nói với anh ta rằng nó phải đi nhưng nó sẽ nói chuyện với anh ra sau, tuy nhiên nó đã không nói là nó đang lái xe tới gặp anh ta, và Jake không biết việc đó. Anh ta không biết nó đang đi đâu, nhưng anh ta bảo nó luôn hỏi trước khi đến gặp anh ta, và nó đã không hỏi, nên chắc chắn nó đã không đến chỗ anh ta. Chờ chút, để tao tìm trích dẫn.” Gã lật một trang trong sổ. “Đây rồi: ‘cô ấy nói cô ấy sẽ nói chuyện với anh sau, không phải là *gặp* anh sau.’”

“Cô ấy bảo tao ‘Lần sau tiếp tục’ và nói với anh ta là nói chuyện với anh sau,” tôi chỉ ra.

“Ừa. Biết rồi. Những dự định tương lai. Khá mâu thuẫn với một người muốn tự tử. Thế rồi nó quay về phòng, la hét về chuyện quên mất cái gì đó. Và cuộc đua liều lĩnh của nó kết thúc. Nghĩa là không có câu trả lời nào, vậy đấy.” “Ờ thì, chúng ta biết nơi cô ấy sẽ không đến.”

“Trừ phi cô ấy nổi hứng bất tử,” Takumi nói. Cậu ta ngó tôi. “Và từ những gì tao được nghe thì đêm ấy cô ấy nổi hứng bất tử hơi nhiều.”

Đại Tá tò mò nhìn sang tôi, và tôi gật đầu.

“Ờ,” Takumi đáp. “Tao biết.”

“Được, xong. Và mày tức điên, nhưng rồi mày tắm chung với Bé Bự và mọi thứ đã ổn thỏa. Tuyệt vời, Nên, nên đêm đó...” Đại Tá tiếp tục.

Và chúng tôi cố thuật lại cuộc nói chuyện tối đó hết mức có thể cho Takumi, nhưng cả hai thằng đều không nhớ rõ, phần vì Đại Tá say rượu và tôi không để ý lắm đến khi cô ấy đề nghị chơi trò Nói Thật hay Thách Đố. Và, dù sao đi nữa, chúng tôi không biết nó có quan trọng lắm không. Những lời trần trối luôn khó nhớ hơn khi không ai biết rằng người ấy sẽ chết.

“Ý tao là,” Đại Tá nói, “Tao nghĩ nó và tao đang nói về chuyện tao thích trượt ván trên máy tính như thế nào nhưng tao lại chưa bao giờ nghĩ tới chuyện thử bước lên một tấm ván trượt ngoài đời thật, và rồi nó bảo, ‘Cùng chơi Nói Thật hay Thách Đố đi’ và rồi mày chơi nó.”

“Khoan, mà *chơi* cô ấy? Ngay trước mặt Đại Tá?” Takumi rống lên.

“Tao không có *chơi* cổ.”

“Bình tĩnh đi mấy nhóc,” Đại Tá nói, giơ hai tay lên. “Nó chỉ là phép ẩn dụ thôi.”

“Cho cái gì?” Takumi hỏi.

“Hôn hít.”

“Ẩn dụ hay đây.” Takumi đảo mắt. “Tao có phải là người duy nhất nghĩ rằng chuyện đó đáng chú ý không?” “Ờ, trước đó tao cũng không,” Tôi hững hờ đáp. “Nhưng giờ tao không biết nữa. Cô ấy đã không kể với Jake. Chắc chẳng quan trọng mấy đâu.”

“Có thể cổ thấy cần rút vì tội lỗi,” cậu ta nói.

“Jake bảo nó có vẻ bình thường trên điện thoại trước khi hoảng lên,” Đại Tá nói. “Nhưng biết đâu chính là cú điện thoại ấy. Chuyện gì đó đã xảy ra mà chúng ta không biết.” Đại Tá đưa tay vò mái tóc rậm dày, ra chiều bức bối. “Chúa ơi, chuyện gì đó. Chuyện gì bên trong nó. Và giờ chúng ta chỉ cần tìm ra đó là chuyện gì.”

“Nghĩa là chúng ta chỉ cần đọc được ý nghĩ của một người chết,” Takumi đáp. “Dễ như ăn cháo.”

“Chính xác. Muốn xin quắc cần câu không?” Đại Tá hỏi. “Tao không có hứng,” tôi trả lời.

Đại Tá đút tay vào hõm nút trên sofa và lôi ra chai Gatorade của Takumi. Takumi cũng không muốn uống, nhưng Đại Tá chỉ nhếch mép và nói, “Thế thì tao được uống nhiều hơn,” và nốc cạn.

ba mươi bảy ngày sau

THỨ TƯ TUẦN SAU, tôi đụng trúng Lara sau lớp tôn giáo, theo đúng nghĩa đen. Tôi đã gặp em, dĩ nhiên. Tôi gặp em gần như mỗi ngày, trong lớp Quốc Ngữ hoặc thấy em đang ngồi trong thư viện thì thầm với bạn cùng

phòng của mình, Katie. Tôi gặp em ở bữa trưa và bữa tối tại căn-tin, và chắc tôi sẽ gặp em ở bữa sáng, nên tôi dậy sớm đi ăn. Và hẳn nhiên, em cũng thấy tôi nữa, nhưng chúng tôi đã không, cho đến sáng hôm đó, nhìn nhau cùng một lúc.

Đến giờ, tôi đoán em đã quên tôi. Sau cùng thì, chúng tôi chỉ mới hẹn hò đúng một ngày, dù là một ngày bận rộn.

Nhưng khi tôi va phải vai trái của em khi đang chen đến lớp toán học dự bị, em ấy đã quay lại và ngẩng lên nhìn tôi. Em tức giận, và không phải vì cú va. “Anh xin lỗi,” tôi buột miệng, và em chỉ nheo mắt nhìn tôi như người ta chuẩn bị đánh nhau hoặc khóc lóc, và lặng lẽ biến mất vào lớp học. Ba từ đầu tiên tôi đã nói với em sau một tháng.

Tôi muốn nói chuyện với em. Tôi biết mình rất bí ối—*tưởng tượng xem*, tôi cứ mãi tự nhủ, *nếu mà là Lara, với một người bạn đã mất và một anh bạn trai im lặng*—nhưng tôi chỉ có duy nhất một khao khát, và cô ấy đã chết rồi, và tôi muốn biết lý do tại sao và thế nào, và Lara thì không thể trả lời, và đây là tất cả những gì đáng quan tâm.

bốn mươi lăm ngày sau

SUỐT MẤY TUẦN, Đại Tá và tôi thỏa mãn nhu cầu hút thuốc của mình nhờ vào lòng thương hại, chúng tôi được mọi người cho mấy gói thuốc rẻ tiền, từ Molly Tan đến thẳng Longwell Chase từng-đế-đầu-húi-cua. Như thế ai cũng muốn giúp và không thể nghĩ ra cách nào hay hơn. Nhưng đến cuối tháng Hai, lòng thương hại ấy đã chấm dứt. Thật ra cũng nên thế. Tôi chưa bao giờ cảm thấy thoải mái khi nhận quà của người khác, vì họ không biết chính chúng tôi đã lên đạn và đặt súng vào tay cô ấy.

Nên sau giờ học, Takumi chở chúng tôi đến tiệm rượu “Chúng Tôi Đáp Ứng Nhu Cầu Tinh Thần Của Bạn” Coosa. Trưa hôm đó, Takumi và tôi đã nhận được kết quả thăm hại của bài thi học kì quan trọng đầu tiên của môn toán học dự bị. Chắc vì Alaska không còn ở đây để dạy kèm chúng tôi

quanh một đồng khoai tây McKhông- Nuốt-Nổi, và cũng vì chẳng có thằng nào học hành đàng hoàng, chúng tôi đều có nguy cơ bị gửi bảng điểm về nhà.

“Vấn đề là tao không thấy môn này thú vị,” Takumi thản nhiên nói.

“Hơi khó giải thích chuyện đó cho giám đốc tuyển sinh ở Havard,” Đại Tá đốp lại.

“Tao không biết,” tôi nói. “Tao thấy nó khá hấp dẫn.”

Và chúng tôi bật cười, nhưng tiếng cười dần biến thành bầu không khí im lặng ngọt ngào, và chúng tôi biết tất cả đều đang nghĩ về cô ấy, đã chết và tắt ngóm tiếng cười, cơ thể lạnh băng, không còn là Alaska nữa. Ý nghĩ rằng Alaska không còn nữa vẫn khiến tôi sững sờ mỗi lần nghĩ đến. *Cô ấy đang thối rữa dưới lòng đất ở Trạm Vine, Alabama*, tôi nghĩ, nhưng cũng chẳng chính xác. Xác cô ấy nằm đó, nhưng cô ấy không ở đâu cả, không là gì hết, *BÙM*.

Khoảng thời gian vui vẻ nhất dường như luôn đi kèm nỗi buồn, bởi vì khi chúng tôi nhận ra cuộc đời có ý nghĩa như thế nào khi cô ấy ở bên cũng là lúc chúng tôi biết rằng cô ấy đã hoàn toàn biến mất thật rồi.

Tôi mua thuốc hút. Tôi chưa bao giờ đặt chân vào tiệm rượu Coosa, nhưng nó tiêu điều y chang Alaska đã tả: sàn gỗ bụi bặm kêu cọt két trong lúc tôi đi đến quầy tính tiền, và tôi thấy một thùng rượu lớn đựng đầy nước mặn đứng ra phải chứa MỖI SỐNG, nhưng thực tế chỉ toàn những cá tuế đã chết nổi lên bềnh. Người phụ nữ đứng sau quầy nhe bốn cái răng cười với tôi lúc tôi bảo bà bán cho một hộp Marlboro Lights.

“Cậu học Culver Creek hở?” bà hỏi, và tôi không biết mình nên nói thật hay không, vì không thằng học sinh cấp ba nào mười chín tuổi cả, nhưng bà cầm lấy một hộp thuốc ở dưới và đặt nó lên quầy mà không hỏi thẻ căn cước, nên tôi đáp, “Vâng ạ.”

“Học hành thế nào?” bà hỏi.

“Ồn ạ,” tôi trả lời.

“Nghe bảo mới có người ở đó chết.”

“Vâng,” tôi nói.

“Ta rất tiếc về chuyện đó.”

“Vâng.”

Người phụ nữ, tôi không biết tên vì đây không phải loại cửa hàng sẽ tốn tiền làm thẻ tên nhân viên, có một cọng lông trắng dài mọc từ nốt ruồi trên má trái. Không gớm ghiếc, không hẳn, nhưng tôi không thể ngừng liếc nó rồi nhìn đi chỗ khác.

Sau khi quay lại xe, tôi đưa một hộp thuốc lá cho Đại Tá.

Chúng tôi kéo cửa sổ xuống, dù cái lạnh tháng Hai rét cắt da mặt và tiếng gió ào ào khiến chúng tôi không thể nói chuyện với nhau. Tôi ngồi ở một góc và hút thuốc, tự hỏi vì sao bà già ở tiệm rượu Coosa không giật đứt cọng lông khỏi nốt ruồi cho rồi. Gió thổi qua cửa sổ để mở của Takumi ở đằng trước và tấp vào mặt tôi. Tôi nhích vào chính giữa ghế sau và ngược nhìn Đại Tá ở ghế cạnh tài xế, gã đang cười, quay mặt sang luồng gió thổi vào từ cửa sổ.

bốn mươi sáu ngày sau

TÔI KHÔNG MUỐN NÓI CHUYỆN VỚI LARA, nhưng buổi trưa ngày hôm sau, Takumi nói đúng một câu khiến lương tâm tôi cắn rứt. “Mày nghĩ Alaska sẽ nghĩ gì về cái quỉ này?” cậu ta hỏi trong lúc nhìn Lara ngồi ở bên kia căn-tin. Em ấy đang ngồi cách chúng tôi ba bàn cùng với bạn cùng phòng, Katie, đang kể chuyện gì đó, và Lara mỉm cười mỗi lần Katie bật cười trước một câu đùa của chính mình. Lara múc một nĩa đầy món bắp đóng hộp và giữ nó ở trên đĩa, đưa miệng lại gần và cúi đầu xuống trong lúc ngậm lấy cái nĩa, một người ăn im lặng.

“Em có thể nói chuyện với *tao*” tôi bảo Takumi.

Takumi lắc đầu. Miệng cậu ta há ra nhoèn nhoẹt khoai tây, và cậu ta nói, “Mài phải nói.” Cậu ta nuốt ực. “Tao hỏi mày câu này, Bé Bự. Khi mày già cỗi và nhăn nheo và cháu nội mày đang ngồi trên đùi mày và ngẩng lên nhìn mày hỏi, ‘Ông ơi, ai là người đầu tiên bày trò với ông ạ?’ mày có muốn nói với chúng nó đấy là một cô gái mà mày đã ngó lơ suốt những năm cấp ba không? Không!” cậu ta mỉm cười. “Mày muốn nói là, ‘Người bạn yêu quý của ông Lara Buterskaya. Một cô gái đáng mến. Đẹp hơn bà nội của các cháu nhiều.’” Tôi cười khanh khách. Rồi, được. Tôi phải nói chuyện với Lara.

Sau giờ học, tôi đến phòng Lara và gõ cửa, và rồi em ấy đứng trước cửa, nhìn như kiêu, Sao? *Giờ sao? Không còn gì cứu vãn được rồi, Bé Bự*, và tôi nhìn ra sau em, nhìn căn phòng tôi chỉ mới vào một lần, nơi tôi đã nhận ra rằng có hôn hay không thì tôi cũng không thể trò chuyện cùng em và trước khi thỉnh lặng trở nên quá bối rối, tôi mở miệng. “Anh xin lỗi,” tôi nói.

“Vì cái gì?” em hỏi, vẫn nhìn về phía tôi nhưng không nhìn thẳng vào tôi.

“Vì đã ngó lơ em. Vì tất cả mọi thứ,” tôi đáp.

“Anh đâu cần là bạn trai *cũ* em.” Em trông thật xinh đẹp, đôi mắt to tròn chớp lia lịa, hai má mềm mại và đầy đặn, dẫu vậy sự đầy đặn ấy chỉ có thể nhắc tôi nhớ về khuôn mặt thon gọn của Alaska và gò má cao của cô ấy. Nhưng tôi có thể sống với nó và dù sao đi nữa, tôi buộc phải làm thế. “Anh là bạn em cũng được mà,” em nói tiếp.

“Anh biết. Anh đã làm hỏng mọi chuyện. Anh xin lỗi.”

“Đừng tha cho thằng tôi đó,” Katie hét lên từ bên trong phòng.

“Em tha *lỗi* cho anh.” Lara mỉm cười và ôm tôi, tay em siết chặt hông tôi. Tôi vòng tay ôm lấy vai em và ngửi thấy mùi hoa violet trên tóc.

“Tôi không tha thứ cho anh,” Katie nói, xuất hiện ở ngay cửa. Và dù Katie và tôi không thân nhau lắm, cô nàng vẫn thừa thoải mái để lên gối vào chỗ nhạy cảm của tôi. Đoạn cô nàng mỉm cười, và trong lúc tôi cong người quăn quại, Katie hả hê nói, “Giờ tôi mới tha thứ cho anh.”

Lara và tôi đi bộ đến bờ hồ, không có Katie và chúng tôi nói chuyện. Chúng tôi nói chuyện về Alaska và về một tháng vừa qua, về việc em ấy phải nhớ cả tôi và Alaska, trong khi tôi chỉ nhớ về Alaska (vốn là sự thật). Tôi thú nhận với em mọi thứ có thể, từ pháo hoa đến Sở Cảnh Sát Pelham và những bông tulip trắng.

“Anh yêu cô ấy,” tôi nói, và Lara bảo em cũng yêu cô ấy, và tôi nói, “Anh biết, nhưng đây chính là lí do. Anh yêu cô ấy, và sau khi cô ấy mất anh không thể nghĩ về bất kỳ điều gì khác. Cảm giác giống như, kiểu, không chân thành. Như ngoại tình.”

“Đây không phải lí do chính đáng,” em nói.

“Anh biết,” tôi trả lời.

Em khẽ cười. “Ừa, thế thì tốt. Miễn anh biết là được.” Tôi biết tôi sẽ không dễ xóa bỏ cơn giận ấy, nhưng chúng tôi đang nói chuyện.

Khi màn đêm bao trùm cả buổi chiều, ếch kêu ồm ộp và đàn côn trùng vừa tái xuất hiện đang bay vo ve quanh sân trường, và bốn chúng tôi, Takumi, Lara, Đại Tá, và tôi đi dưới ánh trăng tròn xám nhạt đến Trùng Hút Thuốc.

“Này, Đại Tá, *chao* anh lại gọi nó là *Trùng* Hút Thuốc?” Lara hỏi. “Nó như là, ừm, một đường hầm.”

“Giống trùng câu cá ấy,” Đại Tá đáp. “Ví dụ nếu chúng ta câu cá, chúng ta sẽ câu cá ở đây. Nhưng chúng ta lại hút thuốc. Anh không biết. Anh nghĩ Alaska đã đặt tên cho nó.” Đại Tá rút một điếu thuốc khỏi hộp và ném nó vào nước.

“Mày làm cái quái gì vậy?” tôi hỏi.

“Phần của nó,” gã đáp.

Tôi nhoen cười nửa miệng và bắt chước gã, ném luôn một điếu thuốc của mình. Tôi đưa thuốc cho Takumi và Lara, và cả hai cũng làm theo. Mấy điếu thuốc nảy lên rồi bập bênh trên dòng nước một chút, rồi chúng trôi đi mất.

Tôi không cuồng đạo, nhưng tôi thích những nghi lễ. Tôi thích cách người ta gắn kết hành động với sự tưởng nhớ. Ở Trung Quốc, Ông Già đã kể với chúng tôi, có những ngày dành riêng cho việc dọn dẹp mộ phần, khi bạn tặng quà cho người chết. Và tôi nghĩ Alaska sẽ thích một điều thuốc, và dường như Đại Tá đã bắt đầu một nghi lễ tuyệt diệu.

Đại Tá nói vào nước và phá vỡ sự im lặng. “Vui thật, nói chuyện với hồn ma,” gã nói. “Mày không biết là mình đang bịa ra câu trả lời của họ hay họ thật sự đang nói chuyện với mày.”

“Tao đề nghị chúng ta lập một danh sách,” Takumi nói, lảng tránh chú đề tâm linh. “Chúng ta có những bằng chứng tự tử nào rồi?” Đại Tá lôi ra cuốn sổ thường trực của gã.

“Cô ấy không đập thẳng,” tôi nói, và Đại Tá bắt đầu ghi chép.

Và Alaska hoảng loạn về một chuyện gì đó, dù cô ấy đã từng hoảng loạn rất nhiều lần trước đó mà không tự tử. Chúng tôi đoán có lẽ những bông hoa là một dạng tưởng niệm gì đó cho bản thân cô ấy, một kiểu dàn dựng tang lễ hoặc đại loại. Nhưng nó không giống Alaska cho lắm. Cô ấy hay úp úp mở mở, hần ròi, nhưng nếu bạn đã lên kế hoạch tự tử tỉ mỉ đến từng cánh hoa, ắt hẳn bạn sẽ biết mình chết như thế nào, và Alaska sẽ chẳng thể đoán được một cái xe cảnh sát sẽ xuất hiện trên cao tốc I-65 để giúp cô ấy toại nguyện.

Và bằng chứng cho thấy đây chỉ là tai nạn?

“Cô ấy say bí tỉ, nên biết đâu cô ấy nghĩ mình sẽ không tông vào xe cảnh sát, dù tao không biết làm thế nào,” Takumi nói.

“Chắc chị ấy ngủ gục,” Lara đề nghị.

“Ừa, tụi anh cũng nghĩ thế,” tôi nói. “Nhưng anh không nghĩ em có thể lái thẳng một đường nếu ngủ gục.”

“Tao không thể nghĩ ra cách nào để tìm hiểu mà không phải mạo hiểm tính mạng,” Đại Tá nghiêm túc cất lời. “Dù sao đi nữa, nó không có dấu hiệu tự tử nào. Ý tao là, nó không nói về chuyện muốn chết hay cho bớt đồ gì cả.”

“Hai lí do. Say rượu và không có dự định chết,” Takumi nói. Chuyện này chẳng đi tới đâu cả. Chỉ là một cách tiếp cận khác với cùng câu hỏi. Chúng tôi không cần thêm giả thuyết. Chúng tôi cần thêm bằng chứng.

“Chúng ta phải tìm ra xem nó đang đi đâu,” Đại Tá nói.

“Những người cô ấy nói chuyện là tao, mày và Jake,” tôi nói với gã. “Và cả ba đều không biết. Thế thì tìm bằng cách nào?”

Takumi quay sang nhìn Đại Tá và thở dài. “Tao không nghĩ rằng biết cô ấy đang đi đâu sẽ có ích. Tao nghĩ nó sẽ làm mọi chuyện trở nên tệ hơn với chúng ta. Chỉ là linh cảm thôi.”

“Vậy thì *linh cảm* của em muốn biết,” Lara nói, và chỉ khi đó tôi mới hiểu ra câu nói của Takumi vào cái ngày hai đứa tắm chung, có thể tôi đã hôn cô ấy, nhưng tôi *không thể* độc chiếm Alaska: Đại Tá và tôi không phải là những người duy nhất quan tâm đến cô ấy, và không phải là những người duy nhất đang cố tìm ra cô ấy đã chết như thế nào và tại sao.

“Mà thôi,” Đại Tá nói, “chúng ta đã đi vào ngõ cụt. Nên ai đó nghĩ cách đi. Vì tao hết dụng cụ điều tra rồi.”

Gã búng tàn thuốc vào con lạch, đứng lên, và bỏ đi. Chúng tôi theo sau gã. Kể cả khi thất bại, gã vẫn là Đại Tá.

năm mươi một ngày sau

CUỘC ĐIỀU TRA TẠM HOÃN, tôi bắt đầu đọc sách cho lớp tôn giáo lần nữa, điều này có vẻ khiến Ông Già hài lòng, bởi tôi đã trượt hết mấy bài kiểm tra mười lăm phút của ông trong sáu tuần liên tiếp. Chúng tôi có một bài vào sáng thứ Tư: *Nêu ví dụ về thuyết công án của Phật Giáo*. Công án giống như câu đố giúp bạn đến với sự giác ngộ Thiên Định. Để trả lời, tôi viết về gã Banzan này. Ngày nọ hăn đi qua chợ và nghe người ta hỏi ông hàng thịt xem tảng thịt nào ngon nhất. Ông hàng thịt trả lời, “Mọi thứ ở quầy của ta đều là ngon nhất. Người không thể tìm thấy tảng thịt nào không phải hàng thượng hạng.” Nghe thế, Banzan nhận ra rằng trên đời này không có

tốt nhất và xấu nhất, rằng những tiêu chuẩn ấy không có ý nghĩa thực thụ nào bởi tất cả chỉ là sự tồn tại, và *bùm*, gã đã được khai sáng. Sau khi đọc nó vào tối hôm trước, tôi thắc mắc liệu mình cũng sẽ như thế chẳng nếu trong một khoảnh khắc, tôi đã có thể biết rõ cô ấy, am hiểu cô ấy, và thấu triệt vai trò của tôi trong cái chết của cô. Nhưng tôi không tin sự khai sáng đến với ta như bị sét đánh.

Sau khi chúng tôi nộp bài kiểm tra, ông Già, hiện đang ngồi trên ghế, với tay lấy cây gậy và đưa về phía câu hỏi đang nhạt nhòa của Alaska trên bảng đen. “Hãy nhìn vào một câu ở trang chín mươi tư của phần giới thiệu về Thiên vô cùng thú vị mà tôi cho các em đọc tuần này. ‘Mọi sự hợp nhất rồi sẽ vỡ tan,’” Ông Già nói. “Tất cả. Cái ghế tôi đang ngồi đây. Nó được đóng thành, và rồi nó sẽ vỡ tan. Tôi sẽ vỡ tan, có thể là trước cả cái ghế này. Và các em sẽ vỡ tan. Những tế bào và cơ quan và hệ thống đã cấu tạo nên các em chúng hợp nhất với nhau, phát triển cùng nhau, và bắt buộc phải vỡ tan. Đức Phật biết rõ điều mà khoa học đã không thể chứng minh qua hàng nghìn thế kỉ sau cái chết của ngài: Hệ số entropy tăng lên. Sự vật vỡ tan.”

Tất cả chúng ta đều sẽ đi, tôi nghĩ, và nó áp dụng cho con rùa và chiếc áo cổ rùa, Alaska con người và Alaska địa điểm, bởi vì không có gì kéo dài mãi mãi, thậm chí cả bản thân trái đất. Đức Phật dạy rằng đau khổ bắt nguồn từ ham muốn, chúng tôi đã được học, và rằng chấm dứt ham muốn nghĩa là chấm dứt đau khổ. Khi bạn ngừng mong muốn sự vật thôi vỡ tan, bạn sẽ không còn đau khổ khi chúng tan vỡ.

Một ngày nào đó sẽ không còn ai nhớ rằng cô ấy từng tồn tại, tôi viết trong sổ tay, và rồi, *hoặc tôi đã từng nhớ*. Vì kí ức cũng sẽ tan biến. Và rồi bạn sẽ chẳng còn lại gì, chẳng còn lại gì kể cả một hồn ma ngoài hình bóng của nó. Ban đầu, cô ấy đã ám ảnh tôi, ám ảnh giấc mơ tôi, nhưng ngay bây giờ, chỉ mới một tuần sau, cô ấy đã trượt dần khỏi tầm tay, vỡ tan trong kí ức của tôi và những người khác, lần nữa lại chết đi.

Đại Tá, kẻ đã khơi nguồn Cuộc Điều Tra ngay từ đầu, kẻ đã quan tâm đến chuyện xảy ra với cô ấy trong khi tôi quan tâm xem cô ấy có yêu mình không, đã bỏ cuộc, không một câu trả lời. Và tôi không thích những câu trả

lời mình có: Cô ấy không quan tâm đến những gì đã xảy ra giữa chúng tôi đủ để kể với Jake; thay vào đó, cô ấy chỉ nói chuyện nhõng nhẽo với anh ta, không cho anh ta một lí do để nghĩ rằng chỉ vài phút trước, tôi đã nếm được hơi thở nồng mùi rượu của cô ấy. Và rồi một thứ vô hình đã bộc phát bên trong cô ấy, và những gì hợp nhất đã bắt đầu vỡ tan.

Và có lẽ đấy là câu trả lời duy nhất chúng tôi sẽ có. Cô ấy vỡ tan vì đấy là việc đã xảy ra. Đại Tá dường như chấp nhận nó, nhưng nếu Cuộc Điều Tra từng là ý tưởng của gã thì bây giờ nó là thứ giúp tôi đứng vững, và tôi vẫn mong được khai sáng.

sáu mươi hai ngày sau

CHỦ NHẬT TIẾP THEO, tôi ngủ đến khi ánh nắng buổi trưa lên vào màn cửa và rọi lên mặt mình. Tôi kéo mền trùm đầu, nhưng không khí xung quanh trở nên nóng và hầm, nên tôi thức dậy để gọi cho cha mẹ.

“Miles!” mẹ nói trước khi tôi kịp chào. “Điện thoại mới báo cho mẹ biết đấy là con.”

“Sao nó biết con gọi từ bất điện thoại hay vậy?”

Mẹ bật cười. “Không, nó chỉ nói 'điện thoại công cộng' và mã vùng. Nên mẹ đoán ra ngay. Con khỏe không?” bà hỏi, vẻ lo lắng ấm áp hiện rõ trong giọng nói.

“Con ổn. Con hơi xuống dốc vài môn trong một thời gian, nhưng giờ con đã siêng học trở lại, nên chắc là không sao đâu ạ,” tôi nói, và đấy gần như là sự thật.

“Mẹ biết con đã rất buồn, cưng ạ,” bà nói. “A! Đoán xem mẹ và cha con gặp ai ở buổi tiệc tối qua nào? Cô Forrester. Giáo viên lớp bốn của con! Nhớ không? Cô ấy nhớ con rõ *mồn mọt*, và khen con rất nhiều, và mẹ vừa mới nói chuyện với cô ấy” trong lúc hài lòng vì biết rằng cô Forrester đã coi trọng bản thân tôi hồi lớp bốn, tôi vẫn chỉ nghe được loáng thoáng khi đọc những dòng ghi chú nguệch ngoạc trên bức tường gỗ thông sơn trắng ở hai bên

điện thoại, tìm xem có gì mới mà mình đọc được không (*bên Lacy—thứ Sáu, 10* là thời gian và địa điểm của một buổi tiệc Chiến Binh Ngày Thường, tôi đoán) “cha mẹ ăn tối với nhà Johnston tối qua, mẹ e rằng cha đã uống quá chén. Mọi người chơi đồ chữ và cha con chơi *dở tẹt*.” Bà bật cười, và tôi thấy rất mệt, nhưng ai đó đã kéo cái ghế ngồi khỏi bốt điện thoại, nên tôi đặt cái móng xương xẩu của mình xuống sàn bê-tông thô cứng, kéo căng dây điện thoại và chuẩn bị tinh thần cho buổi tự thoại nghiêm túc của mẹ, và rồi bên dưới những ghi chú và dòng chữ cầu thả khác, tôi nhìn thấy hình vẽ một bông hoa. Mười hai cánh hoa thuôn dài quanh một vòng tròn đầy đặn hình hoa cúc trắng, và những bông hoa cúc, những bông hoa cúc trắng, và tôi có thể nghe cô ấy đang nói, *Cậu thấy gì hả, Bé Bự? Nhìn đi*, và tôi có thể thấy cô ấy đang say rượu ngồi nói chuyện điện thoại với Jake về những chuyện vô thường vô phạt và *Em đang làm gì đó? Và cô ấy đáp, Không có gì, chỉ vẽ linh tinh thôi anh, chỉ vẽ linh tinh thôi*. Và rồi, *Ôi Chúa ơi*.

“Miles?”

“Dạ, con xin lỗi mẹ. Con xin lỗi. Chip đến rồi. Bọn con phải học đây. Con phải đi.”

“Con sẽ gọi lại chứ? Mẹ chắc là cha muốn nói chuyện với con đây.”

“Vâng thưa mẹ; vâng, dĩ nhiên rồi. Con yêu mẹ, được chứ? Rồi, con đi đây.”

“Tao nghĩ mình đã tìm ra manh mối rồi!” tôi hét lên với Đại Tá, đang trốn biệt dưới mền, nhưng giọng nói gấp gáp trong giọng nói của tôi và hứa hẹn về một thứ gì đó, bất cứ thứ gì, đã được tìm ra, đánh thức Đại Tá ngay lập tức, và gã nhảy từ giường tầng trên xuống lớp vải sơn. Trước khi tôi kịp mở miệng, gã đã chộp lấy cái quần jean và áo len mặc hôm qua ở dưới sàn, mặc chúng vào, đoạn theo tôi ra ngoài.

“Nhìn này,” tôi chỉ, và gã ngồi thụp xuống cạnh bốt điện thoại và nói, “Ồ. Nó vẽ đấy. Nó vẽ mấy bông hoa đó suốt.”

“Và ‘chỉ vẽ linh tinh thôi,’ nhớ không? Jake hỏi cô ấy đang làm gì và cô ấy nói ‘chỉ vẽ linh tinh thôi’ và rồi cô ấy nói ‘Ôi Chúa ơi’ và rồi hoảng lên. Cô ấy nhìn những hình vẽ và nhớ ra gì đó.”

“Trí nhớ tốt lắm, Bé Bự,” gã tán thành, và tôi thắc mắc vì sao Đại Tá không thêm phần khích gi.

“Và rồi cô ấy hoảng lên,” tôi lặp lại, “và ra ngoài tìm hoa tulip trắng trong khi chúng ta đốt pháo. Cô ấy thấy hình vẽ, nhớ ra điều mình đã quên, và rồi hoảng lên.”

“Có thể,” gã nói, vẫn nhìn mấy bông hoa chăm chăm, chắc đang cô nhìn chúng bằng ánh mắt của cô ấy. Cuối cùng gã đứng lên và nói, “Đấy là một giả thuyết hợp lý, Bé Bự ạ,” và vươn tay vỗ vai tôi, như một huấn luyện viên khen ngợi cầu thủ. “Nhưng chúng ta vẫn chưa biết nó đã quên cái gì.”

sáu mươi chín ngày sau

MỘT TUẦN SAU PHÁT HIỆN về hình vẽ bông hoa, tôi đã phải chấp nhận sự vô nghĩa của nó, sau cùng tôi vẫn chẳng phải Banzan trong chợ thịt và khi những cây thích quanh sân trường bắt đầu thấp thoáng vẻ hồi sinh và nhân viên bảo trì khởi sự cắt cỏ trong kí túc xá lần nữa, tôi nghĩ cuối cùng mình đã đánh mất cô ấy thật rồi.

Trưa hôm đó, Đại Tá và tôi đi vào trong rừng cây bên hồ và hút một điếu thuốc ngay đúng chỗ đã bị Đại Bàng bắt quả tang mấy tháng trước. Chúng tôi vừa mới trở về từ một cuộc họp toàn thị trấn, Đại Bàng thông báo trường sẽ xây một sân chơi cạnh bờ hồ để tưởng nhớ Alaska. Đúng là cô ấy thích xích đu, tôi đoán, nhưng *một sân chơi*? Lara đứng lên ở buổi học, rõ ràng là lần đầu tiên của em ấy và nói rằng họ nên làm thứ gì đó vui vẻ hơn, thứ gì đó Alaska sẽ thích thân làm.

Giờ, bên bờ hồ, ngồi trên một khúc gỗ đầy rêu mục ruỗng, Đại Tá bảo tôi, “Lara nói đúng. Chúng ta nên làm gì đó cho nó. Một trò chơi khăm. Một trò nó sẽ thích.” “Kiểu, một trò khăm tưởng nhớ?”

“Chính xác. Trò Chơi Khăm Tưởng Nhớ Alaska Young. Chúng ta có thể biến trò ấy thành một sự kiện thường niên. Dù sao đi nữa, nó đã nghĩ ra ý tưởng này năm ngoái. Nhưng nó muốn để dành đến năm lớp mười hai. Nhưng trò này rất chuẩn. Hết sảy. Đáng ghi vào lịch sử.”

“Mày nói cho tao được không?” tôi hỏi, nghĩ về lúc gã và Alaska đã gạt tôi ra khi lên kế hoạch cho Đêm Chuồng Bò.

“Hắn rồi,” gã bảo. “Trò này được đặt tên là ‘Lật đổ Ách Gia Trường.’” Và gã kể hết với tôi, và tôi buộc phải nói, Alaska đã để lại cho chúng tôi một trò thượng đỉnh, nàng *MonaLisa* của những cuộc vui cấp ba, tuyệt đỉnh chơi khăm của hàng ngàn thế hệ quậy phá ở Culver Creek. Và nếu Đại Tá thành công, nó sẽ ghi dấu trong trí nhớ của mọi người ở Creek, và không gì xứng với Alaska hơn. Đỉnh của đỉnh, nó không bao gồm, về cơ bản, bất kì vi phạm đáng bị đuổi học nào.

Đại Tá ngồi dậy và phúi đất lẫn râu khỏi quần. “Tao nghĩ chúng ta nợ nó điều đó.”

Và tôi đồng ý, dẫu vậy, cô ấy vẫn nợ chúng tôi một lời giải thích. Nếu cô ấy có ở trên đó, dưới đó, ngoài đó, đâu đó, có thể cô ấy sẽ bật cười. Và có thể—rất có thể—cô ấy sẽ chỉ cho chúng tôi manh mối mình cần.

tám mươi ba ngày sau

HAI TUẦN SAU, Đại Tá quay lại từ kì nghỉ xuân với hai quyển vở ghi đầy kế hoạch chi tiết của trò chơi khăm, phác thảo nhiều địa điểm khác nhau, và danh sách những rắc rối có thể nảy sinh và hướng giải quyết chúng dài bốn mươi trang chia làm hai cột. Gã tính toán tỉ mỉ từng giây từng phút, từng phân nhỏ, rồi tính lại cho chắc, như thể không chịu nổi ý nghĩ làm cô ấy thất vọng lần nữa. Và tôi đang đọc *Âm Thanh và Cuồng Nộ*, cuốn mà tôi đáng ra phải đọc hồi giữa tháng Hai, và tôi ngẩng lên khi nghe tiếng sột soạt trên giường, và Đại Tá nói, “Tập hợp cả nhóm lại thôi.” Và rồi tôi lao ra ngoài trời mùa xuân u ám để đánh thức Lara và Takumi, rồi đem họ tới

Phòng 43. Thành viên Đêm Chuồng Bò vẫn còn nguyên hoặc nguyên vẹn nhất có thể để chuẩn bị cho Trò Chơi Khăm Tưởng Nhớ Alaska Young.

Ba người chúng tôi ngồi trên sofa trong lúc Đại Tá đứng trước mặt cả bọn, vạch ra những nét chính của kế hoạch và phần việc của chúng tôi trong đó với vẻ hào hứng mà tôi đã không thấy ở gã kể từ Trước Đó. Khi giải thích xong, gã hỏi, “Còn thắc mắc gì không?”

“Có,” Takumi nói. “Nó thật sự sẽ thành công sao?”

“À, thứ nhất chúng ta phải tìm một vũ công thoát y. Và thứ hai Bé Bự phải thuyết phục được cha nó.”

“Được rồi, vậy,” Takumi bảo. “Bắt tay vào việc thôi.”

tám mươi bốn ngày sau

MỖI MÙA XUÂN, Culver Creek sẽ cho nghỉ một trưa thứ Sáu, và tất cả học sinh, cán bộ và nhân viên phải đến phòng tập thể dục cho Ngày Diễn Thuyết. Ngày Diễn Thuyết gồm hai diễn thuyết gia, thường là người nổi tiếng hoặc chính trị gia hoặc học giả tầm trung, những người sẽ đến diễn thuyết tại trường học để lãnh ba trăm đô-la được đề ra trong kinh phí. Khối mười một chọn người đầu tiên và khối mười hai chọn người thứ hai, và những ai đã từng tham dự Ngày Diễn Thuyết đều đồng ý rằng nó chán muốn chết. Chúng tôi định hâm nóng Ngày Diễn Thuyết một chút.

Tất cả những gì chúng tôi cần làm là thuyết phục Đại Bàng để “Tiến Sĩ NVilliam Morse,” một “người bạn của cha em” và là một “học giả xuất sắc về lịch lạc tình dục ở lứa tuổi thanh thiếu niên,” làm diễn thuyết gia của lớp mười một.

Nên tôi gọi cho cha ở chỗ làm, và thư kí của ông, Paul, hỏi tôi liệu mọi chuyện có ổn không, và tôi tự hỏi vì sao mọi người, *tất cả mọi người*, đều hỏi tôi liệu mọi chuyện có ổn không khi tôi gọi vào bất kì giờ nào ngoại trừ sáng Chủ Nhật.

“Vâng, em ổn ạ.”

Cha tôi bắt máy. “Chào, Miles. Mọi chuyện ổn chứ con?”

Tôi cười to và nói khẽ vào điện thoại, vì mọi người đang đi lại xung quanh. “Vâng ạ, thưa cha. Mọi chuyện đều ổn. A, cha còn nhớ vụ cha ăn trộm chuông trường và chôn nó ở nghĩa trang không?”

“Trò chơi khăm tuyệt nhất Culver Creek,” ông tự hào đáp lại.

“Từng một thời, cha ơi. Đã từng. Nên ừm, cha có thể giúp con thực hiện trò chơi khăm đời thứ hai tuyệt vời nhất Culver Creek không?”

“Ồ, cha không biết đâu, Miles. Cha không muốn con gặp rắc rối.”

“A, không đâu ạ. Cả khối mười một sẽ cùng thực hiện nó. Và sẽ không có ai bị thương hay gì đâu. Vì, à, cha nhớ Ngày Diễn Thuyết chứ?”

“*Quý thần* ơi, nó chán lắm. Gần như tệ hơn đi học ấy.”

“Dạ, ừm, con cần cha đóng giả diễn thuyết gia của chúng con, Tiến Sĩ William Morse, giáo sư tâm lý học ở Đại Học Trung Tâm Florida và một chuyên gia về tìm hiểu tình dục ở lứa tuổi thanh thiếu niên.”

Cha im lặng một lúc lâu, và tôi nhìn xuống bông hoa cuối cùng của Alaska và chờ ông hỏi trò chơi khăm là gì, và tôi đã có thể nói với ông, nhưng tôi chỉ nghe tiếng ông thở chậm chậm vào điện thoại, và rồi ông nói, “Cha sẽ không hỏi đâu. *Ừm*.” Ông thở dài. “Thề với Chúa là con sẽ không nói với mẹ đi.”

“Con thề với Chúa.” Tôi khựng lại. Tôi mất một giây để nhớ ra tên thật của Đại Bàng. “Thầy Starnes sẽ gọi cha trong vòng mười phút nữa.”

“Được, tên của cha là Tiến Sĩ William Morse, và cha là một giáo sư tâm lý học, và tình dục ở lứa tuổi thanh thiếu niên?”

“Đúng rồi. Cha là tuyệt nhất.”

“Cha chỉ muốn xem con có hơn cha không thôi,” ông nói và cười lớn.

Dù đây là một cực hình với Đại Tá, nhưng trò chơi khăm sẽ không hiệu quả nếu thiếu sự trợ giúp của lũ Chiến Binh Ngày Thường, đặc biệt là khối trưởng khối mười hai Longwell Chase, giờ đã để lại kiểu tóc giẻ lau nhà.

Nhưng cả đám Chiến Binh thích ý tưởng đó, nên tôi đến gặp Longwell trong phòng và nói, “Đi thôi.”

Longwell Chase và tôi không có gì để nói với nhau và cũng không muốn giả vờ thân thiết, nên chúng tôi im lặng đi tới nhà Đại Bàng. Đại Bàng mở cửa trước khi chúng tôi kịp gõ. Ông hơi nghiêng đầu khi thấy chúng tôi, tỏ vẻ khó hiểu và, đúng thật, chúng tôi là một cặp đôi quái gở, với cái quần kaki gấp nếp được ủi thẳng thơm của Longwell và cái quần jean màu xanh đang-chờ-được-giặt của tôi.

“Người đại diện chúng em chọn là bạn của cha Miles,” Longwell nói. “Tiến Sĩ William Morse. Ông ấy là một giáo sư Ở trường đại học dưới Florida, và ông ấy nghiên cứu về tình dục ở lứa tuổi thanh thiếu niên.”

“Các trò muốn nghe tranh cãi, đúng không?”

“Ờ không ạ,” tôi nói. “Em chi vừa mới gặp Tiến Sĩ Morse. Ông ấy rất thú vị, nhưng không thích tranh luận tí nào. Ông ấy chỉ nghiên cứu, ừm, cách nhận thức về tình dục của thanh thiếu niên vẫn đang thay đổi và phát triển. Ý em là, ông ấy phản đối quan hệ tình dục trước hôn nhân.” “Ừ. Số điện thoại của ông ấy là gì?” tôi đưa Đại Bàng một mảnh giấy, và ông đến chỗ điện thoại treo tường và quay số. “Vâng, xin chào. Tôi muốn gặp Tiến Sĩ Morse?... Vâng, cảm ơn... Xin chào, Tiến Sĩ Morse. Em Miles Haher đang ở nhà tôi, và em ấy nói... được, tuyệt vời... Vâng, tôi đang tự hỏi”—Đại Bàng dừng lại, quấn dây điện thoại quanh ngón tay—“tự hỏi, ừm, liệu ngài có thể—miễn ngài nhớ rằng đây là những người trẻ dễ bị ảnh hưởng. Chúng tôi không muốn một cuộc thảo luận quá *trần trụi*... Tuyệt vời. Tuyệt vời. Tôi mừng vì ngài hiểu... ngài cũng vậy, thưa ngài. Hẹn gặp ngài sớm!” Đại Bàng cúp điện thoại, mỉm cười, và nói, “Một lựa chọn hoàn hảo! Ngài ấy có vẻ là một người thú vị.”

“Ồ vâng,” Longwell nghiêm túc đáp lời. “Em nghĩ ông ấy sẽ vô cùng thú vị.”

một trăm lẻ hai ngày sau

CHA TÔI ĐÓNG GIẢ Tiến Sĩ William Morse trên điện thoại, nhưng người đóng giả ông ấy ngoài đời có tên là Maxx với hai chữ X, tuy tên của anh ta thật ra là Stan, ngoại trừ việc vào Ngày Diễn Thuyết tên anh sẽ là, hẳn nhiên, Tiến Sĩ William Morse. Thật sự thì chẳng biết đâu mà lần, anh ta là một nam vũ công thoát y với nhiều bí danh hơn là một điệp viên CIA nằm vùng.

Bốn “công ty” đầu tiên mà Đại Tá gọi đã từ chối chúng tôi. Phải đến khi mò tới danh mục B trong mục “Giải trí” của Trang Vàng chúng tôi mới tìm thấy Bachelorette Tiệc Tùng Nè. Chủ của cơ sở ấy rất thích ý tưởng này, nhưng, ông ấy bảo, “Maxx sẽ thích lắm đấy. Nhưng không khóa thân. Không phải trước mặt lũ trẻ.” Chúng tôi đồng ý với chút miễn cưỡng.

Để bảo đảm rằng không ai trong chúng tôi đào ngũ, Takumi và tôi thu năm đô-la từ mỗi đứa lớp mười một ở Culver Creek để trả phí xuất hiện cho “Tiến Sĩ William Morse”, vì chúng tôi không nghĩ Đại Bàng sẽ muốn trả tiền cho anh ta sau khi chứng kiến màn, ừm, diễn thuyết. Tôi trả cho Đại Tá năm đô-la. “Tao có cảm giác mình đã được mày thương hại,” gã nói, chỉ về phía cuốn sổ đóng gáy chi chút những kế hoạch.

Trong lúc ngồi học sáng hôm đó, tôi không thể nghĩ về điều gì khác. Đám lớp mười một đã biết chuyện gần hai tuần, và tới giờ vẫn chưa có tin đồn nào bị rò rỉ dù là nhỏ nhất. Nhưng toàn Creek nhốn nháo vì buôn chuyện, đặc biệt là lũ Chiến Binh Ngày Thường, và nếu chỉ một đứa kể với một đứa bạn và đứa bạn ấy đi kể với một đứa bạn khác và đứa bạn khác ấy lại đi kể với một đứa bạn khác nữa và đứa bạn khác nữa đó đi kể với Đại Bàng, mọi thứ sẽ tiêu tan.

Tập tục không mách lẻo của Creek đã suôn sẻ vượt qua bài kiểm tra, nhưng sáng hôm ấy khi đã 11:50 mà Maxx/ Stan/Tiến Sĩ Morse vẫn chưa xuất hiện, tôi tưởng Đại Tá sẽ điên lên mất. Gã ngồi trên thanh chắn xe hơi trong bãi đỗ của học sinh, đầu gã gục xuống, liên tục vò rối mái tóc đen rậm

của mình, như thể gã đang muốn tìm cái gì trong đó. Maxx hứa sẽ đến lúc 11:40, hai mươi phút trước khi Ngày Diễn Thuyết chính thức bắt đầu, đủ thời gian để anh ta học thuộc diễn văn và mọi thứ. Tôi đứng kế Đại Tá, lo lắng nhưng im lặng, chờ đợi. Chúng tôi bảo Takumi đi gọi “công ty” và hỏi xem “diễn viên” đang ở đâu.

‘Trong số những sai lầm có thể xảy ra mà tao đã nghĩ đến không có cái này. Chúng ta không có giải pháp nào cả.’

Takumi chạy đến, cẩn thận không nói gì với chúng tôi đến khi lại gần. Học sinh bắt đầu đi vào phòng tập thể dục. Trẻ rồi trẻ rồi trẻ rồi trẻ rồi: Chúng tôi thật sự không có yêu cầu gì nhiều với anh ta. Chúng tôi đã soạn sẵn diễn văn. Chúng tôi đã lên kế hoạch trước mọi thứ. Tất cả những gì Maxx cần làm là mặc đồ và xuất hiện. Thế mà...

“Bên công ty bảo,” Takumi nói, “anh ta đang đến.”

“Đang đến?” Đại Tá nói, vò đầu cật lực hơn. “Đang đến? Anh ta đã trẻ rồi.”

“Họ bảo chắc anh ta sẽ...” và rồi nỗi lo của chúng tôi bất chợt tan biến khi một chiếc xe tải nhỏ màu xanh queo vào bãi đỗ xe, và tôi thấy một người vận đồ com-lê ngồi bên trong.

“Anh ta nên là Maxx thì hơn,” Đại Tá nói trong khi chiếc xe dừng lại. Gã chạy tới cửa trước.

“Anh là Maxx,” người đàn ông nói khi mở cửa.

“Tôi là đại diện vô danh của khối mười một,” Đại Tá trả lời, bắt tay Maxx. Anh ta khoảng ba mươi tuổi, da ngăm, vai rộng, với quai hàm răn rỏi và chòm râu dê tủa gọn màu đen.

Chúng tôi đưa Maxx một tờ bản sao của diễn văn, và anh ta đọc lướt qua nó thật nhanh.

“Anh có thắc mắc gì không?” tôi hỏi.

“Ừ, có. Dựa vào bản chất của sự kiện này, anh nghĩ các cậu nên trả tiền cho anh trước.”

Anh ta tạo cho tới ấn tượng rạch ròi, thậm chí chuyên nghiệp, và tôi cảm thấy vô cùng tự tin, như thể Alaska đã tìm ra nam vũ công thoát y giỏi nhất ở trung tâm Alabama và dẫn chúng tôi đến chỗ anh ta vậy.

Takumi mở cốp xe SUV của cậu ta và lấy ra cái túi giấy đi chợ với 320 đô-la ở trong. “Của anh đây, Maxx,” cậu ta nói. “Được rồi, Bé Bự đây sẽ ngồi với anh, vì anh là bạn của cha Bé Bự. Vụ này có trong diễn văn. Nhưng, ùm, bọn em mong rằng nếu anh bị thẩm vấn khi tất cả mọi chuyện kết thúc, anh có thể nể tình mà nói rằng cả khối mười một đã gọi đến để thuê anh, vì bọn em không muốn Bé Bự phải gặp rắc rối nào hết.”

Anh ta bật cười. “Nghe được đó. Anh nhận vụ này vì anh nghĩ rằng rất vui. Ước gì *anh* đã nghĩ ra nó hồi học cấp ba.” Trong lúc tôi bước vào phòng tập thể dục, Maxx/Tiến Sĩ William Morse đi kế bên, Takumi và Đại Tá đi cách tôi một khoảng vừa phải, tôi biết mình có khả năng bị bắt hơn bất cứ ai. Nhưng tôi đã đọc cẩm Nang Culver Creek thật kĩ suốt mấy tuần qua, và tôi nhắc mình nhớ về hai lời biện hộ khả dĩ của mình, phòng trường hợp gặp phải rắc rối: 1. Về cơ bản, không có luật nào cấm trả tiền cho vũ công thoát y để nhảy trước trường. 2. Không có bằng chứng nào cho thấy tôi là người đứng sau âm mưu cả. Tất cả chỉ biết rằng tôi đã đưa người tôi tưởng là một chuyên gia về tình dục lệch lạc ở thanh thiếu niên nhưng hóa ra lại là một gã biến thái vào trường.

Tôi ngồi xuống cùng Tiến Sĩ William Morse ở chính giữa hàng ghế trước. Vài đứa lớp chín ngồi sau tôi, nhưng lát sau khi Đại Tá đến cùng Lara, gã đã lịch sự bảo chúng. “Cảm ơn vì đã giữ chỗ giúp anh,” và đuổi chúng đi. Theo đúng kế hoạch, Takumi đang ở trong phòng dụng cụ trên tầng hai, kết nối thiết bị âm thanh của cậu ta đến loa phóng thanh trong phòng tập. Tôi quay sang Tiến Sĩ Morse và nói, “Chúng ta nên thân ái nhìn nhau và trò chuyện như thể anh là bạn của cha mẹ em.”

Anh ta mỉm cười và gật đầu. “Ông ấy là một người tuyệt vời, cha của em. Và mẹ của em, thật xinh đẹp.” Tôi đảo mắt, hơi hãi một chút. Dẫu vậy, tôi vẫn thích thằng cha vũ công này. Đại Tá đến đúng buổi trưa, chào diễn thuyết gia của khối mười hai, một cựu trưởng ban tư pháp ở Alabama và rồi

tới chỗ Tiến Sĩ Morse, đã đứng thẳng lưng và khẽ cúi chào trong lúc bắt tay Đại Bàng *có lẽ quá trình trọng* và Đại Bàng nói, “Chúng tôi rất vui được chào đón ngài,” và Maxx trả lời, “Cảm ơn. Mong rằng tôi không làm mọi người thất vọng.”

Tôi không lo về chuyện bị đuổi học. Tôi thậm chí còn không lo về chuyện khiến Đại Tá bị đuổi học, mặc dù có lẽ tôi nên thế. Tôi lo mọi chuyện sẽ thất bại vì Alaska đã không lên kế hoạch. Có lẽ không có trò chơi khăm nào xứng đáng với Alaska thành công mà thiếu cô ấy.

Đại Bàng đứng sau bục giảng.

“Đây là một ngày mang tính lịch sử ở Culver Creek. Nhờ khả năng nhìn xa trông rộng từ người sáng lập Phillip Garden của chúng ta mà các em, những học sinh và chúng tôi, những giáo viên, có thể nghỉ một buổi trưa trong năm để được lắng nghe những bài phát biểu thông thái xuất phát từ bên ngoài trường, và chúng ta gặp nhau ở đây hằng năm để học hỏi từ họ, để nhìn ra thế giới như họ. Hôm nay, diễn thuyết gia của khối mười một là Tiến Sĩ William Morse, giáo sư tâm lí ở Đại Học Trung Tâm Florida và một học giả được nhiều người kính trọng. Hôm nay ngài ấy đến đây để nói về thanh thiếu niên và bản năng sinh dục, một chủ đề mà tôi chắc rằng các em sẽ thấy thú vị. Nào, xin mời Tiến Sĩ Morse bước lên bục giảng.”

Chúng tôi vỗ tay. Tim tôi đập mạnh trong lồng ngực như muốn hòa theo. Trong lúc Maxx đi đến bục giảng, Lara cúi xuống thì thầm với tôi, “Anh ấy quyến rũ quá.” “Cảm ơn, thầy Starnes.” Maxx mỉm cười và gật đầu với Đại Bàng, đoạn vượt lại xấp giấy trong tay và đặt nó lên bệ. Đến *tôi* còn suýt tin rằng anh ta là một giáo sư tâm lí thực thụ. Tôi tự hỏi có phải anh ta cũng làm diễn viên để kiếm thêm không.

Anh ta đọc một mạch diễn văn mà không ngắt lên, nhưng anh ta đọc với dáng vẻ tự tin, duyên dáng của một học giả hơi kهنh kiệu. “Hôm nay tôi đến đây để nói với các em chủ đề vô cùng hấp dẫn về bản năng sinh dục ở lứa tuổi thanh thiếu niên. Nghiên cứu của tôi thuộc lĩnh vực ngôn ngữ sinh dục, đặc biệt là cách những người trẻ bàn về tình dục và những vấn đề liên quan.

Ví dụ, tôi muốn tìm hiểu vì sao hai chữ *cánh tay* không thể làm các em cười, nhưng hai chữ *âm đạo* thì có thể.” Và thật vậy, có vài tiếng khúc khích e dè từ phía khán đài. “Cách những thanh niên nói về cơ thể của người khác thể hiện rất rõ về xã hội của chúng ta. Ở thế giới hiện nay, con trai sẽ dễ đánh giá cơ thể của con gái hơn là ngược lại. Những cậu trai sẽ bàn luận với nhau về chuyện cô này cô nọ ngược bự, trong khi các cô gái có thể sẽ chỉ khen cậu trai kia dễ thương, một từ miêu tả đặc điểm cơ thể lẫn tính cách. Hệ quả của việc này khiến các cô gái bị xem như đồ vật, trong khi con trai được con gái xem như một cá nhân”

Rồi Lara đứng dậy, và bằng chất giọng khê khàng, ngây thơ của mình, cắt ngang lời Tiến Sĩ Morse. “Anh quyến rũ quá! Em muốn anh im đi và cởi áo ra.”

Cả đám học sinh bật cười, nhưng toàn bộ giáo viên quay lại và nhìn em chăm chăm, sừng sốt đến câm lặng. Đoạn em ngồi xuống.

“Tên em là gì, cô bé?”

“Lara,” em đáp.

“Nào, Lara,” Maxx nói, nhìn xuống giấy để nhớ lời thoại, “Trường hợp chúng ta có ở đây rất thú vị, một cô gái đang đánh giá tôi, một người đàn ông. Nó bất thường đến nỗi tôi chỉ có thể đoán rằng em đang cố tỏ ra hài hước.” Lara đứng dậy lần nữa và hét lên, “Em không đùa *đạo* ! Anh cởi đồ ra đi.”

Anh ta lo lắng nhìn xuống giấy lần nữa, và rồi ngẩng lên nhìn tất cả chúng tôi, mỉm cười. “Chà, lật đổ ách gia trưởng thật sự rất quan trọng, và tôi đoán đây cũng là một cách. Được rồi, vậy,” anh ta nói, bước sang bên trái bực giảng. Rồi anh ta hét lên, đủ lớn để Takumi ở trên lầu có thể nghe thấy, “Dành tặng Alaska Young.”

Và tiếng bass dồn dập của trong bài “Xõa” của Prince phát lên từ loa phóng thanh, Tiến Sĩ William dùng một tay túm ống quần, tay còn lại kéo ve áo khoác, và khóa Velcro đứt đôi và trang phục trình diễn của anh ta rơi xuống, để lộ Maxx với hai chữ XX, một gã cơ bắp cuồn cuộn với tám múi ở

bụng và cơ ngực nảy nở, và Maxx đứng trước chúng tôi, mỉm cười, mặc độc chiếc quần lót bó thật sát, nhưng không phải màu trắng, quần da thuộc màu đen.

Đặt chân vào vị trí, Maxx đưa tay theo điệu nhạc, và đám đông vỡ òa trong tiếng cười và tiếng vỗ tay chói tai liên tục, màn hoan hô hoành tráng nhất trong lịch sử lâu đời của Ngày Diễn Thuyết. Đại Bàng đứng bật dậy, và sau khi ông đứng dậy, Maxx liền ngừng nhảy, nhưng anh ta ưỡn căng cơ ngực và làm chúng nảy lên xuống thật nhanh theo điệu nhạc trước mặt Đại Bàng, ông không cười nhưng bặm môi như thể đang cố nhịn cười, đoạn chìa ngón cái ra hiệu cho Maxx đi về, và Maxx đã nghe theo.

Mắt tôi dõi theo Maxx ra khỏi cửa, và tôi thấy Takumi đứng ở lối vào, hân hoan hươ hai nắm đấm lên cao trước khi chạy ngược lên lầu để tắt nhạc. Tôi mừng vì ít nhất cậu ta xem trình diễn được một chút.

Takumi có dư thời gian để tháo rời thiết bị, vì tiếng cười nói kéo dài chừng vài phút trong khi Đại Bàng liên tục lặp lại, “Được rồi. Được rồi. Trật tự nào. Trật tự, tất cả các em. Trật tự ngay.”

Diễn thuyết gia của khối mười hai lên nói tiếp. Ông chịu thua. Và khi chúng tôi rời khỏi phòng tập thể dục, những khối khác vây quanh chúng tôi, gặng hỏi, “Là anh/ nhóc hả?” và tôi chỉ mỉm cười rồi bảo không, vì đây không phải là tôi, hay Đại Tá hay Takumi hay Lara hay Longwell Chase hay một ai khác trong phòng. Nó là ý tưởng của Alaska từ đầu đến cuối. Phần khó nhất trong việc bày trò, Alaska từng nói với tôi, là không thể tự thú. Nhưng giờ tôi đã có thể tự thú thay cô ấy. Và trong lúc tôi thông thả đi ra, tôi sẽ nói với bất cứ ai muốn nghe, “Không. Không phải chúng tôi. Là Alaska đấy.”

Bốn người chúng tôi trở về Phòng 43, rạng rỡ vì kế hoạch thành công, bảo đảm Creek sẽ không bao giờ được chiêm ngưỡng một trò chơi khăm đáo để như thế nữa, và tôi đã không nghĩ đến chuyện dính vào rắc rối đến khi Đại Bàng mở cửa phòng và đứng trước chúng tôi, và lắc đầu khinh khỉnh.

“Tôi biết mấy trò là thủ phạm,” Đại Bàng khẳng định. Chúng tôi im lặng nhìn ông. Ông hay nói xạo. Có lẽ ông đang nói xạo chúng tôi.

“Đừng bao giờ làm thế nữa,” ông bảo. “Nhưng lạ Chúa, lật đổ ách gia trưởng’ nghe như em ấy tự mình viết diễn văn vậy.” Ông mỉm cười và đóng cửa.

một trăm mười bốn ngày sau

MỘT TUẦN RỒI SAU, tôi trở về từ tiết học trưa, ánh nắng thiêu đốt trên da là lời nhắc nhở thường trực rằng mùa xuân ở Alabama đã đến và đi trong phút chốc, và giờ, đầu tháng Năm, mùa hè đã trở lại để ở chơi sáu tháng, tôi cảm thấy mồ hôi nhỏ giọt xuống lưng và mong sao luồng gió rét buốt tháng Một mau trở lại. Khi bước vào phòng, tôi thấy Takumi đang ngồi trên sofa, đọc cuốn tiểu sử Tolstoy của tôi.

“Ồ, chào mày,” tôi nói.

Cậu ta gấp sách lại và đặt nó xuống bên cạnh rồi nói, “Ngày 10 tháng 1.”

“Sao kia?” tôi hỏi.

“Ngày 10 tháng 1. Có ấn tượng gì không?”

“Ờ, đó là ngày Alaska chết.” về cơ bản, cô ấy chết khi đã sang ngày 11 tháng 1 được ba tiếng, nhưng nó vẫn là, ít nhất là với chúng tôi, đêm thứ Hai, ngày 10 tháng 1.

“Ừa, nhưng còn một chuyện khác, Bé Bự ạ. Ngày 9 tháng 1. Mẹ của Alaska dẫn cô ấy tới sở thú.”

“Khoan. Không. Sao mày biết?”

“Cô ấy kể cho chúng ta nghe ở Đêm Chuồng Bò. Nhớ chứ?”

Dĩ nhiên là tôi không nhớ. Nếu tôi có thể ghi nhớ những con số, tôi đã không chật vật để đạt điểm C-cộng trong môn toán học dự bị.

“Qui tha ma bắt,” tôi nói trong lúc Đại Tá bước vào.

“Cái gì?” Đại Tá hỏi.

“Ngày 9 tháng Một, năm 1997,” tôi bảo gã. “Alaska thích gấu. Mẹ cô ấy thích khi.” Đại Tá đờ đẫn nhìn tôi một lúc rồi kéo ba-lô xuống và quăng nó qua bên kia phòng trong nháy mắt.

“Quý tha ma bắt,” gã nói. “SAO TAO LẠI KHÔNG NGHĨ RA CHUYỆN ĐÓ CHỨ!”

Trong vòng một phút, Đại Tá đã nghĩ ra kết luận hoàn hảo nhất mà không ai trong chúng tôi có thể. “Được. Nó đang ngủ. Jake gọi tới, và nó nói chuyện với anh ta, và nó đang vẽ linh tinh, và nó nhìn mấy bông hoa trắng; và ‘Ôi Chúa ơi mẹ mình rất thích hoa trắng và đã cài chúng lên tóc mình lúc còn nhỏ,’ và rồi nó hoảng lên. Nó trở về phòng và bắt đầu la hét với chúng ta rằng nó đã quên— quên chuyện mẹ nó, dĩ nhiên nên nó cầm theo mấy bông hoa, lái xe rời khỏi trường, đến—đâu?” Gã nhìn tôi. “Đến đâu? Mộ của mẹ nó?”

Và tôi đáp, “Ừa, có thể. Ừ. Nên cô ấy vào trong xe, và cô ấy chỉ muốn đến mộ của mẹ mình, nhưng chiếc xe tải này lại chặn đường và cảnh sát đang ở đó, và cô ấy say rượu và bực tức và cô ấy đang vội, nên cô ấy nghĩ mình có thể len qua chiếc xe cảnh sát, và cô ấy không tỉnh táo nhưng cô ấy phải đến chỗ mẹ, và cô ấy nghĩ biết đâu mình có thể len qua và *BÙM*.”

Takumi từ tốn gật đầu, suy nghĩ, và rồi nói, “Hoặc, cô ấy vào xe với mấy bông hoa. Nhưng cô ấy lỡ ngày giỗ. Có thể cô ấy nghĩ rằng mình đã phạm sai lầm với mẹ lần nữa, trước tiên là chuyện không gọi 911, và giờ cô ấy thậm chí còn không nhớ nổi ngày giỗ của mẹ mình. Và cô ấy điên lên và cô ấy căm ghét bản thân, và cô ấy quyết định, ‘Thế đấy, mình phải đi thôi,’ và cô ấy thấy cái xe cảnh sát và cơ hội ở kia và cô ấy chỉ lao theo.”

Đại Tá dứt tay vào túi và lôi ra một hộp thuốc lá, dốc ngược nó lên BÀN CÀ PHÊ. “Chà,” gã nói. “VẬY là mọi chuyện đã sáng tỏ,”

một trăm mười tám ngày sau

THẾ LÀ CHÚNG TÔI BỎ cuộc. Tôi quá mệt mỏi với việc theo đuổi một hồn ma không muốn được tìm thấy. Chúng tôi đã thất bại, có lẽ, nhưng có vài bí ẩn không nên được giải mã. Tôi vẫn không biết rõ cô ấy như mình muốn, nhưng tôi không bao giờ có thể nữa. Cô ấy đã khiến chuyện đó rõ thành bất khả thi. Và vụ tự-nạn sẽ chẳng bao giờ là gì khác, và tôi bị bỏ lại với câu hỏi, *Có phải mình đã giúp cậu đến với số phận mà cậu không muốn, Alaska, hay mình chỉ giúp cậu cố hủy hoại bản thân ?* Bởi vì chúng là hai tội khác nhau, và tôi không biết mình nên giận dữ vì cô ấy đã biến tôi thành một phần trong việc tự tử, hay chỉ cắn rứt vì chính tôi đã để cô ấy rời đi.

Nhưng chúng tôi đã tìm ra những gì có thể, và qua phát hiện đó, cô ấy đã đưa chúng tôi lại gần nhau hơn—Đại Tá và Takumi và tôi, đại khái là thế. Và chỉ có vậy. Alaska không để lại đủ nhiều để tôi tìm ra cô ấy, nhưng cô ấy để lại vừa đủ để tôi tìm lại Cơ Hội Lớn.

“Còn một chuyện chúng ta nên làm,” Đại Tá nói trong lúc bọn tôi cùng chơi điện tử với âm lượng mở, chỉ hai chúng tôi, như những ngày đầu trong Cuộc Điều Tra.

“Chúng ra không thể làm gì nữa.”

“Tao muốn lái trên con đường ấy,” gã nói. “Như nó đã từng.”

Chúng tôi không thể mạo hiểm rời trường vào nửa đêm như cô ấy, nên chúng tôi đi sớm hơn nửa ngày, vào 3:00 chiều, Đại Tá lái chiếc SUV của Takumi. Chúng tôi đề nghị Lara và Takumi đi cùng, nhưng họ đã chán đeo đuổi những hồn ma, bên cạnh đó, thi học kì sắp đến.

Hôm ấy là một buổi trưa rực nắng, và ánh mặt trời rọi thẳng xuống lớp nhựa đường, làm dải băng trên xa lộ run lên vì hơi nóng. Chúng tôi lái xuống Cao Tốc 119 một dặm rồi quẹo sang hướng bắc I-65, tiến về phía hiện trường tai nạn và Trạm Vine.

Đại Tá lái nhanh, và chúng tôi đều im lặng, nhìn thẳng về trước. Tôi cố tưởng tượng xem cô ấy đã nghĩ gì, một lần nữa cố nhìn thấu không gian và

thời gian, để tìm vào tâm trí của cô ấy dù chỉ thoáng qua. Một cái xe cứu thương, đèn pha và còi hú om sòm, lao vụt qua chúng tôi, đang chạy về hướng ngược lại, tiến về phía trường học, trong nháy mắt, tôi chợt thấy nôn nao, *Nhờ đâu là một người tôi biết*. Tôi suyết ước gì đây là một người tôi biết, để nỗi buồn còn hiện hữu trong tôi có thêm hình hài và chiều sâu mới.

Sự im lặng bị phá vỡ: “Đôi khi tao thấy thích,” tôi nói. “Đôi khi tao thấy thích vì cô ấy đã chết.”

“Ý mày là cảm giác nhẹ nhàng?”

“Không. Tao không biết. Cảm giác rất... thuần khiết.”

“Ờ” gã nói, quên đi tài hùng biện thường ngày. “Ờ. Tao biết. Tao cũng thế. Rất tự nhiên. Ý tao là, chuyện đó ắt hẳn là tự nhiên.”

Tôi luôn thấy sốc khi nhận ra mình không phải là người duy nhất trên thế giới có những suy nghĩ lẫn cảm giác kì lạ và kinh khủng như vậy.

Năm dặm về phía bắc ngôi trường, Đại Tá rẽ qua làn đường liên tiểu bang bên trái và bắt đầu tăng tốc. Tôi nghiêng răng, và rồi trước mắt chúng tôi, những mảnh kính vỡ lấp lánh dưới ánh nắng gay gắt như thể mặt đường rải đá quý, và đó hẳn là nơi đã xảy ra tai nạn. Gã vẫn đạp chân ga.

Tôi nghĩ: *Đây không phải là cách chết tồi.*

Tôi nghĩ: *Thẳng và nhanh, Có lẽ cô ấy đã quyết định vào phút cuối.*

Và *BÙM*, chúng tôi đang đi qua giây phút cô ấy chết. Chúng tôi đang đi qua nơi cô ấy đã không thể đi qua, chạy trên mặt đường cô ấy sẽ không bao giờ thấy, và chúng tôi không chết. Chúng tôi không chết! Chúng tôi đang thở và đang khóc và giờ đang dần giảm tốc và quay về đúng làn đường.

Chúng tôi rẽ vào lối ra tiếp theo, im lặng, và, đổi tài, chúng tôi rảo bước tới trước xe. Chúng tôi nhìn nhau và tôi ôm lấy gã, hai tay siết thành năm nắm quanh vai gã, và gã vòng đôi tay ngăn tũn quanh tôi và ôm thật chặt, để tôi có thể nghe tiếng ngực gã phập phồng trong lúc nhận ra hết lần này đến lần khác rằng mình vẫn còn sống. Nhận thức ập đến theo từng đợt sóng và

chúng tôi ôm nhau khóc ròng và tôi nghĩ, *Chúa ơi chắc hai thằng nhìn điên lắm*, nhưng chẳng còn nghĩa lí gì nữa khi bạn vừa mới nhận ra, sau một lúc rất lâu, rằng bạn vẫn còn sống.

một trăm mười chín ngày sau

ĐẠI TÁ VÀ TÔI cắm đầu vào học một khi đã bỏ cuộc, hiểu rằng cả hai cần phải đạt điểm thi tối đa để hoàn thành mục tiêu GPA của mình (tôi muốn điểm trung bình 3.0 và Đại Tá thậm chí còn không chịu dừng ở mức 3.98). Phòng chúng tôi trở thành Trung Tâm Ôn Tập cho cả bốn đứa, Takumi và Lara ở lại suốt mấy giờ liền vào buổi tối để nói về *Âm Thanh và Cuồng Nộ* và nghệ thuật nói giảm nói tránh và trận Bulge. Đại Tá kèm chúng tôi toán học dự bị cho cả học kì, dù gã giỏi toán đến mức dạy chẳng dễ hiểu chút nào “Dĩ nhiên là thế rồi. Tin tao đi. Chúa ơi, đâu có khó dữ vậy” và tôi nhớ Alaska.

Khi không thể bắt kịp, tôi gian lận. Takumi và tôi chia nhau mấy bản sao giản lược của *Quê Hương Tan Rã* và *Giã Từ Vũ Khí* (“Mấy cái qui này dài gần chết!” có lần cậu ta kêu lên).

Chúng tôi không nói gì nhiều. Nhưng chúng tôi không cần phải nói.

một trăm hai mươi hai ngày sau

MỘT CON GIÓ MÁT đã thổi bay cái nắng gay gắt của mùa hè, và buổi sáng mà Ông Già cho chúng tôi làm bài thi cuối cùng, ông đề nghị chúng tôi học ở ngoài trời. Tôi tự hỏi sao *cả lớp* có thể ra ngoài trong khi tôi vừa bị đuổi ra khỏi lớp vào học kì trước chỉ vì *liếc ra ngoài* một tí, nhưng Ông Già muốn dạy học ngoài trời, nên chúng tôi nghe theo. Ông Già ngồi trên cái ghế được thằng Kevin Richman mang ra hộ, và chúng tôi ngồi trên cỏ, ban đầu tôi lóng ngóng để sổ trên đùi, sau mới đặt lên bãi cỏ rậm rạp, và mặt đất gập ghềnh làm tôi không viết được, và đám muỗi vo ve. Chúng tôi ở quá gần hồ nên không thể ngồi thoải mái, nói thật, nhưng Ông Già có vẻ hạnh phúc.

“Tôi đang cầm bài thi cuối kì của các em. Học kì trước, tôi đã cho các em hai tháng để hoàn thành luận văn cuối kì. Lần này, các em có hai tuần.” Ông dừng lại. “Chà, không vớt vát được gì nữa, tôi đoán thế.” Đoạn ông bật cười. “Nói thật, cuối cùng tôi đã quyết định dùng chủ đề này vào tối qua. Nó hơi trái ngược với bản tính của tôi. Thôi, các em chuyển cho nhau đi.” Khi xấp giấy đến chỗ mình, tôi liền đọc câu hỏi:

Làm sao các em, đặc biệt là em, có thể thoát khỏi mê hồn trận khổ sở này? Sau khi đã đánh vật với ba truyền thống tôn giáo cơ bản, hãy áp dụng tâm hồn vừa được khai sáng của các em với câu hỏi từ Alaska.

Sau khi ra đề thi, Ông Già nói, “Các em không cần chú trọng vào việc thảo luận quan điểm của những tôn giáo khác nhau trong luận văn, nên đừng tốn công nghiên cứu. Kiến thức của các em, hoặc không, đã được thể hiện trong những bài kiểm tra nhỏ suốt học kì này. Tôi rất muốn xem các em sẽ làm thế nào đưa được những đau khổ khó nói vào sự thấu hiểu thế giới của mình, và làm thế nào để sống tiếp với chúng.

“Năm tới, đặt trường hợp phối tôi còn tốt, chúng ta sẽ học về Lão Giáo, Hidu Giáo và Do Thái Giáo...” Ông Già ho và rồi bắt đầu cười, thế là lại ho tiếp. “Lạy Chúa, có lẽ tôi sẽ không sống nổi. Nhưng tôi muốn nói một điều về ba truyền thống chúng ta đã học năm nay. Hồi Giáo, Thiên Chúa Giáo và Phật Giáo đều có những người sáng lập—Muhammad, Giê-su và Đức Phật. Và khi nghĩ về những người sáng lập này, tôi tin chắc chúng ta phải hiểu rằng mỗi người đều mang theo thông điệp về cội nguồn hi vọng. Từ thế kỉ thứ bảy ở Ả-rập, Muhammad đã trao ban lời hứa rằng bất kì ai cũng có thể tìm thấy hạnh phúc và sự sống miên viễn qua lòng trung thành với một Đấng quyền năng duy nhất. Đức Phật cho ta hi vọng rằng có thể vượt qua đau khổ. Giê-su gửi đến thông điệp rằng kết thúc sẽ là mở đầu, rằng thậm chí những người thu thuế và phong cùi, những kẻ bị xã hội ruồng bỏ vẫn tạo nên hi

vọng. Và đây chính là câu tôi muốn hỏi cả lớp trong bài thi cuối kì: Đây là thứ tạo nên hi vọng của các em?

Khi tôi trở về Phòng 43, Đại Tá đang hút thuốc trong phòng, dù tôi vẫn còn một tối rửa chén trong căn-tin để bù lại tội hút thuốc của mình, tôi cũng không sợ Đại Bàng cho lắm. Chúng tôi còn mười lăm ngày nữa, và nếu bị bắt, chúng tôi chỉ cần bắt đầu năm lớp mười hai với vài giờ lao động công ích. “Vậy chúng ta làm thế nào để thoát khỏi mê hồn trận khổ sở này hả, Đại Tá?” tôi hỏi.

“Giá mà tao biết được,” gã nói.

“Câu đó sẽ không giúp mày được điểm A đâu.”

“Nó cũng chẳng giúp linh hồn tao siêu thoát.”

“Hoặc linh hồn cô ấy,” tôi nói.

“Phải. Tao lại quên nó đấy.” Gã lắc đầu. “Chuyện này diễn ra hoài.”

“Ờ, mày phải viết *cái gì đó đi*,” tôi thuyết phục.

“Sau tất cả, có vẻ như thắng và nhanh là lối thoát duy nhất đối với tao—nhưng tao chọn mê hồn trận. Cái mê hồn trận chết giẫm, nhưng tao chọn nó.”

một trăm ba mươi sáu ngày sau

HAI TUẦN SAU, tôi vẫn chưa hoàn thành luận văn cho Ông Già, và chỉ còn hai mươi bốn tiếng nữa là kết thúc học kỳ. Tôi đang đi bộ về nhà sau bài thi cuối cùng, một trận khổ chiến nhưng cực kỳ (tôi mong vậy) thành công với môn toán học dự bị sẽ mang đến cho tôi con B-trừ tôi hằng khao khát. Ngoài trời lại oi bức, ấm áp như cô ấy đã từng. Và tôi cảm thấy ổn. Ngày mai, cha mẹ sẽ đến và dọn đồ giúp tôi, và chúng tôi sẽ dự lễ tốt nghiệp rồi về Florida. Đại Tá sẽ về nhà với mẹ gã để ngắm đậu nành mọc suốt mùa hè, nhưng tôi có thể gọi đường dài cho gã, nên hai đứa sẽ nói chuyện thường

xuyên. Takumi sẽ về Nhật nghỉ hè, và Lara lại được lái về nhà trong chiếc xe limo xanh lá lần nữa. Tôi đang nghĩ rằng thật ra cũng khá ổn khi không biết Alaska đã ở đâu và đi đâu vào đêm đó, đoạn tôi mở cửa phòng và phát hiện một miếng giấy được gấp lại trên sàn nhà lót vải sơn. Nó là một tờ giấy văn phòng màu xanh chuối. Phía trên viết bằng lối chữ thư pháp:

Từ Bàn của... Takumi Hikohito

Bé Bự/Đại Tá:

Tao xin lỗi vì đã không nói với tụi mày trước. Tao sẽ không ở lại dự lễ tốt nghiệp. Sáng mai tao sẽ về Nhật Bản. Suốt một thời gian dài, tao đã rất giận tụi mày. Cách tụi mày gạt tao ra khỏi mọi thứ khiến tao bị tổn thương, và tao đã giữ kín những gì tao biết cho riêng mình. Nhưng kể cả khi không còn giận nữa, tao vẫn không nói gì, và chính tao cũng không hiểu vì sao. Bé Bự có nụ hôn ấy, tao đoán thế. Và tao có bí mật này.

Tụi mày gần như biết hết rồi, nhưng sự thật là tối đó tao đã thấy cô ấy. Tao thức khuya cùng Lara và vài người khác và rồi tao ngủ gật và tao nghe tiếng cô ấy khóc ở ngoài cửa sổ sau phòng. Lúc đó tầm 3:15 sáng, chắc vậy, và tao ra ngoài và thấy cô ấy đang băng qua sân bóng. Tao cố bắt chuyện, nhưng cô ấy đang vội. Cô ấy nói với tao rằng mẹ cô ấy đã chết vào ngày này tám năm trước, và cô ấy luôn đặt hoa trên mộ mẹ vào ngày giỗ, nhưng năm nay lại quên mất. Cô ấy đang ở ngoài đó tìm hái hoa, nhưng tiết trời còn quá sớm—quá lạnh. Đây là lí do tao biết về ngày 10 tháng 1. Tao vẫn không rõ liệu đấy có phải tự tử hay không.

Cô ấy rất buồn, và tao không biết phải nói hay làm gì. Tao nghĩ cô ấy coi tao là người duy nhất luôn nói và làm những điều đúng đắn để giúp cô ấy, nhưng tao đã không thể. Tao chỉ biết cô ấy đang tìm những bông hoa. Tao không biết cô ấy sẽ rời đi. Cô ấy say rượu, say không biết trời trăng, và tao thật sự không nghĩ cô ấy sẽ

lái xe hay gì hết. Tao tưởng cô ấy sẽ chỉ khóc cho tới khi thiếp đi và lái xe đến viếng mộ mẹ vào sáng hôm sau hoặc đại loại. Cô ấy bỏ đi, rồi tao nghe tiếng xe nổ máy. Tao không biết mình đang nghĩ gì nữa.

Nên tao cũng đã để cô ấy đi. Và tao xin lỗi. Tao biết mày yêu cô ấy. Thật khó cầm lòng.

Takumi

Tôi chạy ra khỏi phòng, giống như chưa từng hút một điếu thuốc, giống như tôi đã chạy với Takumi vào Đêm Chuồng Bò, băng qua ký túc xá đến phòng của cậu ta, nhưng Takumi đã biến mất. Giường của cậu ta chỉ còn đệm vinyl; bàn học trống trơn; một vạch bụi ở trên cho thấy nơi cậu ta từng đặt máy stereo. Cậu ta đã biến mất, và tôi không kịp nói với cậu ta điều mình vừa nhận ra: rằng tôi tha thứ cho cậu ta, rằng cô ấy tha thứ cho chúng tôi, và chúng tôi phải tha thứ để sống tiếp trong mê hồn trận. Rất nhiều người trong số chúng tôi phải sống với những thứ đã hoàn thành lẫn dang dở ngày hôm ấy. Những thứ không suôn sẻ, những thứ có vẻ ổn vào lúc đó vì chúng tôi không thể thấy trước tương lai. Phải chi chúng tôi có thể thấy được chuỗi hậu quả vô tận từ những hành động nhỏ nhất của mình. Nhưng chúng tôi không biết được và đến khi biết thì đã muộn.

Và trong lúc trở lại để đưa lá thư của Takumi cho Đại Tá, tôi đã nhận ra mình sẽ không bao giờ biết. Tôi sẽ không bao giờ biết rõ Alaska để hiểu được suy nghĩ của cô ấy trong những phút cuối đời, không bao giờ biết có phải cô ấy đã cố tình bỏ chúng tôi ở lại hay không. Nhưng sự-không-biết ấy sẽ không khiến tôi ngừng quan tâm, và tôi sẽ luôn yêu Alaska Young, cô hàng xóm mục ruỗng, với trái tim mục ruỗng trong mình.

Tôi về Phòng 43, nhưng Đại Tá vẫn chưa về, nên tôi để tờ giấy lên giường tầng trên và ngồi xuống trước máy tính, và tôi viết cách thoát khỏi mê hồn trận của mình:

Một thời gian dài trước khi đến đây, em đã nghĩ rằng cách thoát ra khỏi mê hồn trận là giả vờ rằng nó không tồn tại, là dựng nên một thế giới nhỏ bé, vừa đủ cho mình trong góc khuất của mê cung vô tận và giả vờ rằng em không lạc đường mà đang ở nhà. Nhưng điều đó chỉ dẫn tới một cuộc sống cô độc chỉ có thể bầu bạn cùng những lời trăng trối của người chết, nên em đến đây để tìm Cơ Hội Lớn, tìm những người bạn thật sự và một cuộc đời hơn-cả-nhỏ-bé. Và rồi em phạm sai lầm và Đại Tá phạm sai lầm và Takumi phạm sai lầm và cô ấy trượt khỏi tầm tay chúng em. Và không thể bao biện gì nữa: Cô ấy xứng với những người bạn tốt hơn.

Khi cô ấy phạm sai lầm, rất nhiều năm về trước, khi chỉ là một cô bé tê liệt vì hoảng sợ, cô ấy đã suy sụp thành con người bí ẩn hiện giờ. Và em đã có thể làm thế, nhưng em đã trở mắt nhìn nó dẫn cô ấy đi đâu. Nên em vẫn sẽ tin vào Cơ Hội Lớn, và em tin vào nó dù đã mất Alaska.

Bởi em sẽ quên cô ấy, đúng vậy. Những gì hợp nhất rồi sẽ vỡ tan trong sự vô hình chậm rãi, và em sẽ quên, nhưng cô ấy sẽ tha thứ cho sự lãng quên của em, như em đã tha thứ cho cô ấy vì đã quên em và Đại Tá và mọi người ngoại trừ bản thân và mẹ mình trong những phút cuối còn là con người. Giờ đây em biết cô ấy tha thứ cho em vì đã ngu ngốc và hèn nhát và làm những điều ngu ngốc và hèn nhát. Em biết cô ấy sẽ tha thứ cho em, như mẹ cô ấy đã tha thứ cho cô ấy. Và em biết như thế này:

Ban đầu em nghĩ rằng cô ấy đơn giản là đã chết. Chỉ toàn bóng đêm. Một cái xác bị dòi bọ ăn mòn. Em nghĩ về cô ấy như thế rất nhiều, như bữa ăn của một thứ gì đó. Những gì từng thuộc về cô ấy, đôi mắt xanh, nụ cười nửa miệng, những đường cong mềm mại trên chân sẽ sớm tan vào hư vô, chỉ còn lại bộ xương em không bao giờ nhìn thấy. Em nghĩ về quá trình trở thành xương cốt chậm chạp và rồi hóa thạch rồi đến mỏ than đá, trong hàng triệu năm tới,

sẽ bị con người ở tương lai khai quật, và cách họ sưởi ấm nhà cửa với cô ấy, và cô ấy sẽ biến thành làn hơi bốc lên từ ống khói, bao phủ không khí. Em vẫn nghĩ rằng, thi thoảng, nghĩ rằng có lẽ “sự sống sau cái chết” chỉ là thứ chúng ta tưởng tượng ra để xoa dịu nỗi đau mất mát, để giúp cho thời gian ở mê hồn trận dễ chịu hơn. Có lẽ cô ấy chỉ là một thể vật chất, và vật chất thì sẽ được tái chế.

Nhưng cuối cùng em vẫn không tin rằng cô ấy chỉ đơn thuần là vật chất. Những gì còn lại của cô ấy cũng phải được tái chế. Em tin rằng giờ đây chúng ta đã vĩ đại hơn toàn bộ bản thể của mình. Nếu thầy lấy gen di truyền của Alaska và cộng thêm kinh nghiệm sống của cô ấy và những mối quan hệ cô ấy có với người khác, và rồi lấy đi kích thước và hình dáng cơ thể của cô ấy, thầy sẽ không hiểu được cô ấy. Còn một thứ hoàn toàn khác. Một phần trong cô ấy vĩ đại hơn tất cả những gì chúng ta đã biết. Và phần ấy sẽ phải đi đến một nơi nào đó, vì nó không thể bị phá hủy.

Dù em không phải là một đứa chuyên ngành khoa học, nhưng có một điều em đã học được từ môn đó, chính là năng lượng không bao giờ tự nhiên sinh ra hay mất đi. Và nếu Alaska tự tử, em ước gì mình đã có thể trao cho cô ấy niềm hi vọng này. Quên chuyện về mẹ, phạm sai lầm với mẹ và bạn bè và chính bản thân cô ấy—đấy là những điều khủng khiếp, nhưng cô ấy không cần phải thu người vào và tự hủy hoại bản thân. Những điều khủng khiếp ấy có thể vượt qua được, vì chúng em thật sự bất bại khi chúng em tin vào bản thân. Khi người lớn nói, “Bọn trẻ ranh cứ nghĩ rằng chúng bất bại,” với nụ cười mỉa mai, xuân ngốc ấy trên khuôn mặt, họ không biết họ đã nói đúng. Chúng em không bao giờ cần phải thất vọng, vì chúng em sẽ không bao giờ tổn thương đến mức khó chữa lành. Chúng em nghĩ rằng mình bất bại bởi vì chúng em là *như thế*. Chúng em không thể được sinh ra, và chúng em sẽ không thể chết đi. Như mọi nguồn năng lượng, chúng em chỉ có thể thay đổi hình thể và kích thước và sự hiện hữu. Những

người lớn đã quên chuyện đó khi họ già đi. Họ sợ thua cuộc và thất bại. Nhưng phần tinh thần đó của chúng em vĩ đại hơn toàn bộ bản thể không thể bắt đầu hay kết thúc, nên nó sẽ không thể gục ngã.

Nên em biết cô ấy sẽ tha thứ cho em, như em tha thứ cho cô ấy. Lời trăng trối của Thomas Edison là: “Ở bên ấy rất đẹp.” Em không biết đấy là nơi nào, nhưng em tin rằng nó tồn tại, và em mong nó thật đẹp.

Lời kết cho những lời kết

CŨNG NHƯ BÉ BỤ HALTER, tôi bị hấp dẫn bởi những lời trắng trối. Với tôi, điều này bắt đầu khi tôi mười hai tuổi. Khi đọc một cuốn sách lịch sử, tôi bắt gặp lời trắng trối của Tổng Thống John Adams: “Thomas Jefferson vẫn còn sống.” (Nhưng bất ngờ thay, ông ấy đã chết. Jefferson qua đời cùng ngày nhưng sớm hơn, ngày 4 tháng 7, 1826; lời trắng trối của Jefferson là “Hôm nay là ngày Bốn?”)

Tôi không biết vì sao mình vẫn còn hứng thú với những lời trắng trối hoặc tại sao tôi chưa bao giờ ngừng tìm kiếm chúng. Đúng là tôi rất thích lời trắng trối của John Adam hồi mười hai tuổi. Nhưng tôi cũng rất thích cô bé tên Whitney này. Phần lớn tình yêu không kéo dài mãi mãi. (Nhất là Whitney. Tôi thậm chí còn không thể nhớ nổi họ của cô ấy.) Nhưng vài trường hợp thì có.

Một điều khác mà tôi không biết chính là liệu tất cả những lời trắng trối được trích dẫn trong cuốn sách này có chính xác hay không, về cơ bản, những lời trắng trối rất khó để xác nhận. Nhân chứng lúc nào cũng xúc động, thời điểm bị gộp lại, và bản thân người nói đã không còn để giải thích mọi tranh cãi. Tôi đã cố viết cho chính xác, nhưng thật chẳng bất ngờ mấy khi vẫn còn tranh cãi vây quanh hai trích dẫn trung tâm trong *Đi tìm Alaska*.

SIMÓN BOLÍVAR

“Làm sao ta thoát khỏi mê hồn trận này đây!”

Trong thực tế, “Làm sao ta thoát khỏi mê hồn trận này đây!” không hẳn là lời trắng trối của Simón Bolívar (dù đúng là ông ấy, về mặt lịch sử, đã nói câu đó.) Lời trắng trối của ông ấy có thể là “José! Đem hành lí tới đây. Họ không muốn chúng ta ở lại.” Nguồn tin chủ yếu của “Làm sao ta thoát khỏi mê hồn trận này đây!” cũng là nguồn tin của Alaska, cuốn sách *Tướng quân giữa Mê Hồn Trận* của Gabriel García Márquez.

FRANÇOIS RABELAIS

“Ta đi để tìm Cơ Hội Lớn.”

François Rabelais được kể lại cùng bốn lời trắng trối khác nhau. Cuốn sách *Ghi chép tử vong của Oxford* trích dẫn lời trắng trối của ông thành: (a) “Ta đi để tìm Cơ Hội Lớn”; (b) (sau khi được thụ lễ xúc dầu) “Ta đánh bóng giày cho hành trình cuối cùng”; (c) “Hạ màn xuống, vở kịch đã kết thúc”; (d) (khoác áo choàng domino lên người, hoặc áo có mũ trùm) “*Beati qui in Domino moriuntur.*” Câu cuối cùng, không ngờ lại là một trò chơi chữ^[1], nhưng vì ấy là lối chơi chữ Latin nên nó hiếm khi được trích dẫn. Dù sao đi nữa, tôi đã bỏ qua (d) vì thật khó tưởng tượng ra một François Rabelais đang hấp hối lại có đủ sức để nghĩ ra một câu chơi chữ tổn sức, *bằng tiếng Latin*. (c) là câu trích dẫn phổ biến nhất, vì nó hài hước, và tất cả mọi người đều là tín đồ của những lời trắng trối hài hước.

Tôi vẫn giữ nguyên chính kiến rằng lời trắng trối của Rabelais là “Ta đi để tìm Cơ Hội Lớn,” phần vì cuốn sách khá có căn cứ của Laura Ward *Những Lời Trắng Trối Nổi Tiếng* đồng ý với tôi, và phần vì tôi tin vào nó. Tôi đã được sinh ra trong mê hồn trận của Bolívar, nên tôi phải tin vào hi vọng tìm thấy Cơ Hội Lớn của Rabelais.

Để biết thêm thông tin và nguồn gốc của những trích dẫn khác trong cuốn sách, xin hãy ghé xem trang Web của tôi: www.sparksflyup.com.

[1] Câu này có thể hiểu theo cả hai nghĩa là “Phúc cho ai chết trong danh Chúa” và “Phúc cho ai chết trong tấm áo choàng.”

Table of Contents

Lời cảm ơn

(Untitled)

một trăm ba mươi sáu ngày trước

một trăm hai mươi tám ngày trước

một trăm hai mươi bảy ngày trước

một trăm hai mươi sáu ngày trước

một trăm hai mươi hai ngày trước

một trăm mười ngày trước

một trăm lẻ chín ngày trước

một trăm lẻ tám ngày trước

một trăm lẻ một ngày trước

một trăm ngày trước

chín mươi chín ngày trước

chín mươi tám ngày trước

tám mươi chín ngày trước

tám mươi bảy ngày trước

tám mươi bốn ngày trước

bảy mươi sáu ngày trước

sáu mươi bảy ngày trước

năm mươi tám ngày trước

năm mươi hai ngày trước

năm mươi một ngày trước

Bốn mươi chín ngày trước

Bốn mươi bảy ngày trước

Bốn mươi sáu ngày trước

Bốn mươi bốn ngày trước

giáng sinh

tám ngày trước

Bốn ngày trước

ba ngày trước
hai ngày trước
một ngày trước
ngày cuối cùng
ngày hôm sau
hai ngày sau
bốn ngày sau
sáu ngày sau
bảy ngày sau
tám ngày sau
chín ngày sau
mười ba ngày sau
mười bốn ngày sau
hai mươi ngày sau
hai mươi một ngày sau
hai mươi bảy ngày sau
hai mươi tám ngày sau
hai mươi chín ngày sau
ba mươi bảy ngày sau
bốn mươi lăm ngày sau
bốn mươi sáu ngày sau
năm mươi một ngày sau
sáu mươi hai ngày sau
sáu mươi chín ngày sau
tám mươi ba ngày sau
tám mươi bốn ngày sau
một trăm lẻ hai ngày sau
một trăm mười bốn ngày sau
một trăm mười tám ngày sau
một trăm mười chín ngày sau
một trăm hai mươi hai ngày sau
một trăm ba mươi sáu ngày sau

[Lời kết cho những lời kết](#)